BỘ GIÁO DỤC VÀO ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐẶNG THỊ HỒNG LIÊN

QUAN HỆ HỦA PHĂN (LÀO) - SƠN LA (VIỆT NAM) TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2012

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
Mã số: 62.22.03.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Văn Ngọc Thành
2. TS. Nguyễn Thị Huyền Sâm

Hà Nội - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án là trung thực. Các tài liệu tham khảo, trích dẫn có xuất xứ rõ ràng. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

Tác giả

Đặng Thị Hồng Liên

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	Association of South East Asian Nations	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
ACMECS	Ayeyarwady- Chao Phraya - Mekong	Tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế
BCH BĐBP		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng
BTL		Bộ Tư lệnh
CHDCND		Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
CHXHCN		Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CHND		Cộng hòa nhân dân
CHQS		Chỉ huy Quân sự
EWEC	East - West Economic Corridor	Hành lang kinh tế Đông - Tây
KHXH		Khoa học xã hội
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GMS	Greater Mekong Subregion	Hợp tác tiểu vùng Mê kông mở rộng
NDCM		Nhân dân cách mạng
PTNT		Phát triển nông thôn
TTLTQGIII		Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III
UBND		Ủy ban Nhân dân
UBLH		Ủy ban Liên hợp
WB	World Bank	Ngân hàng thế giới

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án 3
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu 4
5. Đóng góp của luận án.....5
6. Bố cục của luận án 6
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 7
1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án 7
1.1.1. Các công trình của các nhà nghiên cứu Việt Nam 7
1.1.2. Các công trình của các nhà nghiên cứu Lào 17
1.1.3. Các công trình của các nhà nghiên cứu phương Tây 20
1.2. Những vấn đề đã được nghiên cứu và chưa được nghiên cứu.....23
1.3. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu, giải quyết 24
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CỦA MỐI QUAN HỆ GIỮA HAI TỈNH HỦA PHĂN (LÀO) VÀ SƠN LA (VIỆT NAM).....25
2.1. Cơ sở địa - chính trị, kinh tế.....25
2.2. Cơ sở dân cư và văn hóa 30
2.2.1. Cộng đồng cư dân ở Hủa Phăn và Sơn La 30
2.2.2. Sự tương đồng về văn hóa.....32
2.3. Cơ sở lịch sử.....34
2.3.1. Quan hệ Lào - Việt Nam trước năm 1975.....34
2.3.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trước năm 1975.....37
2.4. Cơ sở lợi ích 47
2.5. Chủ trương, chính sách của hai đảng, hai nhà nước về quan hệ Lào - Việt Nam (1975 - 2012).....49
Tiểu kết chương 2.....54

CHƯƠNG 3. QUAN HỆ HỦA PHĂN - SƠN LA GIAI ĐOẠN 1975 - 1986 55
3.1. Các nhân tố tác động đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La (1975 - 1986) 55
3.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực (1975 - 1986) 55
3.1.2. Bối cảnh Lào, Việt Nam và quan hệ giữa hai nước (1975 - 1986) 56
3.1.3. Đặc điểm tình hình và chủ trương đối ngoại của hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La (1975 - 1986).....61
3.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trên các lĩnh vực (1975 - 1986).....63
3.2.1. Chính trị, quốc phòng, an ninh, công tác biên giới 63
3.2.2. Kinh tế 72
3.2.3. Văn hóa, giáo dục và y tế 78
Tiểu kết chương 3.....83
CHƯƠNG 4. QUAN HỆ HỦA PHĂN - SƠN LA GIAI ĐOẠN 1986 - 2012 84
4.1. Các nhân tố tác động đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La (1986 - 2012).....84
4.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực (1986 - 2012) 84
4.1.2. Bối cảnh Lào, Việt Nam và bước phát triển của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam (1986 - 2012) 86
4.1.3. Đặc điểm tình hình và chính sách phát triển mối quan hệ của hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La (1986 - 2012) 89
4.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trên các lĩnh vực (1986 - 2012).....92
4.2.1. Chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới 92
4.2.2. Kinh tế 104
4.2.3. Văn hóa, giáo dục và y tế 111
Tiểu kết chương 4.....119
CHƯƠNG 5120 NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ HỦA PHĂN - SƠN LA TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2012 120
5.1. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012: Thành tựu và nguyên nhân 120
5.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012: hạn chế và nguyên nhân 125

5.3. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 phát triển qua hai giai đoạn: 1975 - 1986, 1986 - 2012 130
5.4. Sự tương tác giữa quan hệ Hủa Phăn - Sơn La với quan hệ "đặc biệt", "toàn diện" Lào - Việt Nam 134
5.5. Chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới là những lĩnh vực hợp tác nổi bật trong quan hệ toàn diện Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012.....140
5.6. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có nhiều điểm tương đồng với quan hệ giữa các địa phương Lào - Việt Nam có chung đường biên giới.....142
Tiểu kết chương 5.....146
KẾT LUẬN 147
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ 151
TÀI LIỆU THAM KHẢO 152
PHỤ LỤC 1

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lào và Việt Nam là hai nước láng giềng gần gũi và tin cậy của nhau trên bán đảo Đông Dương, có truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau từ lâu đời. Chiều dài đường biên giới trên 2000 km giữa hai nước không chỉ là cơ sở địa lý gắn kết quan hệ Lào - Việt Nam mà còn tạo ra sự gắn kết giữa các địa phương có chung đường biên giới giữa hai quốc gia, trong đó có Hủa Phăn và Sơn La. Đây là hai tỉnh có chung 210 km đường biên giới, Hủa Phăn nằm ở phía Đông Bắc Lào, Sơn La nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam, là những vị trí chiến lược của hai quốc gia, mọi sự biến đổi của hai tỉnh biên giới này đều ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh mỗi nước.

Mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam hình thành do yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, chống kẻ thù chung, từ yêu cầu xây dựng phát triển đất nước của hai dân tộc qua các giai đoạn lịch sử. Quan hệ Lào - Việt Nam chuyển từ "*Quan hệ truyền thống*" sang "*Quan hệ đặc biệt*" khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời năm 1930, phát triển thành "*Quan hệ đoàn kết đặc biệt", "Liên minh chiến đấu*" trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của hai dân tộc. Từ năm 1975 đến nay, thế giới và khu vực có nhiều biến đổi, cuộc Chiến tranh lạnh đã khiến ASEAN từng bị chia rẽ. Tuy nhiên, xu thế toàn cầu hóa và liên kết khu vực cùng với sự nỗ lực không ngừng, Việt Nam, Lào, Campuchia lần lượt gia nhập tổ chức ASEAN, mở ra cơ hội mới trong quan hệ giữa ba nước nói chung, quan hệ Lào - Việt Nam nói riêng. Đồng thời, từ năm 1975 đến năm 2012, là thời kỳ Lào, Việt Nam có bước tiến mạnh, nhưng cũng đứng trước nhiều thách thức của xu thế toàn cầu, hội nhập và mở cửa. Những chuyển biến có tính chất bước ngoặt này tác động sâu sắc đến sự vận động của quan hệ giữa hai nước Lào - Việt Nam cũng như quan hệ giữa các địa phương có chung đường biên giới của hai quốc gia. Quan hệ Lào - Việt Nam vận động, tiến triển theo chiều hướng như thế nào? Sự tương tác giữa quan hệ Quốc gia - địa phương; địa phương - Quốc gia được thể hiện ra sao? Động lực nào chi phối sự vận động, phát triển của các mối quan hệ này? Vị trí, vai trò của quan hệ cấp địa phương với cấp quốc gia và ngược lại?... Đây là những vấn đề cấp thiết đặt ra cho quá trình nghiên cứu.

Đặc biệt, quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 là một trường hợp tương đối điển hình cho quan hệ giữa các địa phương có

chung đường biên giới của hai nước Lào - Việt Nam. Những thành tựu, hạn chế trong quan hệ giữa hai tỉnh trên các lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế đều có tác động qua lại với quan hệ hai nước. Bởi vậy, nghiên cứu "*Quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012"* là cần thiết và là vấn đề mang tính lí luận, khoa học và thực tiễn sâu sắc:

Về lý luận: Việc nghiên cứu đề tài sẽ góp phần làm rõ thêm mối quan hệ tương tác giữa các địa phương trong tổng thể quan hệ giữa quốc gia này với quốc gia khác; làm rõ vị trí mối quan hệ giữa các địa phương trong quan hệ giữa các nước trên thế giới, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay.

Về khoa học: Nghiên cứu đề tài sẽ góp phần làm sáng tỏ những nội dung quan trọng trong quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh từ năm 1975 đến năm 2012. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ làm rõ thành quả, hạn chế trong quan hệ hợp tác song phương giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La, bước phát triển, điểm chung, điểm riêng của mối quan hệ này trong so sánh với quan hệ giữa các địa phương khác của hai nước, cũng như chỉ ra tầm quan trọng của mối quan hệ Hủa Phăn - Sơn La với quan hệ Lào - Việt Nam. Đề tài bổ sung thêm những tư liệu mới cho quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước Lào - Việt Nam trong giai đoạn mới.

Về thực tiễn: Nghiên cứu đề tài sẽ cung cấp những luận chứng, luận cứ khoa học nhằm khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa to lớn của việc củng cố, tăng cường hợp tác giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở cho việc hoạch định và thực thi chính sách của Hủa Phăn và Sơn La nói riêng, Việt Nam, Lào nói chung trong việc tăng cường hợp tác giữa hai bên trong thời gian tới.

Xuất phát từ ý nghĩa lý luận, khoa học và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu sinh chọn vấn đề **"*Quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012*"** làm đề tài nghiên cứu cho Luận án Tiến sĩ Lịch sử.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là thông qua việc hệ thống hóa, phân tích, đánh giá một cách toàn diện quá trình phát triển, thành tựu cũng như hạn chế của quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012, làm rõ điểm chung, điểm riêng của mối quan hệ này trong quan hệ giữa các địa phương của hai quốc gia Lào,

Việt Nam. Qua đó, làm rõ sự vận động của quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 trong sự tương tác với quan hệ hai nước cũng như vị trí, vai trò của quan hệ này đối với quan hệ Lào - Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để thực hiện mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu dưới đây:

- Phân tích những cơ sở của mối quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam).

- Phân tích các nhân tố tác động đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La qua từng giai đoạn.

- Làm rõ quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La trên các lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế qua hai giai đoạn: 1975 - 1986; 1986 - 2012.

- Đánh giá những thành tựu, hạn chế, rút ra nhận xét về quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La trong những năm 1975 - 2012.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam) trên các lĩnh vực: chính trị, quốc phòng - an ninh, công tác biên giới, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế từ năm 1975 đến năm 2012.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi thời gian: Luận án nghiên cứu từ năm 1975 đến năm 2012. Năm 1975, Lào, Việt Nam giành độc lập hoàn toàn, cùng bắt tay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là mốc lịch sử quan trọng đối quan hệ giữa hai nhà nước nói chung và quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La nói riêng. Quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La bước sang trang mới: quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện, cùng tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, mốc 1975 được chọn làm điểm xuất phát cho đề tài nghiên cứu.

Luận án lựa chọn mốc 1986 để chia giai đoạn cho quá trình nghiên cứu, thời điểm năm này cũng đánh dấu sự kiện quan trọng của hai nhà nước Lào, Việt Nam, cùng thực hiện đường lối đổi mới. Trong bối cảnh này, mối quan hệ giữa hai tỉnh có những bước phát triển hơn trước, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế.

Năm 2012, Chính phủ hai nước Việt Nam, Lào thống nhất chọn Hủa Phăn và Xiêng Khoảng làm điểm về "*Chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào đến năm 2020*". Đây là cơ sở quan trọng thúc đẩy quan hệ giữa tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn nói riêng, quan hệ hai nước Việt Nam và Lào nói chung. Đồng thời, là tiền đề để Hủa Phăn phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, luận án lựa chọn mốc thời gian này cho điểm kết thúc nội dung nghiên cứu.

Về phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu trên không gian hai tỉnh có chung đường biên giới là Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam). Đây là hai tỉnh miền núi phía Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam đều có vị trí chiến lược quan trọng của hai nước. Dựa trên nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, truyền thống lịch sử, ngôn ngữ… hai tỉnh đã có quan hệ từ rất sớm và xuyên suốt chiều dài lịch sử của hai dân tộc. Ngoài ra, đề tài còn đề cập đến một số địa phương khác của Lào và Việt Nam.

Về phạm vi nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn 1975 - 2012 trên các phương diện: chính trị, an ninh - quốc phòng, công tác biên giới, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ của luận án, chúng tôi tập trung khai thác và sử dụng những nguồn tư liệu chủ yếu sau:

- *Tư liệu gốc*: Luận án dựa trên hai nguồn tư liệu gốc chủ yếu bằng tiếng Lào và tiếng Việt.

Các văn kiện của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam và các bài viết, bài phát biểu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ hai nước Lào và Việt Nam.

Các văn kiện của Đảng bộ và chính quyền hai tỉnh Hủa Phăn (Lào), Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012.

Các hiệp ước, hiệp định, nghị định thư, thỏa thuận hợp tác giữa nước CHDCND Lào và CHXHCN Việt Nam; các biên bản ghi nhớ, biên bản hội đàm, biên bản làm việc giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012.

Các báo cáo sơ kết, tổng kết công tác hợp tác của tỉnh Sơn La với tỉnh Hủa Phăn và ngược lại của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Sở Ngoại vụ, các ban, ngành, địa phương từ năm 1975 đến năm 2012.

- Tài liệu tham khảo

Để hoàn thành luận án, tác giả còn tham khảo các tài liệu như: sách, công trình nghiên cứu chuyên khảo, báo, tạp chí (Nghiên cứu Đông Nam Á, Nghiên cứu Lịch sử, Nghiên cứu Quốc tế…) và một số luận án Tiến sĩ Lịch sử về quan hệ Lào - Việt Nam để góp phần giải quyết những nội dung của đề tài.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số bài viết trên các báo điện tử, bản tin, website có liên quan.

4.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên quan điểm, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về quan hệ quốc tế làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu.

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài là phương pháp lịch sử, phương pháp logic và phương pháp nghiên cứu khu vực học. Trong đó, phương pháp tiếp cận tư liệu; phân loại tư liệu; xử lý, phê phán tư liệu; khai thác các tư liệu gốc… được chú trọng để phục dựng đầy đủ các cơ sở hình thành, quá trình phát triển quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La theo đúng trình tự như đã diễn ra trong thực tế, đồng thời thấy được tính liên tục, các mặt, các yếu tố trong quá trình vận động phát triển của mối quan hệ này. Trên cơ sở đó, Luận án sử dụng phương pháp logic để đánh giá thành tựu, hạn chế, rút ra nhận xét về quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam).

Bên cạnh đó, Luận án còn kết hợp một số phương pháp khác như: thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu quốc tế, xây dựng bảng biểu, biểu đồ, điền dã, phỏng vấn chuyên gia để giải quyết các nhiệm vụ mà đề tài đặt ra.

5. Đóng góp của luận án

Là công trình nghiên cứu có hệ thống đầu tiên ở Việt Nam về quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012, luận án có những đóng góp sau:

- Tổng kết, đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống về thành tựu, hạn chế, đặc điểm và vị thế của mối quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trong tổng thể quan hệ Lào - Việt nam từ năm 1975 đến năm 2012.

- Cung cấp cho người đọc một bức tranh toàn cảnh về quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế từ năm 1975 đến năm 2012 - một bức tranh thu nhỏ của mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam. Trên cơ sở đó, xác định rõ vị trí cũng như tầm quan trọng và sự tương tác của quan hệ giữa các địa phương đối với quan hệ hai nước Lào, Việt Nam.

- Bổ sung, cập nhật nguồn tư liệu và là tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, nghiên cứu lịch sử quan hệ Lào – Việt Nam nói chung và lịch sử địa phương hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La nói riêng. Đây cũng là nguồn tài liệu tốt cho việc nghiên cứu so sánh quan hệ giữa các địa phương giữa hai nước có chung đường biên giới và quan hệ Lào - Việt, đồng thời giúp ích cho các nhà hoạch định, thực thi chính sách và giới doanh nghiệp của hai nước, hai tỉnh đổi mới, mở rộng quan hệ hợp tác trong thời gian tới.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận án kết cấu gồm 5 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở của mối quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam)

Chương 3: Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn 1975 - 1986

Chương 4: Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn 1986 - 2012

Chương 5: Nhận xét về quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Các công trình của các nhà nghiên cứu Việt Nam

Về quan hệ giữa hai nước Lào và Việt Nam

"*Quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012*" là một biểu hiện sinh động của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam. Từ đó, quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La phải được xem xét trên bình diện của quan hệ hai nước Lào - Việt Nam. Vấn đề này được các nhà lãnh đạo, các học giả hai nước hết sức quan tâm.

Sau năm 1975, quan hệ Lào - Việt Nam phát triển trên tầm cao mới. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác kí kết giữa Việt Nam và Lào, ngày 18 tháng 7 năm 1977, mở ra một trang mới về quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Hiệp ước có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là cơ sở pháp lý vững chắc nhằm tăng cường, mở rộng mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước; đồng thời, bảo vệ nền độc lập của mỗi nước trong tình hình chính trị thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp. Hiệp ước, tạo cơ sở để hai bên tiến tới kí kết hàng loạt các thỏa thuận hợp tác giữa hai nước. Vì vậy, quan hệ Lào - Việt Nam tiếp tục là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu Lào và Việt Nam.

Năm 2006, Nguyễn Hùng Phi và Buasi Chalơnsúc cho ra mắt cuốn *Lịch sử Lào hiện đại tập 1,2*, do Nxb Chính trị Quốc gia xuất bản. Cuốn sách đã phục dựng lại quá trình đấu tranh giành độc lập, tự do của nhân dân Lào từ khi thực dân Pháp xâm lược năm 1893 cho đến công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Những thắng lợi của nhân dân Lào, sự phát triển của đất nước Lào luôn có sự phối hợp của người bạn láng giềng Việt Nam.

Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào phối hợp tổ chức *Hội thảo khoa học quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào* tại Viêng Chăn từ 28 - 29/6/2007. Ấn phẩm quan trọng của Hội thảo là kỷ yếu với chủ đề "*Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Lào*" do Nxb Khoa học Xã hội xuất bản năm 2007. Kỷ yếu tập hợp hơn 30 báo cáo của nhiều tác giả là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, lãnh đạo các bộ ngành, địa phương của Lào, các nhà khoa học công tác tại các viện nghiên cứu và trường đại học của hai nước Lào và Việt Nam. Các báo cáo đã phân tích một cách sâu sắc về quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai

nước, cả trong thời kì đấu tranh giành độc lập, tự do và thống nhất của nhân dân mỗi nước trước đây và trong công cuộc đổi mới xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Các nhà nghiên cứu hai nước đều khẳng định: tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam là mẫu mực hiếm có trong lịch sử quan hệ quốc tế. Sự đoàn kết ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau là một đòi hỏi khách quan, là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào, là tài sản vô giá mà Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước, từ thế hệ này đến thế hệ khác, có trách nhiệm gìn giữ và phát huy mãi mãi.

Năm 2007, Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam và Bộ Giao thông Vận tải, Bưu điện và Xây dựng Lào cho xuất bản cuốn "*Những con đường hữu nghị Việt - Lào*". Cuốn sách gồm những bài viết, tư liệu ghi lại những chặng đường lịch sử, những kỉ niệm sâu sắc, những thành tựu và bài học kinh nghiệm, qua đó nói lên ý nghĩa to lớn của sự hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải giữa hai nước. Việc hợp tác giữa hai ngành giao thông vận tải như đánh giá của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Bưu điện và Xây dựng Lào, Sommad Pholsena đã "*giúp hệ thống giao thông hai nước được kết nối với nhau một cách rộng rãi, ngoài ra còn có thể kết nối được với các nước trong khu vực*" "*Là điều kiện quan trọng để đưa CHDCND Lào từ nước không có bờ biển thành nước có tuyến hành lang kết nối với khu vực và góp phần giúp Lào thực hiện thắng lợi kế hoạch thoát khỏi nhóm các nước chậm phát triển vào năm 2020*". Những con đường lịch sử và hiện tại đã gắn kết thêm tình hữu nghị đoàn kết giữa hai nước Lào - Việt Nam. Đặc biệt, những tuyến đường Sốp Bâu - Mường Ét; Sốp Bâu - Pa Háng; Xiềng Khọ - Bản Đán - Chiềng Khương là tuyến đường nối kết tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La cũng được ghi dấu ấn sâu sắc trong bài viết của nguyên Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Bưu điện và Xây dựng Lào - Xay Pakasum với tiêu đề "*Những kỉ niệm khó quên về tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam*".

Nguyễn Thị Phương Nam, Luận án tiến sĩ Lịch sử, *Quan hệ Việt Nam - Lào từ 1975 đến 2005* (Hà Nội, 2007), thông qua nghiên cứu hai giai đoạn phát triển của quan hệ Việt Nam - Lào: 1975 - 1986; 1986 - 2005, tác giả luận án phân tích những thành tựu, hạn chế, rút ra đặc điểm của quan hệ Việt Nam - Lào qua so sánh với các cặp quan hệ song phương khác của hai nước. Tác giả khẳng định quan hệ Việt Nam - Lào là quan hệ chiến lược, bền vững với sự hội tụ đầy đủ những yếu tố đặc biệt mà

chưa có bất kỳ mối quan hệ nào có được. Đồng thời, tác giả luận án cũng chỉ ra nguyên nhân của thành tựu, tồn tại hạn chế và đề xuất 6 giải pháp để đẩy mạnh quan hệ hai nước.

Đức Vượng trong cuốn "*Cayxỏn Phômvihản tiểu sử và sự nghiệp*", Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008 đã nhấn mạnh mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào được bắt nguồn từ nền móng tư tưởng vững chắc do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản xây đắp. Cuốn sách đã phản ánh một cách trung thực cuộc đời hoạt động của nhà cách mạng Cayxỏn Phômvihản, những cống hiến to lớn của ông đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Lào, giành độc lập tự do cho Tổ quốc và trong công cuộc xây dựng đất nước Lào.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa X) và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (khóa VIII) đã quyết định tổ chức hợp tác cùng biên soạn công trình "*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào; Lào - Việt Nam (1930-2007)*". Công trình gồm có 6 sản phẩm: *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào; Lào - Việt Nam 1930 -2007*; *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007) - Bài viết của lãnh đạo Đảng, nhà nước; Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)- Văn kiện Đảng và Nhà nước*; *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007) - Biên niên sự kiện*; *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007) - Hồi ký*; tập Sách ảnh tư liệu và bộ phim "*Bản anh hùng ca quan hệ Việt - Lào*". Đây là công trình có quy mô lớn nhất từ trước tới nay về mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, được Bộ Chính trị và Ban Bí thư của hai Đảng trực tiếp chỉ đạo. Công trình được nghiên cứu, biên soạn công phu, mang tầm vóc lớn lao của mối quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai Nhà nước, hai dân tộc và nhân dân hai nước. Công trình đã tái hiện sinh động lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam; làm sáng tỏ quy luật tất yếu, khách quan hai dân tộc phải đoàn kết, nương tựa vào nhau, chống lại kẻ thù chung trong chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây và cùng nhau "chia ngọt sẻ bùi" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Công trình đã góp phần tổng kết, phân tích, đánh giá những đặc điểm của mối "quan hệ đặc biệt" và đúc kết những bài học kinh nghiệm, đồng thời gợi mở những

vấn đề vận dụng vào hiện tại và tương lai. Bộ sách thuộc công trình đặc biệt đã được Nxb Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2011, 2012.

Trong công trình trên, cuốn sách *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007),* Nxb Chính trị Quốc gia 2012, đã phản ánh một cách đầy đủ, hệ thống, khách quan mối quan hệ đặc biệt, liên minh chiến đấu giữa hai nước Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực, qua các giai đoạn lịch sử. Cuốn sách đã trình bày rõ những cơ sở hình thành quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, sự đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa nhân dân hai nước trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ từ năm 1930 đến năm 1975. Đồng thời cuốn sách trình bày một cách hệ thống thực trạng mối quan hệ Lào - Việt Nam từ năm 1976 đến năm 2007 trên các phương diện chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hóa… Từ đó, các tác giả tổng kết những thành quả cũng như ý nghĩa, bài học kinh nghiệm và triển vọng của mối quan hệ Lào - Việt Nam. Đây là cuốn sách tiếp cận với nguồn tư liệu gốc, phản ánh một cách trung thực và toàn diện về quan hệ hai nước Lào - Việt từ 1930 đến 2007.

Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Khoa học xã hội Quốc gia Lào hợp tác xuất bản Đặc san *Việt Nam - Lào 50 năm hợp tác và phát triển (1962 - 2012)* bằng hai thứ tiếng Việt Nam, Lào, bao gồm các bài viết nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học Việt Nam và Lào trên các lĩnh vực: quan hệ về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo. Tiêu biểu như: *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào* của Kim Ngọc; *Tình đoàn kết truyền thống Việt Nam - Lào trong lịch sử* của Nguyễn Hào Hùng; *Phát triển bền vững nông - lâm nghiệp ở Lào và khả năng hợp tác với Việt Nam* của Trương Duy Hòa; *50 năm quan hệ Lào - Việt Nam* của Sủn Thon Xay Nha Chắc; *Quan hệ và hợp tác đặc biệt trong phát triển giữa hai dân tộc Lào - Việt Nam* của Hỉn Phết Xay Nha Sip Phăn Đon… Những bài viết này, ở các khía cạnh khác nhau, đều luận giải và minh chứng cho thành tựu cũng như tính chất đặc biệt trong quan hệ Lào - Việt Nam.

Uông Minh Long (2012) với Luận án Tiến sĩ "*Quá trình bảo vệ, củng cố độc lập dân tộc của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên lĩnh vực đối ngoại từ năm 1975 đến năm 2010*" tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh đã khái quát 5 thành tựu đối ngoại có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc củng cố,

bảo vệ độc lập dân tộc của CHDCND Lào. Đồng thời, tác giả Luận án cũng chỉ ra một số kinh nghiệm trong công cuộc bảo vệ, củng cố nền độc lập của Lào cũng như đối với các nước đang phát triển. Đáng chú ý là những kinh nghiệm như: Nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa bảo vệ độc lập dân tộc và hội nhập quốc tế; lợi ích quốc gia luôn được đặt ở vị trí hàng đầu trong mục tiêu đối ngoại; phải xây dựng một chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, không lệ thuộc vào sự chi phối bên ngoài; xây dựng và thiết lập đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, chú trọng quan hệ láng giềng, khu vực và tạo thế cân bằng với các nước lớn. Những đúc rút này từ chính sách đối ngoại của CHDCND Lào, cho thấy, quan hệ Lào - Việt Nam cũng cần có những thay đổi cho phù hợp với tình hình mới.

Năm 2017, Trường Đại học Tây Bắc chủ biên cuốn Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18/7/1977 - 18/7/2017, do Nxb Đại học Huế xuất bản. Công trình tập hợp các bài viết về quan hệ Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa, lịch sử, giáo dục từ năm 1977 đến năm 2017. Hầu hết các bài viết đều nhấn mạnh sự hợp tác toàn diện, tính đặc biệt của quan hệ Lào - Việt Nam. Đặc biệt, trong tổng số 43 bài viết, có tới gần 20 bài viết về quan hệ hợp tác giữa các địa phương của hai quốc gia, gần với nội dung nghiên cứu của luận án.

Luận án Tiến sĩ Lịch sử, *Quá trình hợp tác Lào - Việt Nam trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ an ninh của Lào từ năm 1962 đến năm 2012* của Lê Quang Mạnh (năm 2017) đã làm rõ cơ sở khách quan hình thành, phát triển mối quan hệ hợp tác an ninh và tính tất yếu trong hợp tác an ninh giữa Lào và Việt Nam; phân tích thực tiễn quá trình hợp tác Lào - Việt Nam trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ an ninh của Lào từ năm 1962 đến năm 2012; đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ an ninh của Lào tại các cơ sở đào tạo, các cơ quan chức năng, công an các địa phương có chung đường biên giới với Lào thuộc Bộ Công an Việt Nam; rút ra một số bài học kinh nghiệm và đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác đào tạo, bồi dưỡng lực lượng an ninh giữa Lào và Việt Nam trong thời gian tiếp theo.

Về quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La

Theo dòng chảy lịch sử quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, Sơn La - Hủa Phăn cũng ngày một phát triển toàn diện, có những đóng góp nhất định trong sự nghiệp vun đắp tình hữu nghị Lào - Việt

Nam, Việt Nam - Lào. Đề cập trực tiếp đến quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn (Lào) và tỉnh Sơn La (Việt Nam), có thể kể đến một số công trình và bài viết tiêu biểu sau:

Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Sơn La đã biên soạn cuốn sách "*Lịch sử Bộ đội Biên phòng Sơn La Tập 1 (1959 - 2000)*", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 2004. Cuốn sách trình bày về vị trí địa lý tỉnh Sơn La, sự hình thành đường biên giới Việt Nam - Lào ở địa phận tỉnh Sơn La, đồng thời khái quát đặc điểm, vị trí chiến lược của khu vực biên giới tỉnh Sơn La. Cuốn sách cũng hệ thống quá trình thành lập và hoạt động của Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La, trong đó nội dung đáng chú ý liên quan đến luận án là quá trình giúp đỡ cách mạng Lào, phối hợp chiến đấu trên chiến trường Lào trong kháng chiến chống Mỹ và chiến tranh phá hoại của Mỹ. Đồng thời, việc hoạch định phân giới cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Lào cũng được trình bày khá cụ thể. Vì mục tiêu của cuốn sách là làm rõ sự hình thành, phát triển của Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La, nên những nội dung hợp tác với Bắc Lào trong lĩnh vực an ninh, biên giới chỉ được đề cập một cách hạn chế. Mặc dù vậy, đây là công trình quan trọng cho tác giả tham khảo, sử dụng các số liệu trong quá trình hoàn thành luận án.

Cuốn *Sơn La, Lịch sử kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La xuất bản năm 2004, đã dựng lại toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước trên địa bàn tỉnh, tái hiện lại toàn bộ hoạt động của toàn dân, toàn quân Sơn La dưới sự lãnh đạo của Đảng - trực tiếp là Tỉnh ủy Sơn La thời kì 1954 - 1975. Những hoạt động đó bao gồm các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội… Cuốn sách đã nhấn mạnh, trong thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 - 1975), Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Sơn La rất đỗi tự hào với những đóng góp lớn lao về sức người, sức của cho tiền tuyến, về cuộc chiến đấu đánh thắng không quân Mĩ, chi viện cho cách mạng Lào, bảo vệ vững chắc hậu phương Sơn La - Tây Bắc suốt 21 năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Trong kháng chiến chống Mĩ, Sơn La trở thành căn cứ địa của cách mạng Lào, quân dân Sơn La đã góp sức người sức của giúp Lào tiêu diệt lực lượng Vàng Pao, bọn phản động trong "Liên bang Thái lưu vong", chống Chiến tranh đặc biệt tăng cường của Mĩ ở Lào, giải phóng tỉnh Sầm Nưa,… Đây vừa là yếu tố khách quan, vừa là quy luật tồn tại và phát triển của hai nước Việt Nam - Lào nói chung, của Sơn La - Tây Bắc với Bắc Lào nói riêng. Điều

này được các tác giả nhấn mạnh thành bài học về tinh thần quốc tế cao cả, thủy chung, son sắt; thực hiện lời dạy của Bác Hồ "Giúp bạn là tự giúp mình".

Năm 2005, Tỉnh ủy Sơn La phối hợp với Nxb Chính trị Quốc gia, xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La tập III (1976 - 2000)*. Nội dung cuốn sách nêu lên thành tựu đạt được của Đảng bộ Sơn La lãnh đạo nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang trong tỉnh nỗ lực phấn đấu và lao động sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tạo ra sự biến đổi toàn diện đời sống xã hội cực kì quan trọng; khắc phục hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thời kì lãnh đạo nhân dân tỉnh Sơn La thực hiện thành công công cuộc đổi mới (1986 - 2000). Trong các thành tựu ấy, thành tựu về quan hệ giữa tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn luôn được Đảng bộ nhấn mạnh trong nội dung đối ngoại. Đảng bộ Sơn La xem *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào* ngày 18/7/1977, *Hiệp định về Việt Nam viện trợ không hoàn lại 1977 - 1980* là cơ sở thuận lợi để Sơn La với các tỉnh Bắc Lào xiết chặt tình hữu nghị và hợp tác. Mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Hủa Phăn - Sơn La luôn được giữ vững, hai tỉnh thường xuyên thông báo cho nhau những tình hình có liên quan đến công tác bảo vệ biên giới chung, cùng nhau giải quyết ổn thỏa những vụ việc xảy ra giữa nhân dân hai bên biên giới. Cuốn sách là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị, tuy nhiên, nội dung quan hệ hợp tác với Bắc Lào nói chung, Hủa Phăn nói riêng chỉ được đề cập với một dung lượng hạn chế, tập trung phản ánh chủ trương, đường lối của tỉnh chứ không có thành tựu cụ thể.

Chu Viết Luân chủ biên cuốn sách *Sơn La thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, xuất bản năm 2008 bởi Nxb Chính trị Quốc gia. Cuốn sách được in bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung cuốn sách không chỉ giới thiệu về đất và người Sơn La mà còn tập trung giới thiệu bức tranh tổng quan về hệ thống chính trị - xã hội, tổ chức hành chính, kết cấu hạ tầng, toàn cảnh kinh tế, văn hóa - thông tin… qua đó người đọc có thể thấy rõ những tiềm năng, lợi thế và các định hướng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Năm 2010, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La hợp tác với Nxb Quân đội nhân dân cho ra mắt cuốn sách *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Sơn La (1945 - 2010)*. Nội dung chủ đạo của cuốn sách viết về quá trình xác lập, thực trạng, vai trò của công tác đảng, công tác chính

trị trong lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Sơn La từ năm 1945 đến năm 2010. Một trong những nhiệm vụ ở tất cả các thời kỳ đều được lực lượng vũ trang nhân dân Sơn La chú trọng là làm tròn nghĩa vụ quốc tế với Lào: huấn luyện lực lượng vũ trang cho Hủa Phăn, phối hợp trong công tác tuần tra biên giới…Cuốn sách cũng đề cập đến vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Sơn La, truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân Sơn La.

Bùi Văn Hào với Luận án Tiến sĩ bảo vệ năm 2011,*"Quan hệ giữa các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Bôlykhămxay, Khăm Muộn của Lào với Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam từ năm 1976 đến năm 2007"* đã tập trung nghiên cứu 4 tỉnh của Lào là Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Bôlykhămxay, Khăm Muộn và hai tỉnh của Việt Nam là Nghệ An và Hà Tĩnh (đây là các tỉnh thuộc hai khu vực của hai nước có chung 564 km trên tổng số 2067 km đường biên giới Lào - Việt Nam). Tác giả phân tích những cơ sở quan hệ giữa các tỉnh như: cơ sở địa chính trị, kinh tế, văn hóa, truyền thống lịch sử và khẳng định mối quan hệ giữa các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Bôlykhămxay, Khăm Muộn của Lào với Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam không chỉ bắt nguồn từ sự gần gũi về địa lý, những nét tương đồng về điều kiện tự nhiên cũng như vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế của mỗi khu vực, mà còn xuất phát từ những điểm tương đồng về văn hóa xã hội, đặc biệt là truyền thống lịch sử được xem là cơ sở quan trọng để các tỉnh này phát triển mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện trong giai đoạn cách mạng mới. Tác giả luận án đã hệ thống hóa thực trạng quan hệ giữa các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Bôlykhămxay, Khăm Muộn của Lào với Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam qua hai giai đoạn: 1976 - 1991 và 1991 - 2007 trên các bình diện quan hệ chính trị, quốc phòng - an ninh, công tác biên giới; quan hệ kinh tế; quan hệ văn hóa giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác. Luận án cũng dành một chương cho việc rút ra những nhận xét về quan hệ giữa các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Bôlykhămxay, Khăm Muộn của Lào với Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam như: thành tựu, hạn chế, phương thức, đặc điểm, những khó khăn thách thức và bài học kinh nghiệm. Luận án là một thành công trong lĩnh vực nghiên cứu quan hệ giữa tỉnh với tỉnh của hai quốc gia Lào, Việt Nam, trong đó tỉnh Hủa Phăn mà luận án đề cập đến cũng là đối tượng nghiên cứu của đề tài "*Quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012"*. Do đó, đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng của đề tài.

Tỉnh ủy Thanh Hóa chỉ đạo biên soạn cuốn sách *Thanh Hóa với cách mạng Lào và tỉnh Hủa Phăn (1930 - 2010),* Nxb Thanh Hóa, 2012. Cuốn sách đã hệ thống vai trò hậu phương, căn cứ địa của Thanh Hóa với cách mạng Lào nói chung, Hủa Phăn nói riêng từ năm 1930 đến năm 1975. Quan hệ Thanh Hóa - Hủa Phăn được chia thành hai giai đoạn 1975 - 1995; 1996 - 2010, mỗi giai đoạn đều trình bày các nội dung hợp tác về kinh tế - xã hội, văn hóa - xã hội, chính trị, quốc phòng - an ninh. Cuốn sách kết luận: trước khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân hai tỉnh Thanh Hóa - Sầm Nưa đã nương tựa, giúp đỡ nhau đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc, bảo vệ quê hương đất nước, trải qua quá trình lịch sử, từ năm 1965, Thanh Hóa - Hủa Phăn đã quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển toàn diện. Cuốn sách cũng là công trình nghiên cứu trường hợp quan hệ địa phương của hai nước, trực tiếp là tỉnh Hủa Phăn, đối tượng nghiên cứu của luận án, giúp tác giả có cái nhìn so sánh đa chiều.

Tham luận của ông Thào Xuân Sùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La tại Hội nghị Quan hệ hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào (Sơn La, ngày 22 - 26/3/2012) với tiêu đề "*Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La xây dựng, vun đắp và tăng cường quan hệ đoàn kết thủy chung Việt Nam - Lào*". Từ bối cảnh của quan hệ Việt Nam - Lào, tác giả đã khái quát thành tựu của quan hệ giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn đã chính thức kí thỏa thuận hợp tác vào tháng 11 năm 1969, cũng trong năm này tỉnh Sơn La đã thành lập Ban công tác C có nhiệm vụ tham mưu cho tỉnh thực hiện các nhiệm vụ giúp đỡ và hợp tác với các tỉnh Bắc Lào và thực hiện nhiệm vụ do Trung ương giao cho Sơn La. Các khía cạnh về kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng, an ninh trong quan hệ hợp tác giữa Sơn La với các tỉnh Bắc Lào cũng được tác giả chỉ ra một cách khái quát. Tác giả khẳng định tỉnh Sơn La đã làm tròn nhiệm vụ quốc tế cao cả trên đất bạn Lào. Bài viết chỉ mang tính chất báo cáo thành quả hợp tác Sơn La - Bắc Lào một cách khái quát, phục vụ Hội nghị, chưa phân tích, luận giải cơ sở, nguyên nhân cho những thành công trong quan hệ hợp tác.

Năm 2013, Ban Chỉ đạo cắm mốc biên giới quốc gia Việt Nam - Lào tỉnh Sơn La xuất bản cuốn *Kỷ yếu Công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào trên địa bàn tỉnh Sơn La*. Ấn phẩm là tập hợp những bài viết của các

đồng chí lãnh đạo tỉnh Sơn La, những người trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo và thực hiện công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào trên địa bàn tỉnh. Ấn phẩm đã khái quát được quá trình cắm mốc giới qua các thời kì lịch sử giữa ba tỉnh Sơn La, Hủa Phăn, Luông Pha Băng, đồng thời chỉ rõ tầm quan trọng của vấn đề tôn tạo mốc giới cũng như nhân tố làm nên sự thành công của quá trình cắm mốc giới giữa các bên. Kỷ yếu cũng tập hợp những hình ảnh ghi lại quá trình thực hiện tăng dày tôn tạo mốc giới, những hình ảnh sinh động về tình quân dân hai bên biên giới… Kỷ yếu giúp tác giả có cái nhìn toàn diện về việc hoàn thành đường biên giới Sơn La - Hủa Phăn - Luông Pha Băng, cũng như hợp tác Hủa Phăn - Sơn La về lĩnh vực này. Trên cơ sở tổng hợp một số nội dung các bài viết, luận án khái quát và hệ thống lại cho phù hợp với tiến trình lịch sử.

Nguyễn Trọng Tứ bảo vệ Luận án Tiến sĩ với đề tài "*Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lãnh đạo phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh Bôlykhămxay và Khăm Muộn (Nước CHDCND Lào) từ năm 1991 đến năm 2010*" tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2013 đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa Hà Tĩnh với các tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn, những nhân tố cơ bản tác động, ảnh hưởng tới mối quan hệ này. Hệ thống hóa chủ trương, quá trình chỉ đạo thực hiện xây dựng và phát triển quan hệ giữa các tỉnh của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh; đánh giá những thành tựu nổi bật, hạn chế, đặc điểm của mối quan hệ giữa Hà Tĩnh với hai tỉnh Lào; đúc kết kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với hai tỉnh Lào của Đảng bộ Hà Tĩnh từ 1991 đến 2010. Đây cũng là nghiên cứu trường hợp cặp quan hệ địa phương Việt Nam - Lào thành công, là gợi ý, nguồn tham khảo quan trọng của đề tài luận án.

Dương Hà Hiếu với bài viết *Công tác quản lý biên giới quốc gia giữa hai tỉnh Sơn La (Việt Nam) và Hủa Phăn (Lào) giai đoạn 1977 - 2005* đăng trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18/7/1977 - 18/7/2017, Nxb Đại học Huế, 2017. Trên cơ sở tập hợp các báo cáo, biên bản hội đàm của lực lượng quốc phòng - an ninh hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La, tác giả đã chia công tác quản lý biên giới quốc gia Sơn La - Hủa Phăn thành 3 giai đoạn: 1977 - 1990; 1991 - 2000; 2000 - 2005. Trong mỗi giai đoạn, tác giả tiếp cận trên cơ sở quy chế biên giới hai quốc gia, sự triển khai ở hai tỉnh thông qua các cuộc gặp gỡ,

thống nhất biện pháp quản lý biên giới từ bảo vệ cột mốc, hiện tượng vượt biên trái phép, kết hôn trái phép, xâm canh xâm cư, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau… Tuy nhiên, do khuôn khổ thời lượng bài viết hội thảo, nên các nội dung trên đề cập rất khái quát, số liệu minh chứng chưa thật đầy đủ và hệ thống.

Lại Trang Huyền, Đào Văn Trưởng đăng bài viết trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia *Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18/7/1977 - 18/7/2017*, Nxb Đại học Huế, 2017 với tựa đề: *Những vấn đề đặt ra với mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào giai đoạn hiện nay.* Bài viết đã khái quát những kết quả đạt được trong quan hệ hợp tác giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào (Hủa Phăn, Luông Pha Băng, U Đôm Xay, Bò Kẹo, Luông Nậm Thà, Phông Xa Lỳ, Xiêng Khoảng, Xay Nha Bu Ly) trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - khoa học kĩ thuật, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng từ năm 2001 đến năm 2015. Từ đó, hai tác giả chỉ ra 5 thách thức cho mối quan hệ này: thách thức trong việc duy trì, bảo vệ và phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống; những khó khăn và bất cập về cơ sở hạ tầng, giao thông ảnh hưởng đến hợp tác đầu tư; những vấn đề nghèo đói, lạc hậu, trình độ dân trí và nguồn nhân lực thấp; thách thức trong vấn đề an ninh quốc phòng; vấn đề hiệu quả của mối quan hệ hợp tác giữa Sơn La với các tỉnh Bắc Lào. Đồng thời, hai tác giả cũng đưa ra 5 kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ này. Mặc dù trong mối quan hệ chung với 8 tỉnh Bắc Lào, nhưng phương thức hợp tác cũng như những thách thức về cơ bản giống với quan hệ giữa hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn.

1.1.2. Các công trình của các nhà nghiên cứu Lào

Về quan hệ hai nước Lào - Việt Nam

Đối với CHDCND Lào, Việt Nam luôn là người anh em tốt. Trong suốt chiều dài lịch sử đất nước, Việt Nam là người bạn đồng hành giúp nhân dân Lào vượt qua gian khó, đánh thắng kẻ thù giành độc lập tự do cho dân tộc, xây dựng đất nước Lào tươi đẹp. Vì vậy, Lịch sử Lào đã giành những trang sách "đặc biệt" để ghi lại tình cảm thân thiết ấy.

Cuốn *Xây dựng một nước Lào hòa bình, độc lập và chủ nghĩa xã hội* của Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản do Nxb Sự Thật phát hành, Hà Nội, 1978 bao gồm tập hợp một số bài viết của Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản qua các thời kì lịch sử. Cuốn sách giúp người đọc thấy được tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa quân đội nhân dân

hai nước Lào - Việt Nam trong tiến trình phát triển của cách mạng Lào, một trong những nguyên nhân quan trọng làm nên chiến thắng vẻ vang của nhân dân Lào trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản đã chỉ ra: tình hữu nghị và đoàn kết của Đảng và nhân dân Việt Nam đối với Đảng và nhân dân Lào là tình hữu nghị đoàn kết mẫu mực, vô cùng trong sáng và hiếm có trong quan hệ quốc tế. Đó là tình hữu nghị và tình đoàn kết anh em giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần "*hạt gạo cắn đôi, cọng rau bẻ nửa*", đồng cam cộng khổ, động viên nhau cùng chiến đấu cùng giành thắng lợi.

Cuốn *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược của lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh Thượng Lào (1945 - 1975)* của Bộ Quốc phòng, Cục Khoa học Lịch sử - Quân sự Lào xuất bản năm 2007 đã phản ánh trung thực, khách quan cuộc kháng chiến đầy khó khăn, gian khổ và anh dũng của quân dân Thượng Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào nói chung và Đảng bộ các tỉnh Thượng Lào nói riêng. Đặc biệt, cuốn sách đề cập tới sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang và nhân dân Thượng Lào với quân tình nguyện Việt Nam đã làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của địch, góp phần cùng nhân dân cả nước đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

Bộ Quốc phòng, Cục Khoa học Lịch sử - Quân sự cho xuất bản cuốn *Lịch sử liên minh đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa Quân đội nhân dân Lào và Quân đội nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Viêng Chăn, 2010. Cuốn sách trình bày về cơ sở hình thành và quá trình liên minh đoàn kết chiến đấu giữa hai quân đội Lào - Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Lao động Việt Nam trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Năm 2016, Nhotkhammani Souphanouvong bảo vệ Luận án Tiến sĩ *Những nhân tố chi phối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam từ năm 1986 - 2011* tại Học viện Ngoại giao Việt Nam. Luận án đã góp phần làm rõ những nhân tố chi phối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam trong giai đoạn 1986 - 2011 như: nhân tố lịch sử - địa lý; nhân tố lợi ích quốc gia; nhân tố quốc tế - khu vực. Mỗi nhân tố đều có tầm quan trọng tác động đến quan hệ Lào - Việt Nam. Tác giả xác định nhân tố Lịch sử - địa lý là bất biến, lâu dài, khó thay đổi, hai nhân tố còn lại sẽ có nhiều thay đổi để phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Từ đó tác giả luận án nêu và phân tích thách thức,

triển vọng, xây dựng 5 kịch bản cho quan hệ Lào - Việt Nam trong thời gian tiếp theo, đồng thời đưa ra một số giải pháp tổng thể nhằm củng cố, nâng cao quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Viêngxay Thammasmith bảo vệ Luận án Tiến sĩ với đề tài "*Bảo vệ độc lập dân tộc của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên lĩnh vực Chính trị - an ninh từ năm 1986 đến năm 2012*" tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2016 đã làm rõ vai trò của lực lượng An ninh đối với công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Lào trong thời kỳ đổi mới đất nước; phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến tình hình an ninh, chính trị của đất nước Lào và yêu cầu mới đặt ra đối với việc giữ vững chính trị an ninh, trong đó có việc xây dựng lực lượng An ninh của Lào từ năm 1986 đến năm 2012. Bảo vệ độc lập dân tộc của Lào trên lĩnh vực chính trị - an ninh 1986 - 2012 chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó tác giả nhấn mạnh đến nhân tố ASEAN… đều là những nội dung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của Luận án.

Ngoài ra, lãnh đạo Đảng, Nhà nước Lào, các nhà khoa học Lào đã quan tâm và dành tình cảm của mình cho quan hệ hai nước Lào - Việt Nam thông qua các bài viết trong bộ sách chung *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, trong các hội thảo, đặc san về quan hệ hai nước, đã được luận án đề cập đến trong phần *Các công trình nghiên cứu của người Việt Nam*.

Về quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La

Tỉnh ủy Hủa Phăn chỉ đạo biên soạn cuốn sách *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng tỉnh Hủa Phăn Tập I* xuất bản năm 1999, đã khái quát vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, khí hậu, đời sống văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc tỉnh Hủa Phăn. Cuốn sách nhấn mạnh tỉnh Hủa Phăn là một cửa khẩu quan trọng phía Đông của đất nước. Hủa Phăn là tỉnh đầu tiên trong cả nước được giải phóng (năm 1960) và được Đảng Nhân dân Cách mạng Lào cho xây dựng một chế độ xã hội như một nhà nước. Vì vậy, Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản và Ban Chỉ huy Bộ đội Lào, Chính phủ Lào kháng chiến đã chọn tỉnh Hủa Phăn làm căn cứ cách mạng, nơi chỉ huy các cuộc kháng chiến giành lại độc lập cho đất nước. Cuốn sách cũng chú trọng đến vấn đề bảo vệ, xây dựng và phát triển truyền thống của tỉnh Hủa Phăn. Đặc biệt, quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn với tỉnh Sơn La được nhắc tới sâu sắc trong công cuộc chống thực dân Pháp xâm lược của tỉnh. Cuốn sách là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng của Luận án, nhất là vị trí chiến lược của tỉnh Hủa Phăn.

Văn Khăm Pheng Thíp Mun Taly với luận án *Tổ chức xã hội truyền thống của người Phu Thay ở tỉnh Hủa Phăn* bảo vệ năm 2006. Đây là Luận án Tiến sĩ Dân tộc học nhưng có một số nội dung liên quan đến đề tài. Tác giả luận án đã khái quát về điều kiện tự nhiên và dân cư tỉnh Hủa Phăn, trong đó nói rõ về nguồn gốc cũng như phong tục tập quán của người Phu Thay (người Thái ở Lào), luận án cũng đề cập đến mô hình kinh tế tỉnh Hủa Phăn sau năm 1975, tổ chức xã hội hiện đại… là nguồn tư liệu đáng tin cậy cho người nghiên cứu.

Bài tham luận của tỉnh Hủa Phăn tại *Hội nghị hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào, đoàn kết hữu nghị tại Sơn La (từ ngày 22 - 26/4/2012)* đã khẳng định tỉnh Hủa Phăn có mối quan hệ hợp tác toàn diện với các tỉnh có chung đường biên giới với Việt Nam. Hàng năm, lãnh đạo của tỉnh, huyện và địa phương có những chuyến thăm và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Bài tham luận đã thống kê có 89 đơn vị, nhà đầu tư của Việt Nam đầu tư ở tỉnh Hủa Phăn, trong đó, Sơn La có 23 đơn vị. Tỉnh Sơn La còn giúp đỡ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, cây con giống… Tỉnh Hủa Phăn công nhận những đóng góp của tỉnh Sơn La đối với sự phát triển của tỉnh, xem đó là những đóng góp vun đắp mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện lâu dài Lào - Việt Nam. Đồng thời bài tham luận cũng đề cập đến một số điểm hạn chế trong mối quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn và Sơn La và đưa ra một số giải pháp khắc phục. Tuy nhiên, bài tham luận chỉ mang tính chất thống kê, báo cáo, số liệu cũng chưa thật đầy đủ, do khuôn khổ có hạn của bài viết.

1.1.3. Các công trình của các nhà nghiên cứu phương Tây

Về quan hệ Lào - Việt Nam cũng được các nhà nghiên cứu phương Tây chú ý, có thể kể tới một số công trình sau:

Các công trình nghiên cứu như: *Indochine the people will win* (Nhân dân Đông Dương sẽ giành chiến thắng) (1970), H. Foreign Languages Publishing House; *Laos: War and Revolution* (1970) (Lào: Chiến tranh và cách mạng), Edited by Nina S.Adams and Alfred W. Mc Coy Publication of the Comitee of Con - Harper Colophon Books cũng đã ít nhiều đề cập đến quan hệ Lào - Việt Nam trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Đáng chú ý, các tác giả này một mặt thừa nhận quan hệ đối tác giữa hai nước trong đấu tranh cách mạng, một mặt lại hoài nghi về vai trò độc lập và sáng tạo của cách mạng Lào. Đặc biệt cuốn: *North Vietnam and the Pathet Lao: Partners in the Struggle for Laos* (Bắc Việt Nam và

Pathet Lào: Đồng minh trong cuộc đấu tranh cho Lào) (Rand Corporation Research Studies) Hardcover – January 1, 1970, by Paul F. Langer and, Joseph J. Zasloff.

Hai tác giả này đã tiến hành nghiên cứu thực địa trên diện rộng tại Lào, đồng thời sử dụng phương pháp phỏng vấn các cựu quân nhân Pathet Lào, cựu quân nhân Bắc Việt Nam, chuyên gia về Lào và Việt Nam, kết hợp với nguồn tài liệu thu thập được như nhật ký, thư từ, Chỉ thị của Đảng, báo, truyền hình… để làm nổi lên vai trò của Bắc Việt Nam đối với cách mạng Lào. Từ nghiên cứu nguồn gốc, sự phát triển, tổ chức và sự lãnh đạo của tổ chức Pathet Lào, nhóm tác giả này kết luận: vai trò chủ động của Bắc Việt Nam bắt nguồn từ mối quan tâm bảo vệ biên giới, tiếp cận Nam Việt Nam và thiết lập một chế độ chính trị ở Lào; Việt Minh là nhân tố chủ chốt trong việc hình thành Pathet Lào và người Việt Nam vẫn tiếp tục hướng dẫn và hỗ trợ thiết yếu cho tổ chức cách mạng này. Mặt khác, các tác giả chỉ ra rằng Pathet Lào chia sẻ lợi ích chung với Bắc Việt Nam.

Martin Stuart-Fox, một chuyên gia có nhiều công trình nghiên cứu về Lào, tác giả của cuốn sách *A History of Laos* (Lịch sử Lào) (Xuất bản bởi Cambridge University Press, 1998), đã đề cập đến toàn bộ tiến trình lịch sử Lào từ thời phong kiến đến thời hiện đại. Các thời kì lịch sử Lào được đề cập tới trong cuốn sách: 1893 - 1945; 1945 - 1957; 1958 - 1964; 1964 - 1975; 1975 - 1994 khá chi tiết. Đặc trong quá trình trình bày các giai đoạn cách mạng Lào từ chống thực dân Pháp, đến chống đế quốc Mĩ hay thực hiện cải cách tác giả đều nhắc tới mối quan hệ với cách mạng Việt Nam, công nhận sự giúp đỡ của Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc Lào. Cuốn sách đã tái hiện lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân Lào, đồng thời người đọc cũng cảm nhận một cách rõ nét mối quan hệ Lào - Việt Nam thông qua công cuộc chống kẻ thù chung của hai dân tộc, sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của Việt Nam đối với Lào. Trong chương 6 - Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, quan hệ chặt chẽ với Việt Nam đã được thể hiện bởi các chuyến thăm của đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách mạng Lào đến Hà Nội, hai bên cam kết tăng cường hơn nữa sự hợp tác dài hạn trên nhiều lĩnh vực. Bước vào thời kì hội nhập, mở cửa, Lào gia nhập ASEAN, mở rộng mối quan hệ quốc tế nhưng trong quan hệ với Việt Nam vẫn được nhấn mạnh.

Trên Tạp chí *Southeast Asian Affairs* (1980 từ trang 191 đến 209), Martin Stuart - Fox, đã đăng tải bài báo với tựa đề *Laos: the Vietnamese connection* (Lào: Kết nối Việt Nam). Thông qua một loạt các sự kiện Việt Nam giúp đỡ Lào sau năm 1975: chuyến viếng thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản tại Việt Nam năm 1975; Lào - Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện (7/1977); Lào ủng hộ Việt Nam trong chiến tranh biên giới (2/1979)… tác giả đánh giá mối quan hệ Lào - Việt Nam gắn bó, bền chặt không một thế lực nào có thể lay chuyển được bằng việc dẫn lời của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: không nơi nào có thể có sự tin tưởng và an toàn hơn Việt Nam.

Cuốn *Globalization and Democratization in Asia: The Construction of Identity (Toàn cầu hóa và Dân chủ hóa ở châu Á: Công cuộc xây dựng bản sắc riêng)* của nhóm tác giả Kristina Jonsson và Catarina Kinnvall, xuất bản bởi Routtedge Teylor and Francis group, London and New York, 2002. Các tác giả cấu trúc cuốn sách thành 3 phần, 7 chương. Trong đó nhiều nội dung liên quan đến một phần luận án như: những tác động của toàn cầu hóa đối với các nước trong điều kiện chung, tóm tắt những cải cách diễn ra ở Lào và Việt Nam cho đến năm 2002, liên hệ tình hình tại Việt Nam và Lào với sự năng động của toàn cầu hóa, dân chủ hóa để xác định những đặc điểm chính của sự thay đổi ở Việt Nam và Lào. Khẳng định sự song hành và gắn kết giữa Lào và Việt Nam trong việc xây dựng bản sắc riêng trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Ronald Bruce St John, tác giả của cuốn sách *Revolution, reform and regionalism in Southeast Asia (Cambodia, Laos and Vietnam)* (*Cách mạng, cải cách và chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á (Campuchia, Lào và Việt Nam*) xuất bản bởi Routtedge Teylor and Francis group, London and New York, 2006. Ronald Bruce St John đã khái quát 3 nước Campuchia, Lào, Việt Nam có tốc độ phát triển nhanh trong số các nước đang phát triển. Dựa trên nghiên cứu thực hiện trên 3 thập niên kể từ sau năm 1975, tác giả cuốn sách so sánh nền chính trị, kinh tế của 3 nước trước sự tác động của bối cảnh quốc tế, khu vực, đồng thời nhấn mạnh các con đường khác nhau trong cải cách để phát triển của từng nước. Qua đó, tác giả khẳng định sức mạnh của các yếu tố nội lực, văn hóa là những nhân tố tạo nên sự khác nhau ở mỗi nước. Cuốn sách đã cung cấp cho độc giả cái nhìn sâu sắc về nền kinh

tế, chính trị của Lào, Việt Nam trong thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước.

Như vậy, hầu hết các công trình của các học giả phương Tây mà tác giả tiếp cận được đều có góc nhìn từ lợi ích của mối quan hệ Lào - Việt Nam, đề cao tính lợi ích trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, quan điểm của họ không trái chiều với quan điểm của các học giả Lào và Việt Nam về mối quan hệ này.

1.2. Những vấn đề đã được nghiên cứu và chưa được nghiên cứu

Qua quá trình sưu tầm, tập hợp, khai thác tư liệu, nghiên cứu sinh nhận thấy đề tài *Quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012* mà nghiên cứu sinh triển khai đã được đề cập ở các khía cạnh và mức độ khác nhau.

Thứ nhất, nền tảng của quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La là quan hệ Lào - Việt Nam. Khía cạnh này của luận án được một số tác giả trong và ngoài nước quan tâm. Bức tranh tổng thể mối quan hệ thủy chung, son sắt giữa hai quốc gia được làm rõ từ nguồn gốc, thực trạng đến bài học và triển vọng qua các thời kì lịch sử. Vì vậy, người viết có thể kế thừa các kết quả nghiên cứu trên, đưa các kết quả này vào luận án một cách khoa học.

Thứ hai, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 phải được xem xét từ điều kiện thực tế của hai tỉnh. Vấn đề này, các công trình nghiên cứu của các tác giả người Lào và Việt Nam cũng đã khái quát được lịch sử phát triển của tỉnh Hủa Phăn, tỉnh Sơn La. Điều này giúp người viết xâu chuỗi và móc nối các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa hai tỉnh.

Thứ ba, về quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam) trên các phương diện chính trị, an ninh - quốc phòng, biên giới, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế… từ 1975 đến 2012 - phần trọng tâm của luận án, đã phần nào được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu, bài phát biểu của các nhà lãnh đạo hai tỉnh. Các công trình này mới chỉ dừng lại ở cấp độ khái quát, hoặc chỉ đề cập đến một khía cạnh của đề tài. Dù vậy, những nghiên cứu trên là những chỉ dẫn quan trọng, định hướng cho chúng tôi tiếp tục đào sâu nghiên cứu nhằm tái hiện khách quan và khoa học quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam) từ năm 1975 đến năm 2012.

Như vậy, có thể thấy, nghiên cứu về quan hệ Lào - Việt Nam có nhiều nội dung phong phú và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Tuy vậy, quan hệ giữa hai tỉnh có chung đường biên giới như trường hợp Hủa Phăn và Sơn La thì chưa được

chú ý nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống và xuyên suốt từ năm 1975 đến năm 2012. Mặc dù vậy, ở những góc độ khác nhau, các công trình nghiên cứu trên sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị để nghiên cứu sinh hoàn thành luận án.

Tóm lại, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về những cơ sở, thực trạng, thành tựu, hạn chế, đặc điểm, tính chất, chiều hướng phát triển của quan hệ hợp tác Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) từ 1975 đến 2012. Thực tế này cho thấy, việc nghiên cứu quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, hai tỉnh giáp biên của hai nước Lào - Việt là một việc làm hết sức cần thiết.

1.3. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu, giải quyết

Trên cơ sở khảo sát các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, xác định mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung giải quyết những vấn đề chính sau:

Một là, làm rõ cơ sở của mối quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La như: sự gần gũi về vị trí địa lý; sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, nền tảng kinh tế; nền tảng quan hệ hai nước Lào - Việt Nam; chủ trương, chính sách của hai Đảng, Chính phủ hai nước; truyền thống lịch sử cũng như cơ sở lợi ích của quan hệ giữa hai tỉnh.

Hai là, Phân tích những nhân tố tác động đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La ở từng giai đoạn phát triển.

Ba là, làm rõ sự vận động quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La trên các phương diện chính trị, an ninh - quốc phòng, biên giới, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế qua hai giai đoạn 1975 - 1986; 1986 - 2012 chỉ ra được thành tựu, hạn chế trong hợp tác giữa hai bên ở các nội dung trên.

Bốn là, phân tích nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong quan hệ hợp tác giữa Hủa Phăn và Sơn La.

Năm là, rút ra nhận xét về quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, sự tương tác của quan hệ Hủa Phăn - Sơn La với quan hệ Lào - Việt nam. Đánh giá vị trí của mối quan hệ này trong quan hệ hai nước Lào - Việt Nam.

CHƯƠNG 2
CƠ SỞ CỦA MỐI QUAN HỆ GIỮA HAI TỈNH HỦA PHĂN (LÀO) VÀ SƠN LA (VIỆT NAM)

2.1. Cơ sở địa - chính trị, kinh tế

Tỉnh Hủa Phăn (Houaphan) nằm ở phía Đông Bắc nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, trên vĩ tuyến $19^o48'$ vĩ độ Bắc và ở khoảng giữa kinh độ 103° - 105° Đông. Phía Đông và phía Bắc có đường biên giới tiếp giáp với 3 tỉnh của Việt Nam: Sơn La 210 km, Thanh Hoá 296 km và Nghệ An 53 km; phía Tây Bắc giáp với tỉnh Luông Pha Bang, phía Tây Nam giáp với tỉnh Xiêng Khoảng. Hủa Phăn có chiều dài biên giới với Việt Nam 559 km. Tỉnh lỵ là Sầm Nưa. Diện tích tự nhiên của Hủa Phăn là 16.500 km^2, từ Đông sang Tây rộng 144 km, từ Bắc xuống Nam dài 204 km [251; tr3]. Với đặc điểm vị trí địa lý như vậy, Hủa Phăn là điểm đầu mối giao thông quan trọng nối liền vùng Thượng Lào với Việt Nam.

Tỉnh Sơn La nằm ở phía Tây Bắc nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trên tọa độ địa lý 20^03'đến 22^002' vĩ Bắc, 103^011' đến 105^002' kinh Đông; phía Bắc giáp hai tỉnh Yên Bái và Lai Châu (252 km), phía Đông giáp hai tỉnh Phú Thọ và Hoà Bình (135 km), phía Nam giáp tỉnh Thanh Hoá (42 km) và hai tỉnh Hủa Phăn, Luông Pha Bang của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (250 km); phía Tây giáp tỉnh Điện Biên (85 km). Sơn La có diện tích tự nhiên 14.174 km^2, bằng 4,2% diện tích cả nước; nằm ở phía Tây Bắc đồng bằng Bắc Bộ [60; tr31].

Như vậy, Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam) có vị trí địa lý liền kề, có chung 210 km đường biên giới (chiếm 1/10 chiều dài đường biên giới Quốc gia Lào - Việt Nam). Một số nét tương đồng về điều kiện tự nhiên như: vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, ranh giới, rừng núi … của hai tỉnh chính là nhân tố tự nhiên chi phối đến quan hệ giữa hai tỉnh.

Trước hết, trên phương diện vị trí địa lý, Hủa Phăn và Sơn La là hai tỉnh có chung đường biên giới, có nhiều huyện tiếp giáp nhau trải dài trên 210 km. Đường biên giới Hủa Phăn giáp với Sơn La có 11 xã thuộc 4 huyện, trong đó xã Mường Pợ thuộc huyện Viêng Thoong và 10 xã thuộc các huyện Xiềng Khọ, Sốp Bâu, Mường Ét tiếp giáp với các huyện Sốp Cộp, Sông Mã, Mai Sơn, Yên Châu và Mộc Châu của tỉnh Sơn La (Việt Nam), cụ thể: Huyện Sốp Bâu giáp với huyện Mộc Châu;

Huyện Xiềng Khọ giáp với các huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn; Huyện Mường Ét, Viêng Thoong giáp với huyện Sông Mã [2].

Đường biên giới Hủa Phăn - Sơn La chạy từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam qua đường phân thuỷ giữa hai dãy núi chính, có tính chiến lược làm điểm tựa như: Pu Xam Sẩu, Pu Chửn, Pu Giai Thẩu, Pu Khoai, Pu Săn Cạng, Pu Ta Nê, Pu Khau Quang, Pu Pha Luông... Các dãy núi này chính là bộ khung của đường biên giới trùng điệp giữa hai bên.

Con đường chính thông thương giữa hai tỉnh là Quốc lộ 43 chạy từ Mộc Châu qua cửa khẩu Lóng Sập đến Sầm Nưa và Đường 22 đi từ cửa khẩu Chiềng Khương qua Mường Ét đi Sầm Nưa. Ngoài ra, còn có đường ô tô đi từ Cò Nòi đến Sốp San qua trạm kiểm soát Nà Cài, đường Sốp Cộp qua trạm Lạnh Bánh sang Mường Son. Từ những cửa khẩu chính và thông qua đường tiểu ngạch, nhân dân hai bên biên giới đã có mối quan hệ họ hàng, bạn bè, người cùng bản làng… điều này phần lớn là do cư trú tự nhiên.

Thứ hai, do nằm trong một cấu trúc địa chất phức tạp, nên địa hình của Hủa Phăn và Sơn La có điểm chung là những vùng rừng núi trùng điệp, kéo dài, có độ dốc lớn, chia cắt mạnh, nhiều núi cao vực sâu (độ cao trung bình so với mực nước biển là 1.000 - 2.000m), giao thông trắc trở. Điều này chi phối khá lớn đến nền kinh tế, văn hóa của hai tỉnh. Hủa Phăn và Sơn La đều là những tỉnh miền núi khó khăn về kinh tế, trình độ văn hóa tương đối thấp. Trong quá trình phát triển cần dựa vào nguồn hỗ trợ rất lớn từ Chính phủ hai nước. Địa hình tương đồng đã làm cho khí hậu hai tỉnh có nhiều đặc điểm giống nhau - Nhiệt đới gió mùa chí tuyến. Tuy nhiên, do Sơn La trực tiếp chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có độ ẩm mùa đông nhiều và kéo dài hơn, còn Hủa Phăn do chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa nên mùa hè thường nóng bức hơn. Mùa đông ở Sơn La kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau; mùa hè kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9; nhiệt độ trung bình năm phổ biến 21,4^{0}C. Lượng mưa trung bình cả năm của Sơn La là 1.200 - 1.600 mm [60; tr 31]. Đối với Hủa Phăn, mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và mùa mưa từ tháng 5 đến 10 hàng năm; nhiệt độ trung bình : 20^0 - 25^{0}C, nhiệt độ cao nhất từ 30 - 35^{0}C. Nhiệt độ thấp nhất từ 10 - 15^{0}C. Lượng mưa phổ biến khoảng 1.400 mm, có nơi 1.200mm/năm [251; tr 9].

Thứ ba, Với trên 80% đất đai là đồi núi đã làm nổi bật lên vị trí quan trọng của nghề rừng trong nền kinh tế của cả hai tỉnh. Bên cạnh đó, Hủa Phăn cũng có

vùng cao nguyên là những đồng cỏ lớn như: đồng cỏ Thồng Phao - Mường Pân 1.500 ha, Thồng Noong Kháng - Xăm Nửa 1.800 ha, Thồng Na Nẳng - Xăm Tạy 1.065 ha [251; tr10]… Những đồng cỏ này rất thuận lợi cho chăn nuôi gia súc như: trâu, bò, dê, ngựa… Sơn La cũng có những cao nguyên thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp như: cao nguyên Mộc Châu, Nà Sản, Cò Nòi… Đặc điểm chung của thổ nhưỡng là tầng đất khá dày, thấm nước tốt, tỷ lệ đạm và lân trong đất cao.

Hai tỉnh đều có hệ thống sông suối dày đặc, trong đó sông Mã (Nặm Má) là con sông lớn, có giá trị về giao thông. Nặm Má (sông Mã), chảy qua phía Tây của tỉnh, bắt nguồn từ Kốc Phắc Mạ thuộc tỉnh Sơn La (Việt Nam), chảy qua tỉnh Sơn La dài 93 km, chảy qua huyện Xiềng Khọ (tỉnh Hủa Phăn) dài 80 km, rồi chảy vào tỉnh Thanh Hoá (Việt Nam) dài 470 km. Sông suối và chế độ thủy văn của Hủa Phăn, Sơn La rất giàu tiềm năng thủy điện, thực sự là một trong những thế mạnh của hai tỉnh.

Thứ tư, sự đa dạng và phức tạp về địa chất đã khiến cho Hủa Phăn, Sơn La rất phong phú về loại hình khoáng sản như: mỏ măng gan ở thị trấn Viêng Xay, mỏ kẽm ở bản Xăm Nửa, mỏ quặng ở Ta Ẹm, Ta Puôm, mỏ ngọc bản Đon, mỏ chì ở Mương Kút, mỏ vàng ở Na Năng (Xăm Tạy) (Hủa Phăn) [251; tr8]; 150 mỏ và điểm quặng khoáng sản đã được phát hiện và đánh giá sơ bộ ở Sơn La. Đồng thời, tài nguyên rừng tại Hủa Phăn, Sơn La khá phong phú với nhiều loại gỗ (Pơ mu, đinh hương, nghiến, thông, lát), thú rừng, cây thuốc [251; tr8]...

Chính những nét tương đồng về khí hậu, đất đai, sông suối, tài nguyên khoáng sản đã tác động đến đặc điểm kinh tế hai tỉnh, với nền kinh tế nông - lâm nghiệp là chủ đạo. Hiện nay, tỉnh Hủa Phăn sản xuất nông nghiệp vẫn dựa vào phương pháp canh tác truyền thống, chủ yếu là trồng lúa nước, lúa cạn, nhiều nơi đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Ngoài ra còn trồng cây đậu tương, ngô lai được nhập từ Sơn La sang. Các ngành công nghiệp mới khởi đầu hình thành với các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu khai thác tài nguyên khoáng sản và xuất khẩu nguyên liệu thô. Trên nền tảng ấy, tỉnh Sơn La không chỉ trồng cây lương thực mà đã chú ý sản xuất đa ngành như: chăn nuôi, thủy sản, trồng cây màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để sản xuất nhiều sản phẩm nông nghiệp có chất lượng hàng hóa cao như rau quả, hoa cao cấp… Các

sản phẩm như: chè, sữa, cà phê… đã được bán rộng rãi trong nước và xuất khẩu. Việc sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, xi măng), thủy điện, khai thác mỏ... ngày càng được đầu tư phát triển. Vì thế, sự trao đổi buôn bán và hợp tác về khoa học kĩ thuật giữa hai tỉnh có nhiều tiềm năng.

Tuy nhiên, Sơn La và Hủa Phăn đều là các tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn của Việt Nam và Lào, địa hình bị chia cắt, giao thông còn nhiều trở ngại; tiềm lực kinh tế và trình độ phát triển vẫn còn ở mức thấp; nguồn ngân sách của tỉnh Sơn La còn hạn hẹp và phụ thuộc nhiều vào nguồn cân đối từ Trung ương, trong khi nhu cầu giúp đỡ của tỉnh Hủa Phăn là rất lớn.

Hủa Phăn và Sơn La không chỉ có vị trí địa lý tiếp giáp đơn thuần mà còn là hai địa phương có vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

Hủa Phăn có vị trí chiến lược quan trọng đối với Lào, là căn cứ địa cách mạng trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và nhân dân Lào. Phía Tây Hủa Phăn giáp với cố đô Luông Pha Băng, phía Tây Nam giáp với Xiêng Khoảng (tỉnh mà lãnh đạo Neo Lào Hắc Xạt từng đánh giá nước Lào như một con voi trắng, khu vực cánh đồng chum Xiêng Khoảng là đầu voi, ai cưỡi được trên đầu voi, thì người đó làm chủ nước Lào - [86]). Phía Bắc giáp với Sơn La, phía Đông giáp Thanh Hóa, phía Nam tiếp giáp Nghệ An của Việt Nam, Hủa Phăn trở thành tỉnh của Lào có đường biên giới dài nhất với Việt Nam. Địa hình chủ yếu là rừng núi che phủ phần lớn diện tích tỉnh cùng với các vị trí tiếp giáp trên, khiến Hủa Phăn có thế mạnh về quân sự thuận lợi cho tiến công hoặc bảo toàn lực lượng, là nơi có vị trí chiến lược trọng yếu về mặt quân sự, an ninh quốc phòng của cả nước. Đồng thời, Hủa Phăn có điều kiện hình thành và phát triển các cửa khẩu quốc tế như: cửa khẩu Năm Suôi - Na Mèo (Hủa Phăn - Thanh Hoá), cửa khẩu Bản Đán - Chiềng Khương (Hủa Phăn - Sơn La), cửa khẩu Pa Háng - Lóng Sập (Hủa Phăn - Sơn La). Đồng thời, khả năng mở rộng giao lưu hàng hoá, phát triển kinh tế, thiết lập mối quan hệ bền chặt cả về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng với các tỉnh của Việt Nam hết sức thuận lợi.

Vị trí địa chiến lược của Sơn La được đánh giá rất quan trọng trong suốt quá trình lịch sử bảo vệ tổ quốc. Trong "Kiến văn tiểu lục" của Lê Quý Đôn có viết: "*Qua Ai Lao liên lạc tiện đường, biên giới Vân Nam khống chế mọi mặt. Đây là nơi*

xung yếu của Bạch Nam, cửa ngõ của Lục Chiến che giữ cho Trấn như dậu như phên, án ngữ miền thượng du làm then làm chốt…" [50; tr 14].

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong Hội nghị tổng kết chiến dịch Tây Bắc (10/12/1952) nhấn mạnh: "*Căn cứ địa Việt Bắc và căn cứ địa Tây Bắc sẽ là một đảm bảo cho cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta và sẽ có ảnh hưởng đến cách mạng Lào. Nơi đây không chỉ có "Sơn chầu Thủy tụ" mà còn giữ thế chiến lược quan trọng "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ" (tiến có thể đánh, lui có thể giữ)*". Trong thư gửi bộ đội Tây Tiến, Tướng Giáp nêu rõ: " *Miền Việt Tây đối với nước ta có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng. Hùng cứ địa bàn đó, không những quân địch ở vào cái thế "cứ cao lâm hạ" có thể uy hiếp địa phương ta, mà chúng mong thực hiện cái âm mưu thâm độc "dĩ Việt chế Việt" chia rẽ anh em thiểu số, lập quan người Việt thiểu số để đánh chúng ta*" [50; tr 14].

Sơn La là tỉnh vùng cao biên giới nằm ở phía Tây - Tây Bắc thủ đô Hà Nội. Phía Nam có Sông Mã là ranh giới tự nhiên với tỉnh Hủa Phăn và Luông Pha Băng (Lào), phía Bắc giáp với tỉnh Yên Bái, phía Đông giáp với tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, phía Đông Nam tiếp giáp tỉnh Thanh Hóa, phía Tây tiếp giáp với tỉnh Điện Biên (Việt Nam). Vị trí này khiến Sơn La trở thành trung tâm, cầu nối của địa bàn Tây Bắc Việt Nam với vùng châu thổ sông Hồng và thủ đô Hà Nội với các tỉnh Bắc Lào. Vùng núi cao chiếm tới 3/5 diện tích toàn tỉnh, địa hình hiểm trở đã tạo cho Sơn La thế mạnh về quân sự, thuận lợi cho việc bố trí các trận địa mai phục, tổ chức các cuộc tấn công, phản công hoặc khi cần nhanh chóng rút lui bảo toàn lực lượng.

Từ những vị trí tiếp giáp quan trọng, nên suốt chiều dài lịch sử, Hủa Phăn, Sơn La luôn gắn vận mệnh với nhau: Các thế lực ngoại xâm luôn biến hai vùng biên cương thành bàn đạp để tấn công bên này hoặc quấy rối bên kia; ráo riết thực hiện các âm mưu thâm độc nhằm chia rẽ mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào; lợi dụng địa hình phức tạp và trình độ dân trí còn thấp để tiến hành các hoạt động tuyên truyền, chống phá với các chiêu bài như: Dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo,… Sau Hiệp định Giơnevơ (1954), Sầm Nưa (tỉnh Hủa Phăn) đã trở thành thủ đô kháng chiến của cách mạng Lào, từ thủ đô kháng chiến này, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Chính phủ Lào Ítxala đã lãnh đạo quân và dân Lào đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Quốc lộ số 6 nối Hà Nội - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu không chỉ đóng vai trò huyết mạch mà còn là trục giao thông chiến lược cho toàn vùng. Trên

toàn tuyến biên giới Sơn La có 15 điểm có lợi thế về quân sự, đồng thời có nhiều hang lèn lớn có thể dung nạp từ 50-100 người, cũng có thể là nơi kẻ địch có thể lợi dụng và trú ẩn [38]. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân hai nước Lào, Việt Nam, Sơn La trở thành căn cứ địa cách mạng cho Lào (căn cứ Lao Khô - Yên Châu - Sơn La).

Có thể nói, sự gần gũi về vị trí địa lý, sự tương đồng về điều kiện tự nhiên cùng với các yếu tố địa kinh tế, địa chính trị là cơ sở tự nhiên quan trọng gắn kết quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La.

2.2. Cơ sở dân cư và văn hóa

2.2.1. Cộng đồng cư dân ở Hủa Phăn và Sơn La

Dân số Hủa Phăn có trên 300.000 người, mật độ dân số 20 người/km^2. Các dân tộc chính là: Lào Thay (Lào Lùm) chiếm 61,5%, Khơ Mú chiếm 20,3%, Mông chiếm 10,6%, còn lại là các dân tộc ít người khác (38 nhóm dân tộc) chiếm 7,6% [247; tr3]. Các dân tộc dùng tiếng Lào Thay làm ngôn ngữ giao tiếp. Ở Lào, các cư dân thuộc dòng ngôn ngữ nói tiếng Thái được gọi là Lào Thay, gồm các tộc: Lào, Lự, Dắng, Phu Thay, Nhuôn, Xẹk. Phu Thay chính là người Thái ở Lào, có số lượng đông thứ hai sau người Lào trong khối Lào Thay. Hủa Phăn là tỉnh có người Phu Thay cư trú đông nhất. Theo số liệu thống kê năm 1971, toàn tỉnh Hủa Phăn có 148.242 người, thì người Phu Thay có khoảng 94.000 người chiếm tỉ lệ 65% số dân toàn tỉnh [81; tr 34]. Theo số liệu điều tra dân số năm 2000, toàn tỉnh có 263.646 người, thì người Phu Thay có khoảng 85.610 người chiếm tỉ lệ xấp xỉ 32% dân số toàn tỉnh [254].

Dân số ở Sơn La tính đến năm 2012 là khoảng 1 triệu người, mật độ dân số 80 người/km^2. Tỉnh Sơn La có 12 dân tộc anh em chung sống, trong đó người Thái chiếm 54% số dân toàn tỉnh, đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, đã và đang giữ vị trí trung tâm đoàn kết các thành phần dân tộc khác, tập trung đông nhất ở Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mường La (70%). Tiếp đến là người Kinh (18%), người Mông (12%), người Mường (8,4%), người Dao (2,5%), người Khơ Mú, người Xinh Mun và 5 dân tộc khác là Kháng, La Ha, Lào, Tày, Hoa sống rải rác trên khắp lãnh thổ của tỉnh [215; tr 30].

Nhìn từ góc độ cư dân, người Phu Thay ở Hủa Phăn và người Thái ở Sơn La đều là những dân tộc chủ thể ở hai tỉnh, nhưng quan trọng hơn là họ có cùng một nguồn gốc. Hầu hết các dân tộc Thái ở Tây Bắc (Việt Nam) và ở Lào cho đến tận Thái Lan

đều nhận Mường Then (Mường Giời) (tức Điện Biên Phủ ngày nay) là nơi ở của tổ tiên của họ [223; tr86]. Hơn nữa, đại bộ phận các ngành Phu Thay ở Lào đều có quan hệ cội nguồn với người Thái ở Việt Nam. Trước khi Chậu Phạ Ngừm thống nhất đất nước, thành lập vương quốc Lạn Xạng, Lào là mảnh đất tiếp nhận làn sóng thiên di của người Thái từ Vân Nam - Trung Quốc, từ miền Tây Bắc Việt Nam. Theo tập sử thi Tay Pu Xấc vào thế kỉ XI - XII, một bộ phận người Thái Đen đã di chuyển từ vùng sông Thao nước Đỏ - đất Mường Lò (Văn Chấn - Yên Bái) quê tổ vào chiếm miền lưu vực sông Đà, sông Mã và thượng sông Nặm U, Nặm Khoóng [223; tr 86].

Người Phu Thay dọc sông Mã (Nặm Mã), vùng Nặm Nơn khẳng định cách đây khoảng thế kỉ XVII - XVIII những người Thái Đen từ Mường Muổi (Thuận Châu) đã đến vùng Mường Ét, Mường Son và những người Thái từ mường Ca Da (Quan Hóa - Thanh Hóa) đến ở Mường Xăm, Mường Pua, Xiềng Khọ, Mường Son ở Hủa Phăn [225; tr31].

Từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, để tránh sự khủng bố, truy nã của địch, nhiều người Thái từ các vùng biên giới đã chạy sang Lào. Nơi đặt chân chủ yếu của họ là Sầm Nưa. Từ đây, họ lại phân tán ở nhiều nơi trong các tỉnh Bắc Lào. Qua nhiều năm họ trở thành người Lào.

Ngược lại, núi rừng Tây Bắc cùng với Thượng Lào nối liền một dải nên cư dân nói chung và người Lào nói riêng vẫn thường xuyên qua lại làm ăn sinh sống, khi ở Lào, lúc lại về Việt Nam. Qua thời gian, cùng nhiều biến động của lịch sử đến năm 1954, người Lào thực sự định cư ở Tây Bắc Việt Nam tại các huyện Yên Châu, Sông Mã, Sốp Cộp (Sơn La), Điện Biên, Mường Tè (Lai Châu)… Theo số liệu thống kê nhân khẩu của UBND huyện Sốp Cộp và UBND các xã Mường Và, Mường Lạn năm 2004, người Lào sinh sống ở Sơn La thuộc nhánh Lào Lùm với tổng số nhân khẩu 3267 người, phân bố tại các bản: Mường Và, Nà Vàn, Nà Khoang, Nà Khi, Nà Vạc, Phiêng Ban, Bản Cống [118].

Như vậy, thành phần cư dân chính người Thái ở Sơn La, người Phu Thay ở Hủa Phăn cùng là cư dân nói tiếng Thái từ miền nam Trung Quốc thiên di xuống phía Nam vào những thời điểm khác nhau. Tiếng nói cũng như văn hóa của họ có sức ảnh hưởng và lan tỏa trong cộng đồng cư dân hai tỉnh. Vì vậy, yếu tố đồng tộc cùng với việc bảo lưu những giá trị văn hóa truyền thống của người Thái sẽ là sợi dây vô hình kết nối người Phu Thay ở Hủa Phăn với người Thái ở Sơn La. Đồng

thời sự cộng cư của các nhóm cư dân Thái, Lào hai bên biên giới cũng tạo nên những tình cảm tốt đẹp giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La.

2.2.2. Sự tương đồng về văn hóa

Từ sự gần gũi về địa lý, những nét tương đồng về điều kiện tự nhiên và yếu tố đồng tộc dẫn đến nhiều điểm giống nhau trong nét sinh hoạt văn hóa vật chất của cư dân hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La.

Hoạt động kinh tế chủ đạo của cư dân hai tỉnh là nông - lâm nghiệp với hai hình thức canh tác ruộng và rẫy đan xen tùy theo điều kiện địa hình. Ruộng trồng lúa nước, ruộng trồng màu theo mùa vụ. Nương rẫy cũng trồng lúa và nhiều loại cây lương thực khác như ngô, sắn… Ngoài ra, cư dân Hủa Phăn, Sơn La đều có hoạt động kinh tế khác như hái lượm, săn bắn, đánh cá, chăn nuôi và các nghề thủ công.

Kiến trúc nhà cửa của dân tộc Thái ở Hủa Phăn và Sơn La có nhiều nét tương đồng. Nhà sàn là điểm chung rõ nhất. Nhà sàn được cất dựng bằng những nguyên liệu sẵn có như gỗ, tre, nứa, tranh cọ hoặc gianh để lợp. Nhà thường có 4 mái, hai mái chính và hai mái phụ. Trên đỉnh nóc mái có treo ở hai đầu hồi hình họa tiết khung gỗ gọi là Khau Cút. Nhà thường có 3,5,7 gian, có cầu thang lên xuống. Ngôi nhà sàn của người Thái như một công trình kiến trúc mang tính tổng hợp, vừa là nơi ở, vừa là nơi cất thóc lúa, dưới gầm sàn là chuồng nhốt trâu bò.

Về trang phục, nét giống nhau nổi bật nhất là phụ nữ Thái ở Hủa Phăn và Sơn La đều thích mặc y phục truyền thống là váy, thường là màu đen, cắt may bằng vải bông nhuộm chàm, nay cắt bằng vải công nghiệp. Nghệ thuật trang trí trên cạp váy cũng như các phụ kiện đi kèm như khăn, túi thổ cẩm khá giống nhau "*rất khó phân biệt một cách rành mạch trong số những sản phẩm này đâu là của người Thái, đâu là của người Lào, bởi vì từ xa xưa hai nền văn hóa này đã có sự giao lưu và tiếp thu ảnh hưởng của nhau một cách sâu sắc"* [54; tr 26]

Về ăn uống, có thể trong quá trình sinh sống hòa hợp với các dân tộc khác, cách ăn uống của người Thái phong phú hơn. Nhưng ẩm thực của người Thái ở Sơn La thực sự có sức lan tỏa và giữ được nét bản sắc văn hóa. Cũng như người Thái ở Lào, người Thái ở Sơn La thích ăn cơm nếp đồ bằng chõ. Các loại món ăn chế biến từ thực phẩm rất phong phú, vị dễ ăn gồm thịt, cá chua, thịt nướng, cá nướng, lạp, nộm rau, gỏi, pịa… Bữa ăn mời khách không thể thiếu rượu, đó là biểu tượng tấm lòng cao thượng, tình cảm quý mến đối với khách.

Bên cạnh đời sống vật chất, quá trình giao lưu tiếp xúc diễn ra thường xuyên giữa nhân dân hai bên biên giới đã tạo nên một bức tranh về đời sống văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng.

Một trong những yếu tố thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La là ngôn ngữ - Tiếng Thái. Có thể khác nhau ít nhiều về cách phát âm giữa tiếng Lào và tiếng Thái nhưng về cơ bản đây là loại ngôn ngữ đơn âm tiết, không có các yếu tố hư từ, tiền tố, hậu tố trong hệ thống từ vựng, các hệ thống dấu thanh có từ cùng gốc để chỉ những vật giống nhau hoặc gần giống nhau cả về âm thanh và ngữ nghĩa. Hơn nữa, các nhóm dân tộc Thái (Thái đen, Thái trắng (Việt Nam), Phu Thay, Thái Đen, Thái Puổn (Lào) có vốn từ vựng cơ bản truyền thống nên đều có thể trao đổi với nhau bằng những nhóm ngôn ngữ Thái không khác nhau lắm cả về sắc thái và ngữ nghĩa của từ. Điều này có thể minh chứng qua bảng so sánh sau:

Tiếng Việt	Thái Việt Nam	Tiếng Lào	Thái Lào
Không	Bo	Bo	Pày
Người	Kôn	Khôn	Kôn
Núi	Pú	Phu	Pu
Bò	Ngua	Ngua	Ngô
Vợ	Mia	Mia	Mê
Muối	Cưa	Cưa	Cơ
Con Trâu	Quai	Khuôi	Kuôi

Như vậy, trong tiếng nói, điều có thể dễ dàng phân biệt sự khác nhau trước hết chính là cách phát âm và thanh điệu. Tuy nhiên, nhìn vào bảng so sánh trên ta thấy giữa tiếng Thái và tiếng Lào chỉ có sự khác biệt nhỏ và sự khác biệt này không hề ngăn cản sự giao tiếp giữa các tộc người trong cùng nhóm ngôn ngữ nói tiếng Thái.

Phong tục tập quán của cư dân hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La cũng có nhiều nét tương đồng và có mối liên hệ khá bền chặt.

Cùng là cư dân nông nghiệp nên họ có nhiều lễ hội gắn với chu kì sản xuất, chu kỳ phát triển của cây trồng như: lễ đón tiếng sấm đầu mùa bắt đầu khi mùa xuân tới (gọi là ngày hội pháo thăng thiên), lễ cầu mưa, lễ cơm mới ("khảu mớ" -

tiếng Thái, "Bun khảu chì" - tiếng Lào), lễ "Bun khun khảu nay lan" - Hội vun thóc trên sân của Lào, lễ cầu an cho bản, mường gọi là "xên bản", "xên mường"… Tất cả những lễ hội này đều là hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể, lành mạnh "*là sợi dây vô hình, một cầu nối tình cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên, với làng bản quê hương xứ sở mình. Qua lễ hội họ tin nhau, yêu nhau hơn, gửi gắm cho nhau mối tình đằm thắm, thân thiết và chân thực giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn, cùng xây dựng một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc*" [66; tr 20]

Các phong tục cưới xin, ma chay của người Thái và người Lào cũng có nhiều điểm giống nhau như: tục thách cưới, ở rể, thiêu xác…

Một số trò chơi dân gian, làn điệu dân ca giao thoa giữa hai dân tộc khó phân biệt được là của người Thái hay người Lào. Tín ngưỡng của các tộc người ở khu vực giáp biên có nhiều điểm tương đồng như thờ cúng Trời (Then), Ma (phi) (phi hươn - ma nhà, Phi bản, phi mường). Đặc biệt, các tộc người ở đây đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của Phật giáo, họ sống chân thành, mộc mạc, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, sẵn sàng giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt.

Có thể nói, sự gần gũi về địa lý, văn hóa là điều kiện quan trọng và cần thiết để hai bên tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau, thúc đẩy quá trình hợp tác toàn diện. Văn hóa là nhịp cầu nối để hai quốc gia nói chung, hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La nói riêng xích lại gần nhau. Chính sức mạnh của yếu tố văn hóa truyền thống đã góp phần xây đắp nên tình cảm đặc biệt giữa nhân dân hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La, giúp họ đoàn kết gắn bó cùng nhau trong lao động sản xuất, sinh hoạt cũng như trong các cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước qua các thời kì lịch sử.

2.3. Cơ sở lịch sử

2.3.1. Quan hệ Lào - Việt Nam trước năm 1975

Hai nước Lào và Việt Nam cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, cùng uống chung nước sông Mê Kông, là láng giềng gần gũi với nhau. Vì vậy, quan hệ Lào - Việt Nam có từ rất sớm. Hai dân tộc Lào, Việt Nam có nhiều nét tương đồng về văn hóa, về đặc điểm dân tộc. Trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm, nhân dân hai nước đã duy trì và nuôi dưỡng những mối giao lưu kinh tế, văn hóa mật thiết. Lịch sử Lào và lịch sử Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm, song quan hệ giữa hai dân tộc, giữa hai nước luôn là mối quan hệ láng giềng hữu nghị, trong sáng, thủy chung. Mọi vấn đề về an ninh và phát

triển của hai nước đều chịu tác động của tình hình nước này hoặc nước kia. Bởi vậy, nhân tố địa - chiến lược là cơ sở quan trọng trong quan hệ Lào - Việt Nam.

Trong quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản được xem là những "kiến trúc sư" cho tình đoàn kết đặc biệt này. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm xác định rõ tình đoàn kết và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào có vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình cách mạng mỗi nước. Vì vậy, Người đã cống hiến không mệt mỏi để xây dựng, vun đắp mối quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết đặc biệt giữa hai dân tộc Việt Nam và Lào. Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản cũng luôn chú trọng tới việc củng cố và vun đắp cho quan hệ hai nước và khẳng định rằng: tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam là yếu tố cơ bản, mang tính nguyên tắc, khách quan và đảm bảo cho cách mạng hai nước tồn tại và phát triển; cần giữ gìn và vun đắp cho tình hữu nghị Lào - Việt Nam bền vững mãi mãi [226; tr144].

Cũng cần thấy rõ rằng, trong sự hình thành và phát triển của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, quần chúng nhân dân là nhân tố đóng góp trực tiếp vào việc củng cố và phát triển bền vững mối quan hệ hai nước, truyền tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên sức mạnh vô địch chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, xây dựng và bảo vệ đất nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thực tế lịch sử cho thấy, quan hệ Việt Nam - Lào được hình thành từ rất sớm, khi mới bắt đầu xuất hiện cư dân Việt cổ và Lào cổ đã có sự giao lưu văn hóa với nhau. Qua các di tích khảo cổ tiền sử và sơ sử ở Lào, E. Saurin và J.Fromaget đã chỉ ra di tích văn hóa Hòa Bình ở Lào, nhất là các di tích hang động ở Bắc Lào, có những nét tương đồng với di tích văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam [73; tr18].

Cách đây hàng ngàn năm, các bộ tộc Lào đã có quan hệ hữu nghị với các bộ tộc Việt Nam ở vùng biên giới. Năm 713, quân và dân Vạn Tượng đã giúp Mai Thúc Loan trong cuộc nổi dậy chống ách đô hộ nhà Đường. Năm 1432, nghịch thần Kha Lai nổi loạn, Ai Lao cho sứ thần sang cầu cứu, vua Lê Thái Tổ đã đưa quân sang giúp. Thế kỷ XVI, một số cựu thần nhà Lê sang lánh nạn và xây dựng triều Lê Trung Hưng ở Lào [9; 31,32].

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp xâm lược các nước Đông Dương, đã chứng kiến sự liên kết hợp tác đấu tranh của cư dân hai nước. Nhiều nhà yêu nước của Việt Nam, sau thất bại của Phong trào Cần Vương, đã sang Lào cư trú, được sự đùm bọc của nhân dân các bộ tộc Lào. Các cuộc đấu tranh của ông Kẹo

và ông Commađăm (1901 - 1937), của Chậu Phạ Pát Chay ở Lào (1918 - 1922) đều phối hợp với cuộc nổi dậy của người dân Tây Nguyên và Tây Bắc Việt Nam.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, quan hệ Lào - Việt Nam có một bước phát triển mới hết sức sâu sắc - "*Quan hệ đoàn kết và hợp tác chiến đấu chống kẻ thù chung*" thực sự được thiết lập. Từ đây, cuộc đấu tranh của nhân dân Lào và Việt Nam ngày càng gắn bó. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Lào và Việt Nam là chiến công chung đầu tiên của nhân dân hai nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ năm 1930 đến năm 1975, Liên minh Lào - Việt liên tục sát cánh, từng bước đánh bại kẻ thù xâm lược, giữ vững độc lập. Liên minh đã cùng nhau xây dựng cơ sở kháng chiến, phát triển lực lượng; phát động và tổ chức nhân dân đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược; bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ trung kiên; quân dân Lào - Việt cùng nhau bền bỉ chiến đấu chống kẻ thù chung… Bên cạnh đó, sự giúp đỡ nhau trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục… đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong quan hệ xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân hai nước, nhất là nhân dân các bộ tộc Lào. Việt Nam với tinh thần quốc tế vô sản và phương châm "*giúp bạn là tự giúp mình*" đã thường xuyên đáp ứng yêu cầu cơ bản của Lào. Nhân dân Lào, mặc dù còn nhiều thiếu thốn nhưng cũng rút bớt phần lương thực, thực phẩm của mình để giúp đỡ bộ đội Việt Nam trong quá trình chiến đấu, công tác. Tuyến đường Hồ Chí Minh - Tây Trường Sơn là một minh chứng thể hiện sự đóng góp to lớn của Lào đối với cách mạng Việt Nam…

Bằng những cách như trên, Liên quân Lào - Việt Nam đã phối hợp chiến đấu trên các chiến trường chống thực dân Pháp xâm lược (từ 1945 đến 1954), giành thắng lợi cuối cùng vào năm 1954, buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ, công nhận độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Từ năm 1954 đến năm 1975, hai nước cùng tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ở mỗi nước, nhân dân hai nước Lào - Việt Nam đã đoàn kết chiến đấu, đánh bại lần lượt các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của Mĩ, buộc Mĩ phải ký Hiệp định Pari (27/1/1973) và Hiệp định Viêng Chăn (21/2/1973) lập lại hòa bình ở Việt Nam và Lào, đưa đến thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975, CHDCND Lào ra đời, Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất. Quan hệ Lào - Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới - quan hệ giữa hai quốc

gia độc lập, có chủ quyền, tự nguyện liên minh với nhau trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, cùng tiến hành xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhìn chung do sự gần gũi về điều kiện địa lý tự nhiên, nên quan hệ Lào - Việt Nam hình thành sớm, gắn bó khăng khít. Đặc biệt, từ cuối thế kỷ XIX đến 1975, hai dân tộc cùng phải đấu tranh chống kẻ thù chung, đó là chủ nghĩa thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mĩ. Mỗi khi kẻ thù xâm lược nước này thì trước sau sẽ xâm lược và can thiệp nước còn lại. Điều đó đã gắn vận mệnh hai dân tộc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, đặt ra cho hai nước mục tiêu chung: cùng chiến đấu, cùng giành thắng lợi. Mối quan hệ gắn bó khăng khít, thủy chung giữa Lào và Việt Nam trước năm 1975 là cơ sở lịch sử quý giá cho sự củng cố, phát triển quan hệ giữa hai nước trong thời gian tiếp theo.

2.3.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trước năm 1975

2.3.2.1. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trước năm 1945

Từ sự gần gũi về điều kiện tự nhiên, nền tảng văn hóa cùng với yêu cầu của công cuộc bảo vệ Tổ quốc cũng như sự phát triển của Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam), quan hệ giữa hai tỉnh được hình thành từ rất sớm.

Theo tài liệu Quắm Tô Mương (Truyện kể biên niên sử của người Thái Đen ở vùng Tây Bắc), đồng bào dân tộc Thái ở vùng Tây Bắc đã sinh cơ lập nghiệp ở Sơn La cách đây hàng ngàn năm. Sau này dân cư ngày càng đông đúc, một bộ phận dân tộc Thái vùng Sơn La - Tây Bắc đã di cư xuống một số tỉnh Tây Nguyên (Việt Nam) và Bắc Lào [55; tr28]. Núi đồi và sông ngòi đã tạo nên ở Hủa Phăn một hệ thống các thung lũng chân núi khá rộng lớn, rất gần gũi với cảnh quan miền Tây Bắc Việt Nam. Bởi vậy, không có gì lạ khi gặp được loại hình cảnh quan quen thuộc này, lối sống văn hóa điển hình của người Thái đã được tái lập lại. Thể chế xã hội kiểu bản - mường truyền thống ở Hủa Phăn giống thể chế bản - mường ở vùng Tây Bắc Việt Nam.

Sự phân bố đồng bào dân tộc sống ở Sơn La và khu vực Bắc Lào có các yếu tố tương đồng về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán sinh sống, canh tác, săn bắn và tín ngưỡng. Do đó, từ lâu đời các dân tộc hai bên biên giới Việt Nam - Lào, Sơn La và Bắc Lào (trong đó có Hủa Phăn) thường xuyên đi lại thăm hỏi, kết hôn, trao đổi, buôn bán với nhau, cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống các thế lực xâm lược.

Trong thời kì trung đại, đặc biệt vào giữa thế kỷ XIV (1353), nhà nước Lạn Xạng độc lập thống nhất ra đời ở biên cương phía Tây Đại Việt, đã được các nhà nước phong kiến Đại Việt chào đón như một nhân tố mới, một đồng minh mới .

Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427), Đại Việt nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ của Ai Lao về quân lương, vũ khí, voi, ngựa… Tại Sơn La (lúc đó là phủ Gia Hưng), Đèo Cát Hầu (dân tộc Thái Tây Bắc) đầu hàng làm tay sai cho giặc Minh, cấu kết với lực lượng Kha Lai ở Ai Lao đánh chiếm Mường Muổi (Thuận Châu). Các thủ lĩnh Châu, Mường người Thái là Sa Khả Sâm, Cầm Quý, Cầm Lạn (Mường Sang - Mộc Châu) đã lãnh đạo nhân dân Sơn La khởi nghĩa phối hợp cùng nghĩa quân của tướng Lê Sát đánh giặc. Được nhân dân vùng biên giới Việt - Lào ủng hộ giúp đỡ, nghĩa quân đã nhanh chóng đánh tan quân phiến loạn, đem lại sự bình yên cho vùng biên cương hai nước Lào - Việt [12; tr16].

Thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào khủng hoảng, chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra liên miên. Nước Lạn Xạng cũng bị chia thành 3 tiểu vương quốc: Viêng Chăn, Luông Pha Băng, Chămpasắc. Bất chấp các hoàn cảnh bất lợi của chế độ phong kiến, quan hệ nương tựa vào nhau giữa nhân dân hai nước vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng. Từ năm 1751, phong trào nông dân khởi nghĩa do Hoàng Công Chất đứng đầu ở Tây Bắc Việt Nam đã mở rộng hoạt động lên vùng Thượng Lào. Thủ lĩnh Hoàng Công Chất kéo quân từ vùng đồng bằng Bắc Bộ lên Sơn La, đoàn kết với các thủ lĩnh người Thái ở Mường Muổi (Thuận Châu), Mường La, Quỳnh Nhai; đồng thời được sự ủng hộ của nhân dân các dân tộc vùng biên giới Việt - Lào cùng nhau đánh đuổi giặc Phẻ[1] khỏi Tây Bắc [12; tr16].

Cuối thế kỷ XIX, Sơn La lại bị giặc Cờ Vàng (bộ phận thoái hóa của khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Quốc) sang cướp phá, chém giết, cưỡng bức. Nhân dân Sơn La vô cùng cơ cực. Không chịu bị cướp bóc, nhân dân các dân tộc vùng biên giới Việt - Lào đã hợp sức với các tù trưởng như Bạc Cầm Ten (Thuận Châu), Cầm Ngọc Hánh (Mai Sơn)… chống giặc Cờ Vàng. Đến năm 1880, nghĩa quân đã đuổi được giặc Cờ Vàng ra khỏi vùng Sơn La và Bắc Lào [12; tr17].

---

[1] Giặc Phẻ (hay còn gọi là Pẻ, Pọng, Nhuồn) - một tộc người trong nhóm cư dân Tày – Thái ở Thượng Lào và miền Vân Nam Trung Quốc do tên tướng tự xưng là Phạ chẩu Tin Tòng tràn sang cướp phá miền biên giới giữa Việt Nam với Lào.

Tháng 2/1886, Thực dân Pháp đánh lên Tây Bắc. Tháng 1/1888 chúng đặt chân đến Sơn La. Năm 1887, Pháp tiến vào Lào qua Việt Nam. Năm 1890, chúng lập doanh trại ở Sầm Nưa (Hủa Phăn). Phát huy truyền thống kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm, nhân dân các dân tộc khắp nơi hai bên biên giới Việt - Lào, Sơn La - Hủa Phăn đã nổi dậy chống thực dân Pháp, cản bước tiến của kẻ thù.

Từ năm 1914 đến năm 1917, hưởng ứng phong trào chống Pháp ở Sầm Nưa (Hủa Phăn - Lào) do Lường Sám khởi xướng và lãnh đạo, nhân dân các dân tộc Sơn La đã nổi dậy theo thủ lĩnh các châu, mường kiên quyết chống thực dân Pháp [4; tr38].

Năm 1918, ở Tây Bắc lại nổ ra các cuộc bạo động và nổi dậy của đồng bào Mông ở vùng cao Điện Biên dưới sự lãnh đạo của Vàng Nềnh Pha và ở vùng cao Long Hẹ (Thuận Châu) dưới sự lãnh đạo của Vừ Páo Chay (còn gọi là Pả Chay). Hai cuộc nổi dậy này có liên quan với nhau rất mật thiết. Mặc dù vũ khí thô sơ, đạn dược và lương thực, thực phẩm thiếu thốn, song nghĩa quân đã khắc phục khó khăn, kiên cường chiến đấu chống giặc trong 5 năm với địa bàn hoạt động rộng từ Sơn La đến Lai Châu, Thượng Lào, gây cho địch nhiều tổn thất lớn [4; tr39].

Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời đã tạo ra bước ngoặt trong lịch sử cách mạng ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Cũng tại thời điểm này, thực dân Pháp bắt đầu đưa tù chính trị từ miền xuôi lên giam cầm tại ngục Sơn La, phong trào đấu tranh chống Pháp của đồng bào các dân tộc Sơn La phát triển mạnh. Trong bối cảnh đó, tháng 12/1939, Chi bộ Nhà tù Sơn La được thành lập, Chi bộ đã đưa chủ trương của Đảng đến với các dân tộc Sơn La và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống thực dân, phong kiến và tay sai, tạo ra bước ngoặt mới cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tại Sơn La.

Nhiệm vụ đánh Pháp, đuổi Nhật, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập được đề ra tại Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5/1941). Để hoàn thành nhiệm vụ này, Hội nghị đã nhấn mạnh: *"Những dân tộc ở Đông Dương đều chịu ách thống trị của giặc Pháp, Nhật, cho nên muốn đánh đuổi chúng nó, không chỉ dân tộc này hay dân tộc kia mà đủ, mà phải có một lực lượng thống nhất của tất cả các dân tộc Đông Dương*" [28; tr38]. Trên tinh thần đó, "*Việt Nam độc lập đồng minh*" (Mặt trận Việt Minh) được thành lập ở Việt Nam, "*Ai Lao độc lập đồng minh*" được thành lập ở Lào. Tại Sơn La, "*Hội Người Thái cứu quốc*" (Côn tay chất mương) được thành lập, đây là hình thức tổ chức để tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh. Nòng cốt của Hội là các tổ *Thanh*

niên cứu quốc. Tại Lào, các tổ chức cứu quốc cũng phát triển, lãnh đạo sâu sát phong trào yêu nước ở các địa phương, trong đó có Hủa Phăn.

Sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện (15/8/1945), nhân dân Việt Nam đã chớp thời cơ, tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi. Sơn La giành chính quyền vào ngày 26/8/1945. Cao trào khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam tác động và hỗ trợ mạnh mẽ các lực lượng yêu nước ở Lào. Kịp thời nắm lấy thời cơ, Xứ ủy Ai Lao đã lãnh đạo các tổ chức yêu nước của Việt kiều phối hợp với lực lượng yêu nước Lào vận động nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Viêng Chăn, Sava Na Khẹt, Thà Khẹc, Xiêng Khoảng, Sầm Nưa (từ ngày16/8 đến tháng 10/1945).

2.3.2.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1945 đến năm 1975

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, thực hiện nhiệm vụ Trung ương Đảng hai nước giao, lực lượng vũ trang và nhân dân Sơn La đã sát cánh cùng nhân dân các tỉnh Bắc Lào, đặc biệt là nhân dân tỉnh Hủa Phăn chiến đấu anh dũng, từng bước đánh bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp trên địa bàn hai nước.

Sau thất bại ở Việt Bắc Thu Đông năm 1947, tại Sơn La, thực dân Pháp tìm mọi cách mở rộng phạm vi kiểm soát nhằm cô lập Tây Bắc với Việt Bắc, bảo vệ các cứ điểm của chúng ở Thượng Lào; ngăn chặn sự liên lạc của Việt Nam với nước ngoài; thực hiện vơ vét sức người, sức của phục vụ cho mưu đồ của Pháp.

Trước âm mưu mới của thực dân Pháp, để thống nhất lực lượng, thống nhất sự chỉ huy tác chiến, ngày 25/1/1948, Chính phủ Việt Nam ra sắc lệnh 120/SL và 124/SL chính thức sáp nhập Khu X và Khu XIV thành Liên khu X. Liên khu X có nhiệm vụ giúp 4 tỉnh Bắc Lào là: Sầm Nưa, Luông Pha Băng, Huội Sài, Xiêng Khoảng và thủ đô Viêng Chăn. Chiến trường Tây Bắc được chia thành 4 khu:

Khu A gồm: Nghĩa Lộ, Than Uyên, Văn Bàn, Ít Ong

Khu B gồm: Vùng Cam Đường, Lào Cai

Khu C gồm: Vùng Mộc Châu, Yên Châu, Sơn La

Khu D gồm: Dọc biên giới Việt - Lào thuộc Liên khu X [7; tr 95].

Tháng 1/1948, Trung ương chỉ thị "*Nhiệm vụ giải phóng Tây Bắc và xây dựng căn cứ địa Tây Bắc là nhiệm vụ cơ bản của Liên khu X*" [7; tr93]. Để mở rộng khu tự do dọc biên giới giáp Lào, nhất là dọc biên giới giữa Sơn La và Thượng Lào, làm chỗ dựa, cơ sở đứng chân vững chắc, tiến vào xây dựng căn cứ địa ở vùng Bắc Lào,

ngày 20/5/1948, Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia Việt Nam quyết định thành lập Ban xung phong Lào Bắc do Cayxỏn Phômvihản làm Trưởng ban. Ban xung phong Lào Bắc thành lập 12 tổ, gọi là Tổ vũ trang tuyên truyền Lào - Việt, đa số là con em các dân tộc tỉnh Sơn La. Được nhân dân các dân tộc Sơn La giúp đỡ về lương thực, thực phẩm và dẫn đường vượt qua các đồn bốt canh gác nghiêm ngặt của quân Pháp và tay sai, từ khu căn cứ Mộc Hạ, các tổ vũ trang tuyên truyền vượt qua vòng vây của kẻ thù sang hoạt động dọc biên giới. Ban xung phong Lào Bắc đã đứng chân tại bản Lao Khô (Chiềng On - Yên Châu - Sơn La) để gây dựng cơ sở cách mạng và huấn luyện quân sự cho lực lượng vũ trang cách mạng Lào trở về xây dựng khu căn cứ địa tại huyện Viêng Xay (Hủa Phăn). Được sự giúp đỡ của nhân dân hai bên biên giới và tinh thần chống kẻ thù chung của cán bộ, chiến sĩ, các đội vũ trang tuyên truyền Lào - Việt đã xây dựng cơ sở kháng chiến của Lào, từng bước củng cố, phát triển rộng ở các vùng Xiềng Khọ, Bun La, Mường Son, Sầm Nưa… tạo tiền đề cơ bản cho phong trào kháng chiến ở vùng Thượng Lào phát triển, đồng thời là nhân tố vững chắc cho nhân dân hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ, góp sức cùng nhân dân hai nước Lào - Việt đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập tự do cho nhân dân hai nước.

Nhờ xây dựng, củng cố mở rộng hậu phương kháng chiến, cục diện chiến trường Tây Bắc và Thượng Lào thay đổi theo hướng có lợi cho Liên quân, bất lợi cho thực dân Pháp. Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo Liên khu X mở chiến dịch Sông Mã, nhằm phá vỡ phòng tuyến Sông Mã của Pháp, mở thông biên giới Việt - Lào ở phía Bắc và đẩy mạnh công tác xây dựng căn cứ cho Chính phủ kháng chiến Lào [7; tr 115].

Cuối năm 1949, thực dân Pháp có âm mưu chiếm lại Xiềng Khọ nhưng thất bại. Do đó, đến năm 1950, thực dân Pháp tăng cường thêm lực lượng mở nhiều cuộc hành quân càn quét ở Lào. Quân và dân Sơn La vừa chiến đấu trong địa bàn của tỉnh đồng thời phối hợp với lực lượng vũ trang Lào đẩy mạnh tác chiến, thu nhiều thắng lợi.

Sau thất bại ở Biên giới Thu Đông năm 1950, được Mĩ viện trợ, Pháp đã tăng cường thêm lực lượng ở Đông Dương. Tại Sơn La, thực dân Pháp ra sức củng cố phòng tuyến sông Mã, đường số 41 nhằm giữ vững hành lang an toàn giữa Sơn La với Thượng Lào.

Trước âm mưu và hoạt động ráo riết của thực dân Pháp, năm 1951, Tỉnh ủy Sơn La ra Nghị quyết "*gấp rút xây dựng lực lượng, phát triển du kích chiến tranh*

lên cao độ", chỉ đạo quân và dân chi viện để giúp đỡ Thượng Lào [7; tr 125]. Giữa Sơn La và các tỉnh Bắc Lào đã hình thành một khu căn cứ liên hoàn vững chắc ở khu Tây Bắc và dọc tuyến biên giới Việt - Lào. Sơn La đã làm chỗ dựa vững chắc cho các căn cứ cách mạng của Lào trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng, hết mình chia sẻ sức người, sức của giúp đỡ đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Sau chiến dịch Tây Bắc kết thúc thắng lợi (1952), đại bộ phận Sơn La được giải phóng, quân dân Sơn La tiếp tục phối hợp với các tỉnh Bắc Lào, giữ vai trò trung chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược chi viện cho chiến dịch Thượng Lào (4/1953). Đồng thời, Sơn La cùng nhân dân Tây Bắc đóng góp 6.300 tấn gạo, 200 tấn muối, 290 tấn thịt, huy động 62.500 lượt dân công với 2.535.000 ngày công cho chiến dịch này [7; tr147], góp phần làm nên chiến thắng Sầm Nưa (5/1953) (Hủa Phăn) (nơi tập trung quân lực lớn của thực dân Pháp, căn cứ kháng chiến của Lào nối liền với vùng Tây Bắc Việt Nam). Đây là nền tảng quan trọng để quân và dân hai nước tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi cuối cùng. Chiến thắng Điện Biên Phủ 7/5/1954 đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương, thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, càng khẳng định tình đoàn kết chiến đấu Việt - Lào luôn phát huy sức mạnh trong mọi thời điểm.

Tóm lại, từ năm 1945 đến năm 1954, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chung của nhân dân hai nước Lào - Việt Nam , tập trung toàn lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu Lào - Việt, Hủa Phăn - Sơn La được phát huy cao độ với tinh thần "*Giúp bạn là giúp mình, xây cho bạn là xây cho mình*". Sơn La trở thành căn cứ địa, hậu phương vững chắc cho các tỉnh Bắc Lào, trong đó có Hủa Phăn. Đồng thời, những thắng lợi trên chiến trường Bắc Lào không chỉ có ý nghĩa bảo vệ biên giới phía Bắc Việt Nam mà còn có tác động to lớn đối với cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược (1954 - 1975)

Từ năm 1954 đến năm 1975, hai tỉnh vừa phối hợp đấu tranh chống lực lượng phỉ Vàng Pao (lực lượng "đặc biệt" do Cục Tình báo Mĩ CIA trực tiếp huấn luyện), chống chiến tranh phá hoại của Mĩ, vừa giúp đỡ nhau xây dựng chính quyền, ổn định kinh tế - xã hội.

** Hợp tác đấu tranh chống lực lượng phỉ Vàng Pao, chống chiến tranh phá hoại của Mĩ*

Từ năm 1956, tình báo Mĩ đã chú ý đến Vàng Pao - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn biệt kích số 2 do thực dân Pháp dựng lên và bàn giao lại cho Chính phủ phản động Lào. Sau khi được cất nhắc lên cấp hàm trung tá, Vàng Pao được Mĩ dựng lên thành "*người hùng*" của "*xứ Mông tự trị*". Lực lượng phỉ Vàng Pao đã phát triển lên đến 2.080 người, đóng thành nhiều đồn ở vùng biên giới Việt - Lào, gây ra nhiều vụ phức tạp dọc biên giới giáp Sơn La [8; tr 45].

Tại Sơn La, lợi dụng cuộc sống khó khăn, trình độ giác ngộ của nhân dân các dân tộc còn non kém, lực lượng phản động phao tin đồn nhảm, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, kích động chia rẽ dân tộc. Đối tượng chủ yếu mà thế lực này nhằm vào là các dân tộc ít người như đồng bào Mông, Khơ Mú, Xinh Mun. Trong hai tháng (5 và 6/1957), chúng gây các vụ "*xưng vua, đón vua*" trong đồng bào Mông tại vùng Kiến Thiết và Chiềng Tương (Mộc Châu), vùng Mường Cai (Sông Mã), trong đồng bào Khơ Mú ở Chiềng Nơi (Mai Sơn). Lực lượng phản động tung ra những luận điệu tuyên truyền hết sức dị đoan như: "*sẽ có vua Mông, vua Khơ Mú ra đời. Có vua dân sẽ sung sướng, không làm cũng có ăn, người chết sẽ sống lại. Muốn vậy dân phải chuẩn bị đón vua, phải ra sức luyện tập cúng bái, diệt hết gia súc, gia cầm màu trắng, phải kiêng cữ, không đi lao động sản xuất…*" [8; tr 45]. Việc xưng vua đón vua ở vùng cao đã lan nhanh từ Mộc Châu, Sông Mã, Mai Sơn sang các vùng Thuận Châu, Yên Châu, Phù Yên.

Về phía Lào, năm 1958, lợi dụng việc thành lập Chính phủ Liên hiệp, quân đội phản động Lào đã vào chiếm đóng Sầm Nưa - vốn trước đây là căn cứ của Pa thét Lào. Lực lượng này áp sát biên giới Sơn La, xây dựng 8 sân bay dã chiến ở hai tỉnh Sầm Nưa, Phong Xa Lỳ và 7 sân bay thả dù tiếp tế. Quân đội Chính phủ Liên hiệp Lào tổ chức 8 tổ đặc trách xâm nhập vào nội địa Sơn La, trong đó có 3 tổ hoạt động vùng dân tộc Mông, 5 tổ hoạt động vùng dân tộc Thái thuộc các xã dọc biên giới Việt - Lào. Lực lượng của Lò Khăm Thi - Bạc Cầm Quý - Vàng Pao thường xuyên khiêu khích cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Sơn La dọc biên giới. Cán bộ và nhân dân Lào bị địch khủng bố phải rời bỏ làng bản của mình chạy sang Sơn La - Tây Bắc lánh nạn. Có nơi cả bản nhân dân Lào chạy sang Sơn La tạm trú, như bản Lao Ly giáp xã Mường Lạn [8; tr 51].

Để giữ gìn an ninh biên giới, bảo vệ lãnh thổ, Quân khu Tây Bắc đã chỉ đạo các đơn vị biên phòng tỉnh Sơn La vừa làm nhiệm vụ ổn định tình hình trên đất mình, vừa tổ chức sang giúp Lào, theo đúng tinh thần Chỉ thị 52 của Ban Chỉ huy Công an nhân dân vũ trang Trung ương: "*Cách mạng Lào có quan hệ khăng khít với cách mạng Việt Nam. Trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân vũ trang là phải nâng cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, tinh thần giúp đỡ bạn không điều kiện*" [49; tr80].

Những năm 1959 - 1962 là giai đoạn khó khăn, gian khó của cách mạng Lào. Chính quyền phái hữu thẳng tay đàn áp lực lượng cách mạng Lào. Chúng tuyên bố "*sẽ truy kích lực lượng Pa thét Lào ngay trên đất Việt Nam*" [49; tr80]. Ở các xã giáp Sơn La của tỉnh Sầm Nưa, nhiều cán bộ, bộ đội và nhân dân phải chạy sang lánh nạn trước sự khủng bố gắt gao của chính quyền phản động. Các đồn biên phòng tiểu khu 53, 54 đã chủ động phối hợp cùng chính quyền các xã biên giới vận động nhân dân nhường cơm sẻ áo giúp cán bộ và nhân dân Sầm Nưa lúc gặp khó khăn. Đồng thời, là chỗ dựa vững chắc cho cán bộ, bộ đội Pa thét Lào đứng chân xây dựng lực lượng phục vụ cho chiến lược lâu dài để lấy lại Sầm Nưa.

Tháng 10/1960, Sầm Nưa được giải phóng, chính quyền cách mạng Lào được thiết lập trên toàn bộ địa bàn Sầm Nưa. Khi tình hình cách mạng Lào đã phát triển thuận lợi, các lực lượng chính quy của quân đội nhân dân Việt Nam được lệnh rút về nước, nhưng các đội công tác của Sơn La theo yêu cầu của Lào vẫn tiếp tục ở lại Lào giúp Sầm Nưa xây dựng cơ sở chính trị, chính quyền, ổn định vùng giải phóng, góp phần tăng cường, củng cố và bảo vệ biên giới Sơn La - Bắc Lào.

Song song với hoạt động trên đất Lào, từ năm 1961 đến năm 1964, lực lượng gián điệp, biệt kích phỉ Vàng Pao tiếp tục tiến hành những hành động phá hoại tuyến biên giới, nhằm buộc Sơn La phải phân tán lực lượng đối phó, ngăn cản việc phát triển sản xuất và chi viện sức người, sức của từ hậu phương ra tiền tuyến, cũng như chi viện cho cách mạng Lào; tung nhiều toán gián điệp, biệt kích vào móc nối với tàn quân phỉ, cách biên giới Việt Nam khoảng 20 km, xây dựng một số cứ điểm dọc sông Nậm Ét và sông Mã làm bàn đạp lấn chiếm vùng giải phóng Pa thét Lào đồng thời hoạt động phá hoại khu vực biên phòng Sơn La. Tất cả những hoạt động trên đều được lực lượng vũ trang Sơn La, Hủa Phăn nắm bắt, kịp thời phối hợp tiến hành tiễu phỉ, làm trong sạch địa bàn 3 tỉnh: Sầm Nưa, Phong Xa Lỳ, Luông Pha Băng, giải phóng Kha Mun và Cà Đưa, hai cụm cứ điểm quan trọng của Vàng Pao cách biên giới Sơn La 30 km.

Năm 1965, đế quốc Mĩ mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân ra miền Bắc Việt Nam, đồng thời tiến hành ném bom phá hoại các căn cứ của Pa thét Lào. Đối diện với tỉnh Sơn La, trên tuyến biên giới Việt - Lào, Mĩ tổ chức khu hành chính Pa Thí, Na Kham, lập 4 khu quân sự của phỉ Vàng Pao. Mỗi căn cứ có một tiểu đoàn trực tiếp uy hiếp Sơn La. Máy bay Mĩ vừa đánh phá các mục tiêu trong nội địa Sơn La, vừa đánh phá dữ dội các cửa khẩu Pa Háng, Chiềng Khương và đồn biên phòng Sốp Cộp. Quân và dân Sơn La đã sát cánh cùng các chiến sĩ Pa thét Lào đánh trả quyết liệt máy bay Mĩ, truy quét phỉ, bảo vệ biên giới hai nước, ổn định đời sống hai bên biên giới. Từ tháng 2 đến tháng 7/1966, bộ đội Sơn La và Pa thét Lào lần lượt giải phóng Xiềng Khọ (2/1966), Mường Son, Pa Thí (7/1966), Nậm Bạc (1/1968).

Bên cạnh hợp tác chiến đấu, để giúp Lào xây dựng lực lượng, Tỉnh ủy Sơn La đã chỉ đạo Tỉnh đội phối hợp với Công an vũ trang mở hai khóa huấn luyện đào tạo cán bộ quân sự và nghiệp vụ bảo vệ trên đất Lào, xây dựng cơ sở chính trị làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang địa phương Lào. Nhiều học viên sau khi huấn luyện đã trở thành những cán bộ nòng cốt của phong trào bảo vệ an ninh ở các địa phương Lào.

Những chiến thắng quân sự đã tạo đà để lực lượng vũ trang Sơn La giúp Bắc Lào trong việc củng cố chính quyền cơ sở; đào tạo bồi dưỡng được hơn 300 cán bộ chính quyền các cấp, tổ chức kết nạp thêm 200 du kích, dìu dắt hơn 600 du kích cùng tham gia chiến đấu, xây dựng được 3 đại đội địa phương cho bạn; tổ chức 8 trường dạy văn hóa, 12 đội văn nghệ thôn bản [8; tr 260].

** Hợp tác xây dựng chính quyền, phát triển sản xuất, ổn định kinh tế - xã hội*

Theo Thông tri của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (16/3/1967) về việc quy định trách nhiệm của các tỉnh trong việc thực hiện kế hoạch giúp Lào xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa ở vùng giải phóng: "*Các tỉnh cần căn cứ theo khối lượng công tác mà lập bộ máy tương ứng giúp việc do một cấp ủy viên phụ trách"* (có thể gọi là Ban công tác miền Tây của tỉnh) [46; tr128]. Theo đề nghị của Tỉnh ủy Sầm Nưa, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính Sơn La quyết định thành lập Ban Miền Tây - Cơ quan chuyên làm công tác giúp Lào. Năm 1967 đánh dấu mốc mở đầu lịch sử quan hệ Hủa Phăn, Sơn La với sự kiện ký kết và ra Nghị quyết về việc tỉnh Sơn La giúp huyện Xiềng Khọ và huyện Mường Son tỉnh Hủa Phăn xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa (17/5/1967), nhằm nâng cao đời sống của hai huyện, góp phần củng cố vùng giải phóng của nước Lào. Tại cuộc hội đàm này, hai

Đảng bộ đã kết nghĩa với nhau trên nguyên tắc: bình đẳng, tương trợ hợp tác quốc tế, tôn trọng lẫn nhau với tinh thần đoàn kết đồng chí, anh em [46; tr 413].

Sau Nghị quyết của Tỉnh ủy Sơn La số 74/VPKSL và của Tỉnh ủy Hủa Phăn số N.17-05-67, hai tỉnh tiếp tục ký kết Biên bản về hợp tác kinh tế, văn hóa (26/8/1968) [46; tr 434]; Biên bản ghi nhớ (11/1969) [78; tr1]. Hai bên thống nhất, Sơn La xây dựng kế hoạch cụ thể giúp từng huyện, kế hoạch chung của cả hai huyện, nhưng do điều kiện hoàn cảnh khác nhau nên lấy huyện Xiềng Khọ làm trọng điểm.

Thực hiện nội dung hợp tác, quan hệ Sơn La - Hủa Phăn từ 1967 đến 1975 đã đạt thành quả quan trọng trong công tác củng cố chính quyền, giúp đỡ nhau xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội.

Về chính trị: Những chiến thắng quân sự đã tạo đà để lực lượng vũ trang Sơn La giúp Hủa Phăn trong việc củng cố chính quyền cơ sở; đào tạo bồi dưỡng được hơn 300 cán bộ chính quyền các cấp, tổ chức kết nạp thêm 200 du kích, dìu dắt hơn 600 du kích cùng tham gia chiến đấu, xây dựng được 3 đại đội địa phương; tổ chức 8 trường dạy văn hóa, 12 đội văn nghệ thôn bản [8; tr 260].

Về kinh tế: Sơn La đã giúp Xiềng Khọ, Mường Son (Hủa Phăn) xây dựng được những điển hình về trồng trọt và chăn nuôi, hướng dẫn đào tạo kĩ thuật, nhân giống lúa chiêm, thuần hóa giống lúa địa phương; cung cấp thuốc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; hoàn thành công trình thủy lợi Chiềng Khương - Xiềng Khùn; khôi phục cơ sở sản xuất cánh kiến đỏ ở xã Xiềng Khùn; xây dựng cơ sở sản xuất và sửa chữa dụng cụ, cơ sở rèn Mường Son, xay xát Mường Ét; cải tạo, khai thông tuyến đường ngựa Kang Kéo - Sốp Tiu; ký kết hợp đồng thương nghiệp hàng năm đáp ứng khả năng của đôi bên [46; tr 438, 439]…

Về văn hóa - xã hội: Sơn La giúp Hủa Phăn đào tạo cán bộ cho các chuyên ngành y tá, trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, lâm nghiệp, thương nghiệp, kế toán; ưu tiên điều trị cho cán bộ và gia đình có công với cách mạng của hai huyện tại bệnh viện tỉnh (5 giường một đợt); phun thuốc diệt muỗi phòng chống sốt rét cho nhân dân hai huyện; chuyển giúp thuốc men viện trợ cho Mường Son qua đường Sơn La; củng cố, xây dựng mới hệ thống trạm xá; giúp sửa chữa máy điện tín khắc phục liên lạc chỉ đạo giữa tỉnh với huyện [46; tr440, 441].

Có thể nói, 20 năm kháng chiến chống Mĩ, quan hệ Sơn La - Hủa Phăn hòa cùng nhịp bước của hai nước Việt Nam - Lào vì sự nghiệp giải phóng thống nhất

đất nước. Sơn La đã liên tục bền bỉ, hết sức chi viện cho cách mạng Lào, sát cánh cùng bạn Lào chiến đấu tiêu diệt, đẩy lùi kẻ địch, giải phóng nhân dân và đất đai, mở rộng khu căn cứ cách mạng, xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, phát triển sản xuất, góp phần củng cố và phát triển tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị đặc biệt Việt - Lào.

2.4. Cơ sở lợi ích

Trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới, từ xưa cho đến nay, lợi ích quốc gia luôn được xem là điểm xuất phát của chính sách đối ngoại của mỗi nước. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đất nước, của dân tộc là căn cứ để đặt ra chính sách đối ngoại của một quốc gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc luôn đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu. Người nhấn mạnh: Việt Nam "*sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của Việt Nam để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới*" [62, tr 8]. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Cayxỏn Phômvihản cũng khẳng định: "*Chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ về mọi mặt với các nước tôn trọng độc lập và chủ quyền của Lào, không can thiệp vào công việc nội bộ của Lào, theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hòa bình, để xây dựng đất nước của mình*" [47, tr 24].

Lợi ích quốc gia chân chính phải gắn với trách nhiệm quốc gia; hay nói cách khác thực hiện các trách nhiệm một cách hợp lý, chính đáng, chính là làm lợi cho quốc gia. Đối với một quốc gia, bảng cân đối "được" và "mất" không nên chỉ được tính toán tại một thời điểm mà cần nhìn xa hơn, không chỉ trên một phương diện mà cần trông rộng hơn, không chỉ có lợi ích vật chất và còn cả những khía cạnh phi vật chất.

Điều kiện địa lý và lịch sử đã gắn kết vận mệnh hai nước Việt Nam - Lào trên bán đảo Đông Dương. Các đội quân tình nguyện Việt Nam đã sát cánh cùng lực lượng cách mạng Lào để chống kẻ thù chung là thực dân Pháp, sau là đế quốc Mỹ vì mục tiêu độc lập của mỗi nước, vì hoà bình trên toàn bán đảo. Như vậy, lợi ích của mỗi dân tộc gắn liền với lợi ích của hai quốc gia, hun đúc thành tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân hai nước Việt - Lào. Nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế được hoàn thành trên cơ sở của những điều kiện lịch sử như vậy, nên nó được khẳng định và mang lại chiến thắng.

Sau khi giành được độc lập, ngày 11/2/1976 ,Việt Nam, Lào cùng nhau ký kết "Tuyên bố chung Việt Nam - Lào", trong đó có nội dung "*Hai bên hết lòng ủng hộ*

sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và công cuộc xây dựng của mỗi nước, cổ vũ nhau, phối hợp chặt chẽ với nhau chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động tay sai theo yêu cầu của mỗi bên; hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không ngừng tăng cường đoàn kết và tin cậy lẫn nhau; hợp tác giữa hai nước về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật theo nguyên tắc cùng có lợi và hết lòng giúp đỡ nhau" [47, tr 51].

Quan hệ Lào - Việt Nam đã và đang đóng góp tích cực cho sự phát triển của hai quốc gia. Những lợi ích từ mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam được ghi nhận ở thành tựu hợp tác trên tất cả các lĩnh vực giữa hai bên.

Nằm trong quan hệ Lào - Việt Nam, quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam), ngoài những cơ sở điều kiện địa lý tự nhiên, văn hóa, lịch sử và nền tảng quan hệ hai nước Việt Nam - Lào cũng cần phải tính đến lợi ích của cả hai tỉnh, thậm chí lợi ích cần được xem là yếu tố có tính chất động lực của hoạt động hợp tác giữa hai bên.

Trong lịch sử, lợi ích từ hợp tác giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã được minh chứng bằng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Lợi ích của mỗi tỉnh cũng là lợi ích chung của cả hai quốc gia, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, ổn định và phát triển.

Có thể nhìn nhận lợi ích của quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La trên một số phương diện chủ yếu sau:

Về mặt chính trị - an ninh: Nếu quan hệ chính trị - an ninh giữa hai tỉnh diễn ra tốt đẹp thì sẽ thúc đẩy các hoạt động hợp tác khác phát triển. Hơn nữa, mối quan hệ của cư dân hai bờ biên giới vốn có truyền thống lâu đời càng trở nên gần gũi, thân thiết hơn, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, đóng góp quan trọng vào công cuộc gìn giữ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của hai quốc gia Lào - Việt Nam. Đồng thời, do vị trí địa lý hai tỉnh đều là những khu vực xung yếu của hai quốc gia, các thế lực thù địch chưa hết âm mưu chia rẽ khối đoàn kết giữa hai dân tộc bằng diễn biến hòa bình. Vì vậy, đảm bảo an ninh biên giới hai tỉnh không những có lợi cho hai tỉnh, hai quốc gia mà còn góp phần vào sự nghiệp giữ gìn trật tự an ninh khu vực Đông Nam Á.

Về mặt kinh tế: Hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La đều là những tỉnh nghèo của Lào và Việt Nam, nền kinh tế hàng hóa phát triển chậm do thị trường nhỏ hẹp, giao thông đi lại khó khăn. Tuy nhiên, nền kinh tế hai tỉnh sẽ có thể khởi sắc nếu hoạt động trao đổi thương mại giữa hai bên được thúc đẩy mạnh hơn. Bởi lẽ, mặc dù là những địa phương nghèo của hai quốc gia, nhưng Hủa Phăn, Sơn La đều là những tỉnh còn nhiều tiềm năng để phát triển nên có thể bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Trong điều kiện cho phép, hai tỉnh trở thành người bạn đối tác quan trọng trong hoạt động kinh tế, cùng nhau thoát khỏi đói nghèo. Thực tế, hàng hóa tiêu dùng ở Hủa Phăn phổ biến là hàng Thái Lan, ngược lại ở thị trường Sơn La hiếm có mặt hàng của Lào. Vì vậy, có chính sách hợp tác kinh tế thích hợp sẽ mở rộng thị trường của hai tỉnh.

Hợp tác trên các lĩnh vực khác như: đầu tư, khoa học kỹ thuật, giao thông vận tải, văn hóa - giáo dục, y tế, hợp tác đường biên… được đẩy mạnh cũng sẽ có thêm nhiều lợi ích trong quá trình xây dựng và phát triển của mỗi tỉnh. Thực tế, các dự án đầu tư về cơ sở sản xuất, trường học, bệnh viện và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp của tỉnh Sơn La cho Hủa Phăn đã giúp Hủa Phăn mở mang xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật để phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Ngược lại, thông qua những dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ đó, Sơn La có cơ hội phát triển các doanh nghiệp, thêm việc làm cho nhân dân lao động. Đồng thời, các hợp tác này góp phần tăng cường sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, bồi đắp tình cảm giữa nhân dân hai tỉnh, hai nhà nước.

Như vậy, lợi ích từ quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La là rõ ràng và là động lực quan trọng trực tiếp thúc đẩy sự hợp tác giữa hai bên ngày càng bền chặt. Bên cạnh những lợi ích, những vấn đề phát sinh từ mối quan hệ toàn diện cũng xuất hiện như: buôn lậu, tội phạm qua biên giới, di cư trái phép… đòi hỏi hai bên cùng nhìn nhận và chung tay giải quyết. Tính toán lợi ích mở ra cơ hội hợp tác, đồng thời đối mặt với những thách thức là hai mặt trong quá trình hợp tác và phát triển của mỗi tỉnh.

2.5. Chủ trương, chính sách của hai đảng, hai nhà nước về quan hệ Lào - Việt Nam (1975 - 2012)

Từ năm 1975 đến năm 2012, hai đảng, hai nhà nước Lào, Việt Nam đều nhận thức rõ là: Lào có ổn định thì Việt Nam mới ổn định và ngược lại, vì vậy, cần tiếp tục

dựa vào nhau, giúp đỡ nhau để vượt qua thử thách, hợp tác với nhau toàn diện để cùng phát triển. Vì vậy, hai bên đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm củng cố, phát triển mối quan hệ này như: đưa ra nghị quyết, thông tri, chỉ thị tăng cường hợp tác giữa hai nước; thường xuyên ra tuyên bố chung trong các cuộc gặp gỡ cấp cao; ký kết hiệp ước, hiệp định theo kế hoạch trên các lĩnh vực hợp tác…

Quan hệ Lào - Việt Nam được định hướng bởi Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam. Vai trò của hai đảng trong mối quan hệ này được thể hiện ở đường lối đối ngoại trong cương lĩnh chính trị qua các kỳ đại hội, được cụ thể hóa bằng nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Trước mỗi bước phát triển của quan hệ Lào - Việt Nam, hai đảng đều đưa ra nghị quyết nhằm tổng kết thành tựu của mối quan hệ, xác định tình hình, điều kiện lịch sử mới, xây dựng nhiệm vụ cần làm của hai đảng, hai nhà nước.

Sau khi hai nước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ vào năm 1975, ngày 30/4/1976, Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết số 251-NQ/TW về tăng cường đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới, đặt ra yêu cầu đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam cần phải: "*tăng cường đoàn kết, tích cực hợp tác và giúp đỡ đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào trong sự nghiệp bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, củng cố độc lập chủ quyền dân tộc, xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước*", "*xây dựng tình đoàn kết hữu nghị thắm thiết giữa hai đảng, hai dân tộc, quan hệ hợp tác bình đẳng, hai bên cùng có lợi và tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau và coi đó là một trong những nhiệm vụ quốc tế hàng đầu của mình*" [47; tr65, 66]. Trong báo cáo của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào - Cayxỏn Phômvihản tại Hội nghị Liên tịch và Hội đồng Nhân dân tối cao Lào tháng 2/1977 đặt ra yêu cầu: "*Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta có nghĩa vụ giữ gìn và phát triển mối quan hệ đặc biệt với Việt Nam, Campuchia để tăng thêm sức mạnh của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Cần mở rộng hơn nữa sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau lâu dài và toàn diện giữa nước ta với các nước Việt Nam và Campuchia anh em trên tinh thần quốc tế vô sản…*" [47; tr150].

Sau Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia tại Viêng Chăn tháng 2/1983, đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước Lào - Việt Nam, tháng 9/1983, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ra

Nghị quyết số 33-BCT (4/9/1983) về tăng cường đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam và tranh thủ sự giúp đỡ và hợp tác với Việt Nam trong những năm trước mắt [47;tr 427]; Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết số 10-NQ/TW (11/4/1983) về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới [47; tr408]. Nội dung chung của hai nghị quyết này, bên cạnh sự công nhận tầm quan trọng của nhau trong công tác đối ngoại, xây dựng phát triển đất nước, Lào và Việt Nam đều đưa ra những quyết nghị cụ thể hợp tác trên các lĩnh vực: chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, hợp tác toàn diện giữa các địa phương…

Cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới của Lào và Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2012, nhất là sự kiện cả Việt Nam và Lào gia nhập tổ chức GMS năm 1992; Hiệp hội ASEAN (Việt Nam, 28/7/1995 và Lào, 23/7/1997), trước bối cảnh lịch sử mới, cả Lào và Việt Nam đều nhận thấy cần phải đổi mới phương thức hợp tác cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ.

Ngày 30/12/1987, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Quyết định số 35-QĐ/TW về đổi mới phương thức quan hệ với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia. Đổi mới phương thức quan hệ được quy định: quan hệ giữa hai Đảng là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở nhất trí thỏa thuận giữa Đảng với Đảng; không còn chuyên gia cấp cao bên cạnh cấp cao của Trung ương Đảng Lào; quan hệ cấp Trung ương thông qua đại diện Bộ Chính trị; quan hệ thường xuyên thông qua Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; quan hệ trên các lĩnh vực phải được phê chuẩn, giám sát của Nhà nước Trung ương…[48; tr33, 34]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (khóa IV) (ngày 25/01/1990) nhấn mạnh: trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, Đảng và Nhà nước Lào càng cần phải kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập và hữu nghị… hơn bao giờ hết phải tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt với Việt Nam [48; tr 62]. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tại Đại hội lần thứ VI (ngày 18/3/1996) cũng chỉ rõ: quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Lào với Việt Nam không ngừng được tăng cường theo hướng thiết thực và hiệu quả, phù hợp với công cuộc đổi mới của mỗi nước và đặc điểm của tình hình quốc tế [48;tr 313].

Từ thực tế của sự phát triển kinh tế, xã hội mỗi nước với những tác động của bối cảnh khu vực và quốc tế, từ năm 2000 đến năm 2012, Bộ Chính trị hai Đảng đã

thống nhất định hướng chương trình, kế hoạch hợp tác Lào - Việt Nam qua các kế hoạch 5 năm: 2001 - 2006; 2006 - 2010. Tư tưởng chỉ đạo trong giai đoạn này là tiếp tục phát huy mối quan hệ truyền thống tốt đẹp, có hiệu quả trong mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam. Kết hợp chặt chẽ giữa hợp tác chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Lấy mục tiêu chính trị làm cơ sở xem xét hiệu quả cho các hoạt động kinh tế trên cơ sở phát huy và duy trì các kết quả hợp tác đã đạt được; sử dụng tốt tiềm năng, thế mạnh và bảo đảm sự phát triển bền vững môi trường sinh thái của mỗi nước; nâng cao hiệu quả và tăng cường ảnh hưởng thông qua hợp tác kinh tế; đồng thời có cơ chế hỗ trợ thông thoáng, tạo sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp hoạt động đầu tư, thương mại trên thị trường hai bên [9; tr 657].

Trên cơ sở định hướng của hai Đảng, hàng năm tại các cuộc gặp gỡ cấp cao, Tuyên bố chung Lào - Việt Nam ra đời là một chủ trương, đồng thời cũng là biểu hiện của sự tăng cường mối quan hệ này. Các *Tuyên bố chung* (ngày 11/2/1976); *Tuyên bố chung Việt Nam - Lào* năm 1985; *Tuyên bố chung cấp cao Việt Nam - Lào* tháng 4/1993 đều khẳng định: "*Quyết tâm cao của hai Đảng và hai Nhà nước ra sức bảo vệ và không ngừng vun đắp cho quan hệ hữu nghị và đoàn kết đặc biệt Việt - Lào ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu*" [47; tr40, 504], [48; tr175]. Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - Lào khi bước sang thế kỷ XXI, được thể hiện trong các bản *Tuyên bố chung* (7/2001); (6/3/2005); (25/4/2009); (22/6/2011), hai bên tiếp tục khẳng định: "*Truyền thống đoàn kết đặc biệt và mối quan hệ thủy chung giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào"*; "*…quyết tâm giữ gìn và phát huy truyền thống đó như một tài sản vô giá của cả hai dân tộc,… đưa quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào lên một tầm cao mới*". Hai bên nhất trí "*đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi, kết hợp thỏa đáng tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam - Lào với thông lệ quốc tế, vì sự phát triển phồn vinh của mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và trên thế giới*" [48; tr 678].

Hệ thống các hiệp ước, hiệp định từ 1975 đến 2012 của hai Chính phủ Lào - Việt Nam về hợp tác trên các lĩnh vực đều nhằm cụ thể hóa chủ trương của hai Đảng. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ký ngày 18/7/1977 là hiệp ước toàn diện mang tính chất chiến lược lâu dài, đánh dấu bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước, là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng cường tình đoàn kết, mối

quan hệ đặc biệt Lào - Việt. Hiệp ước nêu rõ: *"Hai bên cam kết ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, không ngừng tăng cường tình đoàn kết và tin cậy lẫn nhau, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trên tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản và theo nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau*" [47; tr 200]. Từ sau khi Hiệp ước hữu nghị và hợp tác được ký kết, hai bên liên tục đẩy mạnh, mở rộng mối quan hệ hữu nghị hợp tác thông qua việc ký kết, thực hiện hàng loạt các kế hoạch, hiệp định trên nhiều lĩnh vực khác nhau, tiêu biểu:

- Hiệp định về Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật 1992 - 1995 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ngày 15/2/1992 [48; tr140].

- Hiệp định Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thời kỳ 1996 - 2000 (ngày 14/1/1996) [48; tr293].

- Bản thoả thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010 ký ngày 6/2/2001 [48; tr456].

- Hiệp định về Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2006 - 2010 ký ngày 4/1/2006 [48; 687].

Có thể nói số lượng và tính chất toàn diện cũng như các cam kết trong các hiệp ước, hiệp định hàng năm giữa hai quốc gia Lào, Việt Nam thể hiện sự quan tâm của hai đảng, hai nhà nước trong việc xác định mối quan hệ Lào - Việt Nam vượt lên trên các đối tác thông thường, trở thành quan hệ "đặc biệt", "toàn diện".

Quan hệ Lào - Việt Nam là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của hai nước Lào và Việt Nam. Những chủ trương, chính sách phát triển mối quan hệ này của hai đảng, hai nhà nước từ năm 1975 đến năm 2012 là cơ sở định hướng cho các tỉnh có chung đường biên giới giữa hai quốc gia, trong đó có Hủa Phăn và Sơn La đưa ra những chính sách cụ thể nhằm củng cố, tăng cường mối quan hệ của mình.

Tiểu kết chương 2

Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam) có vị trí địa lý liền kề nên có nhiều điểm tương đồng về khí hậu, đất đai, sông suối, tài nguyên khoáng sản…điều này chi phối đến đặc điểm kinh tế của hai tỉnh với nền kinh tế nông - lâm nghiệp là chủ đạo. Từ sự gần gũi về điều kiện tự nhiên, nền tảng văn hóa cùng với yêu cầu của công cuộc bảo vệ Tổ quốc cũng như sự phát triển của Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam), quan hệ giữa hai tỉnh này được hình thành từ rất sớm. Các dân tộc hai bên biên giới Sơn La - Hủa Phăn thường xuyên đi lại thăm hỏi, kết hôn, trao đổi, buôn bán với nhau, cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống các thế lực xâm lược. Không chỉ có vị trí địa lý tiếp giáp đơn thuần, Hủa Phăn, Sơn La còn là hai địa phương có vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh, nên suốt chiều dài lịch sử hai tỉnh luôn gắn vận mệnh với nhau. Nhân dân Sơn La và nhân dân Hủa Phăn đã đồng cam cộng khổ, giúp đỡ lẫn nhau, là hậu phương của nhau trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Sự gắn bó ấy là nhân tố quan trọng cho sự thắng lợi của nhân dân hai tỉnh trước mọi thế lực thù địch, đồng thời là nhân tố không thể thiếu đối với sự phát triển của hai tỉnh trong các giai đoạn tiếp theo.

Quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La được khởi nguồn và hun đúc bởi quan hệ hai nước Lào, Việt Nam, dưới sự định hướng của Đảng NDCM Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, lợi ích từ mối quan hệ này đã được kiểm chứng trong lịch sử, do đó, lợi ích trên các phương diện chính trị, an ninh, kinh tế… sẽ là động lực quan trọng, trực tiếp thúc đẩy sự hợp tác giữa hai bên ngày càng bền chặt.

Có thể khẳng định, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có cơ sở nền tảng vững chắc từ nhiều góc độ: địa lý tự nhiên và văn hóa tương đồng, truyền thống lịch sử, nền tảng quan hệ Lào - Việt và lợi ích quốc gia dân tộc. Những nhân tố này có quan hệ biện chứng với nhau, đảm bảo cho sự phát triển quan hệ hữu nghị, đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG 3
QUAN HỆ HỦA PHĂN - SƠN LA GIAI ĐOẠN 1975 - 1986

3.1. Các nhân tố tác động đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La (1975 - 1986)

3.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực (1975 - 1986)

Chiến tranh Việt Nam kết thúc đã dẫn tới một cục diện mới ở Đông Nam Á. Cuộc tranh giành ảnh hưởng của ba nước lớn Mĩ - Xô - Trung, đặc biệt là sự xích lại gần nhau giữa Mĩ và Trung Quốc đã tác động mạnh mẽ đến tình hình Đông Nam Á, làm cho khu vực này tiếp tục là một điểm nóng trong thập niên cuối cùng của cuộc Chiến tranh lạnh. Đồng thời, sự thất bại của Mĩ trong chiến tranh Việt Nam đã tạo điều kiện cho các nước ASEAN khả năng độc lập, tự chủ hơn trong chính sách, chiến lược đối ngoại. Tháng 2/1976, tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ nhất của ASEAN, các nước ASEAN đã kí kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Bali) nhằm xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, thể hiện xu hướng mong muốn cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương.

Vì thế trong những năm tiếp theo, hoạt động ngoại giao giữa nhóm nước Đông Dương và ASEAN diễn ra nhộn nhịp hơn. Thiện chí của Việt Nam, cùng với những cố gắng của các nước ASEAN đã tạo ra những cơ sở đầu tiên cho việc xây dựng một Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác. Tuy nhiên, do sự tác động của cuộc Chiến tranh lạnh, sự đối đầu Xô - Mĩ, tham vọng mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc đã dẫn đến sự chuyển dịch trong quan hệ giữa ASEAN với nhóm nước Đông Dương. Khủng hoảng khu vực bắt đầu và chủ yếu xoay quanh vấn đề Campuchia. Vì vấn đề Campuchia mà Đông Nam Á bị chia thành hai nhóm nước đối đầu: một bên là các nước Đông Dương còn bên kia là các nước ASEAN. Tình hình trở nên căng thẳng hơn khi đứng sau tập đoàn Pôn Pốt là sự trợ giúp của Trung Quốc với ý đồ mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á. Với mục đích buộc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, ngày 17/2/1979, Trung Quốc đưa quân tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới giữa hai nước. Mặc dù Chiến tranh Biên giới 1979 diễn ra trong thời gian ngắn (17 ngày từ 17/2 đến 5/3/1979), 60 vạn quân Trung Quốc đã rút khỏi khu vực biên giới Việt Nam, nhưng những tổn thất mà nó để lại đối với Việt Nam là không hề nhỏ.

Việc Việt Nam giúp đỡ nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt và hồi sinh đất nước Chùa Tháp đã bị một số nước ASEAN đánh giá sai lệch và lấy đó làm lý do để tập hợp lực lượng cùng với Trung Quốc, Mĩ bao vây cấm vận Việt Nam và các nước Đông Dương. Tình hình khu vực vẫn tiếp tục căng thẳng xung quanh vấn đề Campuchia cho đến giữa thập niên 1980. Từ năm 1982, Việt Nam bắt đầu thực hiện việc rút quân về nước. Sau sự kiện này, năm 1985, tại Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN (AMM), Inđônêxia được các nước ASEAN cử làm đại diện đối thoại với các nước Đông Dương. Inđônêxia trở thành sứ giả hòa giải giữa hai nhóm nước, mở ra xu thế đối thoại trong khu vực. Đồng thời, những diễn biến của tình hình quốc tế trong thời gian này có ảnh hưởng quan trọng đến xu thế hòa giải trong khu vực. Sự hòa hoãn trong quan hệ giữa hai cực Xô - Mĩ đã dẫn tới xu thế hòa dịu trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô cũng đặt ra cho các nước xã hội chủ nghĩa nói chung những thách thức to lớn.

Tình hình khu vực, đặc biệt là việc giải quyết vấn đề Campuchia ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ giữa ba nước Đông Dương, trong đó Lào - Việt Nam có chung trận tuyến chống lại ASEAN cũng như chi phối của các cường quốc. Vì vậy, Lào và Việt Nam cần tăng cường đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. Hơn nữa, trong bối cảnh bị cấm vận, nền kinh tế, xã hội và chính trị của Lào và Việt Nam hết sức khó khăn cũng cần hợp tác tương trợ để ổn định và phát triển. Việt Nam, là nước có tiềm lực hơn Lào, vì vậy giữ vai trò giúp đỡ, viện trợ Lào xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, tạo nên sự gắn kết bền chặt giữa hai nước. Trong bối cảnh chung của hai nước, hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La cũng cần tăng cường hợp tác, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ vững chắc biên giới của hai quốc gia Lào, Việt Nam.

3.1.2. Bối cảnh Lào, Việt Nam và quan hệ giữa hai nước (1975 - 1986)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ năm 1975 đã đưa hai nước Lào và Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hòa bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tháng 12/1975, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được thành lập, quyết tâm đưa "*Nước Lào tiến nhanh và vững chắc trên con đường độc lập, tự chủ, thống nhất và thịnh vượng, đảm bảo cho nhân dân các dân tộc có một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc mãi mãi*" [54;tr 46]. Đây là động lực to lớn để nhân dân Lào bước vào

thời kỳ xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, là một nước nhỏ trong khu vực, trải qua những thăng trầm của lịch sử, nhân dân Lào phải đối mặt với không ít khó khăn trên con đường phát triển của mình. Trình độ phát triển kinh tế và hệ thống quản lý hành chính của Lào còn lạc hậu. Đến giữa thập niên 1970, Lào vẫn là một nước nông nghiệp có nền kinh tế tự cấp tự túc, phân tán với trình độ sản xuất thấp kém. Nền công nghiệp phát triển què quặt trong thời kỳ thuộc địa, chỉ chiếm tỷ lệ 7% trong nền kinh tế quốc dân… Hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm dẫn tới hầu hết các thị xã, thị trấn, 40% bản, mường trong vùng giải phóng cũ, các trường học, bệnh viện, nhiều tuyến đường giao thông, các kênh mương thủy lợi bị tàn phá nặng nề; 10 vạn ha trên tổng số 50 vạn ha ruộng bị bỏ hoang [9; tr 517]… càng khiến nhân dân Lào phải đối đầu với những thách thức lớn. Không chỉ vậy, sau năm 1975, Mĩ tăng cường câu kết với các thế lực phản động nằm vùng hoạt động chống phá cách mạng Lào. Tính đến năm 1976, lực lượng này có khoảng 25.000 người, lập các đảng phái chính trị phản động như "Chính phủ Hoàng gia Lào", "Mặt trận cứu quốc Lào", "Mặt trận cứu nước trung lập". Lực lượng này nhiều lần tổ chức bạo loạn ở những nơi chính quyền còn non yếu, lôi kéo hàng vạn người Lào di tản, tổ chức mạng lưới gián điệp, xây dựng cơ sở chính trị phản động ở nội địa Lào, mua chuộc, lôi kéo cán bộ, đảng viên, chia rẽ hàng ngũ Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, chia rẽ Lào với Việt Nam để tách Lào khỏi mối quan hệ với Việt Nam.

Trước bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ ba (khóa II) Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (tháng 12/1975) đã đề ra đường lối xây dựng phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, tập trung xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội trên cơ sở phát triển nông lâm nghiệp, mở rộng diện tích đất trồng trọt, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Trên cơ sở đó, nhân dân Lào thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế trong hai năm đầu (1976 - 1977) và sau đó tiến hành phát triển kinh tế - xã hội trong ba năm (1978 - 1980). Những kế hoạch trên đã đạt được một số kết quả bước đầu, một số chỉ tiêu kinh tế đã trở thành hiện thực. Về nông nghiệp, diện tích trồng lúa trong cả nước đã tăng lên 426.930 ha với năng suất 1,65 tấn/ha, diện tích nương từ 201.991 ha (1976) tăng lên 337.036 ha (1980), sản lượng lúa năm 1979 đạt 920.000 tấn, năm 1980 đạt 1 triệu tấn. Hệ thống giao thông vận tải trong nước

đã có những chuyển biến đáng kể, góp phần thúc đẩy kinh tế và giao thương phát triển. Hoạt động của các ngành công nghiệp bước đầu được khôi phục [65; tr 501].

Từ năm 1981, nhân dân Lào bắt đầu thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1981 - 1985) theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (khóa II) Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Bằng những nỗ lực to lớn của nhân dân các bộ tộc Lào, Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt được một số kết quả khả quan. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 1985 đạt 26 tỉ kíp, tăng 60% so với năm 1980 và tăng gấp hai lần năm 1976 [65; tr 502]. Sản lượng lúa tiếp tục đạt trên 1 triệu tấn, một số xí nghiệp công nghiệp phục hồi và phát triển phục vụ nhu cầu trong nước. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh những thành tựu bước đầu, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu sau ngày giải phóng cũng đã bộc lộ một số sai lầm, thiếu sót về đường lối và chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy đất nước Lào vào một thời kỳ khó khăn mới.

Phía bên kia biên giới, chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975 và cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung ngày 25/4/1976 được tiến hành trên cả nước đã đánh dấu Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ và Nhà nước.

Cũng giống Lào, Việt Nam có nhiều thuận lợi khi bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, với xuất phát phát điểm thấp, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu cộng với hậu quả chiến tranh kéo dài, Việt Nam phải đối phó với không ít khó khăn. Bom đạn Mĩ đã giết hại gần 2 triệu người, làm 2 triệu người bị tàn tật và 2 triệu người bị nhiễm chất độc hại, trong đó có khoảng 5 vạn trẻ em bị dị dạng. Sau ngày giải phóng, 3 triệu người ở thành thị và nông thôn miền Nam không có việc làm, hơn 1 triệu ngụy quân, ngụy quyền tan rã tại chỗ cần được cải tạo; hàng chục vạn dân nghèo, thiếu đói và 27 vạn thương phế binh cần được giúp đỡ ổn định cuộc sống…[9; tr 516]. Ở miền Bắc Việt Nam, trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, gần như toàn bộ các thành phố, thị xã đều bị đánh phá, trong đó 12 thị xã, 51 thị trấn bị phá hủy hoàn toàn, 4.000 trong tổng số 5.788 xã bị đánh phá, trong đó có 30 xã bị phá hủy hoàn toàn. Tất cả các khu công nghiệp, các nhà máy điện, các tuyến đường sắt, 100% cầu, toàn bộ hệ thống bến cảng, đường biển, đường sông và kho tàng đều bị đánh phá nghiêm trọng [9; tr 516]. Từ sau năm 1975 đến giữa những năm 1980, sản xuất lương thực của Việt Nam không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu trong nước, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết đòi hỏi phải giải quyết. Thêm vào đó, mặc dù bị thất bại

trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhưng đế quốc Mĩ và các thế lực phản động vẫn không từ bỏ chính sách chống phá cách mạng Việt Nam. Ngày 16/5/1975, Chính phủ Mĩ tuyên bố cấm vận đối với Việt Nam; sử dụng lực lượng phản động, ngụy quân, ngụy quyền cũ còn ngoan cố tiến hành các vụ khiêu khích phá hoại tác động đến tâm lý người dân ở miền Nam Việt Nam. Hơn nữa, ở biên giới Tây Nam, Việt Nam phải đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn Pôn Pốt - Iêngxari (1978), ở biên giới phía Bắc, Việt Nam phải đương đầu với cuộc tấn công của 60 vạn quân Trung Quốc (1979).

Vượt lên mọi khó khăn, nhân dân Việt Nam đã tập trung sức lực khắc phục hậu quả của chiến tranh, thực hiện những chủ trương lớn của Đảng. Về cơ bản, năm 1976, Việt Nam đã bước đầu thực hiện công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, thúc đẩy sản xuất phát triển, xây dựng nếp sống mới, cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp đó, trải qua hai kỳ đại hội Đảng lần thứ IV và V (1976, 1982) gắn với hai kế hoạch 5 năm (1976 - 1980; 1981 - 1985), công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, do chủ quan, nóng vội, Việt Nam cũng đã mắc phải những sai lầm, thiếu sót trong đường lối và biện pháp phát triển, dẫn tới tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội trong nửa đầu thập niên 1980.

Như vậy, sau năm 1975, Lào và Việt Nam có bối cảnh và mục tiêu tương đối giống nhau. Cả Việt Nam và Lào vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh tàn phá lâu dài, đều cùng thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định mọi mặt để đưa đất nước phát triển theo con đường chủ nghĩa xã hội. Cả hai nước đều đứng trước những khó khăn chồng chất và những tác động chi phối của tình hình khu vực và quốc tế. Nền kinh tế của hai nước tuy có chênh lệch nhau, nhưng đều lạc hậu, kém phát triển. Đây cũng là thời kỳ cả hai nước đều phạm phải những khuyết điểm, nóng vội, chủ quan trong nhận thức và chỉ đạo thực hiện giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều này tác động không nhỏ đến quan hệ giữa hai nước. Nền kinh tế kế hoạch hóa, mang nặng tính bao cấp cùng với tinh thần quốc tế vô sản đã quy định quan hệ Việt Nam - Lào là quan hệ theo hình thức xin - cho, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Lào cần Việt Nam cho nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam cần Lào để tăng cường ổn định chính trị và củng cố an ninh quốc phòng. Vì vậy, quan hệ Lào - Việt cần được thúc đẩy và mở rộng trên tất cả các lĩnh vực,

trở thành mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai đảng, hai nhà nước và hai dân tộc.

Những kết quả đạt được trong quan hệ Việt Nam - Lào từ 1976 đến 1985 đã phản ánh rõ nét bản chất của quan hệ giữa hai nước trong giai đoạn này.

Trong những năm đầu sau chiến tranh, Việt Nam đã cố gắng đáp ứng các yêu cầu chi viện giúp đỡ, hợp tác với Lào một cách toàn diện từ chuyển giao kinh nghiệm, hỗ trợ chuyên gia đến việc triển khai ở tất cả các bộ, ban ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương thông qua kết nghĩa nhằm viện trợ tài chính, kĩ thuật, bồi dưỡng đào tạo cán bộ, đào tạo học sinh… cho Lào. Sự giúp đỡ của Việt Nam giúp Lào vượt qua khó khăn đã củng cố niềm tin của Lào vào thiện chí của Việt Nam, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào.

Về phía Lào, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng cũng có những hành động trực tiếp giúp đỡ Việt Nam như: Ủng hộ, phối hợp với Việt Nam trong vấn đề Campuchia trên diễn đàn quốc tế, giúp Việt Nam trong quan hệ với Campuchia, ủng hộ Việt Nam bảo vệ chủ quyền biên giới, phối hợp xây dựng mặt trận 379 ở Bắc Lào, trao đổi kinh nghiệm với Việt Nam về nông nghiệp (trang trại), lưu thông thương mại… Sự ổn định của Lào, sự giúp đỡ của Lào góp phần quan trọng vào sự ổn định của Việt Nam, tạo nên sức mạnh tinh thần để nhân dân Việt Nam vững bước trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Thời kỳ này, lịch sử hai nước cũng chứng kiến quan hệ hai bên chuyển dần từ hợp tác vụ việc theo yêu cầu của Lào (trong những năm đầu sau chiến tranh) sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch hàng năm giữa hai Chính phủ, gắn với kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm của mỗi nước. Theo đó, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào từng bước đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác giai đoạn này trên cơ sở tinh thần quốc tế vô sản, với phương thức chủ yếu là cho vay, viện trợ theo cơ chế bao cấp, chưa tương xứng với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân hai nước. Mặc dù hiệu quả hợp tác thời kỳ này chưa cao, mang tính bao cấp, tương trợ, giúp đỡ hơn là hợp tác cùng có lợi, nhưng đó là sự nỗ lực cố gắng theo khả năng có thể cho nhau. Điều quan trọng là nguyên tắc không can thiệp nội bộ của nhau, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau vẫn được giữ vững.

Những thuận lợi, khó khăn của hai nước Lào, Việt Nam, sự tác động của tình hình khu vực cùng sự phát triển của quan hệ Lào - Việt là những nhân tố trực tiếp tác động đến quan hệ giữa các địa phương của hai nước Lào - Việt, trong đó có

quan hệ giữa Hủa Phăn và Sơn La. Vì Lào, Việt Nam cùng nghèo, nên quan hệ giữa hai nước mới chỉ dừng lại ở cấp độ giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn trước mắt. Điều này chi phối đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La duy trì trong khuôn khổ "giúp bạn là giúp mình". Mặc dù vậy, Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Lào - Việt Nam năm 1977 đã mở ra hướng mới trong quan hệ hợp tác giữa hai nước cũng như hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La. Hiệp ước là cơ sở để Hủa Phăn, Sơn La tăng cường hợp tác toàn diện, đôi bên cùng có lợi.

3.1.3. Đặc điểm tình hình và chủ trương đối ngoại của hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La (1975 - 1986)

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Lào, Hủa Phăn là khu căn cứ cách mạng của cả nước, nhưng cũng là nơi mà đế quốc Mĩ sử dụng lực lượng phỉ Vàng Pao làm bàn đạp để mở rộng vùng chiếm đóng ra các tỉnh Bắc Lào khác. Tại Pa Thí, căn cứ chính của lực lượng Vàng Pao, nhờ hệ thống rađa mà chúng dùng máy bay ném bom và nã pháo tàn phá Hủa Phăn nhằm chặn đứng đường tiếp tế của Sơn La cho Hủa Phăn. Vì vậy, Hủa Phăn sau năm 1975 cũng rơi vào tình trạng bị tàn phá nặng nề. Lực lượng phản động còn nằm vùng chờ thời nổi dậy. Hủa Phăn đứng trước nhiều vấn đề cấp bách cần giải quyết như: phải khẩn trương kiện toàn hệ thống chính quyền tỉnh để đáp ứng nhiệm vụ cách mạng mới, sẵn sàng đối phó với với âm mưu và hành động phá hoại của các lực lượng phản động đang ráo riết hoạt động hòng gây bạo loạn và lật đổ, nhanh chóng khôi phục phát triển kinh tế để ổn định đời sống, sản xuất, xây dựng nền văn hóa, giáo dục mới… Những nhiệm vụ này đòi hỏi sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hủa Phăn đồng thời cần sự quan tâm, giúp đỡ của nhà nước và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế nhất là Việt Nam, trực tiếp là các tỉnh giáp biên trong đó có Sơn La. Trong những năm 1976 - 1977, quân tình nguyện Sơn La tại Hủa Phăn (Tiểu đoàn 428, Trung đoàn 148) lần lượt rút về nước. Tuy nhiên, theo đề nghị của Hủa Phăn, một bộ phận quân tình nguyện Sơn La vẫn tiếp tục ở lại để giúp đỡ Hủa Phăn xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế [Phụ lục 10].

Sau năm 1975, Sơn La vẫn là một tỉnh miền núi nghèo, nền kinh tế mang tính tự cấp, tự túc, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, trình độ quản lý và khoa học kĩ thuật còn thấp kém, trình độ dân trí thấp. Hơn nữa, Sơn La còn là một trong những tỉnh nằm trong vùng trọng điểm đánh phá có tính chất hủy diệt của đế quốc Mĩ, hầu hết các công trình giao thông, hệ thống thủy lợi, một số bệnh viện, trường học, nhà máy, xí nghiệp, thị xã, thị trấn bị địch ném bom phá hủy, nên phải mất rất nhiều

năm sau mới phục hồi và phát triển được. Không những thế, thiên tai liên tiếp gây ra những tác hại lớn, chỉ riêng trận lũ năm 1975 đã tàn phá, gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, hoa màu, vật tư và sản xuất. Trong bối cảnh đó, thế lực phản động lợi dụng tình hình kích động tuyên truyền chiến tranh tâm lý, âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, chia rẽ tình đoàn kết Việt - Lào, nhất là việc buôn bán thuốc phiện, trộm cắp trâu bò, mê tín dị đoan.

Ngày 27/12/1975, tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa V quyết nghị bỏ cấp Khu trong hệ thống các đơn vị hành chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiến hành hợp nhất một số tỉnh. Theo tinh thần đó, Khu tự trị Tây Bắc giải thể, tỉnh Sơn La trở thành đơn vị hành chính quản lý kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trực thuộc Trung ương. Để tập trung các mối chỉ đạo, ổn định phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương, sau khi Chính phủ có quyết định về địa điểm tỉnh lỵ của tỉnh Sơn La, ngày 3/1/1976, Ủy ban Hành chính tỉnh ra Chỉ thị số 04-CT/UB chỉ đạo di chuyển các cơ quan của tỉnh từ Hát Lót (Huyện Mai Sơn) về thị xã Sơn La. Đến cuối năm 1977, việc di chuyển các cơ quan về địa điểm mới của tỉnh cơ bản hoàn thành. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần phấn đấu tích cực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn La, đời sống xã hội đã tương đối ổn định, các mặt giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao tiếp tục phát triển. Tình hình an ninh chính trị cả khu vực biên giới và nội địa được giữ vững. Bộ máy chính quyền được kiện toàn một bước.

Như vậy, Hủa Phăn và Sơn La sau năm 1975 cùng chung hoàn cảnh, có những đặc điểm tương đối giống nhau. Đáng chú ý là bối cảnh đó đặt ra cho Hủa Phăn và Sơn La cần tiếp tục gắn bó hợp tác và đoàn kết trong sự nghiệp xây dựng chính quyền, cùng nhau chống lại những âm mưu của các thế lực phản động muốn chia rẽ tình đoàn kết Việt - Lào, giữ vững an ninh biên giới, phát triển kinh tế, xã hội.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Đảng bộ Sơn La không ngừng quan tâm xây dựng mối quan hệ hữu nghị với các nước và tổ chức quốc tế, đặc biệt truyền thống đoàn kết Việt - Lào, nhất là với các tỉnh giáp biên Sơn La. Những sự kiện như: Việt Nam và Lào ký Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác (18/7/1977), thống nhất việc hoạch định biên giới giữa hai quốc gia, Hiệp định về Việt Nam viện trợ không hoàn lại (1977 - 1980) là những cơ sở thuận lợi để Sơn La với các tỉnh Bắc Lào, nhất là Hủa Phăn xiết chặt tình hữu nghị và hợp tác. Ngày 28/10/1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La ra quyết định thành lập Chi hội hữu nghị Việt - Lào của tỉnh

Sơn La với tỉnh Hủa Phăn. Điều này thể hiện tầm quan trọng của mối quan hệ hai tỉnh đối với sự phát triển của cả Sơn La và Hủa Phăn. Nghị quyết số 29 (17/7/1978) của Tỉnh uỷ Sơn La "về tình hình và nhiệm vụ mới" có nội dung: củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào, nâng cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản trong sáng, gắn bó cùng chiến đấu và xây dựng hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn giàu mạnh [6; tr57].

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào "*không ngừng củng cố, tăng cường khối đoàn kết liên minh chiến đấu giữa cách mạng Lào với cách mạng Việt Nam. Tính bền chặt của tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam làm cho tình hình mỗi nước ngày càng ổn định*" [232; tr270], Đảng bộ, Chính quyền tỉnh Hủa Phăn luôn nhấn mạnh truyền thống đoàn kết giữa hai tỉnh trong các lần gặp gỡ cấp cao, bày tỏ mong muốn được tỉnh Sơn La tiếp tục giúp đỡ trên các phương diện.

Có thể nói, chủ trương nhất quán của Hủa Phăn và Sơn La trong quan hệ hợp tác giai đoạn này bám sát chính sách của hai đảng, hai nhà nước Lào, Việt Nam là nền tảng quan trọng đưa đến những thành tựu trên các lĩnh vực hợp tác giữa hai tỉnh.

3.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trên các lĩnh vực (1975 - 1986)

3.2.1. Chính trị, quốc phòng, an ninh, công tác biên giới

3.2.1.1. Chính trị

Nhiệm vụ chính trị của Lào sau năm 1975 là phải ra sức củng cố độc lập chủ quyền của đất nước, bảo vệ trật tự an ninh xã hội; phải xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt; phải xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; và phải tiến hành từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh chung của cả nước, nhiệm vụ của tỉnh Hủa Phăn trước mắt cần phải xây dựng chính quyền, nhưng trong điều kiện vừa mới giành được độc lập, kinh nghiệm còn non yếu, tỉnh Hủa Phăn đã đề nghị tỉnh Sơn La giúp trực tiếp xây dựng chính quyền cho hai huyện là huyện Xiềng Khọ (huyện lớn nhất) và huyện Mường Son (huyện nhỏ nhất). Xiềng Khọ là huyện giáp với Sơn La, huyện có vai trò quan trọng trong tỉnh Hủa Phăn, chiếm 10/14 vạn dân của tỉnh (thời điểm 1976), cung cấp nhân tài, vật lực cho căn cứ cách mạng Viêng Xay [Phụ lục 7]. Vì vậy, xây dựng chính quyền là vấn đề cấp bách đòi hỏi phải giải quyết ngay.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương[2] "*giúp bạn là giúp mình*", trên tinh thần kết nghĩa của hai tỉnh có chung đường biên giới, Sơn La đã lựa chọn cán bộ ưu tú, biết tiếng Lào sang làm nhiệm vụ giúp Hủa Phăn xây dựng cơ sở chính trị xã bản. Nhờ thông thạo ngôn ngữ, được sự ủng hộ của nhân dân các bộ tộc Lào, Sơn La đã hoàn thành nhiệm vụ mà Hủa Phăn đề nghị một cách nhanh chóng. Đến năm 1977, Sơn La đã giúp tỉnh Hủa Phăn hoàn thành việc xây dựng chính quyền 7 xã gồm: Xiềng Khùn, Mường Ét, Xốp Hào (thuộc huyện Xiềng Khọ), Mường Pợ, Mường Cẩu, Son Tạy, Sơn Nưa (thuộc huyện Mường Son) [79]. Cơ sở chính quyền từ hai huyện đã được nhân rộng ra toàn tỉnh Hủa Phăn, tạo tiền đề quan trọng cho công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

Bám sát chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước về quan hệ hữu nghị hợp tác với Lào, hàng năm các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ giữa lãnh đạo cấp cao của tỉnh Sơn La với Hủa Phăn được tổ chức thường xuyên nhằm cùng nhau bàn bạc thống nhất quan điểm đánh giá diễn biến tình hình khu vực biên giới mỗi bên, cùng nhau xác định kẻ thù chung ở từng giai đoạn cách mạng, thống nhất quan điểm, chương trình hành động, phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện các nội dung hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Sau khi Chi hội hữu nghị Việt - Lào của tỉnh Sơn La và Hủa Phăn được thành lập, trong 4 năm (1977 - 1980), hai bên duy trì tổ chức các đoàn tham quan hữu nghị, trao đổi kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, việc tổ chức sản xuất và đời sống xã hội.

Đặc biệt, năm 1983, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ra Nghị quyết số 33-BCT (4/9/1983) "*về tăng cường đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam và tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác với Việt Nam trong những năm trước mắt*" [47; tr 427], đồng thời, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết 10 (11/4/1983) "*Về việc tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới*" [47; tr 408], Sơn La đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác, giúp đỡ Hủa Phăn, đẩy mạnh các cuộc gặp gỡ cấp cao. Tháng 11/1983, đoàn đại biểu tỉnh Hủa Phăn đã sang chào mừng và dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn

[2] Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ngày 30/4/1976 về tăng cường đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới khẳng định: "… Ủy ban hành chính các tỉnh có biên giới giáp Lào, với sự hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ chuyên trách C xây dựng mối quan hệ và thực hiện các kế hoạch hợp tác, giúp đỡ đối với các ngành, các địa phương tương đương của bạn, phù hợp với các nguyên tắc về ngoại giao và các hiệp định ký kết giữa hai bên" [47 ; tr68].

La lần thứ VII tại Thị xã Sơn La. Đại hội đã khẳng định nhất quán mối quan hệ truyền thống đặc biệt Việt Nam - Lào, Sơn La với Hủa Phăn, định hướng phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Hủa Phăn phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, khả năng của mỗi bên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao.

Cùng với việc duy trì và đẩy mạnh các cuộc tiếp xúc, trao đổi của lãnh đạo cấp cao hai bên, công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân, lực lượng vũ trang về truyền thống đoàn kết, quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Sơn La - Hủa Phăn được đẩy mạnh. Năm 1976, nhân dịp kỉ niệm một năm Quốc khánh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, tỉnh Sơn La, các huyện biên giới đã tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm chào mừng thiết thực, góp phần giáo dục, nâng cao sự hiểu biết của nhân dân trong tỉnh về truyền thống đoàn kết hữu nghị Việt - Lào, Sơn La - Hủa Phăn. Sau thất bại nặng nề ở Việt Nam, đế quốc Mĩ vẫn ngoan cố xúc tiến thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", tập hợp mọi lực lượng nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, chia rẽ khối đoàn kết Việt - Lào. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa IV) ngày 17/7/1978, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La đã ra Nghị quyết số 29 "*về tình hình và nhiệm vụ mới*". Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn tỉnh tuyên truyền chính sách của Đảng trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị Việt - Lào, nâng cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản trong sáng, gắn bó cùng chiến đấu và xây dựng hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn giàu mạnh.

Nhằm ghi nhận sự giúp đỡ của Sơn La đối với Hủa Phăn, năm 1980, Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã trao tặng Huân chương Tự do hạng Nhất cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La [6; tr 54]. Huân chương là phần thưởng cao quý, là sức mạnh tinh thần đoàn kết để hai tỉnh tiếp tục gắn kết và giành cho nhau những tình cảm chân thành nhất, cùng nhau vượt qua khó khăn, ổn định về chính trị, phát triển kinh tế, xã hội.

3.2.1.2. Quốc phòng - An ninh

Đất nước thống nhất, việc đi lại, giao lưu tình cảm của nhân dân hai nước, đặc biệt các tỉnh của Lào giáp biên với Việt Nam có những thuận lợi song cũng nảy sinh những phức tạp mới mà kẻ thù dễ trà trộn, thâm nhập... những vấn đề đó đều có tác động đến an ninh khu vực biên phòng hai bên. Vì vậy, hợp tác quốc phòng - an ninh giữa Lào và Việt Nam cũng như hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La có vị trí hết sức quan trọng, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội của mỗi khu vực.

Hợp tác quốc phòng - an ninh Hủa Phăn - Sơn La trong giai đoạn này chủ yếu tập trung vào 3 vấn đề cơ bản là: 1. Phối hợp tiêu diệt các lực lượng phản động trong và ngoài nước cấu kết với nhau gây bạo loạn trên địa bàn hai tỉnh; 2. Đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng, bồi dưỡng cán bộ quân sự, an ninh cho tỉnh Hủa Phăn; 3. Hợp tác chặt chẽ với nhau trong công tác chống buôn lậu, buôn thuốc phiện và ngăn chặn tình trạng vượt biên trái phép.

Về phối hợp tiêu diệt các lực lượng phản động trong và ngoài nước cấu kết với nhau gây bạo loạn trên địa bàn hai tỉnh

Năm 1976, tại vùng ngoại biên tỉnh Hủa Phăn, lực lượng phản động lưu vong đã tìm mọi cách xây dựng các căn cứ phỉ, tung các toán thám báo vũ trang vào hoạt động và âm mưu tập kích các mục tiêu quan trọng của tỉnh, trong đó có những toán hoạt động lén lút ở Xiềng Khọ, Mường Son là vùng sát biên giới Sơn La. Tỉnh ủy Hủa Phăn đã chỉ đạo lực lượng Biên phòng tập trung lực lượng truy quét mạnh, phá tan âm mưu, ý đồ của thế lực phản động làm giảm mọi hoạt động công khai của chúng ở khu vực giáp biên giới với Sơn La. Phối hợp hành động, Tỉnh ủy Sơn La ra Chỉ thị 14 (16/2/1976) về Công tác bảo vệ trị an với nhiệm vụ: bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và toàn vẹn lãnh thổ; giữ gìn tốt mối quan hệ quốc tế với tỉnh Hủa Phăn theo đúng đường lối của Đảng [49; tr156].

Đầu năm 1977, lực lượng phản động tăng cường xâm phạm không phận dưới hình thức máy bay, bay dọc biên giới từ Pa Khôm đến Chiềng Khương, rải truyền đơn in hình cờ Tưởng xuống khu vực biên giới Hủa Phăn, tung luận điệu chiến tranh tâm lý, mua chuộc, lôi kéo làm cho nhân dân hoang mang, hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chế độ mới. Được sự tham mưu của Công an Sơn La, chính quyền hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La đã tiến hành hội đàm để ra văn bản chung, quy định một số vấn đề về trao đổi tình hình, sẵn sàng hỗ trợ nhau trong việc phòng chống hoạt động của các phần tử xấu, âm mưu phá hoại biên giới chung giữa hai nước. Trên cơ sở đó, mọi tin tức Hủa Phăn phát hiện được đều thông báo cho Sơn La, ngược lại Hủa Phăn cũng đề nghị Sơn La sang giúp bảo vệ trật tự, an ninh ở vùng thường có lực lượng phỉ lén lút hoạt động. Nhờ hoạt động tích cực trên, tình hình trị an hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La được ổn định.

Tuy nhiên, tháng 4/1977, Tập đoàn diệt chủng Pôn Pốt đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Cũng thời gian này, tình hình

biên giới phía Bắc diễn biến hết sức phức tạp. Bối cảnh trên tạo thời cơ cho những phần tử ngoan cố chưa chịu cải tạo tụ tập, đả kích, nói xấu cán bộ xã. Một số đối tượng lộ mặt đe dọa chính quyền, tuyên truyền chiến tranh tâm lý, kích động gây hiềm khích dân tộc, nhất là dân tộc Mông. Trên đường hàng không, lợi dụng Lào mở đường bay từ Vân Nam đi Viêng Chăn và Trung Lào, một số máy bay lạ đã xâm phạm vùng trời Việt Nam chủ yếu là vùng Mộc Châu, ngoại biên Pa Khôm, Mường Lạn. Ngày 15/11/1978, hai đoàn đại biểu quân sự và an ninh hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn đã tiến hành hội đàm và ký kết tại Sầm Nưa văn bản hợp đồng chiến đấu và bảo vệ an ninh giữa lực lượng vũ trang hai tỉnh, văn bản ghi rõ: trường hợp đột xuất, khi có hoạt động của phỉ, biệt kích tập kích, cướp phá tù binh trong các trại giam của Lào, gây bạo loạn tại chỗ hoặc xưng vua, đón vua ở các xã trong khu vực biên phòng hoặc xã nội địa giáp biên giới phía Lào thuộc hai huyện giáp Sơn La thì lực lượng dân quân các xã biên giới, các đồn Công an nhân dân vũ trang biên phòng, lực lượng cơ động của huyện đội, tỉnh đội và Công an nhân dân vũ trang tỉnh Sơn La khi nhận được yêu cầu hoặc tín hiệu khẩn cấp, một mặt phải báo cáo lên cấp trên, mặt khác khẩn trương tổ chức lực lượng thích hợp sang phối hợp cùng các lực lượng của Lào chiến đấu đánh địch dẹp bạo loạn ở những nơi đó. Hoàn thành nhiệm vụ xong thì rút về [49; tr186].

Đầu thập kỷ 1980, khu vực biên giới Sơn La - Hủa Phăn, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động gián điệp, xây dựng lực lượng phản động ngầm, hoạt động chiến tranh tâm lý, tung tin thất thiệt, gây tâm lý lo sợ trong nhân dân, chia rẽ mối đoàn kết giữa các dân tộc và nhân dân hai nước Việt - Lào. Phối hợp với tỉnh Hủa Phăn, từ năm 1980 đến 1983, Sơn La đã phát hiện, bắt giữ và đấu tranh khai thác 7 đối tượng xâm nhập nghi án gián điệp, 5 vụ nhen nhóm tổ chức phản động (vụ MV 79, H379, tổ chức SS, 2 vụ ở Chiềng Khừa, Xuân Nha), lập hồ sơ bắt 71 người, cảnh cáo răn đe 282 đối tượng [49; tr 212].

Trong một thời gian khá dài, các đội công tác chi viện của Công an nhân dân vũ trang Sơn La đã góp phần tích cực giúp Hủa Phăn tiến hành các cuộc vận động chính trị, trấn áp lực lượng phản cách mạng, củng cố địa bàn biên giới sau chiến tranh.

Song song với việc tiêu diệt các lực lượng phản động, tỉnh Sơn La và Hủa Phăn rất chú ý đến công tác xây dựng lực lượng để đảm bảo tình hình an ninh, quốc phòng.

Ngày 18/6/1980, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La đã ra Chỉ thị về việc giúp tỉnh Hủa Phăn công tác quân sự với nội dung cơ bản là: giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự

tỉnh tổ chức một đoàn cán bộ quân sự gồm có 18 người sang giúp Hủa Phăn xây dựng phương án tác chiến, huấn luyện quân sự và xây dựng làng xã chiến đấu ở một số địa phương do Hủa Phăn lựa chọn trong thời gian từ 2 đến 3 tháng [129].

Thực hiện Chỉ thị 160 ngày 15/9/1984 của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Chỉ lệnh số 145 ngày 13/10/1984 của Bộ Tư lệnh Biên phòng về hợp tác giúp Lào bảo vệ an ninh biên giới hai nước, ngày 24/11/1984, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La đã phê duyệt Kế hoạch số 164 ngày 14/11/1984 của Cơ quan Chủ nhiệm Bộ đội Biên phòng: "Giúp tỉnh Hủa Phăn về công tác Biên phòng" [49; tr 218].

Triển khai kế hoạch trên, Chủ nhiệm Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La đã quyết định thành lập 2 tổ công tác của Đồn 402 Sốp Cộp và Đồn 403 Mường Lạn gồm 22 cán bộ, chiến sĩ sang giúp Hủa Phăn [49; tr 218]. Các đơn vị đóng quân tại tỉnh Hủa Phăn đã giúp tỉnh trong xây dựng lực lượng, tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Đội công tác của Đồn 403 đã sang phối hợp với đoàn cán bộ huyện của Hủa Phăn phát động quần chúng xây dựng xã, bản chiến đấu ở xã Huổi Phoóc với nội dung củng cố toàn diện. Đội công tác Đồn 402 sang giúp Hủa Phăn ở xã Son Tở là địa bàn đang có phỉ hoạt động, đã tham gia với xã truy lùng, bắt và tiêu diệt 24 đối tượng [49; tr 218]. Tháng 11/1985, các Đội công tác đã hoàn thành nhiệm vụ và rút về nước theo chỉ thị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La. Ngoài ra, hai tỉnh còn ký kết hợp đồng giúp đỡ nhau về an ninh, quốc phòng, quy định thời gian tổ chức gặp nhau từ cấp tỉnh đến huyện, xã, đồn, trạm biên phòng để trao đổi tình hình. Bên cạnh đó, Tỉnh đội Sơn La đưa lực lượng của mình sang tập huấn cho Hủa Phăn về sử dụng vũ khí thông thường (súng trường, súng máy)…

Từ năm 1976 đến năm 1985, hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã phối hợp chặt chẽ trong công tác chống buôn lậu, buôn thuốc phiện, ngăn chặn vượt biên trái phép và di cư tự do.

Để làm tốt công tác này, phía tỉnh Sơn La đặt 8 đồn biên phòng và 7 trạm kiểm soát (chưa có Hải quan), trong đó 2 trạm kiểm soát đường trục Chiềng Khương - Pa Háng và 5 trạm kiểm soát đường tiểu ngạch: Lành Bánh, Nà Khi, Nà Cài, Lao Khô, Pa Khôm. Phía tỉnh Hủa Phăn có 2 trạm kiểm soát của Công an và Hải quan [137].

Trước năm 1978, khi hai nhà nước chưa có quy chế biên giới quốc gia, việc qua lại giữa cư dân hai bên biên giới Hủa Phăn - Sơn La dựa trên cơ sở đường biên lịch sử để lại và mối quan hệ có từ lâu đời của nhân dân hai tỉnh. Do vậy, nhận thức của nhân dân hai bên biên giới rất đơn giản và còn nhiều hạn chế về đường biên

giới quốc gia. Những vấn đề vi phạm biên giới xảy ra còn nhiều như: hiện tượng dân Sơn La phá rừng làm nương rẫy, làm ruộng sang đất của Lào, di dịch cư trái phép từ phía Sơn La sang Hủa Phăn, va chạm, mất đoàn kết giữa chính quyền và nhân dân hai bên biên giới vẫn còn xảy ra, tự tiện đi lại qua biên giới (vượt biên giới trái phép) đi mua hàng hóa và buôn bán trái phép, không đi theo đường công khai, hợp pháp đã được Nhà nước hai bên quy định ở các trạm kiểm soát…

Ngày 3/7/1978, Lào - Việt Nam đã ký bản quy định đầu tiên gồm 14 điều về Quy chế biên giới. Hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn đã tổ chức cho cán bộ và nhân dân các xã giáp biên học tập Quy chế biên giới. Qua học tập đã làm chuyển biến nhận thức cũng như hành động từ cán bộ chiến sĩ đến nhân dân hai bên biên giới, giúp nhân dân hiểu sâu sắc hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của biên giới, xác định được trách nhiệm của mình trong việc tham gia bảo vệ an toàn chủ quyền biên giới quốc gia trước mắt cũng như lâu dài. Quy chế biên giới cũng là căn cứ để để các đồn biên phòng chủ động phát hiện, tham mưu giải quyết những vụ va chạm, thắc mắc mất đoàn kết giữa nhân dân hai bên biên giới. Theo đó, Hủa Phăn và Sơn La đã giải quyết ổn thỏa vụ va chạm giữa nhân dân hai bản Bản Đán (Lào) và Chiềng Khương (Việt Nam); 10 vụ hai bên xâm canh lẫn nhau trên 30 ha đất và 25 vụ vi phạm quy chế biên giới, Sơn La bắt giữ và trao trả cho Hủa Phăn 8 vụ, Hủa Phăn cũng trao trả Sơn La 6 vụ; cùng dân quân tuần tra vũ trang bảo vệ biên giới nơi trọng điểm được 1.549 lần = 6.440 km. Kiểm soát 13.430 lượt người xuất, nhập biên, phát hiện 71 trường hợp không có giấy tờ hợp lệ. Quản lý hộ tịch và hộ khẩu chặt chẽ, phát hiện ngăn chặn vượt biên trái phép, người lạ đến khu vực biên phòng, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn khu vực biên giới [49; tr 185].

Tuy nhiên, hiện tượng vượt biên trái phép để buôn lậu vẫn tiếp tục diễn ra ở một số xã biên giới. Mục đích chủ yếu của những đối tượng này là mang hàng bên Việt Nam (bông), bạc, tiền giấy sang mua đổi hàng hóa phía bên Lào về như: sợi dệt vải, vải, xà phòng, dép tông, áo phông… đặc biệt là việc buôn hàng quốc cấm: thuốc phiện. Năm 1976, Sơn La đã bắt và xử lý 3 vụ buôn lậu thuốc phiện, năm 1977 tiếp tục phát hiện bắt 13 vụ buôn lậu thuốc phiện, thu 13,7 kg và 6.420 đồng [49; tr 162, 168].

Với đặc điểm đường biên hữu nghị, Sơn La và Hủa Phăn luôn phát huy tinh thần xây dựng củng cố biên giới bằng cách thực hiện tốt các quy định đầu tiên về Quy chế biên giới. Theo đó, những vụ việc vi phạm của hai bên đều được giải quyết

trên cơ sở tình đoàn kết, hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau nhưng vẫn giữ vững lập trường của nhau.

3.2.1.3. Công tác biên giới

Hủa Phăn và Sơn La có chung 210 km đường biên giới. Giải quyết tốt vấn đề biên giới không chỉ tạo điều kiện cho hai bên làm tốt công tác bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác khác mà còn giữ vững quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai khu vực. Trước năm 1976, đường biên giới này chưa phải là đường biên giới chính thức do hai nhà nước độc lập có chủ quyền xác định mà do thực dân Pháp áp đặt trên bản đồ hành chính các xứ Đông Dương thuộc Pháp. Trên thực tế, đường biên giới có đoạn đi theo bản đồ người Pháp vẽ, có đoạn đi theo quản lý tập quán của nhân dân hai bên biên giới. Vì vậy, công tác quản lý đường biên giữa hai bên rất phức tạp và còn nhiều điểm chưa rõ ràng.

Năm 1976, Lào, Việt Nam bắt đầu quan tâm đến vấn đề biên giới. Từ tháng 2 đến tháng 3/1976, những cuộc hội đàm của hai đảng, hai nhà nước đã nhất trí dựa vào đường biên giới do người Pháp vẽ năm 1945 để làm căn cứ chính, nếu nơi nào không có bản đồ này thì có thể dùng bản đồ do người Pháp vẽ trước hoặc sau đó vài năm, định việc lập các tiểu ban điều tra thực địa biên giới ở các khu vực đánh dấu trên bản đồ [49; tr 225].

Từ khi có chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương hai Đảng giải quyết vấn đề biên giới, Ban Chấp hành Tỉnh ủy Sơn La đã nghiên cứu, quán triệt, nắm vững các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của Trung ương và của Hội đồng Bộ trưởng để chỉ đạo các cơ sở địa phương thực hiện đúng, cùng với Hủa Phăn thống nhất cách giải quyết. Ban Chỉ đạo công tác khảo sát biên giới tỉnh Sơn La được thành lập, đường biên trên bản đồ Pháp vẽ được Ban nghiên cứu kĩ, đối chiếu so sánh với thực địa, tổ chức thu thập tài liệu lịch sử về đường biên để phục vụ cho việc hoạch định biên giới của hai nước.

Để phục vụ cho hoạch định biên giới, Sơn La hai lần tổ chức khảo sát đơn phương: đợt 1 từ ngày 10/3/1976 đến 28/4/1976, đợt 2 từ ngày 18/12/1976 đến 24/1/1977. Kết quả thu được qua khảo sát trên toàn tuyến biên giới Sơn La: đường biên giới mới thỏa thuận trên bản đồ và thực địa nói chung đều thống nhất, xác định được phạm vi đất đai giữa Sơn La, Hủa Phăn và Luông Pha Băng rõ ràng, dự kiến được những điểm cắm mốc phù hợp với địa hình và nguyên tắc [139]. Kết quả này là cơ sở phục vụ cho khảo sát song phương toàn tuyến và cắm mốc sau này.

Song song với khảo sát đơn phương của Sơn La, dưới sự chỉ đạo của Trung ương, công tác khảo sát song phương đường biên giữa Sơn La và Hủa Phăn cũng được tiến hành. Từ ngày 18/3 đến ngày 20/3/1976, tại Đồn Công an nhân dân vũ trang Chiềng Khương, Đoàn Việt Nam gồm 23 người (Sơn La có 9 người trong đoàn) do ông Ngô Thuyên - Ủy viên Trung ương Đảng làm Trưởng đoàn và Đoàn Lào gồm 10 người do ông Say Nha Vông - Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hủa Phăn làm Trưởng đoàn đã tiến hành tiếp xúc, trình bày quan điểm của mình, bàn bạc, trao đổi thống nhất cùng nhau giải quyết điểm Chiềng Khương. Qua ba ngày làm việc chưa đi đến nhất trí, hai bên tạm hoãn và báo cáo xin chỉ thị Bộ Chính trị hai Đảng. Sau khi xin chủ trương chỉ đạo về việc giải quyết vấn đề biên giới Sơn La - Hủa Phăn, từ ngày 28/4 đến ngày 30/4/1976, tại bản Hát Củ, Tà Xẻng - Xiềng Khùn, huyện Xiềng Khọ tỉnh Hủa Phăn, hai bên dựa trên tinh thần thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao hai nước, dựa vào bản đồ do người Pháp vẽ và tình hình thực tế của địa phương đã thống nhất và đi đến ký kết chung: điểm Chiềng Khương đi theo đường biên giới do Pháp vẽ, các điểm khác trong tuyến biên giới Sơn La đều giải quyết theo đường biên giới hiện tại [49; tr 230].

Như vậy, qua 4 đợt khảo sát cả đơn phương và song phương, việc phân ranh định tuyến giữa Sơn La và Hủa Phăn đã được thống nhất, giải quyết ổn thỏa những vấn đề xâm canh, xâm cư của hai bên, giữ vững được mối quan hệ giữa chính quyền hai tỉnh và nhân dân hai bên biên giới.

Ngày 18/7/1977cùng với Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Lào được ký kết tại Viêng Chăn. Sau khi văn bản về Hiệp ước hoạch định biên giới có hiệu lực, bước tiếp theo là phải cụ thể hóa trên thực địa và cắm mốc chính thức đường biên giới. Trước khi khảo sát đường biên giới trên thực địa, Tiểu ban Liên hợp tỉnh Sơn La đã tiến hành hội đàm với tỉnh Hủa Phăn tại Xiềng Khọ (Hủa Phăn) để thống nhất kế hoạch, dự kiến đường biên trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000. Thống nhất phương pháp tiến hành từ Bắc xuống Nam, làm đoạn E trước, các đoạn C, D làm sau; dự kiến thời gian đi, đến và phân công, phân nhiệm phạm vi phụ trách, khi 2 đoàn đến phạm vi và địa phương bên nào thì bên đó có trách nhiệm bảo đảm nơi ăn, nghỉ, huy động nhân lực, lương thực, thực phẩm tại chỗ phục vụ cho đoàn. Về đường biên giới và vị trí cắm mốc hai bên đều thống nhất là dựa vào cơ sở dự kiến so sánh với thực địa để xác định cho chính xác, các cột mốc chỉ được phép xê

dịch trên đường biên trong khoảng cách nhất định, hoặc do địa hình không cho phép, khi cắm mốc đó về phía nào thì phải được sự thỏa thuận của đôi bên, kết hợp với sự chỉ đạo của cấp trên [139].

Toàn tuyến biên giới Sơn La dài 250 km, chia làm 4 đoạn: C, D, E, G. Trong đó đoạn D, E, G giáp với Hủa Phăn, đoạn C giáp với Luông Pha Băng. Đoạn D dài 97 km, đoạn G dài 18 km, đoạn E dài 95 km, tổng cộng là 210 km biên giới giáp với Hủa Phăn, được tiến hành cắm mốc từ 1/3/1981 đến đến 25/2/1982 thì hoàn thành. Đường biên giới Sơn La - Hủa Phăn cắm tổng số 21 cột mốc: đoạn D 10 mốc, đoạn E 9 mốc, đoạn G 2 mốc, trung bình 10 km cắm 1 mốc [139]. Các cột mốc đã xây dựng phần lớn đều cắm đúng vị trí dự kiến, đảm bảo đúng tiến độ. Đây là thắng lợi chung của cả hai bên, vừa giải quyết những vướng mắc do lịch sử để lại, vừa tạo điều kiện cho hai bên tăng cường quốc phòng an ninh, góp phần xây đắp tình đoàn kết hữu nghị Việt - Lào bền vững.

3.2.2. Kinh tế

3.2.2.1. Hợp tác trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp

Theo chỉ thị của Trung ương Đảng hai nước, các địa phương Việt Nam ngoài nhiệm vụ viện trợ một phần lương thực, thực phẩm cho địa phương Lào thì quan trọng hơn cả là phải giúp họ phát triển ngành nông - lâm nghiệp bền vững, lâu dài, qua đó giảm bớt gánh nặng từ viện trợ kinh tế mà vẫn đảm bảo được đời sống của nhân dân Lào: "*Các tỉnh biên giới theo khả năng của mình và theo yêu cầu của tỉnh bạn có thể cử một số cán bộ, công nhân có được bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng và phong cách làm việc sang giúp các cơ sở kinh tế, văn hóa giáo dục của tỉnh bạn*" [47; tr 225].

Thực hiện văn bản kí kết giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn trong việc tương trợ giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và phát triển kinh tế, Sơn La đã thành lập đoàn chuyên gia về nông nghiệp và thủy lợi sang trực tiếp giúp hai huyện Viêng Thong và Xiềng Khọ nghiên cứu, thu thập tài liệu, khảo sát, phân tích chất đất, thiết kế hệ thống thủy lợi, chuyển giao kĩ thuật canh tác.

Theo đề nghị của Hủa Phăn, năm 1975, tỉnh Sơn La triển khai xây dựng đập Chiềng Khương, làm con mương dẫn nước từ Nậm Lọ bên Việt Nam qua biên giới, tưới tiêu cho cả cánh đồng phía Chiềng Khương (Sông Mã - Sơn La) và 80% đồng ruộng của Bản Đán (Xiềng Khùn - Mường Ét - Hủa Phăn) [79]. Nhờ công trình này, năng suất cây trồng tăng lên, trước khi chưa có đập người dân Bản Đán chỉ làm một

vụ vì thiếu nước tưới, khi đập hoàn thành đã có thể sản xuất hai vụ trên một năm. Vì là công trình chung, có giá trị với cả hai bên, nên hai tỉnh đều hết sức quan tâm. Phía Sơn La luôn sát sao việc giữ ổn định lưu lượng nước, dòng chảy đảm bảo việc tưới tiêu phục vụ sản xuất tốt cho cả phía Sơn La và phía Hủa Phăn, khi có sự cố sạt lở đều được khắc phục nhanh chóng. Ngày 18/12/1978, Ty Thủy lợi Sơn La và Hủa Phăn đã ký kết chương trình hợp tác về vấn đề thủy lợi, theo kế hoạch năm 1979, Sơn La cử 30 cán bộ công nhân viên thuộc Xí nghiệp khảo sát thiết kế thuộc Ty Thủy lợi sang tỉnh Hủa Phăn làm nhiệm vụ khảo sát thiết kế công trình thủy lợi Nậm Ngao thuộc huyện Viêng Thong tỉnh Hủa Phăn [121]. Tiếp đó, năm 1981, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La tiếp tục cử 60 cán bộ, công nhân sang khảo sát và thiết kế các công trình giao thông, thủy lợi giúp tỉnh Hủa Phăn [127].

Cùng với việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, Sơn La cũng rất tích cực giúp Hủa Phăn phát triển nông nghiệp, hướng dẫn nông dân thâm canh cây lúa nước, hoa màu và phát triển chăn nuôi gia súc. Trong đó, tập trung chủ yếu vào vấn đề giống, kĩ thuật và công tác thú y. Từ 1976 năm đến năm 1985, hàng năm Sơn La đều cử cán bộ kĩ thuật sang Hủa Phăn để khảo sát, xây dựng trại thực nghiệm giống lúa, hoa màu như: lúa các loại, đậu tương, ngô lai... Đồng thời, Sơn La giúp hai huyện Xiềng Khọ và Viêng Thong đưa mô hình hợp tác xã vào sản xuất, điều này đem lại hiệu quả thực sự đối với sản xuất nông nghiệp của hai huyện, từ đây mô hình hợp tác xã được nhân rộng trong toàn tỉnh Hủa Phăn, giúp Hủa Phăn ổn định được tình hình sản xuất, nông dân làm ăn có kế hoạch, đúng thời vụ, mang lại hiệu suất kinh tế cao hơn trước. Năm 1980, theo chỉ đạo của Trung ương, Sơn La tiến hành khảo sát, quy hoạch xây dựng nông trường ở Sầm Nưa, quy hoạch xong hai bên sẽ bàn bạc và quyết định những công việc cụ thể để hợp tác xây dựng nông trường này.

Ngoài ra, để hỗ trợ sản xuất, Sơn La đã cung cấp cho Hủa Phăn nhiều giống cây, con có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, nhiều công cụ, máy móc, phân bón, thuốc trừ sâu cũng được chuyển giao cho Hủa Phăn.

Song song với trồng trọt, lĩnh vực chăn nuôi cũng được chính quyền, nhân dân hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn chú trọng. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, Sơn La góp sức trong việc xây dựng hệ thống chuồng trại để nuôi 200 bò, 300 lợn, 1.000 con gà, 7 ha nuôi cá trong hai năm 1977 - 1978 tại Viêng Xay - Hủa Phăn [47; tr106].

Năm 1981, nhân dịp mừng Quốc khánh lần thứ 6 nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Sơn La đã tặng 2 con bò giống lai F1 cho nhân dân tỉnh Hủa Phăn, đồng

thời hướng dẫn kĩ thuật lai giống, quy trình chăn nuôi để tỉnh Hủa Phăn sử dụng tốt bò giống [133]. Tháng 4/1982, tỉnh Sơn La thành lập đoàn chuyên gia sang giúp Hủa Phăn mở lớp tập huấn chăn nuôi thú y cấp xã cho hai huyện Xiềng Khọ và Viêng Thong. Khi phía Hủa Phăn xảy ra dịch bệnh về gia súc, gia cầm, Sơn La kịp thời cung cấp thuốc, dụng cụ thú y và cử chuyên gia đầu ngành sang hỗ trợ cùng với nhân dân Hủa Phăn dập dịch, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Bên cạnh nông nghiệp, lâm nghiệp cũng là một thế mạnh của Hủa Phăn. Diện tích rừng nguyên sinh và đất rừng tương đối lớn với nhiều loại gỗ quý và lượng lớn lâm sản có giá trị kinh tế cao. Số dân Hủa Phăn dựa vào khai thác rừng để mưu sinh chiếm tỷ lệ cao, vì vậy Hủa Phăn cần phải có chiến lược phát triển trong lĩnh vực này để vừa bảo vệ được tài nguyên rừng vừa sinh lợi từ rừng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh. Để giúp Hủa Phăn khai thác tốt tiềm năng của rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp, Sơn La đã đưa nhiều chuyên gia lâm nghiệp sang cùng phối hợp khảo sát điều tra tài nguyên rừng, lập các dự án nông - lâm nghiệp kết hợp, cùng nhau trao đổi kinh nghiệm trồng rừng và bảo vệ rừng.

3.2.2.2. Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng cơ bản

Hủa Phăn và Sơn La vốn là hai tỉnh biên giới nghèo, cơ sở hạ tầng yếu kém, đặc biệt là cơ sở vật chất của ngành công nghiệp hầu như chưa được xây dựng, chỉ có một vài xưởng sản xuất nhỏ, hết sức lạc hậu, thiếu công nhân kĩ thuật, vật tư và các trang thiết bị sản xuất. Nếu như nông - lâm nghiệp là thế mạnh hợp tác của hai tỉnh thì công nghiệp và xây dựng cơ bản cũng được xem là lĩnh vực hợp tác quan trọng. Bởi lẽ, phát triển công nghiệp, xây dựng sẽ tạo ra nền tảng vững chắc cho cơ sở hạ tầng, củng cố chế độ mới cho cả hai tỉnh sau chiến tranh.

Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp giữa Sơn La và Hủa Phăn trong giai đoạn 1975 - 1986 chủ yếu là sự giúp đỡ của Sơn La đối với Hủa Phăn trong việc khôi phục các cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị chiến tranh tàn phá; cử chuyên gia sang hướng dẫn kĩ thuật, xây dựng một số nhà máy, xí nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng; đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công nhân kĩ thuật.

Ngày 15/11/1978, hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn kí kết hợp tác, tương trợ kinh tế - văn hóa trong hai năm 1979 - 1980, trong đó có nội dung Sơn La sẽ thiết kế và xây dựng nhà máy chế biến hoa màu cho tỉnh Hủa Phăn. Thực hiện nhiệm vụ trên, tháng 6/1979, UBND tỉnh Sơn La đã quyết định giao cho Ty Xây dựng Sơn La thiết kế kĩ

thuật, tổ chức xây dựng Xưởng chế biến màu - mì tại thị xã Sầm Nưa tỉnh Hủa Phăn với diện tích 280 m^2, số vốn xây lắp là 147.073.667 đồng [124]. Ty Công nghiệp Sơn La chịu trách nhiệm thiết kế hệ thống dây chuyền sản xuất bên trong. Công trình được khởi công từ tháng 1/1981 đến 31/12/1981 thì hoàn thành và bàn giao cho Hủa Phăn. Sau khi bàn giao, Sơn La còn cử cán bộ sang hướng dẫn việc tổ chức sản xuất cho cán bộ phụ trách phía Hủa Phăn [134]. Những sản phẩm nông nghiệp như củ dong, ngô, sắn… được thu gom về xưởng chế biến thành mì sợi đã giúp người nông dân tiêu thụ được sản phẩm, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân trong tỉnh.

Năm 1977, Sơn La xây dựng và giúp kĩ thuật cho Xưởng cơ khí Sầm Nưa từ việc sáp nhập Xưởng cơ khí Mường Xôi và các cơ sở khác trong tỉnh thành xưởng sản xuất có quy mô lớn hơn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh. Để phục vụ nhu cầu vật liệu xây dựng tại chỗ, năm 1979, Bộ Xây dựng huy động một phần nhân công tỉnh Sơn La giúp Hủa Phăn xây dựng xí nghiệp gạch công suất từ 2 đến 3 triệu viên/năm ở Viêng Xay [47; tr 259]. Năm 1980, Sơn La trực tiếp nghiên cứu, khảo sát, thiết kế cơ sở sản xuất gạch ngói ở Hủa Phăn [47; tr 279]. Nhìn chung, nền công nghiệp của Sơn La cũng không phát triển hơn nhiều so với Hủa Phăn, vì vậy kết quả hợp tác trong lĩnh vực này còn rất khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng của hai bên. Đây là một thách thức, khó khăn lớn mà cả Sơn La và Hủa Phăn cần vượt qua ở giai đoạn sau.

Sau chiến tranh, Hủa Phăn bị tàn phá nặng nề về kinh tế, cơ sở hạ tầng gần như bị phá hủy, số còn lại không đáng kể lại bị hư hỏng nặng. Hệ thống công sở, trường, trạm, đường giao thông đều phải xây dựng hoặc sửa sang lại. Vì vậy, xây dựng cơ bản là nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, đồng thời đây cũng là lĩnh vực quan trọng của hợp tác Hủa Phăn - Sơn La.

Hủa Phăn là căn cứ cách mạng của Lào, nơi có vị trí quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc Lào. Vậy nên Đảng và Chính phủ hai nước rất quan tâm đến khu vực này sau ngày giải phóng. Theo đề nghị từ phía Lào, trong năm 1976, Việt Nam đã hoàn thành khu Nhà giao tế Trung ương tại Viêng Xay - Hủa Phăn, xây khu nhà để họp chợ (khoảng 200 m^2), hoàn thiện khu cửa hàng thương nghiệp, nhà bưu điện, ngân hàng. Trước mùa mưa năm 1977, Việt Nam bàn giao cho thị xã Sầm Nưa - Hủa Phăn trụ sở của tỉnh, nhà văn hóa, cửa hàng mậu dịch, trường học phổ thông, nhà giao tế với tổng diện tích xây dựng là 5.000 m^2 [47; tr58]. Đồng

thời, năm 1980, Chính phủ Việt Nam giao cho Sơn La khảo sát, thiết kế xây dựng trường học, hội trường, bệnh viện, cửa hàng, đài truyền thanh cho Sầm Nưa [47; tr279]. Từ năm 1977 đến 1979, Sơn La đã giúp Hủa Phăn hoàn thành và đưa vào sử dụng Trường cấp III Phăn La quy mô 15 phòng học, phục vụ 750 học sinh học một ca. Trường được xây dựng trên nền đất 5.000 m^2, bao gồm khu nhà 2 tầng và 3 tầng dành cho giảng đường, hành chính và giáo vụ; nhà một tầng dành cho ký túc xá, nhà ở giáo viên, hội trường, thư viện. Trị giá toàn bộ công trình thời giá 1977 - 1979 là 1,5 triệu USD [79]. Tháng 4/1980, tỉnh Sơn La giao cho Ty Xây dựng tổ chức thực hiện xây dựng các công trình phục vụ cho Trường Quân chính tại Thị xã Sầm Nưa theo văn bản ký kết giữa hai tỉnh ngày 15/11/1978. 314 cán bộ và công nhân ngành xây dựng Sơn La đã sang sản xuất vật liệu và thi công công trình này. Trong việc tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và phát triển kinh tế, năm 1973, Sơn La đã giúp Hủa Phăn xây dựng chiếc cầu treo cỡ lớn tại xã Mường Ét huyện Xiềng Khọ. Cầu hoàn thành và được bàn giao cho bạn vào tháng 4/1974. Tuy nhiên, do lũ lụt lớn vào năm 1975 đã làm cầu treo hư hỏng nặng, nhân dân không đi lại được, Hủa Phăn đã đề nghị Sơn La tiếp tục giúp đỡ sửa chữa cầu. Nhận được thông tin, Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn La đã cử ngay cán bộ kĩ thuật sang khảo sát, lập dự toán và chỉ đạo kĩ thuật tu bổ sửa cầu, cùng với nhân dân Mường Ét khẩn trương hoàn thành kế hoạch trước mùa mưa năm 1976. Cũng tại Mường Ét - Xiềng Khọ, năm 1979, Sơn La giúp xã này xây dựng bến phà qua sông Mã với trọng tải 12 tấn chạy bằng buli dây cáp.

Những công trình xây dựng mới ở Hủa Phăn đã làm cho bộ mặt tỉnh thay đổi hẳn, nhân dân tin tưởng vào Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, tin tưởng vào sự giúp đỡ của Việt Nam nói chung và Sơn La nói riêng. Đây không chỉ là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Hủa Phăn mà còn là nhân tố thắt chặt thêm tình đoàn kết, gắn bó của nhân dân hai nước Việt Nam - Lào, Sơn La - Hủa Phăn.

3.2.2.3. Hợp tác trong lĩnh vực thương mại

Từ năm 1975, trao đổi ngoại thương Việt Nam - Lào hình thành và phát triển, do đó việc trao đổi hàng hóa giữa các địa phương cùng chung biên giới của hai nước có điều kiện tăng cường. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh, nền kinh tế hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn còn rất khó khăn cho nên kim ngạch buôn bán còn khiêm tốn.

Được sự nhất trí của Trung ương Đảng hai nước, hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La thỏa thuận đi đến thống nhất đặt 2 trạm ngoại thương là Lành Bánh, Chiềng Khương (phía đất Việt Nam) để hai bên trao đổi mậu dịch buôn bán. Ngoài ra ở mỗi xã biên giới của Sơn La đều có các cửa hàng mậu dịch nhận trao đổi hàng hóa của nhân dân Hủa Phăn [49;171].

Hàng năm, theo sự kí kết cũng như quy định của hai bên về mậu dịch buôn bán, đồng thời thực hiện kế hoạch ngoại thương của nhà nước, Sơn La và Hủa Phăn đều giữ được đúng ký kết hợp đồng. Hàng trăm tấn hàng xuất và nhập qua lại biên giới, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân hai bên. Thời kỳ này, hàng xuất khẩu chủ yếu của Sơn La sang Hủa Phăn là các mặt hàng tiêu dùng, dụng cụ nấu ăn và nhập về Sơn La là dược liệu. Nhìn chung các mặt hàng xuất khẩu cho nhau đều có chất lượng, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của từng địa phương.

Sau chiến tranh, cùng với chương trình viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho Lào, từ tháng 4 đến tháng 6/1978, Sơn La đã vận chuyển 50 tấn muối và 30 tấn dầu hỏa viện trợ cho Hủa Phăn [119]. Mặc dù đường xá đi lại khó khăn, phương thức vận chuyển thô sơ bằng ngựa thồ, nhưng Sơn La đã hoàn thành đúng tiến độ việc vận chuyển hàng hóa giúp Hủa Phăn từ Lành Bánh đến Mường Pợ (Hủa Phăn).

Bên cạnh việc trao đổi hàng hóa theo kế hoạch của ngành ngoại thương hai tỉnh, các hoạt động trao đổi mua bán của cư dân dọc biên giới cũng khá phát triển. Ở mỗi xã biên giới của Sơn La đều có các cửa hàng mậu dịch nhận trao đổi hàng hóa của nhân dân Hủa Phăn để giải quyết vấn đề sinh hoạt và tiêu dùng hàng ngày.

Tuy nhiên, do cơ chế bao cấp, hàng tiêu dùng ở Sơn La khan hiếm, trong khi phía Hủa Phăn xuất hiện những cửa hàng mậu dịch dễ dàng mua bán. Vì vậy, xuất hiện hiện tượng buôn lậu. Đối tượng buôn lậu mang các mặt hàng như valy, thuốc lào, bông, ninh đồng, bạc trắng, tiền ngân hàng Việt Nam để đổi và mua hàng về là vải, mì chính, giấy cuốn thuốc lá, dép tông, áo phông… Hoạt động buôn lậu này vẫn nằm trong tầm kiểm soát của lực lượng biên phòng. Hiện tượng những toán người Mông lạ mặt không có giấy tờ hợp lệ xuất hiện ngày càng nhiều ở biên giới, trong đó có một số từ Lào sang, một số từ các huyện Phù Yên, Bắc Yên (Sơn La), họ đều mang theo hàng hóa hợp với thị hiếu người dân tộc Mông mà thị trường khan hiếm như dây lưng, sợi, chỉ dệt gấu quần áo, vải láng, pin đèn… mang nhãn hiệu nước ngoài, địa bàn xuất hiện nhiều nhất là ở vùng cao tiếp giáp của các xã Mường Hung - Sốp Cộp, Mường Và - Mường Lạn [49; tr176].

Có thể thấy, hoạt động trao đổi mậu dịch giữa hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn tuy khối lượng không nhiều, mặt hàng chưa thật phong phú, chủ yếu các mặt hàng tiêu dùng, dụng cụ sản xuất, hàng nông sản, dược liệu… nhưng cũng đã phần nào giải quyết được nhu cầu thiết yếu của hai bên, nhất là giúp Hủa Phăn tháo gỡ được những khó khăn trước mắt.

3.2.3. Văn hóa, giáo dục và y tế

3.2.3.1. Hợp tác trong lĩnh vực văn hóa

Các hoạt động văn hóa là nhịp cầu kết nối những vùng miền rất hiệu quả. Nhận thức được điều này, hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã sớm thúc đẩy hợp tác văn hóa nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân, góp phần làm tăng thêm sự hiểu biết về đất nước, con người, cũng như truyền thống đấu tranh của hai dân tộc.

Quan hệ hợp tác trong lĩnh vực văn hóa giữa Hủa Phăn và Sơn La giai đoạn 1975 - 1986 chủ yếu tập trung vào các hoạt động viện trợ xây dựng một số công trình văn hóa, đào tạo cán bộ văn hóa của tỉnh Sơn La cho Hủa Phăn. Đồng thời hai bên cũng thường xuyên xúc tiến hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao.

Để Hủa Phăn có điều kiện tuyên truyền, phổ biến những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục ý thức và lối sống mới cho nhân dân, tỉnh Sơn La đã giúp Hủa Phăn khôi phục và phát triển hệ thống truyền thanh. Theo kế hoạch của Chính phủ Việt Nam về viện trợ và hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kĩ thuật với Lào trong năm 1980, Sơn La phụ trách nghiên cứu, khảo sát thiết kế xây dựng Đài Truyền thanh ở Sầm Nưa.

Ngành Văn hóa thông tin Sơn La đã quan tâm giúp đỡ Hủa Phăn xây dựng và phát triển ngành Điện ảnh. Để phát triển mạng lưới chiếu bóng lưu động, một mặt Điện ảnh Sơn La giúp mua sắm máy nổ, máy chiếu phim, cung cấp một số bộ phim, mặt khác cấp tốc đào tạo cán bộ chuyên môn để triển khai hoạt động chiếu bóng lưu động. Đặc biệt, để tăng cường tình đoàn kết đặc biệt Sơn La - Hủa Phăn, tháng 6/1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La đã chỉ đạo Ty Văn hóa và Thông tin cùng với Ban Tuyên giáo phối hợp xây dựng và tiến hành quay bộ phim thời sự tài liệu về tình hữu nghị đặc biệt Sơn La - Hủa Phăn [120].

Nằm trong chương trình giao lưu văn hóa hàng năm, vào các ngày lễ, tết của hai dân tộc như Tết cổ truyền Bunpimay, Quốc khánh nước CHDCND Lào… Sơn

La đều cử các cán bộ thông tin đưa đoàn văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao sang biểu diễn nghệ thuật và thi đấu hữu nghị. Tỉnh Sơn La còn tạo điều kiện cho các đoàn văn công tỉnh Hủa Phăn sang biểu diễn kết hợp với tập huấn kĩ năng đạo diễn, biểu diễn, trang phục biểu diễn… tại Thị xã Sơn La. Ngày 11/1/1979 Sơn La đã tiếp nhận 37 cán bộ, diễn viên đoàn văn công tỉnh Hủa Phăn đến trao đổi, học tập kinh nghiệm nghiệp vụ. Đoàn được Sơn La lo chỗ ăn, ở trong thời gian học tập, mỗi người được cấp 21kg gạo/tháng, 140 đồng tiền học bổng/tháng [122].

Sơn La và Hủa Phăn đều là những tỉnh miền núi biên giới nghèo, lạc hậu, dân tộc thiểu số chiếm số đông, cùng với đó là các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan còn khá phổ biến trong đời sống cư dân ở đây. Để khắc phục tình trạng này, lực lượng bộ đội biên phòng hai bên đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân hai bên biên giới bài trừ các hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới.

Có thể thấy, do còn nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế, những hoạt động hợp tác văn hóa giữa hai tỉnh chưa nhiều, nhưng trong những năm tháng gian khổ ấy sự san sẻ về đời sống tinh thần cũng góp phần giúp nhân dân hai bên biên giới thêm gắn kết, hiểu nhau, tôn trọng nhau hơn.

3.2.3.2. Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ, Việt Nam và Lào bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Giáo dục - đào tạo được hai đảng, hai nhà nước xác định là một nhiệm vụ quan trọng, là lĩnh vực hợp tác chiến lược và là biểu hiện của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Việt Nam coi việc đào tạo cho Lào nguồn nhân lực có trình độ là nhiệm vụ có tính chiến lược lâu dài, không những của Lào mà còn phục vụ cho quá trình hợp tác của Việt Nam với Lào. Chính phủ Lào đã khẳng định phát triển kinh tế xã hội trong tương lai sẽ phụ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực được đào tạo tốt sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế xã hội của Lào.

Hợp tác trong giáo dục thời kì này của hai nước thể hiện tinh thần giúp đỡ lẫn nhau nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của những năm mới giải phóng. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Bộ Giáo dục Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 251 của Bộ Chính trị "*Giúp cơ bản, toàn diện, liên tục, lâu dài*" đã đưa ra kế hoạch giúp Ngành giáo dục Lào trên các lĩnh vực: ổn định chương trình, biên soạn sách giáo khoa, in sách giáo khoa, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên…

Sau khi hòa bình lập lại, ngành giáo dục Hủa Phăn đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Từ hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy học cho đến giáo viên các cấp học đều thiếu và yếu, gần như phải xây dựng và đào tạo lại từ đầu. Xuất phát từ nhu cầu đào tạo của Hủa Phăn, nhằm tạo nguồn nhân lực, nguồn cán bộ kế cận, Sơn La đã quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành làm tốt nhiệm vụ hợp tác về giáo dục - đào tạo. Sơn La vừa viện trợ kinh phí và vật chất để xây dựng cơ sở trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học, vừa hợp tác vừa giúp đỡ trong công tác đào tạo cán bộ giáo viên, cán bộ các ngành nghề khác cho tỉnh Hủa Phăn.

Từ năm 1977 đến năm 1979, Sơn La đã giúp Hủa Phăn hoàn thành và đưa vào sử dụng Trường cấp III Phăn La quy mô 15 phòng học, phục vụ 750 học sinh học một ca [120]. Ngôi trường khang trang với hệ thống phòng học riêng, phòng hành chính, giáo vụ, kí túc xá, nhà ở của giáo viên cùng với việc trang bị sách vở, bút mực, dụng cụ thí nghiệm đã phần nào đáp ứng nhu cầu học tập của con em các bộ tộc Lào của tỉnh.

Trong giai đoạn này, Sơn La cũng có nhiều hoạt động hợp tác, giúp đỡ Hủa Phăn trong việc xây dựng chương trình, sách giáo khoa và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đứng lớp. Năm 1984, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc (nay là Trường Đại học Tây Bắc) đã tiếp nhận 10 lưu học sinh tỉnh Hủa Phăn nhập học tại hai khoa Toán - Lý và Sinh - Hóa theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La [78]. Các lưu học sinh này đều tốt nghiệp, trở thành giáo viên cấp II về giảng dạy tại địa phương. Từ năm 1975 đến năm 1986, Sơn La đã tiếp nhận 47 học sinh Hủa Phăn sang học cấp III tại Trường Hữu nghị T80. Riêng năm 1979 - 1980, Sơn La tiếp nhận 138 học sinh của Hủa Phăn gửi sang học các lớp ngắn hạn và dài hạn, đến cuối năm 1980 đã ra trường trở về Hủa Phăn công tác 48 người [128].

Bên cạnh việc đẩy mạnh hợp tác, giúp đỡ Hủa Phăn phát triển giáo dục, Sơn La cũng đã chú trọng công tác đào tạo nghề cho cán bộ, công nhân của tỉnh Hủa Phăn. Với sự nỗ lực của các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, từ năm 1976 đến 1986, Sơn La đã đào tạo cho Hủa Phăn 30 sinh viên trung cấp y tế, 29 sinh viên trung cấp kế hoạch, 8 sinh viên trung cấp nông - lâm, 25 công nhân may mặc, 2 công nhân ngành in [79].

Trong quá trình đào tạo học sinh, sinh viên, cán bộ Hủa Phăn, tỉnh Sơn La luôn quan tâm đến đời sống sinh hoạt của các học viên, tổ chức nơi ăn, ở cũng như

đi lại cho các học viên trong suốt quá trình học tập; thường xuyên thăm hỏi, động viên, tổ chức đón Tết Bunpimay cho học viên. Vì vậy, hầu hết các học viên hoàn thành tốt chương trình học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phát huy tác dụng tốt khi trở về nước.

3.2.3.3. Hợp tác trong lĩnh vực y tế

Lào là xứ nhiệt đới nóng ẩm, hơn 70% diện tích là rừng núi, vừa trải qua thời kì chiến tranh kéo dài dễ phát sinh dịch bệnh lây truyền trong nhân dân. Cơ sở y tế và trình độ bác sĩ còn nhiều hạn chế, vì vậy, hàng năm Lào đã đề nghị Việt Nam giúp đỡ không hoàn lại vài chục tấn thuốc DDT 303, máy bơm DDT, hàng triệu viên thuốc chống sốt rét, vài triệu liều tả TAB, đậu mùa khô, bại liệt. Phía Việt Nam liên tục cử các đoàn cán bộ chuyên gia sang Lào bồi dưỡng cán bộ y tế, tham gia công tác phòng chữa bệnh cho nhân dân các bộ tộc Lào [9; tr 79].

Từ quan điểm của Trung ương Đảng hai nước, không ngừng hợp tác, chăm lo nâng cao sức khỏe của nhân dân, ngăn chặn và phòng ngừa dịch bệnh, giúp đỡ nhau tổ chức mạng lưới y tế từ Trung ương đến cơ sở, tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La đã triển khai kế hoạch hợp tác y tế và mang lại những hiệu quả thiết thực.

Hợp tác y tế Sơn La - Hủa Phăn giai đoạn 1975 - 1986 tập trung vào một số vấn đề cấp bách như: khôi phục và xây dựng các cơ sở khám chữa bệnh, đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế; phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ; khám chữa bệnh miễn phí cho một số lão thành cách mạng và cán bộ lãnh đạo Hủa Phăn theo chương trình ký kết hàng năm.

Trong những năm đầu sau chiến tranh, Sơn La đã giúp Hủa Phăn tổ chức hệ thống y tế huyện, bản. Đây là việc làm thiết thực nhằm kịp thời dập dịch, hạn chế tối đa khả năng bùng phát các bệnh nguy hiểm tại các huyện, bản của tỉnh.

Nằm trong chương trình hợp tác, hàng năm, Bệnh viện Sơn La đã nhận khám và điều trị cho hàng chục cán bộ lãnh đạo, lão thành cách mạng của tỉnh Hủa Phăn. Tuỳ theo chức vụ, Sơn La đã làm tốt chế độ cho bệnh nhân: cấp chi phí cho bữa ăn của bệnh nhân Lào từ 90 - 150 đồng/người/ngày; cấp tiền tiêu vặt cho bệnh nhân Lào 300 đồng/tháng/người; tiền thuốc điều trị và thuốc khám bệnh theo chế độ chung như cán bộ của tỉnh Sơn La điều trị ở khoa C. Ngoài ra, ngành thương nghiệp Sơn La giải quyết cho bệnh nhân Lào được mua theo giá kinh doanh một số mặt hàng thiết yếu như: đường kính: 1kg/tháng/người; sữa hộp:1 hộp/tháng/người; khăn

mặt: 1 cái/tháng/người; thuốc đánh răng: 1 hộp/2 tháng/người; xà phòng giặt: 1 bánh/tháng/người; xà phòng thơm: 1 bánh/ tháng/người [140].

Công tác đào tạo cán bộ chuyên khoa, cán bộ phòng dịch cho Hủa Phăn được hai bên đặc biệt quan tâm. Một mặt, Sơn La cử chuyên gia trực tiếp sang tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ, mặt khác nhận cán bộ, học sinh Hủa Phăn gửi sang đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở của tỉnh. Ngày 2/4/1979, đoàn công tác của Ty Y tế Sơn La gồm hệ thống bác sĩ, y sĩ, dược sĩ, y tá, xét nghiệm, phiên dịch đã sang tỉnh Hủa Phăn thực hiện nhiệm vụ trong văn bản kí kết giữa Sơn La và Hủa Phăn ngày 15/11/1978. Năm 1982, Sơn La đã cử hai đợt chuyên gia y tế sang công tác tại huyện Xiềng Khọ tỉnh Hủa Phăn, đợt 1 (tháng 5/1982), đợt hai (tháng 10/1982), mỗi đợt hoạt động 2 tháng, nỗ lực tập huấn cho cán bộ y tế Hủa Phăn thạo việc thì rút về [135]. Bên cạnh đó, hàng năm, Sơn La nhận một số cán bộ y tế của Bệnh viện tỉnh Hủa Phăn sang tập huấn từ 3 đến 7 tháng tại Bệnh viện đa khoa Sơn La. Từ năm 1976 đến năm1986, tỉnh Sơn La đã đào tạo cho Hủa Phăn 30 sinh viên trung cấp y tế [79].

Sự giúp đỡ của Sơn La đã góp phần tạo điều kiện cho Hủa Phăn từng bước hình thành mạng lưới y tế từ tỉnh xuống tận các huyện, bản, kịp thời phòng và chữa trị một số bệnh dịch nguy hiểm. Thông qua quá trình hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong lĩnh vực y tế nhân dân hai tỉnh đã xích lại gần nhau hơn.

Tiểu kết chương 3

Những thuận lợi, khó khăn của hai nước Lào, Việt Nam, sự tác động của tình hình khu vực cùng sự phát triển của quan hệ Lào - Việt sau năm 1975 là những nhân tố trực tiếp tác động đến quan hệ giữa các địa phương của hai nước Lào - Việt, trong đó có quan hệ giữa Hủa Phăn và Sơn La.

Là hai tỉnh kết nghĩa, Hủa Phăn, Sơn La đã dành cho nhau sự quan tâm giúp đỡ đặc biệt trên mọi lĩnh vực. Vượt lên những khó khăn sau chiến tranh, Sơn La và Hủa Phăn tiếp tục gắn bó trong việc củng cố và xây dựng chính quyền cách mạng, hợp tác chặt chẽ, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động gây bạo loạn của các lực lượng phản động trong và ngoài nước, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Đường biên giới quốc gia trên địa phận hai tỉnh cũng như quy chế biên giới được xây dựng không chỉ xác định rõ chủ quyền thiêng liêng của hai nước Lào - Việt mà còn góp phần bảo vệ vững chắc vùng biên giới của hai nước.

Mặc dù kinh tế hai tỉnh còn nhiều khó khăn, nhất là Sơn La phải thường xuyên nhận viện trợ từ Trung ương, nhưng hai tỉnh vẫn tập trung giúp đỡ nhau về chuyên gia, về kĩ thuật, phương tiện thúc đẩy sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, ổn định đời sống nhân dân trong thời kỳ mới. Sơn La cũng đã góp một phần không nhỏ giúp Hủa Phăn xây dựng, phát triển nền văn hóa mới, đào tạo nhân lực trong các ngành giáo dục, y tế.

Nhìn một cách tổng thể, quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La trong giai đoạn này nằm trong khuôn khổ thực hiện nhiệm vụ của hai đảng, hai nhà nước. Cùng với truyền thống gắn bó từ lâu đời, trên tinh thần "giúp bạn là giúp mình", quan hệ giữa hai tỉnh từ 1975 đến 1986 đã đạt được những kết quả quan trọng không chỉ đáp ứng yêu cầu của hai chính phủ mà còn không ngừng củng cố, phát triển tình hữu nghị đặc biệt giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn.

CHƯƠNG 4
QUAN HỆ HỦA PHĂN - SƠN LA GIAI ĐOẠN 1986 - 2012

4.1. Các nhân tố tác động đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La (1986 - 2012)

4.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực (1986 - 2012)

Những năm cuối thập niên 1980 đầu 1990, nhân loại chứng kiến những biến động to lớn trên bàn cờ chính trị quốc tế: Chiến tranh lạnh kết thúc (1989); trật tự hai cực Ianta sụp đổ (1991); sự vươn lên của Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc trong tương quan lực lượng kinh tế - chính trị quốc tế... Bên cạnh đó, cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền của các nước đang phát triển chống lại ảnh hưởng và sự can thiệp của các nước lớn đang ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn.

Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trở thành xu thế chủ đạo chi phối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh ở các khu vực cũng như trên phạm vi toàn cầu. Nhân tố kinh tế ngày càng có vị trí quan trọng và dần dần trở thành nhân tố chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Trào lưu cải cách thể chế, cơ cấu kinh tế ở các quốc gia trên thế giới đã trở thành phổ biến và làm thay đổi căn bản bộ mặt kinh tế, xã hội của thế giới sau Chiến tranh lạnh. Để tồn tại và phát triển, các quốc gia, dân tộc trên thế giới đều đặt ưu tiên cao cho phát triển kinh tế, coi đó là nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp của quốc gia và đều phải nhanh chóng hội nhập vào xu thế phát triển chung trong cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu.

Những biến đổi của tình hình thế giới đã tác động sâu sắc đến khu vực Đông Nam Á. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, sự đối đầu về hệ tư tưởng không còn chi phối tình hình khu vực. Các nước Đông Nam Á có điều kiện để xích lại gần nhau, cùng hợp tác, hội nhập để trở thành một khu vực hòa bình, độc lập, ổn định và phát triển. Chỉ trong vòng một thời gian ngắn, ASEAN đã phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10 và trở thành một tổ chức thống nhất, tập hợp tất cả các quốc gia trong khu vực với trình độ phát triển kinh tế, chế độ chính trị - xã hội, văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, trong khu vực vẫn tồn tại những nhân tố bất trắc tiềm ẩn, đe dọa an ninh và sự phát triển bền vững của các nước như chủ nghĩa ly khai, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp biên giới đất liền, hải đảo, đặc biệt là tranh chấp ở Biển Đông.

Sự biến đổi của tình hình thế giới và khu vực đã tác động mạnh mẽ đến sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước của Lào và Việt Nam cũng như mối quan hệ hợp tác giữa hai nước. Quan hệ giữa Lào với Việt Nam cũng như giữa các địa

phương của hai nước có nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn. Xu thế toàn cầu hóa làm gia tăng các mối quan hệ quốc tế cả chiều rộng lẫn chiều sâu, không chỉ cấp khu vực, quốc gia mà cả địa phương của quốc gia. Kinh tế ASEAN không ngừng phát triển, có chính sách ưu tiên cho hợp tác nội khối, đây là điều kiện để quan hệ Lào - Việt Nam cũng như các tỉnh biên giới của hai nước không ngừng phát triển. Hủa Phăn, Sơn La phải tận dụng điều kiện thuận lợi phát triển quan hệ theo kiểu mới: chuyển từ hình thức bao cấp xin - cho sang hợp tác toàn diện đôi bên cùng có lợi mới đáp ứng được yêu cầu của thời đại. Bên cạnh đó, việc ASEAN tăng cường hợp tác với các nước bên ngoài, đặc biệt là những nước lớn (Trung Quốc, Nhật Bản) cùng nguồn đầu tư mạnh, tạo ra thách thức, cạnh tranh cho các mối quan hệ này. Trung Quốc đã nhanh chóng trở thành nhà đầu tư số 1 ở Lào, cạnh tranh ảnh hưởng kinh tế mạnh mẽ với tất cả các đối tác truyền thống của Lào là Thái Lan và Việt Nam. Từ tháng 10/1999, Chính phủ Trung Quốc chính thức thông báo cho Chính phủ Lào biết chủ trương của Trung Quốc giao cho tỉnh Vân Nam thay mặt Chính phủ Trung Quốc hợp tác về kinh tế với Lào, đặc biệt sẽ giúp Lào phát triển kinh tế tại các tỉnh Bắc Lào có chung biên giới với Trung Quốc [82; tr 48]. Trung Quốc đã đặt Lãnh sự quán tại tỉnh Luông Pha Bang để thuận lợi trong quá trình hợp tác với các tỉnh phía Bắc Lào, phía Lào cũng đặt Lãnh sự quán tại Xiêng Hung - Síp Song Păn Na. Đây là nhân tố tác động trực tiếp đến quan hệ Hủa Phăn - Sơn La. Trung Quốc cũng đã đầu tư vào Hủa Phăn thông qua các dự án kinh tế dài hạn. Từ năm 2004 đến 2011, có tổng số 10 công ty của Trung Quốc và 3 công ty liên doanh Trung Quốc - Lào đầu tư tại tỉnh Hủa Phăn với tổng số vốn Trung Quốc là 3.203.781 USD, vốn liên doanh Trung Quốc - Lào là 10.400.000 USD. Lĩnh vực đầu tư chủ yếu là thăm dò, khai thác quặng, xây dựng cơ sở hạ tầng, trồng và sản xuất nhựa cao su, chè… thời hạn từ 5 đến 50 năm [*Xem Phụ lục 6*]. Từ năm 2011, Síp Song Păn Na và Phu Ơ (Vân Nam - Trung Quốc) là hai đại diện hợp tác toàn diện với Hủa Phăn (Lào). Mặc dù, không có chung đường biên giới như Hủa Phăn - Sơn La; không phải là quan hệ từ truyền thống đặc biệt phát triển thành quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện, nhưng lợi ích thực tế, nhất là kinh tế của quan hệ hợp tác này trở thành thách thức đối với quan hệ Hủa Phăn - Sơn La. Trong xu thế hội nhập, sự cạnh tranh là khó tránh khỏi, đòi hỏi Hủa Phăn và Sơn La phải

có chiến lược và tầm nhìn để phát triển bền vững cũng như có chính sách phù hợp để duy trì, thúc đẩy mối quan hệ trong bối cảnh mới.

4.1.2. Bối cảnh Lào, Việt Nam và bước phát triển của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam (1986 - 2012)

Trước xu thế cải cách của thế giới cùng với những khó khăn trì trệ trong nước do cơ chế bao cấp mang lại, Lào và Việt Nam đứng trước hai sự lựa chọn: một là đổi mới để hội nhập và phát triển, hai là duy trì cơ chế cũ và sụp đổ. Một lần nữa, lịch sử lại chứng kiến hai nước Lào - Việt Nam cùng sánh bước trên con đường đổi mới và phát triển. Đại hội IV của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986) thực sự là một bước ngoặt của hai dân tộc.

Từ ngày 13 đến 15/11/1986, tại Thủ đô Viêng Chăn đã diễn ra Đại hội IV của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Đây được xem là Đại hội nhìn nhận đúng với thực tiễn, đánh giá lại điểm xuất phát rất thấp của nền kinh tế Lào. Từ đó, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào xác định phải tiến hành đổi mới toàn diện, trước hết là việc đổi mới về kinh tế, thực hiện cơ chế kinh tế mới - kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước "*xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp tức là phải chấm dứt việc điều hành nền kinh tế mà chủ yếu dựa vào ý chí chủ quan và mệnh lệnh hành chính từ trên giội xuống*" [9; tr611]. Đại hội V (1991), Đại hội VI (1996), Đại hội VII (2001), Đại hội VIII (2006), Đại hội IX (2011) của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tiếp tục công tác cải cách toàn diện nhằm chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, thực hiện những cải cách liên quan đến toàn bộ hệ thống kinh tế - chính trị của đất nước.

Công cuộc đổi mới ở Lào đã đạt được những thành tựu to lớn và có bước tiến vững chắc. Nền kinh tế từ trạng thái tự nhiên chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước được cải thiện. Nhịp độ tăng trưởng trung bình 5,9 - 6%, thu nhập bình quân đầu người tăng dần. Bộ máy nhà nước các cấp ngày càng được hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả hơn. Đến năm 2007, Lào có quan hệ thương mại với 60 nước, ký hiệp định thương mại với 19 nước [31; tr19].

Tuy nhiên do xuất phát điểm thấp, đến đầu thế kỷ XXI, Lào vẫn là một trong số những nước chậm phát triển nhất trong khu vực với thu nhập quốc dân bình quân đầu người chỉ đạt gần 300 USD (năm 2000) [65; tr 557]. Để đạt được mục tiêu dài hạn

năm 2020 thoát khỏi đói nghèo, ngoài bản thân nội lực, Lào rất cần sự giúp đỡ từ Việt Nam.

Cùng thời điểm với công cuộc đổi mới ở Lào, từ ngày 15 đến 18/12/1986 Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã tiến hành Đại hội VI - Đại hội đổi mới một cách toàn diện từ kinh tế, chính trị đến văn hóa xã hội, khoa học kĩ thuật, đối ngoại và an ninh quốc phòng. Những đại hội tiếp theo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội VII (năm 1991), Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (năm 2001), Đại hội X (năm 2006), Đại hội XI (2011), tiếp tục mục tiêu thoát khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa vào năm 2020 [229; tr 46].

Đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Việt Nam đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, kinh tế đã ra khỏi khủng hoảng, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa và có bước phát triển khá nhanh. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5% một năm. Tích lũy nội bộ nền kinh tế từ chỗ không có gì sau 20 năm đổi mới đã đạt hơn 30% GDP; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, thu nhập bình quân đầu người từ 200 USD năm 1990 tăng lên 640 USD năm 2005 [229; tr37]. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Đến năm 2005, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 169 nước trên thế giới, có quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ [229; tr41]; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên nhiều, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

Tuy vậy, Việt Nam cũng còn nhiều yếu kém, nhận thức lý luận còn chưa đủ rõ, kinh tế phát triển chưa tưng xứng với khả năng và yêu cầu; sức cạnh tranh còn yếu và vẫn tồn tại nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới…

Cùng với quá trình đổi mới của hai nước, quan hệ Lào - Việt Nam cũng đòi hỏi phải đổi mới tư duy, đổi mới cơ chế, phương châm, phương thức hợp tác để tiếp tục phát triển. Bản chất của đổi mới ở hai nước là thay đổi mô hình kinh tế - xã hội từ quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình kinh tế - xã hội thay đổi nên quan hệ giữa hai nước cũng phải thay đổi. Vì vậy, Lào và Việt Nam cần tăng cường hợp tác để phát triển. Quan hệ hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam trong thời kỳ đổi mới 1986 - 2012 đã trải qua nhiều khó khăn thử

thách, nhưng với sự quan tâm của của hai đảng, hai nhà nước, quan hệ hợp tác toàn diện ngày càng được đẩy mạnh và khuyến khích phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, từ hợp tác về chính trị đối ngoại, quốc phòng an ninh đến hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hợp tác giữa các địa phương và đạt được kết quả ngày càng to lớn hơn, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới và phát triển của mỗi nước.

Có thể thấy cùng với những chặng đường đổi mới của hai nước, hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam cũng tương ứng với tình hình phát triển của hai đất nước:

Giai đoạn đầu 1986 - 1991, gắn với chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, điều chỉnh cơ cấu kinh tế và quan hệ kinh tế đối ngoại, hai nước chuyển dần sang cơ chế và phương thức hợp tác mới, điều này được đánh dấu bằng việc giảm dần tính tập trung, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh cùng có lợi với công thức hợp tác 2 + 1 (Tài nguyên Lào, lao động kĩ thuật Việt Nam và vốn từ một nước thứ ba). Tuy nhiên về cơ bản, quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào vẫn mang tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, giải quyết vấn đề tình thế theo vụ việc, đáp ứng yêu cầu cấp bách để ổn định và phát triển kinh tế. Phương thức hợp tác này cho thấy, cả hai nước mới tiến hành công cuộc đổi mới, tiềm lực ban đầu chưa có, do vậy sự hợp tác giữa hai nước chưa có những chuyển đổi gì đáng kể.

Giai đoạn 1992 - 1995, phương thức hợp tác Lào - Việt Nam đã chuyển từ hợp tác từng vụ việc theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước Lào sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch hàng năm giữa hai chính phủ; bước đầu nghiên cứu kế hoạch và xây dựng chiến lược hợp tác dài hạn giữa hai nước. Từ công thức 2+1, hợp tác Việt Nam - Lào chuyển sang công thức 3+2 (vốn, công nghệ kỹ thuật, thị trường Việt Nam; lao động, tiềm năng thiên nhiên của Lào). Công thức này cho thấy, Việt Nam và Lào tỏ rõ quyết tâm hợp tác với nhau trên tất cả các lĩnh vực nhằm phát huy nội lực, tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên để cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thách thức trên con đường xóa bỏ khoảng cách phát triển, hướng đến phát triển đồng đều bền vững ở mỗi nước.

Giai đoạn 1996 - 2000, Lào, Việt Nam xóa bỏ cơ chế bao cấp, cải tiến cơ chế hợp tác phù hợp với thông lệ quốc tế, với định hướng là "*hợp tác bình đẳng cùng có lợi, kết hợp thỏa đáng tính chất quan hệ đặc biệt với thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau*" [9; tr 694]. Lần đầu tiên các nội dung hợp tác mang tính chiến lược tạo tiền đề cho việc triển khai hợp tác những năm sau này được đặt ra. Đây

cũng là giai đoạn hầu hết các cơ chế hợp tác đã được ký kết, tạo ra khung pháp lý quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Từ năm 2001 đến năm 2012, hai nước đã xây dựng các thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho các giai đoạn 5 năm (2001 - 2005, 2006 - 2010), 10 năm (2001 - 2010) sau đó là hàng loạt các hiệp định, nghị định thư và các thỏa thuận hợp tác cũng được ký kết, tạo thành một hệ thống các cơ chế hợp tác để các bộ, ngành hai bên áp dụng. Do chính sách ưu tiên, ưu đãi cho nhau, hợp tác kinh tế, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Đầu tư của Việt Nam vào Lào tăng trưởng nhanh chóng; đồng thời đầu tư của Lào vào Việt Nam cũng ngày càng được mở rộng. Cũng trong giai đoạn này, hai bên còn phối hợp tham gia có hiệu quả các chương trình, dự án quốc tế và khu vực như: hợp tác tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS), dự án kết nối giao thông khu vực trong dự án hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC)…

Những thành tựu hơn 20 năm đổi mới của Lào và Việt Nam cùng với bước chuyển biến của quan hệ hai nước là nền tảng thúc đẩy quan hệ giữa các địa phương có chung đường biên giới, trong đó có quan hệ toàn diện Hủa Phăn - Sơn La phát triển. Bởi lẽ, cùng với công cuộc đổi mới, nền kinh tế tư nhân phát triển, đầu tư vào Lào tăng nhanh, Hủa Phăn và Sơn La cũng có điều kiện đổi mới và phát triển. Sự chuyển đổi hình thức hợp tác giữa hai nước Lào, Việt Nam là định hướng cho sự chuyển đổi hình thức hợp tác giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La, đưa quan hệ Hủa Phăn - Sơn La phát triển theo hướng hợp tác hữu nghị, toàn diện, đôi bên cùng có lợi.

4.1.3. Đặc điểm tình hình và chính sách phát triển mối quan hệ của hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La (1986 - 2012)

Hủa Phăn: Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước Lào, hình kinh tế tỉnh Hủa Phăn có nhiều chuyển biến tiến bộ và đạt những kết quả quan trọng. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân tăng khoảng 5,5%/năm, bình quân đầu người đạt 1.800.000 kíp/người/năm[3]. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch đúng hướng, nông lâm - nghiệp 64%, công nghiệp 12%, dịch vụ 24% [254]. Trong lĩnh vực nông nghiệp, vốn là ngành kinh tế chủ đạo của tỉnh, để đáp ứng sự phát triển của cơ cấu thị trường, người dân đã thay đổi tư duy, biết tận dụng lợi thế của từng

[3] 8000 kíp = 1USD; 1.800.000 kíp = 225 USD

vùng, từng loại cây con, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển sản xuất hàng hóa. Những ngành thủ công truyền thống như: dệt vải, thêu ren, mây tre đan xuất khẩu… được khuyến khích sản xuất không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh mà còn xuất khẩu ra nước ngoài.

Kinh tế phát triển, chính trị và an ninh xã hội được ổn định, đời sống nhân dân trong tỉnh được nâng cao từng bước. Hệ thống giao thông được xây dựng và nâng cấp, nhiều công trình xây dựng được hoàn thành làm thay đổi bộ mặt các đô thị, thị trấn và một số bản, tạo tiền đề cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giáo dục từng bước được củng cố và phát triển. Toàn tỉnh có tổng cộng 876 trường học phổ thông, trong đó có 47 trường mầm non, 751 trường tiểu học, 58 trường trung học cơ sở, 19 trường trung học phổ thông. Ngoài ra, tỉnh còn có trường dạy nghề và 2 trường cao đẳng dân lập [254].

Hệ thống y tế của tỉnh được tăng cường, toàn tỉnh có 8 bệnh viện và 125 trạm xá, đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người dân, các bệnh xã hội giảm đáng kể, tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi tử vong giảm còn 4,6%, tỷ lệ bà mẹ sinh con ở bệnh viện tăng 44,2%, số dân sử dụng nước sạch 53,7%, tuổi thọ bình quân là 57 tuổi [254].

Tuy nhiên, Hủa Phăn vẫn là một tỉnh nghèo nhất của CHDCND Lào. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Lào: năm 2002, tỷ lệ đói nghèo ở Hủa Phăn là 63% (cả nước là 39%); năm 2004, tỷ lệ nghèo ở Hủa Phăn đã giảm xuống còn 45% (cả nước là 30%); năm 2007, toàn tỉnh có 8 huyện, 1 thị xã, 744 bản, trong đó có 485 bản nghèo bằng 65,32%; có 43.946 hộ gia đình, trong đó có 22.327 hộ đói nghèo bằng 50,78% [254].

Sơn La: Công cuộc đổi mới của tỉnh Sơn La được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII năm 1986. Thực hiện Nghị quyết, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn La đã nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Kinh tế có bước chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động sản xuất kinh doanh sôi động, kinh tế tư nhân tăng mạnh. Nông - lâm nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo cũng có sự chuyển đổi sâu sắc: sản xuất lương thực thực phẩm được chú trọng theo hướng sản xuất hàng hóa, diện tích lúa ruộng tăng, lúa nương giảm, năng suất các loại cây trồng, vật nuôi đều tăng nhanh so với trước. Vốn rừng bước đầu được phục hồi và phát triển theo hướng xã hội hóa

lâm nghiệp. Từ năm 1996 đến năm 2000, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân 9,05%/năm, năm 2000 so với 1995 tăng 1,7 lần; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 40%; giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 3,5 lần; giá trị dịch vụ thương mại tăng 2,36 lần [6; tr207].

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên, thu nhập bình quân theo đầu người năm 2008 là 618.000 đồng/người/tháng [39; tr346]. Sự nghiệp giáo dục đào tạo tiếp tục phát triển, Sơn La được công nhận đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ vào năm 1999. Hệ thống bệnh viện tỉnh, huyện được nâng cấp và tăng cường các thiết bị khám chữa bệnh tiên tiến, 100% xã có trạm xá kiên cố và bán kiên cố. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao rõ rệt.

An ninh chính trị và quốc phòng ổn định. Bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng trong toàn tỉnh.

Những thành tựu đạt được trong tiến trình đổi mới đã đánh dấu bước phát triển hết sức mạnh mẽ trên mọi mặt của tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, Sơn La vẫn là một tỉnh khó khăn trong cả nước, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả chưa cao, vị thế trên thị trường chưa đủ mạnh, kinh tế nông thôn cơ bản vẫn là thuần nông, đời sống của một bộ phận không nhỏ nhân dân còn khó khăn, bình quân thu nhập thấp, một số tệ nạn xã hội chưa giảm.

Có thể thấy, trên con đường đổi mới, kinh tế, xã hội hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La phát triển mạnh hơn so với trước. Vì vậy, nhu cầu hợp tác giữa hai tỉnh cũng được tăng cường. Hơn nữa, điều kiện cho quá trình hợp tác lại thuận lợi, nhất là hai Chính phủ Lào, Việt Nam có chính sách cho phép các địa phương, doanh nghiệp chủ động trong quan hệ với bên ngoài. Điều này thúc đẩy quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La phát triển theo hướng cùng có lợi.

Trong quan hệ đối ngoại, hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế. Thời kì này Sơn La mở rộng mối quan hệ với 8 tỉnh Bắc Lào, Hủa Phăn cũng đẩy mạnh quan hệ với các tỉnh của Việt Nam như: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Điện Biên, Lai Châu, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh. Tuy nhiên, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La vẫn tiếp tục được phát huy lên một tầm cao mới, từ hai tỉnh kết nghĩa theo yêu cầu của Trung ương Đảng hai nước thành hai tỉnh có quan hệ hợp tác song phương cùng có lợi.

Quan điểm của lãnh đạo tỉnh Sơn La trong mối quan hệ với Hủa Phăn: "*Sơn La xác định hợp tác với Hủa Phăn nhằm mục đích ổn định về chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng vùng ngoại biên và nội biên, củng cố và phát triển tình hữu nghị đặc biệt giữa hai nước và hai tỉnh. Tuy nhiên, theo chủ trương đổi mới quan hệ hợp tác giữa hai Đảng, hai Chính phủ thì hợp tác kinh tế không thể coi nhẹ, hợp tác kinh tế sẽ làm nền tảng cho các mối quan hệ hợp tác khác, Sơn La khẳng định quyết tâm hợp tác kinh tế lâu dài với bạn mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn và lợi nhuận thấp*" [142]. UBND tỉnh Sơn La tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp đi tìm hiểu, nghiên cứu các chương trình hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế - kĩ thuật - mở rộng sản xuất, hợp tác về lao động để phát huy tiềm năng mỗi bên nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai phía. Trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền các bên cùng có lợi và phù hợp khả năng, điều kiện cho phép giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Lào [158].

Về phía Hủa Phăn cũng bày tỏ thiện ý: "*Sơn La - Hủa Phăn có những nét tương đồng gần gũi về văn hóa, xã hội, dân tộc, phong tục tập quán, ngôn ngữ... do đó có điều kiện thuận lợi để thắt chặt tình hữu nghị đặc biệt, hợp tác về mọi mặt*" [142].

Trong bài phát biểu của lãnh đạo tỉnh Hủa Phăn tại Hội nghị hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào, đoàn kết - hữu nghị tại Sơn La (22 - 26/4/2012) có nhấn mạnh: *Hủa Phăn "tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân dọc theo biên giới được thăm hỏi, trao đổi hàng hóa, nông lâm thổ sản, hàng hóa công nghiệp và thu hút vốn đầu tư của Việt Nam vào lĩnh vực thương mại dịch vụ, trồng cây hàng hóa chế biến nông lâm… Chú trọng vào tuyên truyền giáo dục cho nhân dân nâng cao nhận thức thấm nhuần đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của mỗi nước; phối hợp chặt chẽ phòng chống và xử lý các hiện tượng tiêu cực nảy sinh góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển khu vực biên giới giữa hai nước và hai tỉnh…* " [17].

4.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trên các lĩnh vực (1986 - 2012)

4.2.1. Chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới

4.2.1.1. Củng cố quan hệ chính trị

Từ năm 1986, do Sơn La thực hiện nhiệm vụ do Trung ương giao kết nghĩa giúp đỡ tỉnh Bó Kẹo, vì vậy, trong khoảng thời gian 1986 -1994, Sơn La tập trung nhân tài, vật lực giúp đỡ Bó Kẹo, những cuộc gặp gỡ cấp cao giữa lãnh đạo hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn hầu như không diễn ra. Nhưng không vì thế mà quan hệ Hủa

Phăn - Sơn La trở nên mờ nhạt, trái lại quan hệ giữa hai tỉnh được củng cố, mở rộng đến các huyện biên giới giáp ranh của hai tỉnh. Đây là một bước tiến mới khẳng định tầm quan trọng cũng như truyền thống lâu đời của mối quan hệ Hủa Phăn - Sơn La.

Hai huyện Sông Mã (Sơn La) và Xiềng Khọ (Hủa Phăn) kí kết văn bản kết nghĩa tại huyện Sông Mã (tháng 7/1989) mở đầu cho chuỗi sự kiện "kết nghĩa" giữa các huyện giáp biên của hai tỉnh. Những năm tiếp theo, Mộc Châu - Xiềng Khọ, Yên Châu - Xiềng Khọ đã tiến hành hội đàm và kí kết văn bản hợp tác về nhiều mặt (1998), Sông Mã - Mường Ét (1998), Sông Mã - Viêng Thoong (1998), Mộc Châu - Sốp Bâu (1998), Thị xã Sơn La - Thị xã Sầm Nưa (1999), Mai Sơn - Xiềng Khọ (2001). Đến năm 2012, Sơn La đã có 1 thành phố, 8 huyện ký kết và thực hiện hợp tác toàn diện với 5 huyện của tỉnh Hủa Phăn, 2 huyện của tỉnh Luông Pha Băng và 1 huyện của tỉnh U Đôm Xay [77; tr3].

Về cơ bản, các huyện kết nghĩa trên địa bàn hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đều thống nhất: - Nguyên tắc của sự hợp tác hữu nghị là: tự nguyện, tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

- Nội dung hợp tác hữu nghị là: toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng.

- Dựa vào các văn bản kí kết chung này các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng được phép kí kết trực tiếp tay đôi…

- Về thời gian hợp tác hữu nghị trong 5 năm, cứ 2 năm sơ kết một lần, qua các lần sơ kết nếu hai bên xét thấy cần thiết thì có thể điều chỉnh hoặc bổ sung [3; tr 240 - 242].

Trong quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, cuộc gặp gỡ cấp cao của lãnh đạo hai tỉnh từ ngày 16 đến 20/5/1994 đánh dấu bước ngoặt quan trọng, đưa mối quan hệ này lên một tầm cao mới. Tại cuộc hội đàm, hai bên thống nhất ký kết "*văn bản thỏa thuận những nguyên tắc chung về hợp tác kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong năm 1994 và những năm tiếp theo*" trên tinh thần đoàn kết hữu nghị đặc biệt, bình đẳng, hai bên cùng có lợi, đúng pháp luật của hai nước [142]. Sau sự kiện này một năm, trong chuyến thăm chính thức Sơn La của Bí thư Tỉnh ủy, Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn (từ ngày 16 đến 19/5/1995), Ông Đỗ Văn Ân, Bí thư Tỉnh ủy Sơn La đã nhấn mạnh: "*Những nội dung đã thỏa thuận trong văn bản ký kết giữa hai tỉnh chiều*

19/5/1995 tại Thị xã Sơn La đã ghi nhận thêm một bước phát triển mới trong quan hệ đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh" [40].

Từ năm 1994 đến năm 2012, Hủa Phăn, Sơn La thống nhất chung: duy trì lãnh đạo cấp cao hai tỉnh mỗi năm thăm hữu nghị và làm việc chính thức một lần; các huyện biên giới thăm hữu nghị và làm việc chính thức 6 tháng 1 lần, các xã giáp biên của Sơn La và Hủa Phăn gặp nhau 3 tháng 1 lần để đánh giá việc tổ chức thực hiện các văn bản ký kết và bàn bạc thống nhất phương hướng giải pháp thực hiện trong những năm tiếp theo (địa điểm luân phiên); nếu thấy cần thiết, các ngành và các cấp của hai tỉnh có thể tổ chức các cuộc thăm và làm việc không chính thức [178]. Các cuộc gặp gỡ cấp cao hàng năm, hai tỉnh thông báo cho nhau về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, nhận định đánh giá kết quả thực hiện chương trình hợp tác của năm, đưa ra phương hướng hợp tác cho năm tiếp theo, đồng thời ghi nhận sự tin tưởng của lãnh đạo và nhân dân Hủa Phăn, Sơn La trong quan hệ hợp tác. Ngoài cuộc gặp gỡ cấp cao, số lượng đoàn đại biểu các cấp, các ngành hai tỉnh sang thăm hữu nghị nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm, chuyên môn công tác; trao đổi thực hiện các nội dung hai bên ký kết; tìm cơ hội đầu tư… tương đối ổn định và có xu hướng tăng dần [*Xem phụ lục 7*].

Hằng năm, nhân dịp các ngày lễ lớn, những ngày kỷ niệm trọng đại, hai bên đều có thư chúc mừng, cử các đoàn đại biểu sang thăm dự lễ kỷ niệm, tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm tuyên truyền và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác Hủa Phăn - Sơn La. Tiêu biểu như: Tỉnh Hủa Phăn kỷ niệm năm du lịch Lào 1999 - 2000, chào mừng thắng lợi của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hủa Phăn lần thứ VI, sự kiện Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Thị xã Sầm Nưa (11/4/1953 - 11/4/2003), 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 25 năm ngày ký kết Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (2002)... Đồng thời, hai tỉnh thống nhất quan điểm cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ và nhân dân các dân tộc, nhất là nhân dân các dân tộc khu vực biên giới phát huy truyền thống hữu nghị, tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Sơn La - Hủa Phăn để ngày càng phát triển vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các đơn vị, tổ chức chính trị, đoàn thể của hai tỉnh, địa phương trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ lẫn nhau [178].

Hợp tác chính trị Hủa Phăn - Sơn La càng được xúc tiến mạnh mẽ thông qua hệ thống các hội nghị có tính chất định kỳ: Hội nghị lãnh đạo 3 tỉnh Sơn La - Hủa

Phăn - Luông Pha Băng về hợp tác xây dựng biên giới Việt Nam - Lào ổn định và phát triển toàn diện; Hội nghị phòng chống tội phạm giữa 3 tỉnh Sơn La - Hủa Phăn - Luông Pha Băng; Hội nghị phối hợp phòng chống buôn bán ma túy qua biên giới giữa 6 tỉnh Sơn La, Nghệ An, Thanh Hóa, Điện Biên (Việt Nam) và Hủa Phăn, Luông Pha Băng (Lào).

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La đã được hai đảng, hai nhà nước Lào - Việt Nam đánh giá cao. Vì vậy, năm 2012 "Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào", Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã công nhận Khu Di tích cách mạng Việt Nam - Lào tại bản Lao Khô, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu tỉnh Sơn La là Khu Di tích Lịch sử quốc gia. Đồng thời, Việt Nam đã trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho tỉnh Hủa Phăn (Lào); những cá nhân, tập thể có nhiều thành tích đóng góp xây đắp mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào cũng được Nhà nước Việt Nam trao tặng huy chương. Phía Lào trao Huân chương Tự do, Huân chương Hữu nghị và Huân chương Lao động cho tỉnh Sơn La. Tổng số: Hủa Phăn đã trao tặng cho tỉnh Sơn La 138 huân, huy chương; tỉnh Sơn La đã chuyển trao 567 huân, huy chương hữu nghị cho 8 tỉnh Bắc Lào, trong đó có tỉnh Hủa Phăn [246].

Có thể thấy, hợp tác trong lĩnh vực chính trị giữa Sơn La - Hủa Phăn giai đoạn 1986 - 2012 đã thực sự hiệu quả, thiết thực. Những thành quả hợp tác trong lĩnh vực này thể hiện sâu sắc quan hệ đặc biệt toàn diện giữa hai tỉnh, đồng thời định hướng cho các lĩnh vực hợp tác khác.

4.2.1.2. Tăng cường hợp tác Quốc phòng - An ninh

Cuối thập niên 80, đặc biệt đầu thập niên 90 của thế kỷ XX trở đi, tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội của hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã tương đối ổn định. Tuy nhiên, khu vực biên giới Hủa Phăn - Sơn La chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, kinh tế chậm phát triển, là khu vực nhạy cảm về quốc phòng - an ninh, nơi các thế lực thù địch dễ dàng lợi dụng để tuyền truyền, kích động, lôi kéo nhân dân tham gia các hoạt động nhằm phục vụ cho mưu đồ phá hoại của chúng. Các lực lượng phản động vẫn ngấm ngầm hoạt động dọc biên giới, tình trạng buôn hàng quốc cấm và vượt biên trái phép ngày càng gia tăng. Vì vậy, tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh vẫn là phương diện phải được hai bên quan tâm thường xuyên và liên tục. Hợp tác quốc phòng - an ninh Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn này chủ yếu tập trung giải

quyết 3 vấn đề chính là: chống lực lượng "người xấu" tuyên truyền tư tưởng dân tộc hẹp hòi, truyền đạo trái phép, âm mưu bạo loạn, lật đổ; huấn luyện đội ngũ bảo vệ an ninh biên giới; hợp tác chống tội phạm ma túy.

Từ năm 1986 đến năm 2012, lực lượng "người xấu" (Phỉ Vàng Pao) vẫn ngấm ngầm hoạt động, có lúc còn hoạt động công khai ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh - quốc phòng trên địa bàn hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La, nhất là những năm 1986, 1991, 2003.

Năm 1986, lực lượng "người xấu" hoạt động mạnh ở biên giới Việt - Lào, nhất là các khu vực: Pu Cum, Săn Pa Ca, Nậm Púng, Pu Lơi (xã Son Nưa), Huổi Ca, Huổi Thoong, Nhọt Sài, Pu Hẹ (xã Son Tợ), số lượng khoảng 50 - 60 người với âm mưu phá hoại đường biên giới huyện Viêng Thoong tỉnh Hủa Phăn. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Sơn La cùng với lực lượng chức năng tỉnh Hủa Phăn đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân ở khu vực Mường Pợ, Mường Son, Viêng Thoong... tiến hành 4 lần truy quét quân phỉ, đánh 1 trận tiêu diệt 10 tên, bắt sống 1 tên [49; tr 263].

Năm 1991, khu vực biên giới Hủa Phăn - Sơn La nổi lên những hoạt động của lực lượng "người xấu" như: Tuyên truyền tư tưởng dân tộc hẹp hòi, di dịch cư hàng loạt của đồng bào Mông, tuyên truyền và học đạo trái phép, buôn bán sử dụng ma túy, mua và sử dụng trái phép súng quân dụng… Hủa Phăn và Sơn La đã tiến hành hội đàm thống nhất một số nội dung về cửa khẩu phụ, các đường buôn bán tiểu ngạch qua biên giới. Bên cạnh đó, Sơn La đã giúp Hủa Phăn tăng cường công tác trinh sát, giúp lực lượng trinh sát của Hủa Phăn hoàn thành nhiệm vụ.[49; tr 272].

Đặc biệt tháng 8/2003, các đối tượng "người xấu" đã tiến hành phục kích, tập kích xe ô tô, cướp kho vũ khí tại khu vực Viêng Xay (Hủa Phăn). Đồng thời, lực lượng này dùng chiến tranh tâm lý tác động mạnh đến tâm lý của đồng bào Mông ở các huyện biên giới tỉnh Sơn La, làm cho nhân dân lo sợ chiến tranh xảy ra, không an tâm sản xuất, ồ ạt bán gia súc, gia cầm, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, mì tôm, bạt dứa, để sẵn sàng sơ tán vào rừng nếu có chiến tranh. Một bộ phận nghe theo lời của kẻ xấu, chạy sang Lào tham gia vào các tổ chức phản động, chống phá cách mạng Lào, phá hoại tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào. Lãnh đạo Hủa Phăn và Sơn La đã hội đàm thống nhất giải quyết: duy trì chặt chẽ mối quan hệ đặc biệt giữa lực lượng vũ trang hai bên; đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong đồng bào các dân tộc; làm chứng minh thư cho dân địa bàn biên giới; tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm soát việc ra vào biên giới; duy trì nghiêm chế độ trực ban, trực chiến; phối hợp với

nhau rà soát các đối tượng xuất nhập cảnh trái phép sang Lào; tỉnh Sơn La ủng hộ tỉnh Hủa Phăn 700 triệu đồng…[167]. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng an ninh hai tỉnh kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, nên về cơ bản, từ sau ngày 2/9/2003, tình hình các địa bàn dọc hai bên biên giới Sơn La - Hủa Phăn đã tương đối ổn định.

Những năm 2004 - 2012, hoạt động của các đối tượng xấu móc nối, lôi kéo người dân hai bên biên giới tham gia các hoạt động phá hoại, chia rẽ mối quan hệ đoàn kết giữa hai dân tộc nói chung, hai tỉnh nói riêng vẫn tiếp tục diễn ra mặc dù không còn trắng trợn như giai đoạn trước. Hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã thường xuyên thông báo cho nhau những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị khu vực biên giới, cùng trao đổi về phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang, làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch trong việc chống phá cách mạng hai nước và chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa hai quốc gia, dân tộc, hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn.

Nhằm tăng cường đảm bảo an ninh của hai tỉnh giáp biên, Sơn La duy trì thường xuyên việc giúp đỡ Hủa Phăn trong việc đào tạo, tập huấn cho lực lượng biên phòng, công an của tỉnh; hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật phục vụ chiến đấu . Riêng trong năm 2011: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La đã đào tạo 02 cán bộ quân sự phiên dịch tiếng Việt Nam - Lào; xây dựng 01 nhà kho vũ khí đạn giúp Ban Chỉ huy Quân sự huyện Sốp Bâu (Hủa Phăn) để đáp ứng yêu cầu quản lý, cất giữ vũ khí; tổ chức lớp tập huấn cho 20 cán bộ quân sự về chuyên ngành Trinh sát - quân báo; cử 4 đoàn cán bộ sang thăm và làm việc với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hủa Phăn; tổ chức 3 đoàn công tác sang khảo sát và tiến hành bảo đảm kĩ thuật sản xuất; tặng 25 tủ súng, bảo dưỡng vũ khí thiết bị, sửa chữa phương tiện trị giá 436.500.000 đồng cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hủa Phăn; hỗ trợ kinh phí giúp cán bộ quân sự tỉnh Hủa Phăn sang điều trị tại Sơn La [24].

Một trong những vấn đề nổi cộm về tình hình quốc phòng - an ninh giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La là việc buôn bán ma túy. Sơn La là một tỉnh nằm trên tuyến trọng điểm về hoạt động mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới. Để mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới, các đối tượng (chủ yếu tại địa bàn huyện Sốp Bâu - tỉnh Hủa Phăn và huyện Mộc Châu, Vân Hồ - tỉnh Sơn La) đã hình thành các tụ điểm tập kết ma túy số lượng lớn dọc hai bên biên giới, hình thành các toán có vũ

trang, vận chuyển ma túy số lượng lớn, xâm nhập trái phép từ địa bàn Lào theo các tuyến đường xuyên rừng, qua biên giới vào sâu trong nội địa Việt Nam để giao nhận ma túy, sẵn sàng sử dụng vũ khí chống trả quyết liệt các lực lượng chức năng khi bị phát hiện, bắt giữ.

Vì vậy, phối hợp đấu tranh chống tội phạm ma túy là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác an ninh giữa Hủa Phăn và Sơn La. Lực lượng đảm nhận trọng trách này là Công an, Bộ đội biên phòng của cả hai phía đã cùng nhau phối hợp trong trao đổi thông tin về hoạt động của tội phạm ma túy; điều tra cơ bản để xác định các tuyến, diện đối tượng hoạt động mua bán, vận chuyển ma túy trên tuyến biên giới; xác minh, điều tra, truy bắt đối tượng phạm tội về ma túy; tổ chức đấu tranh triệt xoá các đường dây, đối tượng mua bán, vận chuyển ma túy... Từ năm 2000 đến năm 2012, Hội nghị giao ban 8 tỉnh (Phong Sa Lỳ, Luông Pha Băng, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An) về phối hợp phòng chống ma túy qua biên giới được tổ chức luân phiên giữa các tỉnh 1 năm 1 lần. Năm 2007, Văn phòng Liên lạc phòng, chống ma túy qua biên giới (Văn phòng BLO) Sơn La - Hủa Phăn được thành lập, có chức năng là đầu mối trao đổi thông tin và phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy qua biên giới giữa các lực lượng chức năng của tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn.

Sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng tỉnh Hủa Phăn và Sơn La cùng một số tỉnh Bắc Lào khác như Luông Pha Băng, U Đôm Xay, Luông Nậm Thà, Bó Kẹo trong công tác đấu tranh phòng, chống ma tuý qua biên giới đã thu được những kết quả quan trọng, triệt phá nhiều đường dây, tổ chức vận chuyển ma tuý lớn; từ năm 2005 đến tháng 02/2014, khu vực biên giới đã phát hiện và bắt giữ 622 vụ/880 đối tượng; thu 228 bánh, 1.517,65 gam, 84 liều hêrôin; 59.839 viên ma túy tổng hợp; 28,56 kg thuốc phiện; 17 khẩu súng các loại; 67 viên đạn; 01 quả lựu đạn; 01 ô tô; 87 xe máy; 28.425.000 đồng; 85 điện thoại di động và các loại phương tiên phục vụ cho việc mua bán ma túy khác [107].

Đồng thời, tại một số địa bàn trọng điểm về hoạt động của tội phạm mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới, như tại các cụm bản giáp biên của huyện Sốp Bâu - Hủa Phăn, giáp ranh với huyện Mộc Châu, huyện Vân Hồ của tỉnh Sơn La, lực lượng chức năng hai tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng, chống ma túy tại các bản, cụm bản giáp biên, kết hợp với tăng cường công tác củng cố hệ thống chính trị cơ sở; quản lý Nhà nước về an ninh trật tự. Tuy

nhiên, tình trạng buôn bán, vận chuyển thuốc phiện qua biên giới vẫn chưa chấm dứt. Mặc dù vậy, những kết quả đạt được trong quá trình phối hợp giữa các lực lượng chức năng hai bên đã góp phần làm lành mạnh hóa quan hệ thương mại giữa hai tỉnh.

4.2.1.3. Đẩy mạnh hợp tác bảo vệ biên giới

Giai đoạn từ sau năm 1986, hợp tác giải quyết vấn đề biên giới trong quan hệ Lào - Việt Nam được chú trọng. Hiệp định về Quy chế biên giới quốc gia Việt Nam - Lào (1/3/1990) [115] đã khẳng định điều này. Việc đẩy mạnh hợp tác biên giới Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn (1986 - 2012) thể hiện ở: quá trình tăng dày, tôn tạo đường biên mốc giới; công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới.

Quá trình tăng dày, tôn tạo đường biên mốc giới:

Kể từ khi hoạch định, cắm mốc biên giới, đến năm 2008, lực lượng Bộ đội Biên phòng và nhân dân các dân tộc khu vực biên giới hai tỉnh thường xuyên tuần tra, kiểm soát và hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý và bảo vệ đường biên mốc giới, không có hiện tượng chuyển dịch, phá hoại cột mốc. Tuy nhiên, hệ thống mốc quốc giới trên toàn tuyến Việt Nam - Lào nói chung và tuyến biên giới tiếp giáp giữa Sơn La - Hủa Phăn nói riêng được xây dựng trong giai đoạn hai nước, hai tỉnh còn gặp nhiều khó khăn nên cùng với thời gian đã bộc lộ nhiều hạn chế: chưa đáp ứng được yêu cầu của một hệ thống mốc chính quy, chưa đảm bảo tính ổn định và độ bền vững lâu dài.

Trước tình hình đó, ngày 30/1/2008, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 237/QĐ-TTg phê duyệt "*Kế hoạch tổng thể thực hiện công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào*". Theo đó, ngày 26/6/2008 Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La ra Quyết định số 1609/QĐ-UBND thành lập Ban Chỉ đạo cắm mốc biên giới tỉnh Sơn La. Tiếp đó, ngày 6/8/2008, Chủ tịch Ủy ban Liên hợp cắm mốc biên giới Việt Nam - Lào ra Quyết định số 2007/QĐ-UBLH về việc thành lập Đội cắm mốc biên giới Việt Nam - Lào tỉnh Sơn La (gọi là Đội cắm mốc số 1). Đội có nhiệm vụ phối hợp với Đội cắm mốc biên giới tỉnh Luông Pha Băng và Đội cắm mốc số 2 tỉnh Hủa Phăn (Lào) khảo sát, xác định, thống nhất các vị trí đã được hai bên dự kiến trên bản đồ, để cắm cột mốc trực tiếp trên thực địa, giám sát công tác thi công xây dựng mốc, bàn giao mốc cho lực lượng biên phòng hai bên phối hợp cùng quản lý, bảo vệ [10; tr 53].

Dự án tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới tuyến Việt Nam - Lào trên đoạn biên giới tỉnh Sơn La là 125 cột mốc, từ mốc 145 đến cột mốc 269. Trong đó, đoạn giáp ranh giữa tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn là 112 cột mốc (từ cột mốc 158 đến cột mốc 269). Trong số 125 cột mốc phải tôn tạo, tăng dày trên toàn tuyến biên giới có tới 101 mốc tăng dày hoàn toàn phải xác định mới [10; tr 53]. Tuy được trang bị đầy đủ phương tiện hiện đại, nhưng việc xác định vị trí mốc vẫn gặp nhiều khó khăn, đa số các vị trí mốc đều nằm trên các điểm có địa hình núi cao, hiểm trở, điểm cao nhất có độ cao gần 2.000 m so với mực nước biển. Nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, hai đội cắm mốc biên giới liên hợp hai nước đã tiến hành thảo luận, trao đổi dựa trên những nguyên tắc cơ bản, vừa giữ được sự đoàn kết, hữu nghị, đặc biệt đi đến đồng thuận và thống nhất cao. Từ năm 2008 đến hết năm 2012, Đội cắm mốc biên giới số 1 và Đội cắm mốc biên giới số 2 đã tiến hành 7 lần hội đàm, trao đổi thống nhất kế hoạch tôn tạo, tăng dày mốc [10; tr 54].

Đồng thời, trong quá trình triển khai cắm mốc, Ban Chỉ đạo cắm mốc giữa hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn luôn duy chì chế độ thông tin, báo cáo, thường xuyên trao đổi, thống nhất nội dung hoạt động và tạo mọi điều kiện cho các đội cắm mốc triển khai công việc. Ban Chỉ đạo hai tỉnh đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào; tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình cả về kỹ thuật, mỹ thuật… Trên cơ sở đó, đến cuối tháng 12/2012, tỉnh Sơn La và các tỉnh Hủa Phăn, Luông Pha Băng đã hoàn thành 125/125 vị trí cắm mốc và 14 cọc dấu phụ theo đúng kế hoạch, tuyệt đối an toàn, đảm bảo chặt chẽ về pháp lý và thông lệ quốc tế [10; tr31].

Công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới

Công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới Hủa Phăn - Sơn La được thực hiện cụ thể trong việc phối hợp bảo vệ cột mốc biên giới, thực hiện quy chế biên giới, giải quyết các vấn đề di cư tự do, vượt biên trái phép, xâm canh xâm cư, kết hôn trái phép.

Những năm 1986 - 2000, để thường xuyên tổ chức trao đổi tình hình cụ thể, nhằm nắm bắt nhanh chóng, kịp thời những vấn đề chung, lãnh đạo hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn đã quyết định tần suất gặp gỡ trong một năm như sau: Một năm hai

bên đi kiểm tra liên hợp một lần trong thời gian từ tháng 12 năm trước cho đến tháng 02 năm sau; trao đổi tình hình an ninh biên giới và thực hiện hiệp định hàng năm (cấp tỉnh: một năm một lần; cấp huyện: sáu tháng một lần; cấp xã, đồn, trạm: một tháng một lần; nếu đột xuất thì có thể bất cứ lúc nào) [2].

Đồng thời, việc qua lại của nhân dân hai bên biên giới, hai tỉnh cũng thống nhất: mở thêm cửa khẩu phụ tại điểm Chiềng Khương - Sông Mã (trạm đồn kiểm soát 457) và Bản Đán - Mường Ét (Trạm công an 03 của Lào); quy định các đường tiểu ngạch qua lại hai bên biên giới đặt dưới sự kiểm soát của các đồn biên phòng thuộc Bộ đội Biên phòng Sơn La, Hủa Phăn [2].

Hai bên đã nhất trí về việc tiếp tục tuyên truyền giáo dục cho nhân dân thực hiện hiệp định về quy chế biên giới của hai chính phủ đã ký kết. Hai tỉnh sẽ tăng cường các biện pháp để ngăn chặn các hành vi vượt biên giới trái phép, quản lý và bảo vệ tốt đường biên, cột mốc, chống xâm canh xâm cư, phá và khai thác rừng bừa bãi; nhất chí trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới qua lại nhằm đáp ứng yêu cầu mua sắm và thăm hỏi của nhân dân; phải thông báo cho nhau biết trước 30 ngày cùng danh sách cụ thể khi tổ chức giao người vượt biên trái phép, cư trú trái phép; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với nhau trong việc không trồng cây thuốc phiện và chống ma tuý, các hành vi học và truyền đạo trái phép, mê tín dị đoan, chia rẽ dân tộc giữa hai nước, giữa các tầng lớp nhân dân [90].

Thực hiện nhiệm vụ quản lý biên giới theo nội dung hiệp định Quy chế biên giới Việt Nam - Lào, chính quyền hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn đã chỉ đạo cơ quan biên giới, lực lượng Bộ đội Biên phòng cùng với chính quyền địa phương huyện, xã biên giới tổ chức tuần tra, thông tuyến đơn phương, song phương; phối hợp trong việc kiểm soát chặt chẽ các hoạt động dọc tuyến biên giới; đảm bảo đúng thủ tục xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu, trạm kiểm soát, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân qua lại khu vực biên giới; kịp thời phát hiện và giải quyết các hiện tượng di cư tự do, kết hôn trái phép, xâm canh xâm cư, buôn lậu qua biên giới…nhằm xây dựng đường biên giới thực sự là đường biên giới hữu nghị lâu dài.

Được sự đồng ý của Chính phủ hai nước Việt Nam - Lào, ngày 28/12/1999, hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn đã phối hợp tiến hành khai trương cửa khẩu Chiềng Khương (Sông Mã - Sơn La) - Xiềng Khùn (Mường Ét - Hủa Phăn) thành cửa khẩu chính và đã đưa vào hoạt động có hiệu quả [161]. Hai bên tiếp tục điều tra và tiến hành làm

chứng minh thư biên giới cho các công dân khu vực biên giới. Đối với cán bộ của hai tỉnh sử dụng hộ chiếu và giấy thông hành. Phía tỉnh Hủa Phăn vẫn dùng giấy tờ qua lại cửa khẩu kiểu cũ và đang tiến hành sử dụng loại mới cho cán bộ và nhân dân.

Từ năm 2000 đến 2012, công tác quản lý đường biên của hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn được tăng cường thông qua Hội nghị giao ban biên giới định kỳ 1 năm 1 lần [221]. Qua đó, hai bên nắm vững tình hình, chủ động, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, ổn định tình hình trật tự khu vực. Các huyện của hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn đã duy trì tốt các cuộc họp giao ban để trao đổi thông tin bàn bạc những nội dung hợp tác và giải quyết các vấn đề xảy ra liên quan đến hai bên biên giới theo thẩm quyền của cấp mình. Các xã, đồn biên phòng, trạm kiểm soát biên phòng hai bên thường xuyên thông báo tình hình và giải quyết kịp thời các vụ việc vi phạm Hiệp định Quy chế biên giới quốc gia Việt Nam - Lào như xâm canh, xâm cư, vượt biên trái phép… Nhân dân hai bên biên giới duy trì tăng cường mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt, cùng nhau thực hiện và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiệp định Quy chế biên giới quốc gia Việt Nam - Lào; thường xuyên qua lại thăm thân, trao đổi hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống; nhiệt tình tham gia phong trào quần chúng tự chủ, tự quản đường biên mốc quốc giới, riêng tỉnh Sơn La năm 2004 có 29 bản với 1.530 hộ dân tham gia quản lý 171,9 km đường biên và 18 cột mốc quốc giới [169; tr 2].

Hủa Phăn - Sơn La đã phối hợp để giải quyết dứt điểm các vụ việc xâm canh xâm cư qua hai bên biên giới. Nguyên nhân hiện tượng xâm canh, xâm cư còn tồn tại là do nhận thức của một số hộ dân ở hai bên biên giới về chủ quyền, lãnh thổ, quốc gia, quốc giới còn hạn chế. Một số khác muốn lợi dụng các địa bàn hẻo lánh, xa xôi để tái trồng cây thuốc phiện. Từ năm 2001 đến 2007, dân Lào xâm canh sang đất Việt Nam ở 13 điểm, diện tích 166.490 m^2; dân Việt Nam xâm canh sang đất Lào ở 8 điểm, diện tích 87.920 m^2 [189] (*Xem thêm Phụ lục 2*).

Hủa Phăn và Sơn La tăng cường phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết tình trạng di cư tự do, xuất nhập cảnh trái phép. Vấn đề này tồn tại chủ yếu là đồng bào Mông di cư sang Lào làm ăn sinh sống; do trình độ dân trí thấp nên nhận thức về lãnh thổ quốc gia rất hạn chế, hơn nữa hệ thống mốc quốc giới lại quá thưa thớt nên nhân dân rất khó khăn trong việc xác định giới hạn lãnh thổ, đường biên giới. Chính quyền các cấp hai bên đã tích cực tuyên truyền vận động các hộ di cư để bà con trở về nơi cũ sinh sống. Từ năm 1994 đến 2004, phía Lào đã trao trả cho Sơn La 294 hộ

= 1.938 nhân khẩu [177]. Theo báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 257/CT về việc tiếp nhận người Việt Nam tự tiện di cư và vượt biên trái phép sang Lào thì từ năm 1991 đến tháng 9/2006, phía Lào đã trao trả cho Sơn La 644 hộ = 4.186 nhân khẩu [189] [*Xem thêm Phụ lục 3*]. Từ năm 2005 đến tháng 02/2014, có 80 hộ (428 khẩu) di dịch cư trong khu vực biên giới; 174 hộ (1.028 khẩu) di cư nơi khác; 189 hộ (1.066 khẩu) từ nơi khác đến; 17 hộ (91 khẩu) di cư từ khu vực biên giới sang Lào và 06 hộ (40 khẩu) từ khu vực biên giới Lào sang. Xuất nhập cảnh trái phép 142 vụ (448 đối tượng); Hủa Phăn trao trả cho Sơn La 117 đợt (986 người); Sơn La trao trả cho Hủa Phăn 59 đợt (920 người) [107].

Hai tỉnh cũng thống nhất giải quyết vấn đề kết hôn qua biên giới không đăng kí kết hôn. Đây vốn là một vấn đề rất phức tạp, diễn ra trong thời gian dài và rất khó khăn trong việc giải quyết bởi vì rất nhạy cảm, có liên quan đến truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, mối quan hệ giữa hai bên biên giới (các dân tộc sống ở vùng giáp biên phổ biến là có quan hệ thân tộc, dân tộc với đồng bào bên kia biên giới, nhất là các dân tộc Mông, Lào, Thái…). Đa số các cặp vợ chồng đều không có tiền để nộp lệ phí nhập quốc tịch, lệ phí đăng ký kết hôn. Theo số liệu thống kê của tỉnh Sơn La đến năm 2004, có 998 trường hợp kết hôn qua biên giới, trong đó người Lào sang lấy vợ (chồng) là người Sơn La gồm 496 trường hợp; người Sơn La sang lấy vợ (chồng) là người Lào gồm 502 trường hợp [177]. Theo báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 257/CT về việc tiếp nhận người Việt Nam tự tiện di cư và vượt biên trái phép sang Lào, đến tháng 6/2006, có 586 trường hợp kết hôn qua biên giới, trong đó có 220 trường hợp là phụ nữ tỉnh Sơn La lấy chồng là người Lào hiện đang cư trú tại Lào, 336 trường hợp là phụ nữ Lào lấy chồng là người tỉnh Sơn La hiện đang cư trú tại tỉnh Sơn La [189]. Để giải quyết tình trạng này, hai tỉnh cũng tạo điều kiện cho phép nhập quốc tịch Việt Nam, hoặc Lào (*theo Luật Quốc tịch*); rà soát đối với các công dân Lào, Việt Nam còn lại có thời gian cư trú tại Việt Nam dưới 20 năm để được quan tâm giúp đỡ.

Những biện pháp tích cực trong việc quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới của Hủa Phăn và Sơn La đã mang lại hiệu quả thiết thực, các vấn đề phức tạp như xâm canh xâm cư, vượt biên trái phép, kết hôn không đăng kí… từng bước giảm dần. Tình hình trật tự an toàn xã hội - quốc phòng an ninh khu vực hai bên biên giới về cơ bản ổn định.

4.2.2. Kinh tế

4.2.2.1. Tăng cường hợp tác nông, lâm nghiệp

Từ năm 1986 đến năm 2012, nông, lâm nghiệp là lĩnh vực hợp tác có nhiều bước tiến đáng kể trong quan hệ kinh tế Hủa Phăn - Sơn La.

Hàng năm, Sơn La, Hủa Phăn thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ cấp cao, hội đàm và ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác giữa Sở Nông Lâm nghiệp Sơn La và Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Hủa Phăn. Trong đó, tập trung vào các nội dung như: thống nhất tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn chính quyền, tập thể, cá nhân, các đoàn chuyên môn sang tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho ngành nông - lâm nghiệp hợp tác trong công tác điều tra, quy hoạch sản xuất, xây dựng mô hình nông lâm nghiệp điển hình, quy hoạch bảo vệ rừng, các loại giống mới có năng suất cao, các loại vật tư nông nghiệp, khảo sát, quy hoạch, hướng dẫn kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm; cho phép các doanh nghiệp Sơn La tham gia dự thầu xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn. Ngoài ra, nhân dân dọc hai bên biên giới còn trao đổi với nhau các giống cây ngắn ngày, giống cây ăn quả, giống gia súc, ký kết hợp đồng sửa chữa mương phai, khai hoang đất trồng trọt và làm ao thả cá… tại nhiều điểm bằng nguồn vốn tự có trong dân[4].

Từ năm 2002 trở đi, hai tỉnh tập trung vào hợp tác nông nghiệp kĩ thuật cao theo hướng chuyển giao công nghệ, dự án trồng cây công nghiệp... Theo đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La đã hỗ trợ một số vật tư kỹ thuật, dụng cụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn đầu tư chuyển giao kỹ thuật dự án nuôi trồng nấm và sản xuất giống nấm cho tỉnh Hủa Phăn; đã phối hợp khảo sát địa bàn trồng ngô, sắn, cà phê và cao su tại Hủa Phăn. Qua kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy diện tích có thể đưa vào quy hoạch trồng cây cao su thuộc 4 huyện: Mường Ét, Xiềng Khọ, Sốp Bâu, Viêng Xay (tỉnh Hủa Phăn) khoảng 30.800 ha gồm 68 bản; hỗ trợ huyện Mường Ét tỉnh Hủa Phăn 60 triệu đồng xây dựng mô hình trình diễn chuyển

---

[4] Trong những năm 1994 - 1996 Sơn La đã cung ứng cho tỉnh Hủa Phăn 10.000 cây mận hậu, 2500 cây nhãn, 200kg giống đậu tương, 50 kg ngô giống và 200.000 con cá giống, giúp Hủa Phăn 10 tấn gạo cứu đói [145]. Trong hai năm 1998 - 1999 tỉnh Sơn La đã cung ứng cho tỉnh Hủa Phăn một số giống lúa, cây ăn quả với số lượng là: Giống lúa tẻ CR2 = 13.5000 kg; Giống lúa nếp IR 3 = 7500 kg; Giống ngô vàng = 80 kg; Giống mận hậu =13.000 cành; Giống đậu tương = 8420 kg; Giống nhãn = 2500 cây [19]. Từ năm 2000 đến 2002, Sơn La cung ứng cho Hủa Phăn 6.500kg giống ngô lai VN 10; 500 kg giống lúa thuần cấp I; 2500 kg giống đậu tương, 5000 bầu giống cây ăn quả các loại, 200.000 con giống cá hương [178].

giao kĩ thuật trồng lúa nước tại Bản Đán [77]. Về đầu tư trực tiếp sang các tỉnh Bắc Lào, Công ty cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung đã mời 07 đoàn cán bộ các hiệp hội, doanh nghiệp, cán bộ Sở Nông lâm nghiệp các tỉnh Hủa Phăn, Xay Nha Bu Ly... sang thăm làm việc. Trong lĩnh vực chăn nuôi, tỉnh Hủa Phăn đã tiếp thu kĩ thuật và công nghệ ương và sản xuất cá giống, kĩ thuật nuôi cá thịt năng suất, công nghệ ấp trứng và nuôi gà công nghiệp cho năng suất cao so với gà địa phương. Sơn La đã chuyển giao quy trình kĩ thuật khoa học công nghệ về dây chuyền nghiền thức ăn chăn nuôi…[78]. Trong thời gian này, tỉnh Sơn La đã nhận thầu xây dựng cho tỉnh Hủa Phăn một số công trình giao thông, thủy lợi, tổng giá trị xây lắp là 41 triệu Kíp. Công ty Thủy lợi, Thủy điện I Sơn La đã ký với Ty Nông Lâm Thủy Hủa Phăn hợp đồng xây dựng công trình thủy lợi Sốp Hào [146]. Huyện Sông Mã (Sơn La) đã hỗ trợ huyện Mường Ét (Hủa Phăn) dự án nâng cấp tuyến kênh mương hữu nghị trị giá trên 12 tỷ đồng, đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trong những năm 2012 - 2014 [246].

Công tác tập huấn, tham quan, trao đổi mô hình kinh tế nông nghiệp được hai bên hết sức chú trọng[5]. Các hoạt động hợp tác, học tập và nghiên cứu kinh nghiệm phát triển nông - lâm nghiệp, chuyển giao kĩ thuật trồng trọt và chăn nuôi càng được thúc đẩy từ sau năm 2000. Chỉ tính riêng năm 2005, tỉnh Sơn La đã đón tiếp 30 lượt cán bộ các tỉnh Bắc Lào trong đó có Hủa Phăn đến tham quan, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp khuyến nông [181]. Tổ chức tập huấn kĩ thuật canh tác trên đất dốc, kĩ thuật canh tác một số giống cây, kĩ thuật chăn nuôi, kĩ thuật phòng trừ dịch bệnh cho 13 cán bộ và nông dân huyện Mường Ét (Hủa Phăn) tại huyện Sông Mã. Giúp tỉnh Hủa Phăn củng cố cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi do Trung tâm giống Sông Mã xây dựng đã bàn giao cho Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Hủa Phăn quản lý sử dụng tại huyện Sốp Bâu [184]. Năm 2007 - 2008, các cơ quan, ban ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức đoàn thể cũng như các nhà đầu tư của hai bên sang tham quan, trao đổi kinh nghiệm, tham gia kí kết hợp đồng kinh tế về sản xuất kinh doanh, xây dựng, trao đổi hàng hóa trên cơ sở tôn trọng pháp luật của mỗi bên.

[5] Từ năm 1995 đến năm 1997 Sở Nông Lâm Thủy Sơn La đã tổ chức cho cán bộ, nhân dân tỉnh Hủa Phăn tham quan, học tập một số mô hình sản xuất nông, lâm, thủy sản ở Sơn La; chuyển giao kĩ thuật kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi ở một số loại cây, con; chuyển giao kĩ thuật sản xuất giống cá tại trại cá Viêng Xay (Hủa Phăn) và giúp tập huấn 5 cán bộ sản xuất cá hương tại Công ty Thủy sản I Sơn La; tổ chức hướng dẫn, học tập, tham quan các mô hình sản xuất giỏi cho 30 người trong đó có các cán bộ lãnh đạo sở, huyện, các hộ nông dân điển hình của tỉnh Hủa Phăn [155]

Trong thời gian này, Sơn La thực hiện dự án 20 tỷ đồng hợp tác với các tỉnh Bắc Lào, tìm giải pháp đầu ra cho nền kinh tế hai bên [194]. Thông qua các dự án, kế hoạch liên doanh, liên kết, thu mua nông sản giữa hai phía trở nên nhịp nhàng với phương thức: Sơn La thu mua nông sản, chế biến thành phẩm, còn Hủa Phăn tiêu thụ sản phẩn hàng hóa của Sơn La như đường, thức ăn chăn nuôi, bánh kẹo…

Hủa Phăn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của Sơn La sang tham dự đấu thầu các công trình đầu tư xây dựng trên các lĩnh vực kết cấu hạ tầng, chế biến nông - lâm sản, thủy điện, khảo sát và khai thác khoáng sản, trồng cây ăn quả, dược liệu, cây công nghiệp. Tổ chức chuyển giao kĩ thuật, cung ứng trao đổi cây trồng, vật nuôi giữa hai tỉnh tạo vùng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến được xây dựng trên địa bàn hai tỉnh, hướng tới hình thành các vùng chuyên canh năng suất cao, đáp ứng nhu cầu, ổn định đời sống của nhân dân.

Bên cạnh hợp tác nông - lâm nghiệp kết hợp, hoạt động lâm nghiệp cũng có những kế hoạch riêng. Theo báo cáo về hợp tác với Lào của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La ngày 24/11/1994, nhằm khai thác tiềm năng rừng sẵn có, Sơn La nhận hợp đồng sản xuất các loại đồ gỗ cho tỉnh Hủa Phăn theo phương thức mua gỗ, đóng đồ tại chỗ, bán sản phẩm cho tỉnh Hủa Phăn theo đơn đặt hàng. Tỉnh Hủa Phăn đã nhận bán một số loại gỗ (đã được sơ chế tại chỗ) cho Sơn La. Hai tỉnh thường xuyên tổ chức các đoàn tham quan, trao đổi kinh nghiệm trong công tác giao đất, giao rừng, ngăn chặn phá rừng làm nương rẫy. Từ năm 2000, Hủa Phăn, Sơn La đã tập trung vào hai nội dung hợp tác: một là, phối hợp với nhau khai thác, chế biến, vận chuyển gỗ và các mặt hàng lâm sản; hai là, hợp tác quy hoạch và phát triển trồng rừng. Đáng lưu ý, trong các cuộc gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm, hai tỉnh đều nhấn mạnh đến việc thực hiện các chương trình kết hợp giữa khai thác và phát triển trồng rừng bằng các mô hình giao đất, giao rừng cho hộ nông dân quản lý, nhằm từng bước phủ xanh đất trống đồi trọc, khôi phục và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên [75]. Qua chương trình này, các hộ gia đình hai bên biên giới được giao đất giao rừng có đời sống ngày càng cải thiện và đi dần vào ổn định.

4.2.2.2. Đẩy mạnh hợp tác công nghiệp, xây dựng cơ bản

Có thể nói đây là lĩnh vực hợp tác cần thiết, đặt tiền đề cho các hoạt động hợp tác kinh tế khác (nhất là xây dựng cơ bản về cơ sở hạ tầng giao thông, nhà xưởng).

Bên cạnh các lĩnh vực hợp tác đã được triển khai và thực hiện như: sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa cơ khí, chế biến nông lâm sản, hai tỉnh đã triển khai lĩnh vực hợp tác mới như xây dựng các công trình thủy điện, tập trung xây dựng các tuyến đường giao thông vùng biên giới.

Theo văn bản thỏa thuận về đánh giá kết quả thực hiện những nội dung hợp tác kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng năm 1994 và phương hướng nhiệm vụ hợp tác năm 1995 giữa tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn, Công ty cầu đường tỉnh Sơn La đã sang giúp sửa chữa phà, ca nô cho huyện Sốp Bâu, hoàn thành trong năm 1994 trị giá 25.435.314 kíp và đưa vào sử dụng tháng 3/1994; đầu tư vốn xây dựng cầu treo tại Thị xã Sầm Nưa với trị giá 13.009.890 kíp, trong đó phía tỉnh Sơn La giúp 2.000.000 kíp; giúp sửa chữa tuyến đường từ Bến phà Sốp Bâu tới cửa khẩu Pa Háng trị giá 1.300.000 kíp hoàn thành trong tháng 9/1994; tham gia khảo sát thiết kế Bến phà Sốp Bâu trị giá công trình 507.000 kíp hoàn thành tháng 10/1994 [143].

Trong hai năm 1998 - 1999, hai tỉnh cho phép Sở Giao thông Vận tải Sơn La phối hợp với Ty Giao thông Vận tải, Bưu điện và Xây dựng Hủa Phăn mở tuyến vận tải hành khách Mộc Châu - Sầm Nưa và ngược lại để vận chuyển hành khách qua lại thăm thân, buôn bán. Hai tỉnh cũng đã tạo điều kiện thuận lợi và tham gia với Cục đường sông Việt Nam tiến hành khảo sát Sông Mã - đoạn chảy quan địa phận mỗi tỉnh để làm cơ sở tiến tới khai thác thế mạnh vận tải đường sông của Sông Mã trong tương lai. Cũng trong thời gian này, Huyện Sốp Bâu (Hủa Phăn) đã tạo điều kiện để hợp tác xã xây dựng huyện Mộc Châu (Sơn La) thi công một số tuyến giao thông liên bản, liên xã của huyện Sốp Bâu với tổng chiều dài tuyến trên 20 km đã giúp 6 bản có đường ô tô đến bản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế hàng hóa của nhân dân [157].

Từ năm 2000 đến năm 2005, Sơn La đầu tư xây dựng tuyến đường ra biên giới Cò Nòi - Nà Cài - Cột mốc E4 đạt cấp V miền núi với vốn dự toán là 30 tỷ đồng. Trong đó năm 2000 Sơn La đầu tư 20 tỷ để nâng cấp 30,5 km từ km 0 - km 30 + 500. Đồng thời Sơn La cũng đầu tư mở mới đoạn đường từ Trạm kiểm soát Lạnh Bánh (Nậm Lạnh - Sông Mã) đến đường biên giới Việt - Lào (cột mốc C9 - D1) dài 20 km đạt cấp V miền núi với vốn dự toán là 30 tỷ đồng [181]. Tháng 4/2003, Sơn La tiếp tục phối hợp với tỉnh Hủa Phăn khởi công xây dựng tuyến đường giao thông qua biên giới từ Sốp San (Xiềng Khọ - Hủa Phăn) đến Nà Đít (Yên Châu - Sơn La)

bằng nguồn vốn của Chính phủ Lào [174]. Năm 2006, Sơn La đã giúp Hủa Phăn sửa chữa và nâng cấp Bến phà Mường Ét trị giá 2.664.000.000 đồng [184].

Cùng chung dòng sông Đà, sông Mã, thủy điện là một trong những tiềm năng và thế mạnh của cả hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn. Công trình thủy điện Sơn La, công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á hoàn thành không chỉ cung ứng điện cho Việt Nam mà còn cho các tỉnh Bắc Lào, nhất là Hủa Phăn. Theo đề nghị của tỉnh Hủa Phăn, trong những năm 2007 - 2008, tỉnh Sơn La đã xây dựng đường lưới điện hạ thế từ Lao Khô (Yên Châu - Sơn La) sang khu vực Phiêng Sa huyện Xiềng Khọ (Hủa Phăn) phục vụ được 3 bản, với trị giá 1,7 tỷ đồng đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh Sơn La. Hai tỉnh thống nhất, Sơn La sẽ thu tiền sử dụng điện của nhân dân khu vực này với giá điện theo quy định của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam [195].

Bên cạnh các công trình giao thông, thủy điện, từ năm 2004 đến năm 2012, Sơn La thực hiện một số dự án tại Hủa Phăn với tổng trị giá 141.920.000.000 VNĐ. Tiêu biểu như: Nhà Văn hóa tỉnh Hủa Phăn 7,5 tỷ đồng; Trung tâm sản xuất giống nấm 3,1 tỷ đồng, bến phà Mường Ét 2,6 tỷ đồng…[76] [*Xem Phụ lục 4*].

Có thể thấy, hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn đã hợp tác có hiệu quả trong việc phối hợp xây dựng các công trình tại tỉnh Hủa Phăn nhằm củng cố cơ sở hạ tầng. Từ đó, các doanh nghiệp Sơn La cũng mạnh dạn đầu tư phát triển các dự án công nghiệp cũng như xây dựng các công trình cơ bản tại Lào. Thông qua quá trình hợp tác này, một mặt làm thay đổi bộ mặt tỉnh Hủa Phăn, mặt khác tạo điều kiện cho các nhà đầu tư Sơn La có thêm cơ hội dự án tại Lào.

4.2.2.3. Nâng cao hiệu quả hợp tác thương mại

Tháng 2/1991, Chính phủ hai nước Việt Nam, Lào đã ký Hiệp định thương mại thời kì 1991 - 1995, đồng thời thỏa thuận chấm dứt hình thức ký nghị định thư trao đổi hàng hóa hàng năm, xóa bỏ tình trạng bao cấp của Nhà nước. Hiệp định thương mại 1991 - 1995 cho phép mở rộng đối tượng trao đổi hàng hóa hàng năm, không hạn chế tổng kim ngạch trao đổi, đồng thời mở rộng danh mục mặt hàng trao đổi.

Trong bối cảnh quan hệ thương mại hai nước phát triển, hợp tác thương mại giữa Hủa Phăn - Sơn La cũng không ngừng nâng cao hiệu quả. So với giai đoạn 1975 - 1986, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai tỉnh trong giai đoạn này tăng nhanh hơn. Hàng hóa xuất nhập khẩu được mở rộng về chủng loại, số lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của hai địa phương.

Những năm 1986 - 1994, các huyện biên giới hai bên đã phát huy tiềm lực hợp tác thương mại hai chiều khá hiệu quả. Theo văn bản kí kết hợp tác hữu nghị giữa Xiềng Khọ (Hủa Phăn) và Sông Mã (Sơn La) năm 1989, hai bên đã cam kết thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác và phát triển kinh doanh, dịch vụ thương mại kể cả quốc doanh, tập thể và cá nhân; đầu tư, hùn vốn và mở cơ sở sản xuất, dịch vụ trên cơ sở thỏa thuận bằng việc ký kết hợp đồng cụ thể giữa các ngành liên quan của đôi bên, tạo điều kiện thuận lợi để hai huyện giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội [3; tr 98]. Huyện Xiềng Khọ (Hủa Phăn) đã nhất trí cho cửa hàng thương nghiệp Mộc Châu tiếp tục đưa hàng hóa sang bán phục vụ nhân dân các dân tộc Lào trên địa bàn huyện, giao cho Phòng Thương nghiệp giúp đỡ về thủ tục và địa điểm kinh doanh, tạo mọi điều kiện để cửa hàng thương nghiệp Mộc Châu phục vụ ngày một tốt hơn.

Năm 1994, sau cuộc hội đàm cấp cao giữa hai tỉnh được đánh giá là "*khai thông lại quá trình 10 năm gián đoạn*" hai tỉnh thống nhất mở rộng quan hệ giao lưu hàng hóa, thống nhất mở chợ phiên biên giới [142]. Kể từ đây, quan hệ hợp tác trong lĩnh vực thương mại giữa hai tỉnh có bước phát triển mạnh, kim ngạch trao đổi qua biên giới được tăng cường. Nhằm thúc đẩy thương mại hai chiều tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn đã có một số biện pháp tích cực như:

- Phối hợp thành công lễ nâng cấp cửa khẩu Chiềng Khương (Sông Mã) - Bản Đán (Mường Ét) thành cửa khẩu quốc gia vào ngày 28/12/1999.

- Năm 2000, Sơn La và Hủa Phăn tiến hành lập dự án xây dựng 3 vùng kinh tế thương mại: Lóng Sập - Pa Háng (Mộc Châu); Chiềng Khương - Bản Đán (Sông Mã); Nà Cài - Yên Châu.

- Từ năm 2000 đến năm 2004, tỉnh Hủa Phăn đã cấp cho Sơn La 1.000 m^2 đất để xây dựng văn phòng giao dịch của các doanh nghiệp Sơn La tại Thị xã Sầm Nưa; 300 m^2 đất tại huyện Sốp Bâu cho ngành thương mại - du lịch Sơn La xây dựng cửa hàng và kho trung chuyển hàng hóa [174].

- Trước yêu cầu phát triển thương mại hai bên, tỉnh Sơn La đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam xin ý kiến Phó Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm và đã được cho phép: cửa khẩu Lóng Sập (Pa Háng) và cửa khẩu Chiềng Khương, tỉnh Sơn La được áp dụng chính sách Khu kinh tế cửa khẩu biên giới và được Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng [160].

- Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế của hai tỉnh phát triển, theo nguyên tắc cùng có lợi, vận động nhân dân khu vực hai bên biên giới tăng cường quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa.

Nhờ những chính sách hợp tác trên, kim ngạch xuất nhập khẩu hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1996 đến 6 tháng đầu năm 2013 có những chuyển biến tích cực, đặc biệt sau năm 2000. Hàng hóa tỉnh Hủa Phăn xuất sang Sơn La là gỗ thành phẩm, ngô, đậu tương, gia súc, gia cầm… còn phía Sơn La xuất sang Hủa Phăn bao gồm hàng công nghiệp, thiết bị, vật liệu xây dựng, xi măng, điện thương phẩm, tấm lợp, thép các loại, máy móc thiết bị, muối dầu hỏa, hàng tiêu dùng, giống cây trồng vật nuôi, thuốc chữa bệnh cho người và gia súc… Giá trị xuất nhập khẩu giữa hai tỉnh có chiều hướng tăng dần, biểu hiện cụ thể qua biểu đồ sau:

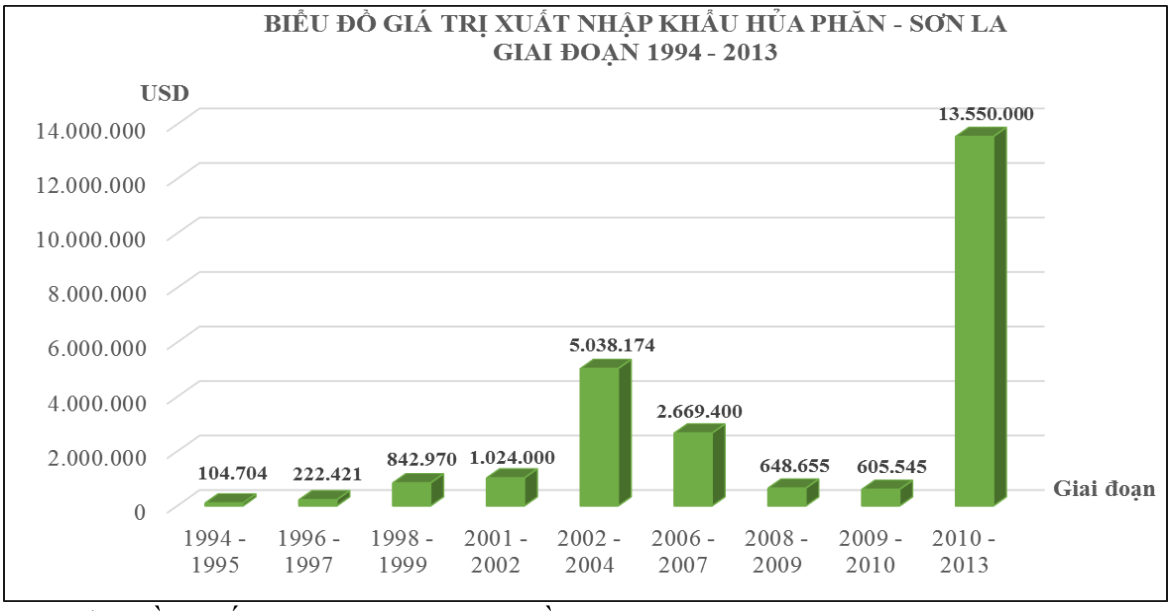

(Nguồn:Thống kê giá trị từ các nguồn [146],[150], [19], [183], [241], [243])

Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa tỉnh Sơn La và Hủa Phăn trung bình đạt 1 triệu USD/năm. Trên biểu đồ xuất hiện một số giai đoạn giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu tăng cao như giai đoạn 2002- 2004, đặc biệt giai đoạn 2010 - 2013 tăng đột biến, bình quân 13%/năm [243], [*Xem Phụ lục 6*]. Các mốc tăng mạnh trên biểu đồ được lý giải do thuế giảm, xây dựng các công trình hạ tầng tại tỉnh Hủa Phăn.

Nhằm phát huy tiềm năng kinh tế của mỗi bên, hai tỉnh tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại du lịch khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia, giao lưu kinh tế. Trong năm 2006, tại Hội chợ thương mại - du lịch quốc tế tổ chức tại Thị xã Sơn La, tỉnh Hủa Phăn có 13 doanh nghiệp tham gia với 7 gian hàng, giá trị

hàng hóa tham gia trao đổi là 23.000 USD. Hội chợ thương mại tổ chức tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La lần thứ nhất (28/12/2005 - 02/01/2006), tỉnh Hủa Phăn có 3 gian hàng của 6 doanh nghiệp với giá trị hàng hóa tham gia trao đổi là 26.000 USD. Hội chợ thương mại thời trang năm 2006 tổ chức tại Thị xã Sơn La, tỉnh Hủa Phăn có 6 gian hàng của 7 doanh nghiệp, tổng giá trị hàng hóa tham gia trao đổi là 28.000 USD [186].

Trong giai đoạn 2010 - 2012, Sơn La đã tổ chức 10 đợt hội chợ thương mại, tỉnh Hủa Phăn đã cử 20 doanh nghiệp sang tham gia với tổng giá trị hàng là 115.000 USD. Bên cạnh đó, Hủa Phăn tổ chức 2 đợt hội chợ, tỉnh Sơn La đã cử 20 doanh nghiệp sang tham dự với tổng giá trị hàng hóa là 45.000 USD [246].

Như vậy, từ năm 1986 đến năm 2012, trên đà tăng trưởng của nền kinh tế, quan hệ thương mại giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La đã có những bước tiến quan trọng, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhiều lần so với giai đoạn 1975 - 1986. Những kết quả của của quan hệ thương mại kể trên đã góp phần đáng kể vào cải thiện đời sống nhân dân hai tỉnh, đồng thời tạo điều kiện để hai tỉnh đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế cũng như góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại hai nước Lào, Việt Nam.

4.2.3. Văn hóa, giáo dục và y tế

4.2.3.1. Đẩy mạnh hợp tác văn hóa

Bên cạnh các hoạt động giao lưu văn hóa thường niên, trao đổi học hỏi kinh nghiệm, hợp tác văn hóa Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn này được xúc tiến mạnh thông qua các lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch giữa hai tỉnh.

Tại các cuộc tiếp xúc chính trị điển hình giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La, những hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ luôn được tổ chức đi kèm nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và gắn kết tình cảm giữa hai dân tộc. Ngay trong cuộc gặp cấp cao có tính chất lịch sử năm 1994, tỉnh Sơn La đã tổ chức đưa Đoàn ca múa Sơn La sang biểu diễn nghệ thuật phục vụ cán bộ, nhân dân các bộ tộc Hủa Phăn, mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ giữa hai tỉnh. Ngày 17/11/1997, nhận lời mời của Tỉnh ủy, chính quyền tỉnh Hủa Phăn, Đoàn đại biểu Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La đã thăm chính thức và làm việc tại tỉnh Hủa Phăn. Hai bên đã thống nhất hàng năm nếu có điều kiện cho phép, trong các dịp lễ tết, lễ hội, hai tỉnh sẽ tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao [151].

Nhân dịp kỉ niệm Năm Du lịch Lào 1999 - 2000, 30 năm Ngày thành lập Thị trấn Viêng Xay, kỉ niệm 79 năm Ngày sinh của Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản và chào mừng thắng lợi của Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Hủa Phăn lần thứ VI, tỉnh Sơn La đã cử đoàn

nghệ thuật chuyên nghiệp sang biểu diễn chào mừng tại Thị xã Sầm Nưa và một số huyện của tỉnh Hủa Phăn [162]. Ngược lại, nhân dịp Lễ hội văn hóa các dân tộc Tây Bắc lần thứ VIII - năm 2003 được tổ chức tại Sơn La, đồng thời kỉ niệm 50 năm Ngày giải phóng Sơn La, tỉnh Hủa Phăn cũng đã cử đoàn đoàn đại biểu cấp cao sang thăm và làm việc, tham dự lễ hội, cử đoàn nghệ thuật quần chúng sang biểu diễn và giao lưu nghệ thuật.

Từ năm 2004 đến năm 2012, hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La thường xuyên tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về mối quan hệ hữu nghị truyền thống đặc biệt Việt - Lào. Đặc biệt cuộc thi "*Tìm hiểu lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam*" năm 2012 được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng nhiệt tình. Hai tỉnh tiếp tục cử các đoàn nghệ thuật, thể dục thể thao sang giao lưu trong các ngày lễ lớn như: Lễ hội Văn hóa dân tộc Mông lần thứ nhất - 2006, Lễ Kỉ niệm 45 năm, 50 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, Lễ Kỉ niệm 30 năm, 35 năm ngày kí Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào, Lễ công bố Thị xã Sơn La lên Thành phố loại ba của Việt Nam (10/2008), Tết cổ truyền Bunpimay Lào, Lễ kỉ niệm 50 năm ngày giải phóng Thị xã Sầm Nưa, Đại hội thể thao các dân tộc lần thứ VI tại Hủa Phăn - 2007, Hội chợ thương mại văn hóa "Con người và dòng sông Mã" tại Hủa Phăn 2011…[184], [220], [193], [243].

Song song với hoạt động giao lưu văn hóa, Hủa Phăn và Sơn La hợp tác chặt chẽ trong việc tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, cán bộ văn hóa tham quan học tập kinh nghiệm lẫn nhau, hợp tác trong việc cung ứng thiết bị phục vụ cho công tác thông tin tuyên truyền; cử cán bộ thông tin văn hóa sang tham quan học tập trong lĩnh vực quản lý và kĩ thuật phát thanh truyền hình tại tỉnh Sơn La. Trước thực tế tình trạng Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Hủa Phăn xuống cấp, không đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí qua phương tiện thông tin đại chúng, Ty Văn hóa Thông tin Hủa Phăn và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Sơn La đã có các cuộc gặp gỡ tiếp xúc tháng 12/1999, tháng 02/2000 tại Sầm Nưa, đặc biệt cuộc gặp gỡ cấp cao giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn ngày 3/2/2000 tại Sầm Nưa. Hai bên nhận thấy, việc lắp đặt Đài Truyền hình tỉnh Hủa Phăn là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân Hủa Phăn vốn còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Ngày 19/3/2000, UBND tỉnh Sơn La đã ra quyết định triển khai và chọn đơn vị thi công lắp đặt trạm thu, phát lại truyền hình tại thị xã Sầm Nưa - tỉnh Hủa Phăn.

Sau một quá trình thi công lắp đặt, đến ngày 16/4/2000, tỉnh Sơn La đã bàn giao Hệ thống thu phát truyền hình 500W kép cho tỉnh Hủa Phăn, đồng thời hướng dẫn chuyển giao kĩ thuật sử dụng thiết bị cho cán bộ của Ty Văn hóa Thông tin tỉnh Hủa Phăn. Để hoàn thành công trình này, phía tỉnh Sơn La đã viện trợ không hoàn lại toàn bộ hệ thống thiết bị thu phát với tổng trị giá 760.600.000 VNĐ, tương đương 380.300.000 Kíp; phía tỉnh Hủa Phăn đã xây dựng nhà đặt máy và san ủi mặt bằng giá trị 195.200.000 Kíp [21]. Để tăng cường quan hệ hữu nghị và hiểu biết sâu sắc giữa hai bên, năm 2001, Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La đã xây dựng bộ phim tài liệu mang tên "*Có một tình hữu nghị như thế*" với thời lượng phát sóng 30 - 40 phút đã có tác động sâu sắc đến tình cảm nhân dân hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La [51].

Sơn La và Hủa Phăn đã thống nhất sẽ cùng nhau phối hợp để thực hiện các chương trình hợp tác về văn hóa, góp phần bảo tồn và phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc của hai dân tộc Việt Nam, Lào, xem văn hóa là cầu nối gắn bó giữa hai tỉnh. Hủa Phăn, Sơn La đã tham gia tích cực vào *Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao, du lịch vùng biên giới Việt Nam - Lào* được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2012 tại Hà Tĩnh (Việt Nam), luân phiên giữa các tỉnh biên giới 5 năm một lần. Ngày hội này thực sự là hoạt động có tác động sâu sắc đến tình cảm của nhân dân hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La nói riêng, nhân dân các tỉnh giáp biên giới Lào - Việt Nam nói chung.

4.2.3.2. Nâng cao chất lượng hợp tác giáo dục - đào tạo

Từ năm 1986, Việt Nam và Lào thống nhất không gửi lưu học sinh Lào sang Việt Nam đào tạo bậc phổ thông và hạn chế đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp, mà tăng cường đào tạo giúp Lào bậc đại học, sau đại học. Năm 1997, hai bên đã nhanh chóng chuyển hướng kết hợp đào tạo dài hạn, chính quy với tăng cường bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ hệ ngắn hạn trên các lĩnh vực quản lý; kết hợp cử chuyên gia đào tạo tại Lào với việc mở rộng hình thức đào tạo tại chức cho Lào tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, số học sinh Lào được tiếp nhận hàng năm ở Việt Nam khoảng 300 - 500 người/ năm [15].

Nằm trong tổng thể của hợp tác giáo dục - đào tạo giữa hai quốc gia, tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La cũng đặc biệt chú ý đến lĩnh vực này. Hợp tác giáo dục giữa hai tỉnh được thúc đẩy trong giai đoạn mới, thể hiện ở: hệ thống các văn bản ký kết hợp tác giáo dục hàng năm giữa hai tỉnh; số lượng, chất lượng đào tạo lưu học sinh ở các ngành học; quy mô trường, lớp Sơn La xây dựng tại Hủa Phăn; các chính sách ưu đãi đối với lưu học sinh Hủa Phăn, Sơn La…

Trước năm 2000, hợp tác giáo dục giữa hai tỉnh chủ yếu diễn ra một chiều, dưới hình thức Sơn La đào tạo lưu học sinh Hủa Phăn bằng nguồn ngân sách của Chính phủ Việt Nam và ngân sách của tỉnh. Do điều kiện kinh tế hai bên còn nhiều khó khăn, nên số lượng lưu học sinh được đào tạo tại Sơn La chưa nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu của Hủa Phăn.

Thực tế, năm 1986, Sơn La mới chỉ đào tạo 31 lưu học sinh của hai tỉnh Bò Kẹo và Hủa Phăn, học tại các trường Cao đẳng Sư phạm, Trung cấp kinh tế, may mặc bằng nguồn ngân sách của Chính phủ Việt Nam. Cũng trong năm này, 1 cán bộ thuộc Ban hợp tác kinh tế văn hóa với Lào của tỉnh Sơn La được đi học lớp ngôn ngữ Lào tại trường Viêng Chăn bằng nguồn ngân sách đào tạo của tỉnh [141].

Từ năm 1986 đến năm 1990, Sơn La tiếp tục đào tạo 20 lưu học sinh Lào học Trung cấp Kế hoạch, 30 - 40 lưu học sinh Trung cấp nông nghiệp, Trung cấp Y, Cao đẳng Sư phạm… [79].

Trong chiến lược phát triển giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu tạo nguồn nhân lực cho kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005 và giai đoạn tiếp theo, CHDCND Lào xác định phát triển giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học là một trong 5 chương trình lớn. Lào chủ trương tăng cường đào tạo lưu học sinh ở trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và tập trung vào các ngành mũi nhọn như: kinh tế, khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ [15; tr2].

Để nâng cao chất lượng đào tạo, phía Lào đã quan tâm đến vấn đề xét tuyển đầu vào. Lưu học sinh Lào trước khi sang Việt Nam học tập phải qua một năm học tiếng Việt tại Đông Đốc (Viêng Chăn) và phải trải qua kì thi tuyển tại Lào [15; tr44]. Việc này giúp cho các lưu học sinh Lào có thể học năm thứ nhất cùng với các sinh viên Việt Nam tại các trường đại học của Việt Nam. Điều này cũng cho thấy hợp tác giáo dục - đào tạo Việt Nam - Lào có sự chuyển biến từ "ngành giúp ngành" sang cơ chế "chủ động" với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác.

Trên cơ sở đó, từ năm 2001 trở đi, Sơn La đã giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các cuộc tiếp xúc, làm việc với đoàn đại biểu ngành giáo dục các tỉnh Bắc Lào, trong đó có Hủa Phăn, để tổ chức triển khai nội dung về lĩnh vực giáo dục như văn bản hợp tác đã ký kết [87]. Từ đây, hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa hai tỉnh có bước chuyển biến tích cực, phía Hủa Phăn bắt đầu có chính sách đào tạo lưu học sinh Sơn La, xuất hiện hệ đào tạo tự túc, trình độ đào tạo không chỉ bó hẹp ở trung cấp, cao đẳng mà được nâng lên cấp đại học, thạc sĩ.

Theo văn bản kí kết giữa hai bên, năm 2001 - 2004, Sơn La đã tiếp nhận 18 em học sinh của tỉnh Hủa Phăn sang học tập bằng nguồn ngân sách của tỉnh. Sau khi học xong 1 năm Tiếng Việt sẽ theo học chuyên môn tại các trường: Trung Cấp Nông - lâm, Trung cấp Y - Dược tỉnh Sơn La (Nay là Cao đẳng Y Sơn La). Cũng trong thời gian này, tỉnh Hủa Phăn đã tiếp nhận 2 học sinh của tỉnh Sơn La đã tốt nghiệp trung học phổ thông sang học phiên dịch tại Trường Đại học Viêng Chăn - Lào bằng nguồn ngân sách tỉnh Hủa Phăn [178].

Trong những năm 2006 - 2010, tỉnh Sơn La đã giúp đào tạo học sinh cho tỉnh Hủa Phăn tại các trường: Đại học Tây Bắc, Cao Đẳng Sơn La, Trung cấp Y tế, Trung cấp Nông Lâm và Trường dạy nghề của tỉnh Sơn La với số lượng là 63 học sinh gồm các chuyên ngành học như: Sư phạm, Tin học, Quản lý kinh tế, Chính trị - Hành chính, Y tế, Nông lâm. Trong đó học sinh đã tốt nghiệp 44 em; học sinh sang học giai đoạn 2009 - 2010 là 19 em [242]. Trong năm 2011 - 2012, các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La tiếp nhận 10 học sinh tỉnh Hủa Phăn sang học tập, nghiên cứu [246].

Theo chương trình hợp tác, từ năm 2001 đến năm 2012 các tỉnh Bắc Lào, trong đó có Hủa Phăn cũng đã dành 50 suất học bổng đào tạo cho 50 sinh viên của Sơn La học ngôn ngữ và chuyên ngành tại Trường Đại học Quốc gia Lào (Viêng Chăn) và Trường Đại học Suphanuvông (Luông Pha Băng) [109].

Nhằm phát triển sự hợp tác giúp đỡ đào tạo của tỉnh Sơn La cho các tỉnh Bắc Lào nói chung và tỉnh Hủa Phăn nói riêng, tỉnh Sơn La đều xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể từ số lượng đến quy cách tuyển sinh, chế độ học bổng hỗ trợ cho lưu học sinh Lào. Định hình kế hoạch từ năm 2008 trở về trước, Sơn La đào tạo cho Bắc Lào chủ yếu là trình độ trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng; từ năm 2008 đến năm 2012, nâng lên đào tạo trình độ đại học, sau đại học. Để thực hiện kế hoạch này, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La đã hợp tác chặt chẽ với Trường Đại học Tây Bắc, một trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ lớn tại khu vực Tây Bắc. Trong quá trình đào tạo, Trường Đại học Tây Bắc hết sức chú trọng đến việc nâng cao chất lượng học tập của lưu học sinh Lào bằng các hoạt động như: xây dựng chương trình Tiếng Việt (thay thế cho môn tiếng Anh), chương trình Dự bị đại học, tổ chức thường xuyên mỗi năm một lần Hội nghị tổng kết công tác lưu học sinh Lào, quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho lưu học sinh trong hoạt động học tập, sinh hoạt văn hóa, văn

nghệ, thể dục thể thao, bố trí chỗ ở tốt… Vì vậy, chất lượng học tập của lưu học sinh Lào tại Trường tương đối khả quan.

Bên cạnh hoạt động đào tạo, hoạt động xây dựng cơ sở vật chất, trường học cũng được hai bên triển khai và đạt kết quả tốt. Những năm 1990, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng tỉnh Sơn La vẫn dành ngân sách giúp tỉnh Hủa Phăn xây dựng trường học Xiềng Khùn (thuộc Xiềng Khọ) trị giá 500 triệu đồng Việt Nam (năm 1996), xây dựng 4 phòng học trị giá 400 triệu đồng Việt Nam tại huyện Sốp Bâu (năm 1998) [79].

Từ năm 2004 đến năm 2012, tỉnh Sơn La đã triển khai xây dựng 6 phòng học tại Trường cấp III Phăn La trị giá 1,1 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học bản Mi Xúc - Sầm Nưa 300.000.000 đồng (2005), hỗ trợ xây dựng nhà lớp học cho huyện Hua Mường 500.000.000 đồng (2012), xây dựng Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hủa Phăn trị giá 60 tỷ đồng, xây dựng Trường THPT Hủa Phăn trị giá 56 tỷ - quà tặng của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Minh Triết (2012) [76]. Những công trình trên đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tại tỉnh Hủa Phăn trong những năm qua.

Những kết quả đạt được trong hợp tác giáo dục - đào tạo Hủa Phăn - Sơn La có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần củng cố, phát triển quan hệ hữu nghị, toàn diện giữa hai tỉnh.

4.2.3.3. Tăng cường hợp tác y tế

Sau cuộc gặp gỡ hội đàm giữa hai đoàn đại biểu Sơn La - Hủa Phăn năm 1994, hai bên xác định: Hợp tác y tế giữa hai tỉnh chủ yếu mang tính chất nhân đạo và giúp đỡ lẫn nhau về khám, điều trị bệnh cho nhân dân vùng biên giới, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế cho Hủa Phăn, giúp Hủa Phăn nâng cao năng lực khám, điều trị bệnh.

Nhằm tăng cường hợp tác trên lĩnh vực y tế, ngành y tế hai tỉnh đã thống nhất kế hoạch: Sơn La khám, điều trị, điều dưỡng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Hủa Phăn, mỗi năm từ 8 đến 10 người, chia làm hai đợt mỗi đợt từ 4 đến 5 cán bộ trong thời gian một tháng tại Bệnh viện tỉnh Sơn La. Kinh phí cho một đợt điều trị khoảng 45 triệu đồng Việt Nam. Các bệnh viện huyện, trạm xá ở vùng biên giới (Mộc Châu, Yên Châu, Sông Mã, Mai Sơn) nhận khám điều trị cho nhân dân vùng biên giới. Đồng thời hai bên tổ chức phối hợp chặt chẽ trong việc thông báo dịch bệnh, lên kế hoạch phòng chống dịch, bảo vệ sinh thái môi trường…[152].

Thực hiện chủ trương trên, từ năm 1994 đến năm 2012, số lượng bệnh nhân Hủa Phăn được khám, chữa bệnh tại Sơn La ngày càng đông (trên 2.000 người).

Đồng thời, hàng trăm bệnh nhân Sơn La được khám, chữa bệnh tại Hủa Phăn. Bên cạnh số bệnh nhân khám theo chế độ, có cả bệnh nhân tự trả viện phí [*Xem thêm Phụ lục 8*]. Ngoài ra, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện giữa hai tỉnh Sơn La và Hủa Phăn thường xuyên thực hiện hoạt động hợp tác, định kỳ giao ban, trao đổi kinh nghiệm trong công tác phòng, chữa bệnh tại các trạm xá, cơ sở y tế tuyến huyện, khám điều trị bệnh cho nhân dân vùng giáp biên của hai tỉnh [157]. Huyện Mộc Châu luôn tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các bản giáp biên giới của huyện Sốp Bâu được khám và chữa bệnh tại Trạm xá Lóng Sập và Trung tâm y tế huyện, chi phí khám chữa bệnh do bệnh nhân tự đảm nhận (2000). Huyện Sông Mã cũng tạo điều kiện khám chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân huyện Mường Ét. Từ tháng 10/2005 đến đầu tháng 3/2006, Trung tâm Y tế Sông Mã và phòng khám khu vực Chiềng Khương đã khám cho 98 lượt người bệnh, điều trị nội trú cho 14 ca, cấp cứu 6 ca. Ngoài ra, Sông Mã còn hỗ trợ dụng cụ xét nghiệm máu, 1 bộ đo huyết áp, ống nghe, bình ô xi cho Trung tâm Y tế huyện Mường Ét - Hủa Phăn [186].

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La đã tiếp nhận thực tập nâng cao trình độ cho cán bộ y tế của tỉnh Hủa Phăn. Hai tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho ngành y tế Sơn La, các bệnh viện của Sơn La và Hủa Phăn thường xuyên trao đổi kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành bệnh viện, trạm xá, công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và kinh nghiệm phòng chống các bệnh dịch nguy hiểm. Trên cơ sở văn bản hợp tác giữa Bộ Y tế Việt Nam và Bộ Y tế Lào, văn bản hợp tác giữa tỉnh Sơn La và Hủa Phăn, ngành y tế Sơn La đã chủ động xây dựng kế hoạch hợp tác, tổ chức khảo sát, hợp tác trồng và khai thác nguồn dược liệu; tham gia phòng chống dịch bệnh tại các huyện giáp biên. Viện trợ các trang thiết bị y tế, thuốc và các loại hóa chất để phòng chống dịch. Đặc biệt năm 2000, do tình hình thời tiết khí hậu khắc nghiệt ở tỉnh Hủa Phăn, các huyện giáp biên với Sơn La như Mường Ét, Viêng Thoong, Hủa Mường xảy ra dịch tả. Trong vòng từ giữa tháng 5 đến đầu tháng 6/2000, có tới 974 người mắc bệnh, trong đó tử vong 33 người [162]. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Hủa Phăn đã có công văn thông báo tình hình dịch bệnh cho Sơn La, thông báo cho nhân dân dọc hai bên biên giới của hai tỉnh tạm ngừng mọi hoạt động đi lại qua biên giới và có kế hoạch phòng chống dịch, không để dịch lây lan. Đồng thời, đề nghị tỉnh Sơn La tìm mọi biện pháp giúp chống dịch kể cả chuyên môn và thuốc men các loại, đưa cán bộ y tế và thuốc men giúp Hủa Phăn chống dịch tại khu vực Mường Ét, Xiềng Khọ. Sau khi nhận được công văn, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La đã chỉ đạo ngành y tế Sơn La vào cuộc,

từ ngày 10/6 đến ngày 30/6/2000, Đoàn phòng chống dịch Sơn La gồm 14 người với đầy đủ thuốc men, hóa chất, trang thiết bị đảm bảo tốt cho công tác phòng chống dịch cho khoảng 1.000 người đã trực tiếp phối hợp với chính quyền và lực lượng y tế của tỉnh Hủa Phăn tổ chức bao vây dập dịch tại vùng dịch, trọng tâm là 2 huyện Mường Ét, Xiềng Khọ. Đồng thời tiến hành tuyên truyền kiến thức phòng chống dịch cho nhân dân các dân tộc vùng bị dịch [162].

Cùng với công tác khám chữa bệnh, đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Hủa Phăn là hoạt động được cả hai bên chú ý. Năm 1997, tỉnh Sơn La đã nhận đào tạo y sĩ, dược sĩ trung học, nữ hộ sinh sơ học, y tá sơ học cho tỉnh Hủa Phăn. Đồng thời tiếp nhận và bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ y tế tỉnh Hủa Phăn trên các lĩnh vực: xét nghiệm, gây mê, X quang, kĩ thuật pha chế dịch truyền cơ sở. Tỉnh Sơn La còn đầu tư xây dựng Trạm xá xã Huổi Phooc (huyện Xiềng Khọ - Hủa Phăn) với chi phí 250 triệu đồng [152]. Những năm 2001 - 2006, Sơn La đào tạo cho Hủa Phăn 5 học viên y sĩ, dược sĩ, 4 học viên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tại Bệnh viện tỉnh Sơn La. [185]. Hai bên tiếp tục hợp tác về đào tạo chuyên khoa như: X quang, xét nghiệm, tai, mũi, họng, đông y, châm cứu; trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau về công tác quản lý bệnh viện tuyến huyện, trạm xá xã, bản, kinh nghiệm về tổ chức đội y tế lưu động…

Trong công tác đào tạo cán bộ y tế cho tỉnh Hủa Phăn, Trường Cao đẳng Y Sơn La có một vai trò quan trọng. Trường đã kết nối chặt chẽ với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La để lưu học sinh Lào vừa học lý thuyết vừa thực hành, đảm bảo chất lượng khi ra trường về nước công tác.

Nhìn chung, trong điều kiện mặt bằng y tế có hạn của cả hai tỉnh miền núi Hủa Phăn, Sơn La, những hoạt động hợp tác trên đã khẳng định sự gắn bó giữa hai dân tộc, cùng chia sẻ những khó khăn, cùng nhau làm tốt nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe cho người dân hai tỉnh, đặc biệt là nhân dân khu vực biên giới.

Tiểu kết chương 4

Trên nền tảng của sự ổn định về chính trị, sự phát triển của kinh tế - xã hội hai tỉnh, quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) giai đoạn 1986 - 2012 có những bước tiến mới.

Đẩy mạnh các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa lãnh đạo hai tỉnh, tăng cường kết nghĩa giữa các huyện giáp biên giới, duy trì truyền thống thăm hỏi giữa hai bên trong các dịp lễ, tết, các sự kiện lịch sử trọng đại là những biện pháp thúc đẩy quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt giữa hai tỉnh. Để đảm bảo an ninh quốc phòng và xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, phát triển, hai tỉnh đã tăng cường các hoạt động thường niên như: phối hợp trong công tác phòng, chống, đấu tranh với thế lực phản động, "diễn biến hòa bình"; giúp nhau xây dựng lực lượng quốc phòng vững mạnh, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng đến nhân dân hai bên biên giới; tăng dày tôn tạo đường biên mốc giới; phối hợp tuần tra, giải quyết dứt điểm các hiện tượng xâm canh xâm cư, vượt biên, buôn bán trái phép…

Tiếp tục phát huy những thế mạnh của nhau, hai tỉnh đã có những bước phát triển quan trọng trong hợp tác kinh tế: Sự chuyển biến của mặt bằng kinh tế tỉnh Hủa Phăn có sự đóng góp của tỉnh Sơn La và ngược lại, lĩnh vực nông - lâm nghiệp vốn là thế mạnh của cả hai tỉnh nên đây là hoạt động hợp tác hiệu quả, bên cạnh đó công nghiệp chế biến, xây dựng cơ bản, thúc đẩy thương mại, luôn được hai bên chú ý góp phần cân đối nền kinh tế của hai tỉnh cũng như cân đối trên phương diện hợp tác giữa hai nền kinh tế.

Nằm trong khuôn khổ hợp tác toàn diện, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục đào tạo, y tế cũng được hai tỉnh quan tâm phát triển hợp tác. Trong đó, hợp tác văn hóa luôn được xem là nhân tố tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai tỉnh, hợp tác giáo dục đào tạo góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho nhau, đồng thời sự tiến bộ của các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người dân của hai tỉnh thông qua việc trao đổi, đào tạo kĩ thuật, trình độ y bác sĩ…

Cũng cần khẳng định, những kết quả hợp tác về mọi mặt giữa hai tỉnh đều trực tiếp góp phần phát triển kinh tế xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và làm tăng thêm tình hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh nói riêng và hai quốc gia Việt Nam, Lào nói chung.

CHƯƠNG 5
NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ HỦA PHĂN - SƠN LA TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2012

5.1. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012: Thành tựu và nguyên nhân

Từ 1975 đến 2012, trong bối cảnh thế giới, khu vực, hai quốc gia Lào, Việt Nam có nhiều biến đổi, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La vẫn không ngừng được củng cố, tăng cường và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Thành tựu này góp phần không nhỏ vào việc ổn định tình hình chính trị, trật tự xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của hai tỉnh, đồng thời có tác dụng thúc đẩy quan hệ Lào - Việt Nam nói chung, Hủa Phăn - Sơn La nói riêng phát triển.

Về chính trị: Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực hợp tác chính trị giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La từ 1975 đến 2012 tập trung vào các nội dung sau:

1. Định hình quan hệ gắn kết thường xuyên, định kỳ thông qua những cuộc viếng thăm, gặp gỡ cấp cao hoặc nhân dịp lễ tết, kịp thời giải quyết các vấn đề cấp bách đặt ra trong quan hệ giữa hai bên. Điều này, thúc đẩy, nâng cao ý thức chính trị về tầm quan trọng của hợp tác giữa hai tỉnh.

2. Trong hợp tác chính quyền, Hủa Phăn, Sơn La không chỉ phát triển quan hệ cấp chính quyền hai tỉnh mà còn phát triển được mô hình các huyện giáp biên giới kết nghĩa, hợp tác toàn diện.

3. Một thành tựu quan trọng khác phải kể đến, Sơn La đã giúp và đào tạo một lượng không nhỏ nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hủa Phăn.

4. Quan hệ chính trị giữa hai tỉnh góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân mỗi bên. Hợp tác chính trị trở thành nhân tố thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác, đưa quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Hủa Phăn - Sơn La ngày một phát triển.

Về quốc phòng, an ninh và công tác biên giới có 3 thành tựu chính sau:

1. Hợp tác hiệu quả đập tan âm mưu của lực lượng phản động phỉ Vàng Pao, giữ vững an ninh, quốc phòng và ổn định xã hội trước âm mưu "bạo loạn, lật đổ", âm mưu thành lập "Vương quốc Mông tự trị", truyền đạo trái phép của lực lượng này. Biện pháp tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, nhất là nhân dân hai bên vùng

biên hiểu và nhận biết được thủ đoạn của các lực lượng đối lập, hình thành mặt trận chống địch trong lòng dân, nên các hoạt động phối hợp của các lực lượng chức năng hai bên ngày một hiệu quả.

2. Qua hợp tác giải quyết các vấn đề an ninh quốc phòng, cùng với công tác đào tạo, huấn luyện, giúp đỡ về hậu cần, kĩ thuật của Sơn La đối với Hủa Phăn đã có tác dụng nâng cao trình độ đội ngũ bảo vệ an ninh tỉnh Hủa Phăn.

3. Xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định và phát triển là mục tiêu hướng tới của Lào, Việt Nam cũng như Hủa Phăn, Sơn La. Vì vậy, hơn 10 năm cố gắng (1976 - 1982), vượt qua khó khăn gian khổ, hai bên đã hoàn thành công tác khảo sát, hoạch định và cắm 21 mốc quốc giới đoạn đi qua hai tỉnh. Cùng nhịp bước phát triển của đất nước, với yêu cầu về một hệ thống cột mốc tiêu chuẩn, hai bên tiếp tục hội đàm và hoàn thành công tác tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới, từ 21 cột mốc (1982) đã nâng lên tổng số 112 cột mốc (2012). Điều này góp phần quan trọng trong công tác quản lý, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới giữa Sơn La với Hủa Phăn; củng cố, vun đắp và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt Nam - Lào.

Về kinh tế:

1. Về cơ bản hoàn thành kế hoạch hợp tác qua các năm: hoạch định một nền nông lâm nghiệp bền vững, hiệu quả kinh tế; xây dựng cơ sở hạ tầng (hệ thống công sở, trường trạm, đường giao thông, thủy lợi)... góp phần quan trọng vào việc khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân tỉnh Hủa Phăn.

2. Việc nâng cấp cửa khẩu Chiềng Khương, Lóng Sập thành cửa khẩu quốc gia, hình thành khu kinh tế cửa khẩu, mở thêm các cửa khẩu phụ, các chợ biên giới phát triển, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia hợp tác đã đưa kim ngạch xuất nhập khẩu hai bên tăng đều hàng năm.

3. Cùng với việc xóa bỏ cơ chế bao cấp, hai bên tiến tới đẩy mạnh đầu tư, thực hiện dự án hợp tác sản xuất kinh doanh, tăng cường hợp tác thương mại, mang lại những hiệu quả thiết thực. Các dự án nông nghiệp như mô hình kinh tế hộ gia đình, trang trại cà phê, dự án trồng nấm, trồng cây cao su… được hai tỉnh xúc tiến thực hiện. Thông qua hợp tác đầu tư, tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên đã bước đầu được đẩy mạnh khai thác để góp phần phát triển kinh tế. Quan hệ kinh tế Hủa Phăn - Sơn La đã thực sự có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng thay đổi bộ mặt kinh tế của hai tỉnh cũng như hai nước Lào, Việt Nam.

Về văn hóa, giáo dục - đào tạo và y tế:

1. Giữ gìn và phát triển truyền thống giao lưu văn hóa dưới nhiều hình thức như: Lễ hội văn hóa các dân tộc, Đại hội thể dục thể thao, hoạt động kỉ niệm các ngày lễ lớn của hai dân tộc… đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và giải trí ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân, tăng cường sự gắn bó, tin tưởng lẫn nhau.

2. Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của hai tỉnh, nhất là Hủa Phăn: từ trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học cho đến thạc sỹ ở các chuyên ngành giáo viên, nông lâm, may mặc, y dược, kinh tế, công nghệ thông tin…

3. Đội ngũ lưu học sinh sau khi tốt nghiệp tại các trường chuyên nghiệp ở Sơn La trở về, đều nắm giữ những chức vụ quan trọng của tỉnh. Hơn nữa, họ chính là lực lượng thúc đẩy tình cảm gắn bó, đoàn kết giữa hai tỉnh. Đồng thời, qua hợp tác giáo dục, Sơn La xây dựng được niềm tin, là địa chỉ tin cậy trong quá trình phát triển giáo dục - đào tạo của Hủa Phăn.

4. Tổ chức thành công hệ thống y tế huyện, bản nhằm kịp thời dập các dịch bệnh nguy hiểm. Hình thành tuyến khám chữa bệnh theo chính sách và tự túc tại các bệnh viện huyện hai bên biên giới.

Những thành tựu đạt được trong quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh từ năm 1975 đến năm 2012 có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa Hủa Phăn - Sơn La, đồng thời thúc đẩy quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước Lào - Việt Nam. Thành tựu đạt được trong quan hệ hợp tác Hủa Phăn - Sơn La bắt nguồn từ một số *nguyên nhân* cơ bản sau:

Một là, sau năm 1975, Việt Nam, Lào hoàn toàn độc lập cùng bước vào công cuộc xây dựng đất nước, cải cách đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa. Đây là những yếu tố thuận lợi để hai đảng, hai nhà nước quan tâm phát triển quan hệ từ đoàn kết đặc biệt lên quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện. Sự hợp tác đa dạng, trên mọi lĩnh vực, ở cả Trung ương và địa phương, thậm chí giữa các tỉnh, thành phố nằm sâu trong đất liền không chung đường biên giới đã góp phần quan trọng vào việc vun đắp quan hệ tin cậy, gắn bó và tình đoàn kết đặc biệt Việt - Lào. Quan hệ đặc biệt này vượt lên khỏi các lợi ích kinh tế thông thường và được nhân dân hai nước đồng tình ủng hộ. Hơn nữa, nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Lào được đào tạo tại Việt Nam. Sự hiểu biết và chia sẻ kinh nghiệm cho nhau, nhất là trong điều kiện Việt Nam là nước đã thành công trong đổi mới và phát triển sẽ hữu ích cho công cuộc phát

triển của Lào. Vì vậy, trong quá trình thực hiện hợp tác, các tỉnh Hủa Phăn, Sơn La luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và sự ưu tiên của hai chính phủ. Sự giúp đỡ của tỉnh Sơn La đối với Hủa Phăn trong giai đoạn đầu đều được thực hiện bằng nguồn ngân sách của Chính phủ Việt Nam. Các công trình xây dựng lớn trong giai đoạn sau mà Sơn La làm chủ đầu tư tại Hủa Phăn, ngoài nguồn vốn của hai tỉnh, sự hỗ trợ từ hai Chính phủ Lào, Việt Nam cũng không nhỏ. Đặc biệt, năm 2012, Chính phủ Lào và Việt Nam thống nhất chọn Hủa Phăn là một trong hai tỉnh làm điểm về chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào đến năm 2020. Theo đó, Hủa Phăn được Chính phủ Lào đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội. Trong đó, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, nhằm đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo đời sống cho nhân dân. Đây là nền tảng quan trọng để Hủa Phăn - Sơn La vốn là những tỉnh biên giới còn nhiều khó khăn, tăng cường hợp tác và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Hai là, sở hữu tài sản vô giá là tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu trong giai đoạn lịch sử trước, Hủa Phăn, Sơn La đều nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc tăng cường quan hệ, hợp tác trong thời kỳ mới. Trong bối cảnh của sự cạnh tranh toàn cầu cũng như những âm mưu chống phá của lực lượng phản động quốc tế nhằm chia rẽ quan hệ Lào - Việt Nam, sự tin tưởng lẫn nhau là yếu tố vô cùng quan trọng trong tiến trình hợp tác toàn diện. Chính vì vậy, các thỏa thuận hợp tác giữa hai tỉnh diễn ra hết sức thuận lợi, luôn dành ưu tiên ưu đãi cho nhau trong chiến lược phát triển kinh tế của mình, mang lại hiệu quả thiết thực. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, chính quyền tỉnh Sơn La đã quan tâm công tác hỗ trợ tỉnh Hủa Phăn một số cơ sở hạ tầng theo khả năng của tỉnh. Từ năm 2003 đến 2012, Sơn La đã trích từ nguồn ngân sách của tỉnh và từ nguồn vốn phân cấp của Trung ương hỗ trợ cho 8 tỉnh Bắc Lào xây dựng hơn 30 công trình thiết yếu (Hủa Phăn có 10 công trình lớn), với tổng số vốn 258 tỷ đồng Việt Nam, đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội thiết thực (*trong đó vốn từ ngân sách của tỉnh là 115 tỷ, vốn từ Trung ương thông qua nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào giao tỉnh Sơn La làm chủ đầu tư là 143 tỷ*) [222]. Trong bài tham luận của Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn tại Hội nghị Quan hệ hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào, đoàn kết, hữu nghị tháng 4/2012 tại Sơn La, ông nhấn mạnh : "*từ năm 2010 - 2012, có 23 đơn vị, nhà đầu tư tỉnh Sơn La đến đầu tư sản xuất và kinh doanh tại tỉnh Hủa Phăn, giá trị kinh tế là 6.367.800 USD*", "*có nhiều doanh nhân và tư nhân Việt Nam hăng hái tích cực đóng góp giúp đỡ tỉnh Hủa Phăn xây dựng nhà tình nghĩa,*

quỹ phát triển giáo dục, tặng quà… Đây là những đóng góp vun đắp mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện lâu dài Lào - Việt Nam đã có từ xa xưa và ngày càng phát triển lớn mạnh không ngừng" [17].

Ba là, trên cơ sở nắm vững đặc điểm tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ của mỗi bên trong từng giai đoạn cụ thể, lãnh đạo hai tỉnh đã có những bước đi, biện pháp thích hợp, sáng tạo trong quá trình thực hiện hợp tác. Trong các biên bản ghi nhớ kết quả hợp tác giữa hai tỉnh, lãnh đạo hai bên luôn đánh giá những việc làm được và những việc hạn chế nhằm đưa ra phương hướng tốt nhất cho các giai đoạn hợp tác tiếp theo. Điều này khẳng định, hai tỉnh đã chủ động trong tiến trình hợp tác, bắt kịp với xu hướng hợp tác của hai quốc gia cũng như sự chuyển biến của tình hình thế giới, khu vực. Đồng thời, cả hai phía đều thấy rõ lợi ích từ mối quan hệ này mang lại cho sự phát triển của mỗi tỉnh. Do vậy, trong kế hoạch phát triển, hai bên đều mong muốn nâng cặp cửa khẩu Chiềng Khương - Bản Đán, Lóng Sập - Pa Háng thành cửa khẩu quốc tế, điều này cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác giữa hai tỉnh. Theo Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 17/6/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hợp tác xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào ổn định và phát triển toàn diện, Tỉnh ủy Sơn La có kế hoạch chỉ đạo: ưu tiên hoàn thành các đường vành đai, đường ra biên giới ở các địa bàn xung yếu, đảm bảo thông suốt 4 mùa. Hoàn thành và đưa vào hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập (Mộc Châu), Chiềng Khương (Sông Mã). Hoàn thành đề án nâng cấp cửa khẩu Lóng Sập (Mộc Châu) thành cửa khẩu quốc tế; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Sơn La sang đầu tư kinh doanh tại Lào [107]. Tại Hội nghị quan hệ hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào, đoàn kết - hữu nghị (Sơn La từ 22 -26/4/2012), Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn cũng chú trọng vào nội dung: tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân dọc biên giới được thăm hỏi, trao đổi rút kinh nghiệm, trao đổi hàng hóa, nông lâm thổ sản, hàng hóa công nghiệp và thu hút vốn đầu tư của Việt Nam vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, trồng cây hàng hóa, chế biến nông lâm [17]. Những quyết sách của hai tỉnh được triển khai và thực hiện sẽ thúc đẩy hợp tác kinh tế Sơn La - Hủa Phăn lên một tầm cao mới.

Bốn là, Hủa Phăn, Sơn La có những cơ sở thuận lợi để đẩy mạnh quan hệ hợp tác trên tất cả các lĩnh vực như: sự gần gũi về vị trí địa lý, sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, ngôn ngữ, nền tảng kinh tế - xã hội. Những điều kiện thuận

lợi này có ý nghĩa như chất kết dính, phá bỏ những trở ngại khó khăn trên con đường phát triển của hai dân tộc để gặt hái được nhiều thành tựu như đã kể trên.

Năm là, hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã có bước phát triển nhất định trên con đường đổi mới: tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hủa Phăn năm 2013 - 2014 đạt mức 12,94%, thu nhập bình quân đầu người đạt 6.160.000 kíp/người/năm (= 770 USD/người/năm) [11]; tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Sơn La năm 2012 đạt 14,2%, thu nhập bình quân đầu người đạt 12,4 triệu đồng/người/năm [243]; các tuyến đường của Hủa Phăn được nâng cấp: đường nối thị xã Sầm Nưa (40km) với sân bay Nong Khang, 6 chiếc cầu trên quốc lộ 6A, tuyến đường 61 km từ phía Bắc của tỉnh nối với cửa khẩu sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho Hủa Phăn. Các tuyến đường từ Sơn La sang Hủa Phăn cũng đang được tỉnh nâng cấp… Sự phát triển này có tác động không nhỏ từ quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La. Những lợi ích thiết thực trong quá trình hợp tác cùng với hoạt động tuyền truyền sâu rộng trong nhân dân về tình đoàn kết, hữu nghị Việt - Lào, trở thành cơ sở tin cậy để nhân dân hai bên biên giới luôn đồng tình, ủng hộ, hợp tác với chính quyền. Đây cũng là yếu tố góp phần đưa quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh đạt được thỏa thuận dễ dàng.

5.2. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012: hạn chế và nguyên nhân

Quan hệ Sơn La - Hủa Phăn trong những năm 1975 - 2012, tuy có bước chuyển biến quan trọng, giành được nhiều thành tựu, nhưng vẫn còn tồn tại hạn chế nhất định.

Xuất phát từ những khó khăn do hậu quả của chiến tranh để lại, mặt bằng kinh tế hai tỉnh lại thấp (chủ yếu là tự cung tự cấp), đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn, trình độ dân trí thấp, giao thông đi lại khó khăn, nên giai đoạn 1975 - 1986, hợp tác trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, an ninh quốc phòng cho đến kinh tế, văn hóa giáo dục và y tế giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La còn ở mức khiêm tốn, thậm chí còn mang tính hình thức, phụ thuộc vào cơ chế bao cấp của Chính phủ.

Những năm 1986 - 1994, do Sơn La thực hiện nhiệm vụ Trung ương giao, kết nghĩa với tỉnh Bó Kẹo (Bắc Lào), cùng những khúc mắc trong chuyển đổi cơ chế từ quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, quan hệ Sơn La - Hủa Phăn chưa được quan tâm đúng mức.

Từ năm 1994 trở đi, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La thực sự có chuyển biến mạnh, nhưng vẫn không tránh khỏi những hạn chế, ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả hợp tác giữa hai tỉnh và hai Nhà nước.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và công tác biên giới:

Hợp tác biên giới Hủa Phăn - Sơn La vẫn chưa giải quyết triệt để được các vấn đề có thể gây mất ổn định như: di cư tự do, xâm canh xâm cư, vượt biên trái phép, buôn bán ma tuý, tuyên truyền luận điệu xấu chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Lào - Việt Nam. Mặc dù các lực lượng chức năng của hai tỉnh đã phối hợp hành động nhưng các hiện tượng này vẫn tồn tại. Đặc biệt, việc phối hợp trong công tác phòng chống ma tuý còn hạn chế. Lực lượng an ninh của Hủa Phăn còn mỏng, thiếu, yếu. Tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma tuý từ Lào vào Sơn La vẫn còn diễn biến phức tạp, ngày càng tinh vi.

Trong lĩnh vực kinh tế:

1. Hiệu quả trong hợp tác kinh tế chưa cao, chủ yếu mang tính chất một chiều Sơn La giúp Hủa Phăn: từ hình thức viện trợ không hoàn lại, giúp đỡ trực tiếp qua công tác chuyên gia cho đến các kế hoạch hợp tác kinh tế được xây dựng theo từng năm, 2 năm, 5 năm, phần đầu tư và viện trợ không hoàn lại của Sơn La cho Hủa Phăn vẫn chiếm tỷ lệ không nhỏ [*xem phụ lục 4*].

2. Hai tỉnh chưa thực sự chủ động trong các dự án hợp tác, còn phụ thuộc, trông chờ vào Chính phủ.

3. Kim ngạch xuất nhập khẩu có tăng nhưng tổng giá trị còn thấp. Kinh tế cửa khẩu phát triển chậm, chủ yếu là trao đổi hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu cuộc sống hằng ngày, chưa có nhiều dự án đầu tư của các doanh nghiệp Sơn La và Hủa Phăn trên địa bàn hai bên.

4. Trao đổi thương mại còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu hàng hóa của hai bên. Sự xuất hiện các sản phẩm hàng hóa của Việt Nam, Sơn La trên thị trường Hủa Phăn và ngược lại còn rất ít. Thị trường Hủa Phăn bị ảnh hưởng mạnh của hàng hóa Thái Lan (chất lượng tốt, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của người Lào, giá rẻ hơn hàng Việt Nam), Trung Quốc (giá thành thấp, mẫu mã đa dạng phong phú, phù hợp với mức sống trung bình và thấp).

5. Hợp tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, đường giao thông hai vùng biên giới đã được quan tâm nhưng tiến độ còn chậm, chưa đáp ứng nhu cầu và vai trò là khu vực kết nối, thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai tỉnh. Trên địa bàn biên giới hai tỉnh chợ biên giới rất ít, chủ yếu là nơi tập kết hàng hóa cho các vùng trong khu vực, hàng hóa chưa đa dạng về chủng loại và mới chỉ là các hàng hóa thiết yếu.

6. Các dự án hợp tác đầu tư còn thiếu đồng bộ, hai tỉnh tập trung vốn đầu tư hạn hẹp của mình vào các dự án nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, chưa quan tâm đúng mức tới việc duy trì hoạt động sau dự án, nên khi bàn giao chỉ phát huy hiệu quả vài năm đầu rồi xuống cấp, thậm chí ngừng hoạt động.

Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo và y tế:

1. Tuy giữa hai tỉnh có nhiều đổi mới nhưng vẫn nặng tính bao cấp, chưa tạo ra được sự đột phá cần thiết để chuyển sang quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi; chưa gắn hoạt động văn hóa để xúc tiến du lịch giữa hai địa phương có nhiều tiềm năng về lĩnh vực này.

2. Trong hợp tác giáo dục - đào tạo và y tế vẫn còn hạn chế, chưa tạo được cơ chế, hình thức đào tạo, quản lý đảm bảo một cách tốt nhất về chất lượng cho các lưu học sinh Lào tại Sơn La.

Có thể nói, bên cạnh những thành tựu trong quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La, những tồn tại và hạn chế cũng cần phải được xem xét đúng mức, tìm ra *nguyên nhân* của sự việc, nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp, thúc đẩy quan hệ giữa hai tỉnh phát triển hơn nữa.

Trước hết, nguyên nhân căn bản hạn chế thành tựu quan hệ giữa Hủa Phăn và Sơn La là do tiềm lực kinh tế hai tỉnh còn nhỏ bé, trình độ phát triển, kết cấu hạ tầng còn ở mức thấp. Đây đều là hai tỉnh thuộc diện nghèo nhất của hai quốc gia. Vì nghèo, nên hai nền kinh tế không bổ sung được cho nhau. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB), năm 2013 GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 1.910 USD/người/năm, Lào là 1.645 USD/người/năm [259]. Số liệu thống kê của tỉnh Sơn La năm 2013 cho biết GDP bình quân đầu người đạt 1.000 USD [257]; trong Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hủa Phăn năm 2013 - 2014 chỉ ra GDP bình quân đầu người đạt 770 USD/người/năm [243]. Như vậy, GDP bình quân đầu người tỉnh Sơn La mới bằng hơn nửa GDP bình quân đầu người cả nước; GDP Hủa Phăn còn chưa bằng một nửa GDP quốc gia Lào. Kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trên địa bàn hai tỉnh nhưng vẫn chưa phải là một nền nông nghiệp hiện đại; các cơ sở công nghiệp ở Sơn La không nhiều về số lượng, quy mô lại nhỏ, ở Hủa Phăn còn yếu kém hơn. Các doanh nghiệp của tỉnh Sơn La hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, năng lực về tài chính, kĩ thuật cũng như kinh nghiệm trong triển khai các chương trình hợp tác đầu tư tại nước ngoài còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của cả hai bên.

Do điều kiện kinh tế khó khăn, nhu cầu của tỉnh Hủa Phăn về hợp tác kinh tế, đặc biệt là đầu tư để xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, thủy điện với hình thức tỉnh Sơn La ứng trước vốn là rất lớn. Phía Sơn La cũng là một tỉnh nghèo, các doanh nghiệp chủ yếu tìm kiếm cơ hội đầu tư các công trình trên bằng nguồn vốn của Chính phủ Lào, hoặc vốn của một nước thứ ba. Chính vì vậy hợp tác kinh tế vấp phải những rào cản, mà lớn nhất là rào cản về vốn. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động thương mại các vùng cửa khẩu và phát triển thị trường giữa Sơn La và Hủa Phăn cũng rất yếu kém. Điều này cũng đã được UBND tỉnh Sơn La khẳng định: "*Giữa Sơn La và Hủa Phăn mới chỉ đơn thuần là quan hệ buôn bán vùng biên, chủ yếu là quan hệ hàng đổi hàng, phục vụ cho người dân của Hủa Phăn và một vài huyện giáp biên giới, hàng hóa chưa tới những đối tượng có nhu cầu sử dụng cao. Cơ sở vật chất phục vụ cho quan hệ buôn bán giữa hai tỉnh còn quá nghèo nàn, các doanh nghiệp còn quá nhỏ bé…*" [160; tr 5,6].

Nguồn nhân lực tại các vùng cửa khẩu và nguồn nhân lực tại địa phương Sơn La, Hủa Phăn phục vụ cho hoạt động thương mại cửa khẩu còn thiếu, trình độ, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong khi đó, việc thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao từ địa phương khác đến vùng cửa khẩu để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và buôn bán thương mại còn nhiều bất cập. Những khó khăn về kinh tế cũng là nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong các lĩnh vực hợp tác khác của hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La.

Thứ đến, nhận thức của một số cán bộ, nhân dân đối với nhiệm vụ xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện chưa thật đầy đủ và sâu sắc; chưa có giải pháp thực sự hiệu quả, đồng bộ để huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh, quốc phòng khu vực biên giới. Trong quá trình hợp tác, vẫn còn thụ động trong việc vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Chính phủ hai nước.

Thứ ba, dưới tác động của cơ chế thị trường và xu thế hội nhập, mở cửa, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có sự cạnh tranh từ các đối tác khác nhất là Trung Quốc và Thái Lan. Quan hệ hợp tác với Síp Song Păn Na, Phu Ơ (Vân Nam - Trung Quốc) đã và đang đem lại những hiệu quả thiết thực đối với 8 tỉnh Bắc Lào nói chung, Hủa Phăn nói riêng. Trong khi đó, phía Sơn La mặc dù có ưu thế là quan hệ đối tác truyền thống, nhưng tiềm lực kinh tế của tỉnh Sơn La còn hạn chế, các công trình, dự án đầu tư hợp tác kinh tế Sơn La - Hủa Phăn đa phần là dự án nhỏ. Theo Báo cáo

tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hủa Phăn, từ năm 2011 đến 2015, Hủa Phăn nhận được 93 dự án nước ngoài đầu tư vào tỉnh với tổng giá trị 116,93 triệu USD, trong đó mặc dù về số lượng Việt Nam có 51 dự án (chiếm 54,8%) nhưng số vốn chỉ là 28,13 triệu USD (chiếm 24,2%) [252]. Đây chính là khó khăn và thách thức lớn đối với quan hệ kinh tế giữa hai tỉnh. Các tỉnh Bắc Lào, trong đó có Hủa Phăn là địa bàn trọng yếu, các nước khác như Trung Quốc và Thái Lan đều mong muốn triển khai đầu tư các dự án lớn để phát triển kinh tế. Vì vậy, nếu không định hướng, khuyến khích các tập đoàn, các tổng công ty lớn của Việt Nam tiến hành khảo sát, tìm hiểu nhu cầu hợp tác đầu tư tại khu vực này, rất có thể Việt Nam sẽ mất thị trường Bắc Lào. Trong bối cảnh của sự cạnh tranh, Hủa Phăn, Sơn La còn thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý vĩ mô, thủ tục hành chính còn rườm rà nên chậm điều chỉnh chiến lược hợp tác, chưa huy động được khả năng và nguồn lực của mỗi bên vào quá trình hợp tác.

Thứ tư, do những khó khăn, bất cập về cơ sở hạ tầng, giao thông đã ảnh hưởng không nhỏ đến hợp tác, đầu tư giữa Hủa Phăn và Sơn La.

Về phía Sơn La, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã biên giới, đường ra biên giới, đường tuần tra biên giới còn thấp. Bên cạnh đó, nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên việc cân đối vốn để đầu tư cho vùng biên giới còn nhiều khó khăn chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Phía Hủa Phăn còn khó khăn hơn, vì hầu hết các cơ sở hạ tầng tương tự cũng trông chờ vào Chính phủ Lào và sự hỗ trợ từ Việt Nam. Vì vậy, hệ thống giao thông kết nối hai tỉnh ít được mở rộng, không có các tuyến đường cao tốc, đường vành đai, đường hàng không, chưa đủ điều kiện để đáp ứng yêu cầu vận tải quốc tế. Phần lớn các cửa khẩu, các điểm thông quan đều ở trên địa hình núi cao, dân cư thưa thớt, hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc phục vụ cho vận chuyển và giao lưu hàng hoá còn rất lạc hậu, thiếu thốn, thiếu các tuyến giao thông xương cá nối từ trục đường chính qua biên giới đến các vùng tại cửa khẩu với các vùng xung quanh. Cơ sở hạ tầng về thương mại như chợ, cửa hàng, siêu thị, trạm trại, kho tàng tại các cửa khẩu còn rất thiếu. Thị trường tại các vùng cửa khẩu giữa Sơn La với một số tỉnh Bắc Lào có chung đường biên giới cũng như các vùng lân cận còn rất sơ khai, dân cư thưa thớt, phần lớn là đồng bào dân tộc ít người, văn hoá đa sắc tộc, kinh tế tự cung tự cấp còn phổ biến, trao đổi hàng hoá giữa hai bên còn kém phát triển.

Thứ năm, do Hủa Phăn, Sơn La đều nằm trong khu vực có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng. Nằm trên tuyến giao thông huyết mạch cả đường bộ, đường thủy và đường không, Sơn La như cây cầu nối giữa vùng châu thổ sông Hồng, Thủ đô Hà Nội với các tỉnh vùng núi Tây Bắc, Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu và các tỉnh Bắc Lào. Hủa Phăn là tỉnh miền núi cao ở Đông Bắc Lào. Phía bắc và và đông bắc giáp Sơn La (Việt Nam), phía tây bắc giáp tỉnh Luông Pha Băng, phía tây nam giáp tỉnh Xiêng Khoảng, phía đông và đông nam giáp tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam). Suốt chiều dài lịch sử, Sơn La, Hủa Phăn từng là nơi mà các thế lực xâm lược muốn giành sự kiểm soát trong chiến lược của họ. Trong chiến tranh Pháp - Đông Dương, Pháp xây dựng Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm mạnh tương đương với tập đoàn cứ điểm Nà Sản thiết lập tại Sơn La. Trong thời kì chiến tranh Mĩ - Lào, Mĩ - Việt Nam, Mĩ sử dụng lực lượng Vàng Pao thao túng Hủa Phăn, Bắc Lào, làm bàn đạp xâm nhập, quấy rối miền Bắc Việt Nam. Từ năm 1975, Lào và Việt Nam đã thống nhất, nhưng lực lượng đối lập tiếp tục sử dụng vị trí chiến lược hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn cho âm mưu mới. Lợi dụng bối cảnh đời sống của nhân dân khu vực biên giới còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, tình cảm thân tộc cao dễ bị kích động, lôi kéo. Các thế lực đối lập một mặt tiếp tục chỉ đạo, tổ chức các hoạt động chống phá cách mạng Lào, một mặt kích động, lôi kéo nhân dân dọc tuyến biên giới Việt Nam - Lào di cư tự do sang Lào tham gia hoạt động ly khai, kỳ thị dân tộc, chống đối chính quyền gây mất ổn định khu vực biên giới; ngăn cản hoạt động hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai khu vực. Địa hình rừng núi hiểm trở, thuận lợi cho các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhất là buôn bán trái phép các chất ma tuý.

5.3. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 phát triển qua hai giai đoạn: 1975 - 1986, 1986 - 2012

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trải qua hai giai đoạn phát triển, mức độ hợp tác từng giai đoạn có sự khác nhau do bối cảnh lịch sử chi phối. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, mối quan hệ này nằm trong chủ trương của hai Đảng, hai Nhà nước Lào, Việt Nam.

Từ kết quả nghiên cứu của chương 3 và chương 4 cho thấy, bước phát triển trong quan hệ Hủa Phăn - Sơn La qua hai giai đoạn 1975 - 1986, 1986 - 2012 được thể hiện ở: chủ trương của hai tỉnh trong quan hệ hợp tác; bước tiến trên các lĩnh vực hợp tác.

Trước hết, chủ trương của hai tỉnh trong quan hệ hợp tác với nhau ở giai đoạn 1975 - 1986 hoàn toàn thực hiện yêu cầu của Trung ương Đảng hai nước - kết nghĩa giữa các địa phương giáp biên giới Việt Nam - Lào. Theo đó, Sơn La giúp Hủa Phăn hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chính quyền, khôi phục, phát triển kinh tế. Do tiềm lực Sơn La có hạn, nên chỉ giúp 2 huyện điểm là Xiềng Khọ và Mường Son, điều này được khẳng định rõ trong Nghị quyết số 74/VPKSL của Tỉnh ủy Sơn La và số N.17-05-67 của Tỉnh ủy Hủa Phăn [46; 411]. Giai đoạn 1986 - 2012, cùng với sự phát triển về mọi mặt, Hủa Phăn, Sơn La chú ý củng cố, phát triển mối quan hệ giữa hai tỉnh. Trong các văn kiện Đại hội Đảng mỗi tỉnh, biên bản ghi nhớ hợp tác của hai bên hàng năm đều đề cập đến và nhấn mạnh hợp tác toàn diện, đôi bên cùng có lợi. Hơn nữa, ở giai đoạn 1 cũng đã xuất hiện chủ trương ngành giúp ngành, nhưng còn khiêm tốn, tập trung ở một số lĩnh vực như: Giáo dục, Nông nghiệp, Giao thông. Ở giai đoạn 2, bên cạnh chủ trương, yêu cầu của Trung ương Đảng hai nước, chính quyền Hủa Phăn, Sơn La chủ động giao cho các ngành ký kết hợp tác hàng năm. Bên cạnh ký kết hợp tác chung, hầu hết các ban, ngành của hai tỉnh đều thực hiện cơ chế chủ động hợp tác, thường xuyên trao đổi thông tin, thống nhất giải quyết các vấn đề liên quan theo thẩm quyền. Rõ ràng chủ trương hợp tác giữa hai tỉnh có sự chuyển biến qua hai giai đoạn, giai đoạn 1 thiên về tính nghĩa vụ quốc tế, thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Đảng hai nước; giai đoạn hai mang tính chủ động vì sự tồn tại của cả Hủa Phăn và Sơn La trong xu thế hội nhập và phát triển. Sự chuyển đổi trong chủ trương hợp tác Hủa Phăn - Sơn La vừa thực hiện đường lối của hai đảng, hai nhà nước, nhưng đồng thời cũng bắt nguồn từ thực tiễn phát triển của hai tỉnh. Từ năm 1975 đến năm 2012 là thời kỳ diễn ra những chuyển đổi quan trọng của tỉnh Hủa Phăn cũng như tỉnh Sơn La trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Trong đó, điểm nhấn quan trọng là sự chuyển đổi về cơ chế kinh tế, từ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, mở cửa. Chính vì vậy, đặc điểm quan trọng của quan hệ Hủa Phăn - Sơn La trong những năm 1975 - 2012 là sự chuyển biến dần của quan hệ song phương - từ quan hệ hữu nghị, viện trợ giúp đỡ lẫn nhau, sang quan hệ hợp tác bình đẳng hướng dần tới hai bên cùng có lợi trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, bước tiến trên các lĩnh vực hợp tác qua hai giai đoạn 1975 - 1986, 1986 - 2012:

Về hợp tác chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới

Hoạt động xuyên suốt qua hai giai đoạn trong hợp tác chính trị Hủa Phăn - Sơn La là duy trì các cuộc gặp gỡ cấp cao, thăm hỏi dịp lễ, tết, tuyên truyền tình đoàn kết đặc biệt giữa hai tỉnh. Tuy nhiên, giai đoạn 1986 - 2012, tần suất các cuộc gặp gỡ dày hơn, quy mô hợp tác mở rộng bằng việc tổ chức các hội nghị bàn về những vấn đề "nóng" cần giải quyết như ma túy, an ninh biên giới.

Nội dung chủ yếu trong hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La ở cả hai giai đoạn là: 1. Chống lực lượng phản động, duy trì hòa bình, ổn định trên địa bàn hai tỉnh (an ninh truyền thống); 2. Chống buôn lậu, vượt biên trái phép… (an ninh phi truyền thống). Giai đoạn 1975 - 1986, hợp tác an ninh truyền thống là yếu tố chủ đạo; giai đoạn 1986 - 2012, dưới sự tác động của tình hình thế giới, khu vực, cũng như bối cảnh hai tỉnh, hợp tác an ninh phi truyền thống được đẩy mạnh.

Nhiệm vụ hợp tác biên giới giai đoạn 1975 - 1986 là thống nhất xác định đường biên, cắm mốc biên giới; giai đoạn 1986 - 2012, Hủa Phăn - Sơn La tăng dày, tôn tạo đường biên, mốc giới từ 21 cột mốc lên 112 cột mốc cho phù hợp với tình hình mới. Mặc dù mỗi giai đoạn hợp tác biên giới thực hiện nhiệm vụ khác nhau, nhưng mục tiêu trong lĩnh vực hợp tác này luôn thống nhất: xây dựng đường biên giới ổn định, hòa bình và phát trển. Do vậy, công tác bảo vệ, giữ gìn trật tự, an ninh đường biên ngoài việc thực hiện đúng quy chế biên giới của hai quốc gia, duy trì mô hình tuần tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng hai tỉnh, ở giai đoạn 2 xuất hiện mô hình đường biên tự quản (giao cho nhân dân các xã giáp biên tự quản lý cột mốc trên địa bàn địa phương mình), điều này giúp cho việc quản lý biên giới hiệu quả, thiết thực hơn.

Về hợp tác kinh tế

Giai đoạn 1975 - 1986, những trao đổi về nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản và thương mại mang tính chất thời vụ, giải quyết những khó khăn trước mắt, thiên về sự giúp đỡ trực tiếp của tỉnh Sơn La đối với tỉnh Hủa Phăn. Hơn nữa, trong bối cảnh khó khăn sau chiến tranh, sự giúp đỡ này cũng trong khuôn khổ nhỏ hẹp, ở hai huyện Xiềng Khọ và Mường Son là chủ yếu. Giai đoạn 1986 - 2012, lĩnh vực hợp tác này đã mang tính kế hoạch, có tầm nhìn 5 - 10 năm. Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế của hai tỉnh, hợp tác thương mại được chú ý hơn trước, kim ngạch xuất nhập khẩu cân đối giữa hai bên. Tỷ lệ các công trình xây dựng cơ bản gấp nhiều lần so với trước, hơn nữa, những công trình này có nguồn vốn từ hai phía.

Hợp tác nông nghiệp phát triển theo hướng chuyển giao kĩ thuật và công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Nhìn một cách tổng quát, hợp tác kinh tế Hủa Phăn - Sơn La từ phương thức một chiều bước đầu chuyển sang hai chiều. Đây là một bước tiến quan trọng trong quan hệ kinh tế giữa hai tỉnh vốn còn nhiều khó khăn, là một đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển và hội nhập.

Về hợp tác văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế

Hoạt động chủ đạo, xuyên suốt và ngày càng được tăng cường trong hợp tác văn hóa giữa Hủa Phăn và Sơn La là giao lưu văn hóa dưới nhiều hình thức. Giai đoạn 1, do còn nhiều khó khăn, hoạt động này luôn kèm với các cuộc gặp gỡ cấp cao. Giai đoạn 2, phương thức giao lưu văn hóa giữa hai tỉnh phong phú hơn, chuyên nghiệp hơn, thông qua các ngày hội văn hóa - du lịch và thể thao cấp tỉnh, cấp huyện giáp biên.

Giáo dục - đào tạo là lĩnh vực hợp tác được quan tâm trong cả hai giai đoạn. Mục tiêu trước hết và sau cùng là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Hủa Phăn. Do vậy, ở giai đoạn 1975 - 1986, nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như trình độ đào tạo có hạn, lưu học sinh Hủa Phăn tại Sơn La được đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và cả phổ thông trung học bằng nguồn trợ cấp của chính phủ Việt Nam. Giai đoạn 1986 - 2012, hình thức đào tạo mở rộng ra phạm vi cả trình độ đại học, sau đại học, không còn đào tạo trình độ phổ thông. Số lượng và chất lượng lưu học sinh được nâng lên, vì vậy, bên cạnh diện lưu học sinh Lào học bằng ngân sách của hai tỉnh còn có lượng đáng kể học diện tự túc. Ngành học cũng đa dạng hơn, trước chủ yếu là sư phạm, y tế, nông lâm, giai đoạn sau thêm các ngành kinh tế, công nghệ thông tin. Điều đáng nói, lưu học sinh Sơn La được đào tạo tại Lào bằng nguồn ngân sách của Hủa Phăn, ở giai đoạn 1 chỉ là con số hàng đơn vị thì ở giai đoạn hai lên con số hàng chục.

Hợp tác y tế ở giai đoạn 1 mang nặng dấu ấn chuyên gia, đào tạo nhân lực y bác sĩ tại chỗ, nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt của Hủa Phăn. Giai đoạn 2, hợp tác theo kế hoạch, lịch trình từ công tác đào tạo nhân lực, đến chuyển giao kĩ thuật y học hiện đại và phòng chống dịch bệnh. Hoạt động khám chữa bệnh ở giai đoạn 1 bó hẹp đối với cán bộ, các bậc lão thành cách mạng, số lượng cũng hạn chế 10 người/năm. Giai đoạn 2, mở rộng đối tượng đến cả nhân dân, số lượng lên đến vài trăm người/năm, nhất là bệnh viện tuyến huyện giáp biên của hai tỉnh luôn tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới khám chữa bệnh theo yêu cầu.

Qua so sánh hai giai đoạn trên các lĩnh vực hợp tác cho thấy: tất cả các lĩnh vực hợp tác giữa hai tỉnh đều có bước phát triển nhất định. Trong đó, chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới là lĩnh vực hợp tác luôn được chú trọng. Ngay cả lĩnh vực được xem là còn yếu kém như kinh tế cũng có sự chuyển biến thích ứng với đòi hỏi khách quan. Có được sự phát triển toàn diện trong mối quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, trước hết là sự tạo điều kiện thuận lợi của hai Đảng, hai Nhà nước Lào, Việt Nam, thứ đến là sự chủ động trong chủ trương cũng như nhu cầu hợp tác của hai tỉnh như đã phân tích ở trên.

5.4. Sự tương tác giữa quan hệ Hủa Phăn - Sơn La với quan hệ "đặc biệt", "toàn diện" Lào - Việt Nam

Trong quan hệ quốc tế nói chung, quan hệ hai nước nói riêng, quan hệ Việt Nam - Lào được đánh giá là mối quan hệ "đặc biệt" nhất, bởi vì, tính chất "đặc biệt" trong mối quan hệ này không có trong bất cứ mối quan hệ quốc tế nào khác. Tính chất "đặc biệt" trong quan hệ Việt Nam - Lào được thể hiện ở: sự gần kề về vị trí địa lý, những nét tương đồng về văn hóa và truyền thống lịch sử suốt 2/3 thế kỷ liên tục cùng chiến đấu, cùng giành thắng lợi trong cùng thời điểm của các chặng đường cách mạng hai nước; mối quan hệ này là quan hệ thủy chung, trong sáng, tôn trọng lẫn nhau, hết lòng giúp đỡ lẫn nhau vô tư, chí tình, chí nghĩa. Qua gian nan thử thách suốt chiều dài lịch sử, quan hệ đó không hề rạn nứt do nội bộ, cũng không bị phá vỡ cho dù các thế lực thù địch luôn âm mưu chống phá.

Tính chất "toàn diện" của quan hệ Việt - Lào được thể hiện ở bề rộng cũng như chiều sâu của quan hệ hợp tác trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học - công nghệ, đối ngoại… được hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước thực hiện từ năm 1975 đến nay. Trong hợp tác toàn diện giữa hai nước, yếu tố đoàn kết đặc biệt, hữu nghị truyền thống, trở thành động lực thúc đẩy ngày càng mạnh mẽ hợp tác toàn diện. Những hình thức ưu tiên, ưu đãi cho nhau trên các lĩnh vực hợp tác, nhất là kinh tế đã và đang nâng cấp độ quan hệ giữa Lào và Việt Nam khác với các đối tác thông thường khác là quan hệ "đặc biệt, toàn diện".

Là cấp địa phương trong quan hệ Lào - Việt Nam, quan hệ giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 mang đầy đủ tính đặc biệt, toàn diện của quan hệ Lào - Việt Nam.

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La (1975 - 2012) là quan hệ giữa hai tỉnh có vị trí địa - chiến lược, mọi sự biến động của mỗi tỉnh có ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh chính trị của hai nước Lào - Việt Nam. Hủa Phăn - Sơn La có những vị trí tiếp giáp quan trọng mang tính chiến lược, nên suốt chiều dài lịch hai tỉnh luôn gắn vận mệnh với nhau: Các thế lực ngoại xâm luôn biến hai vùng biên cương thành bàn đạp để tấn công bên này hoặc quấy rối bên kia; đối với hai quốc gia Lào, Việt Nam càng nhận thức rõ tầm quan trọng chiến lược của hai tỉnh giáp biên này, nên trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ của hai dân tộc, Hủa Phăn - Sơn La trở thành căn cứ địa cách mạng của mỗi nước (căn cứ Mộc Hạ, Mường Chanh, Lao Khô (Sơn La); Viêng Xay (Hủa Phăn) và là hậu phương vững chắc của nhau.

Trong bài phát biểu của Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam - Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị quan hệ hợp tác Quốc hội Việt - Lào (4/2012) tổ chức tại Sơn La nhấn mạnh "*Sơn La là miền đất đã ghi dấu thiêng liêng, thắm đượm tình đoàn kết trong quan hệ hữu nghị Việt - Lào, đây cũng là tỉnh được Chính phủ Việt Nam tin tưởng giao nhiệm vụ phối hợp với các bạn Lào triển khai nhiều dự án viện trợ quan trọng*" [14]. Cũng trong Hội nghị này, bà Som Phanh Pheng Kha My, Phó Chủ tịch Quốc hội Lào phát biểu: "*Hội nghị lịch sử lần này được tổ chức ở mảnh đất Sơn La tươi đẹp nằm ở phía Bắc của đất nước Việt Nam, là một tỉnh không những có truyền thống lịch sử đấu tranh anh dũng bất khuất, mà còn là vùng đất mà các lãnh tụ chiến sĩ cách mạng Lào hoạt động, học tập, rèn luyện qua các thời kỳ đấu tranh với đế quốc để giải phóng dân tộc*" [14].

Xác định vị trí địa - chiến lược của hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La, các tổ chức phản động Lào được nước ngoài (trước hết là Mĩ) hậu thuẫn, đang tìm mọi cách chống phá tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, nhằm dựng lên một "*Vương quốc Mông độc lập*". Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề an ninh quốc phòng trên địa bàn hai tỉnh, Hủa Phăn, Sơn La đã phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau thường xuyên, nên kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội hai tỉnh, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị của hai nước. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/2005/CT-TTg ngày 14/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ tỉnh ủy Sơn La đã ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 17/6/2005 về xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào ổn định và phát triển toàn diện. Từ Nghị quyết, các bên thống nhất, định kỳ luân phiên tổ chức hội nghị cấp cao ba tỉnh Sơn La - Hủa Phăn -

Luông Pha Bang về tăng cường hợp tác xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào ổn định và phát triển toàn diện, quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào được củng cố và phát triển.

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có bề dày lịch sử và mang tính liên tục. Từ rất sớm, nhân dân hai bên biên giới Hủa Phăn - Sơn La đã có mối quan hệ họ hàng, bạn bè, người cùng bản làng. Trước khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La đã nương tựa, giúp đỡ nhau đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc, bảo vệ xóm bản. Những cuộc khởi nghĩa của Sa Khả Sâm chống quân Minh, Bạc Cầm Ten chống giặc cờ vàng, Lường Sám chống thực dân Pháp… đều có sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn. Đặc biệt, năm 1939, Chi bộ nhà tù Sơn La được thành lập, phong trào đấu tranh chống Pháp phát triển mạnh ở vùng biên giới Việt - Lào, Sơn La - Hủa Phăn và đi đến thắng lợi. Hai tỉnh cùng giành chính quyền từ tháng 8 đến tháng 10/1945. Tình cảm đoàn kết gắn bó, liên minh chiến đấu càng được phát triển trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ (1945 - 1975) của nhân dân hai tỉnh. Trong thời gian này, Sơn La trở thành hậu phương, căn cứ địa của cách mạng Lào. Căn cứ Lao Khô (Yên Châu - Sơn La), nơi ghi dấu ấn hoạt động của Ban Xung phong Lào Bắc và Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản trong những năm 1948 - 1950, là nơi gây dựng cơ sở cách mạng và huấn luyện quân sự cho lực lượng vũ trang cách mạng Lào trở về xây dựng khu căn cứ địa tại huyện Viêng Xay (Hủa Phăn). Trong kháng chiến chống Mĩ, Sơn La đã liên tục bền bỉ, hết sức chi viện cho cách mạng Lào, sát cánh cùng Hủa Phăn chiến đấu, giải phóng nhân dân và đất đai, mở rộng khu căn cứ cách mạng, xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, phát triển sản xuất, làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả với cách mạng Lào. Từ năm 1975 đến năm 2012, trong bối cảnh hai nước Lào, Việt Nam độc lập và xây dựng đất nước, Hủa Phăn - Sơn La đã không ngừng đẩy mạnh quan hệ hợp tác, đưa quan hệ hai tỉnh phát triển lên một tầm cao mới: từ quan hệ đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu trong kháng chiến sang quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện.

Quan hệ đặc biệt Hủa Phăn - Sơn La thể hiện trong tính toàn diện, hợp tác trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế… Hai tỉnh luôn dành cho nhau sự giúp đỡ chí tình theo tinh thần vừa là đồng chí vừa là anh em, không vụ lợi, có sự ưu tiên, ưu đãi.

Giai đoạn 1975 - 1986, Sơn La giúp Hủa Phăn xây dựng chính quyền bản, huyện; đấu tranh chống lực lượng "*người xấu*" (Phỉ Vàng Pao), cử các đoàn chuyên gia trên

các lĩnh vực nông - lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng sang khảo sát, thiết kế và thực hiện các nội dung ký kết. Đặc biệt, những yêu cầu đột xuất từ phía Hủa Phăn như: cầu hỏng, dịch bệnh... luôn được Sơn La quan tâm xử lý kịp thời với tinh thần "*giúp bạn là giúp mình*". Có thể nói 10 năm đầu sau giải phóng, tình cảm đoàn kết gắn bó trong chiến tranh vẫn in đậm trong quan hệ Hủa Phăn - Sơn La. Sự giúp đỡ, viện trợ của Sơn La đối với Hủa Phăn vừa thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Trung ương giao nhưng đồng thời cũng thể hiện tình cảm đặc biệt với tỉnh có chung đường biên giới. Bởi lẽ, sau năm 1975, Sơn La phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là về kinh tế (Sơn La nhận 80 - 90% ngân sách điều tiết từ Chính phủ Việt Nam), nhưng Sơn La vẫn vượt qua mọi cản trở để hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc tế, làm tốt vai trò là "bạn" với Hủa Phăn, giúp Hủa Phăn ổn định kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất, giữ vững chính quyền mới. Lực lượng bộ đội Sơn La sau khi giải phóng Bắc Lào, năm 1976 - 1978 được lệnh rút quân về nước, nhưng theo yêu cầu của Hủa Phăn, một bộ phận tiếp tục ở lại giúp tỉnh phát triển kinh tế, xây dựng đội ngũ cán bộ. Khi phỏng vấn ông Nguyễn Văn Tân, nguyên Trưởng ban C tỉnh Sơn La giai đoạn (1969 - 1994), ông cho biết: "*Sau giải phóng, Sơn La tiếp tục giúp Hủa Phăn xây dựng bộ máy chính quyền, đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực, viện trợ không hoàn lại về kinh tế, đến năm 1984 Hủa Phăn mới ổn định*" [*xem Phụ lục 9*]. Chính sự đồng cam cộng khổ của nhân dân hai tỉnh, nên những sự việc phức tạp như xâm canh xâm cư, quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn giai đoạn này đều được chính quyền giải quyết tốt đẹp.

Như vậy, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La giai đoạn 1975 - 1986 được thực hiện bằng phương thức kết nghĩa, giúp đỡ, viện trợ không hoàn lại. Sơn La trở thành người bạn tin cậy đồng hành, là chỗ dựa khi Hủa Phăn gặp khó khăn. Hai tỉnh luôn dành tình cảm chân thành, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình hợp tác và phát triển.

Giai đoạn 1986 - 2012, trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội hai nước và hai tỉnh đã bắt đầu ổn định, sự nghiệp đổi mới đất nước được triển khai và thu được thành quả, quan hệ hợp tác giữa hai bên có bước phát triển mới, phương thức hợp tác vì vậy cũng từng bước được điều chỉnh. Cơ chế viện trợ, cho vay không tính lãi đã phát huy hiệu quả trong giai đoạn trước, đến giai đoạn này không còn phù hợp nữa, thậm chí trở thành rào cản. Vì vậy, hai nhà nước cũng như hai tỉnh đã chuyển sang giảm dần viện trợ, đẩy mạnh hợp tác sản xuất kinh doanh trên

cơ sở bình đẳng cùng có lợi; từ hợp tác vụ việc theo yêu của Hủa Phăn chuyển dần sang hợp tác theo chương trình kế hoạch hàng năm, 5 năm; từ hợp tác trong khuôn khổ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, thông qua con đường Nhà nước, chuyển sang hợp tác theo cơ chế thị trường trên cơ sở dành ưu tiên ưu đãi cho nhau. Sự chuyển đổi này vừa phù hợp với quy luật cơ chế thị trường, vừa đảm bảo duy trì quan hệ đặc biệt giữa hai nước cũng như hai tỉnh, đồng thời phát huy được nội lực, tiềm năng, thế mạnh mỗi tỉnh vào quá trình hợp tác. Trong phương hướng, kế hoạch hợp tác với tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 1996 - 2000, phía Sơn La nêu rõ: Giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết giữa hai Đảng và hai dân tộc láng giềng anh em; Phát triển chiều rộng và chiều sâu quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm khai thác và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi tỉnh phục vụ có hiệu quả cho công cuộc phát triển, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội; Đẩy mạnh các lĩnh vực hợp tác: đầu tư, hợp tác sản xuất kinh doanh trên đất Lào, thương mại và dịch vụ; Coi trọng tính cấp thiết và hiệu quả của các hoạt động hợp tác, xóa bỏ cơ chế bao cấp, chuẩn bị cách thức và thực hiện các dự án [147].

Mặc dù phương thức hợp tác đã thay đổi, nhưng do Hủa Phăn vẫn còn nhiều khó khăn, Sơn La tiếp tục làm tốt công tác viện trợ giúp đỡ Hủa Phăn đầu tư các dự án, công trình bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh và của Chính phủ giao cho Sơn La thực hiện. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, song tỉnh Sơn La đã trích từ nguồn ngân sách của tỉnh số kinh phí mỗi năm hơn 20 tỷ đồng hỗ trợ các tỉnh Bắc Lào (trong đó có Hủa Phăn) xây dựng một số cơ sở hạ tầng và trang thiết bị văn phòng đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa nhân dân tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào nói riêng, mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Lào nói chung [100]. Sơn La đã đề nghị Chính phủ Việt Nam hàng năm cân đối nguồn kinh phí bổ sung cho các tỉnh giáp biên giới với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào để triển khai nội dung hợp tác giúp đỡ lẫn nhau; tiếp tục giao cho Sơn La làm chủ đầu tư phía Việt Nam để triển khai một số công trình viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào tại các tỉnh Bắc Lào [100].

Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La ra Quyết số: 09/2007/QĐ-UBND, tháng 03/2007 phê duyệt "*Đề án phát triển thương mại cửa khẩu và buôn bán qua biên giới giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào giai đoạn 2006 - 2015*". Đề án nêu rõ: đã từ lâu, quan hệ kinh tế, thương mại giữa Sơn La với một số tỉnh Bắc Lào được

tăng cường và phát triển không chỉ với mục đích kinh tế mà còn là vấn đề an ninh biên giới và bảo vệ Tổ quốc giữa hai bên. Chú trọng xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội nói chung và đẩy mạnh phát triển kinh tế, thương mại cửa khẩu, tăng cường buôn bán qua biên giới giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Sơn La mà các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đều khẳng định [193].

Về phía Hủa Phăn, trong bài phát biểu của ông Sủn Thon Xây Nha Chác, Đại sứ Lào tại Việt Nam dự Lễ trao tặng Huân chương Tự do hạng III và Huân chương Hữu nghị cho bản Lao Khô, Sơn La (19/3/2010) xác nhận: "*Chúng tôi hết sức cảm động khi thấy rằng, dù nhân dân tỉnh Sơn La còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các đồng chí đã và đang dành những tình cảm sâu sắc và to lớn của mình cho nhân dân các tỉnh của Lào trong việc giúp đỡ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh - quốc phòng, đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Lào, góp phần quan trọng vào việc thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hiếm có giữa Lào - Việt Nam*" [38].

Trong quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, Đảng bộ, chính quyền hai tỉnh đều có chung nhận thức về tầm quan trọng của mối quan hệ này.

Vì vậy, hằng năm, Sơn La và Hủa Phăn tổ chức các đoàn đại biểu cấp cao thăm và làm việc, thông báo tình hình, thực hiện giao ban định kỳ theo biên bản ghi nhớ; hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng, an ninh. Các cấp, các ngành hai bên thường xuyên trao đổi thông tin, thống nhất giải quyết các vấn đề liên quan theo thẩm quyền; hệ thống chính trị các cấp được tăng cường và củng cố; nhân dân hai bên biên giới đoàn kết, thường xuyên qua lại thăm thân, kinh doanh và trao đổi hàng hoá. Một số huyện của hai bên đã tổ chức kết nghĩa với nhau nhằm tăng cường hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào. Năm 2012, tỉnh Sơn La đã tổ chức đón tiếp và làm việc với 135 đoàn, 1.168 lượt khách quốc tế; cử 105 đoàn với 568 lượt cán bộ đi công tác tại các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới (trong đó đi Lào 55 đoàn công tác với 457 cán bộ, chiếm trên 50% số lượt công tác tại nước ngoài) [95]. Sơn La có 1 thành phố và 8 huyện ký kết hợp tác với 5 huyện của Hủa Phăn, 2 huyện của Luông Pha Băng và 1 huyện của U Đôm Xay; có 16 ngành, đơn vị ký kết hợp tác với các ngành, đơn vị của các tỉnh Bắc Lào [98]. Những con số này chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt của Sơn La với các tỉnh Bắc Lào nói chung, Hủa Phăn nói riêng trong chính sách đối ngoại, khác với các đối tác thông thường.

Như vậy, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La vượt lên trên lợi ích thông thường, thực sự gắn bó, cần thiết đối với sự phát triển của hai tỉnh. Sự vượt qua lẽ thông thường của mối quan hệ này được biểu hiện sâu đậm ở tính lịch sử; tính liên tục; tính toàn diện; không vì mục đích kinh tế, lợi nhuận, dù hai tỉnh còn nhiều khó khăn nhưng vẫn dành cho nhau những khoản viện trợ ở mức cao nhất có thể; sự quan tâm sâu sắc của hai Đảng bộ, chính quyền Hủa Phăn, Sơn La thể hiện trong kế hoạch hợp tác hàng năm. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La chính là biểu hiện sinh động của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam. Đồng thời, quan hệ này là một bộ phận gắn kết, góp phần thúc đẩy quan hệ Lào - Việt Nam "mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững".

5.5. Chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới là những lĩnh vực hợp tác nổi bật trong quan hệ toàn diện Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có một quá trình phát triển liên tục, từ 1975 đến 2012, quan hệ toàn diện cấp tỉnh, đã được nhân rộng ở quan hệ toàn diện giữa các huyện giáp biên, không giáp biên. Đến năm 2012, Hủa Phăn - Sơn La đã có 1 cặp thành phố, 5 huyện của Sơn La kết nghĩa và hợp tác toàn diện với 5 huyện của Hủa Phăn. Các cuộc gặp gỡ cấp cao, hội nghị giao ban và các đoàn công tác thuộc các sở, ban, ngành hai bên theo định kỳ luôn diễn ra trong không khí cởi mở, thân tình và tin tưởng lẫn nhau. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La cơ bản ổn định và được giữ vững, không để xảy ra các vụ việc đột xuất, bất ngờ. Công tác xác định đường biên cũng như dự án tôn tạo, tăng dày mốc quốc giới Lào - Việt Nam địa phận Hủa Phăn - Sơn La, thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của hai bên. Công tác phòng chống tội phạm, đặc biệt là đấu tranh với tội phạm ma túy được triển khai thực hiện quyết liệt với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, tranh thủ được sự lãnh đạo chỉ đạo, huy động được các nguồn lực của cấp ủy, chính quyền tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào, của Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm - Bộ Công an Việt Nam và Tổng cục Cảnh sát - Bộ An ninh Lào... Những thành tựu này làm nên yếu tố nổi bật trong quan hệ toàn diện giữa hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La.

Đối với hai tỉnh biên giới khó khăn như Hủa Phăn và Sơn La, khi mà hợp tác kinh tế không phải là thế mạnh, lợi ích kinh tế từ mối quan hệ này không lớn; kim ngạch xuất nhập khẩu Hủa Phăn - Sơn La ở mức thấp lại không ổn định, nhưng trong quá trình phát triển, hai tỉnh luôn đặt niềm tin vào nhau. Đặc biệt là Hủa

Phăn, nhu cầu đầu tư vào tỉnh là rất lớn, các đối tác bên ngoài sẵn sàng hợp tác, mạnh nhất là Trung Quốc. Tuy nhiên, Hủa Phăn luôn cân đối và lựa chọn nhà thầu Việt Nam và đối tác tin tưởng là các doanh nghiệp của tỉnh Sơn La. Thực tế, các công trình, tuyến đường quan trọng là bộ mặt của tỉnh Hủa Phăn đều do Việt Nam xây dựng. Điều này cho thấy, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La không phải là đối tác thông thường mà là đối tác "đặc biệt". Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực châu Á năm 1997 tác động mạnh đến Hủa Phăn, đặc biệt là sự kiện chính trị năm 2003, lực lượng "người xấu" tấn công vào nhà cầm quyền Hủa Phăn, Sơn La đã đồng hành, giúp đỡ Hủa Phăn vượt qua khó khăn, giữ vững chính quyền. Giá trị của quan hệ Hủa Phăn - Sơn La không đơn giản nằm ở lợi ích kinh tế thông thường mà vượt lên trên là sự tồn vong, sự ổn định của hai tỉnh có chung đường biên giới. Kết quả đó, trước hết và sau cùng là do hợp tác chính trị, quốc phòng, an ninh mang lại. Vì vậy, quan hệ chính trị, an ninh - quốc phòng và hợp tác biên giới trở thành nhiệm vụ trọng tâm và hết sức quan trọng trong quan hệ toàn diện giữa hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La, là nhân tố thúc đẩy các lĩnh vực quan hệ khác. Tính chính trị trong quan hệ Hủa Phăn - Sơn La không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong quan hệ hai tỉnh, mà còn có một tác động lớn đối với quan hệ hai nước Lào - Việt Nam do vị trí địa - chiến lược của hai tỉnh biên giới. Do đó, hai Chính phủ Lào, Việt Nam luôn quan tâm và có chính sách ưu tiên, hỗ trợ đối với sự phát triển của Hủa Phăn, Sơn La. Năm 2012, năm đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào được tổ chức tại Sơn La, các tuyến đường biên giới được Chính phủ Việt Nam tài trợ nâng cấp, công nhận Khu di tích lịch sử quốc gia Lao Khô (Yên Châu - Sơn La)... đều là sự ghi nhận những đóng góp của nhân dân Sơn La, Hủa Phăn trong sự nghiệp phát triển mối quan hệ toàn diện Việt Nam - Lào.

Cũng chính tầm quan trọng của mối quan hệ này, Hủa Phăn - Sơn La phải luôn coi trọng, gìn giữ, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt thành quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt. Trong bối cảnh mới của tình hình thế giới và khu vực, khi hội nhập và cơ hội, cạnh tranh và thách thức luôn gắn liền thì việc củng cố tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam, Hủa Phăn - Sơn La càng có ý nghĩa quan trọng. Điều này trở thành nhu cầu tất yếu khách quan nhằm đảm bảo lợi ích trực tiếp về an ninh và phát triển bền vững của hai khu vực cũng như lợi ích lâu dài vì hòa bình, hữu nghị hợp tác cùng phát

triển của hai quốc gia. Một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Sơn La được Chủ tịch tỉnh Cầm Ngọc Minh nhấn mạnh: tỉnh Sơn La quan tâm phối hợp trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân hai bên biên giới thực hiện thật tốt Hiệp định về Quy chế biên giới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới được đi lại thuận lợi, giúp nhau phát triển kinh tế xã hội và đặc biệt công tác phối hợp phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm ma túy và công tác phòng chống ma túy thẩm lậu qua biên giới [Xem phụ lục 11]. Bí thư, Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn Văn Xay Pheng Xu Ma cũng khẳng định: Hủa Phăn tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, nhằm đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo đời sống cho nhân dân hai tỉnh ngày càng phát triển bền vững như các tỉnh khác [Xem phụ lục 11].

Bên cạnh đẩy mạnh hợp tác về chính trị, đảm bảo quốc phòng và an ninh, giữ vững biên giới hoà bình hữu nghị; hợp tác về phát triển kinh tế - xã hội phải được tăng cường và nâng cao hơn nữa để tương xứng với mối quan hệ về chính trị, khai thác tiềm năng thế mạnh của mỗi nước, mỗi tỉnh, tạo cơ sở vững chắc lâu dài cho quan hệ chính trị; tạo thế và lực cho thế trận quốc phòng, an ninh ở mỗi nước, đảm bảo sự ổn định lâu dài. Hợp tác và nâng cao chất lượng giáo dục đào tào, phát triển nguồn nhân lực cần tiếp tục được xem là chiến lược lâu dài giữa hai tỉnh, nhằm hình thành một thế hệ mới kế cận có đủ năng lực và nhận thức một cách sâu sắc về quan hệ truyền thống đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai nước, hai tỉnh. Bởi lẽ, trong những năm tới, vấn đề chuyển giao thế hệ lãnh đạo ở Lào sẽ diễn ra, việc thay thế các nhà lãnh đạo lão thành, gắn bó với Việt Nam bằng thế hệ trẻ chỉ còn là vấn đề thời gian. Những thay đổi đó có thể sẽ chi phối quan hệ hai nước nói chung, hai tỉnh nói riêng.

5.6. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có nhiều điểm tương đồng với quan hệ giữa các địa phương Lào - Việt Nam có chung đường biên giới

Việt Nam và Lào có đường biên giới đi qua 10 tỉnh của Việt Nam và 10 tỉnh của Lào, ngoài ra còn có các tỉnh, thành phố kết nghĩa, vì vậy mà hợp tác giữa các địa phương hai bên Việt Nam - Lào phát triển rất nhanh và ngày càng có hiệu quả, đóng góp vai trò quan trọng cho sự nghiệp phát triển và bảo vệ tổ quốc của cả hai nước, củng cố vành đai biên giới hòa bình, hữu nghị.

Các quan hệ của các tỉnh Lào - Việt Nam có chung đường biên giới như: Phông Sa Lỳ, Luông Pha Băng - Điện Biên; Hủa Phăn, Luông Pha Băng - Sơn La;

Hủa Phăn - Thanh Hóa; Xiêng Khoảng, Bô Ly Khăm Xay, Hủa Phăn - Nghệ An; Bô Ly Khăm Xay, Khăm Muộn - Hà Tĩnh; Khăm Muộn - Quảng Bình; Savana Khẹt - Quảng Trị; Saravan, Sê Kông - Thừa Thiên Huế; Sê Kông - Quảng Nam; Sê Kông, A ta Pư - Kon Tum, đã và đang không ngừng được củng cố, phát triển và có nhiều điểm tương đồng.

Trước hết, các mối quan hệ này đều nằm trong tổng thể của quan hệ truyền thống đoàn kết đặt biệt và hợp tác toàn diện của hai nước Lào - Việt Nam, nên cũng mang đầy đủ đặc điểm, tính chất của quan hệ Lào - Việt Nam. Bùi Văn Hào trong luận án *Quan hệ giữa các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Bô Ly Khăm Xay, Khăm Muộn của Lào với Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam từ năm 1976 đến năm 2007* đã nhận xét: "Các mối quan hệ đó có nhiều điểm chung: có nội dung chung - hợp tác toàn diện; có mục tiêu chung - giúp đỡ lẫn nhau để ổn định tình hình an ninh chính trị - xã hội và phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học kĩ thuật; có phương thức chung - từ hợp tác nhỏ lẻ, theo yêu cầu từ phía các tỉnh Lào để giải quyết khó khăn trước mắt (1976 - 1986) sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch hàng năm hoặc kế hoạch 5 năm (1987 - 2007); có lộ trình thực hiện giống nhau - từ viện trợ, giúp đỡ là chủ yếu chuyển sang hợp tác bình đẳng, đôi bên cùng có lợi trên cơ sở của quan hệ hữu nghị đặc biệt" [54; tr 159]. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ 1975 đến 2012 cũng chia thành hai giai đoạn 1975 - 1986, 1986 - 2012 với nội dung hợp tác toàn diện, mục tiêu, phương thức, lộ trình như vậy. *Thứ hai*, nếu quan hệ Việt Nam - Lào được nhấn mạnh là vận mệnh sống còn của cả hai dân tộc, thì quan hệ giữa các tỉnh có chung đường biên giới của hai quốc gia cũng như vậy. Mỗi vị trí tiếp giáp có thể có đặc điểm tình hình khác nhau, thế mạnh khác nhau, vai trò khác nhau, nhưng có số phận gắn kết với nhau như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ví là "răng với môi", "môi hở thì răng lạnh". Chính vì vậy, ngay từ rất sớm, nhân dân hai bên biên giới đã có mối quan hệ thân thiết, cùng nhau làm ăn sinh sống, cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù, chung tay bảo vệ bờ cõi quốc gia. Trong chiến tranh họ trở thành hậu phương của nhau, trong hòa bình họ trở thành đối tác tin cậy của nhau, hợp tác toàn diện cùng phát triển.

Thứ ba, so sánh sự tương đồng giữa các địa phương chung đường biên giới có một thực tế, một tỉnh của Lào không chỉ tiếp giáp với một mà với hai, hoặc ba tỉnh của Việt Nam và ngược lại, một tỉnh của Việt Nam có thể tiếp giáp đến hai, ba tỉnh Lào. Quan hệ đa phương giữa các tỉnh nhưng nằm trong khuôn khổ song

phương giữa hai quốc gia, nên mọi chủ trương, chính sách, phương thức hợp tác giữa các địa phương chung đường biên giới đều cơ bản giống nhau.

So sánh Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La với quan hệ Hủa Phăn - Thanh Hóa là một ví dụ điển hình cho đặc điểm này:

Hủa Phăn (Lào) có chung 192 km đường biên giới với Thanh Hóa (Việt Nam), 210km đường biên giới với Sơn La (Việt Nam). Quan hệ giữa Hủa Phăn và Thanh Hóa có nhiều điểm giống với quan hệ Hủa Phăn - Sơn La.

Cùng là những tỉnh kết nghĩa dưới sự chỉ đạo của hai Nhà nước, ngày 2/5/1967 Hủa Phăn kết nghĩa với Thanh Hóa, ngày 17/5/1967, Sơn La kết nghĩa với Hủa Phăn, yếu tố này làm cho quan hệ giữa các tỉnh thêm nhiều thuận lợi và hiệu quả. Cũng giống quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, từ bao đời, nhân dân các dân tộc Thanh Hóa và nhân dân các bộ tộc Hủa Phăn luôn đoàn kết, kề vai sát cánh, đồng cam cộng khổ, cùng nhau chống giặc ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước. Vào đầu thế kỉ XV, khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn lâm vào tình thế khó khăn, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đã dựa vào vùng rừng núi Việt - Lào (khu vực Thanh Hóa - Hủa Phăn) để xây dựng căn cứ, phát triển lực lượng, đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi, thu non sông Đại Việt về một mối. Trong công cuộc trung hưng Nhà Lê đầu thế kỉ XVI, An Thạch Hầu Nguyễn Kim đã dựa vào Ai Lao khôi phục lại Nhà Lê. Nguyễn Kim được vua Ai Lao là Sạ Đẩu giúp đỡ về nhiều mặt, đem dân và đất đai Sầm Châu (Sầm Nưa ngày nay) cấp cho để xây dựng căn cứ [108].

Thanh Hóa và Sơn La đều là hậu phương vững chắc của cách mạng Lào nói chung, Hủa Phăn nói riêng trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Nếu ở Sơn La là căn cứ Lao Khô (Yên Châu) thì ở Thanh Hóa là hang Hón Lòn (xã Giao An - huyện Lang Chánh). Sơn La và Hủa Phăn cùng góp sức mình cho sự ra đời của căn cứ cách mạng Viêng Xay (Hủa Phăn), cùng viện trợ, cùng chiến đấu với lực lượng Pathét Lào giải phóng Sầm Nưa trong chiến dịch Thượng Lào. Thanh Hóa đã vận chuyển 5.000 tấn gạo, 280 tấn muối, 100 tấn thực phẩm, 2.900 con trâu, bò… đảm bảo 76% nhu cầu của cả chiến dịch [108]. Trong kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975), Sơn La, Thanh Hóa tiếp tục thực hiện vai trò vừa là căn cứ, hậu phương của cách mạng Lào vừa hết sức chi viện cho chiến trường Bắc Lào, góp phần xây dựng Hủa Phăn - Thủ đô kháng chiến của cách mạng Lào. Sự kiện trọng đại mở ra bước ngoặt trong cách mạng Lào, Hội nghị thành lập Đảng

Nhân dân Lào được tổ chức tại Quan Hóa - Thanh Hóa (22/3 - 5/4/1955); thực hiện nghĩa vụ quốc tế với Lào, Thanh Hóa đã huy động hàng ngàn thanh niên xung phong sang Hủa Phăn mở đường, làm cầu, đảm bảo các tuyến đường giao thông, phục vụ chiến đấu. Từ 1968 đến 1975, Sơn La và Thanh Hóa cùng giúp Hủa Phăn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giữ vững vùng giải phóng của Lào.

Sau ngày kháng chiến chống Mĩ thắng lợi, từ 1975 đến 2012, bối cảnh thế giới, khu vực và hai nước Việt Nam, Lào có nhiều thay đổi, vừa tạo ra thời cơ, vừa mang lại nhiều thách thức, nhưng quan hệ Sơn La - Hủa Phăn, Thanh Hóa - Hủa Phăn tiếp tục được tăng cường, từ quan hệ liên minh chiến đấu, đoàn kết đặc biệt phát triển thành quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện. Tương tự Sơn La, giai đoạn 1975 - 1986, Thanh Hóa đã cử nhiều đoàn chuyên gia tham gia hợp tác giúp đỡ Hủa Phăn khảo sát tình hình thực tế trên địa bàn, làm thí điểm mô hình nông nghiệp, xây dựng công trình thủy lợi, phát triển y tế huyện, bản, đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực… góp phần giúp nhân dân tỉnh Hủa Phăn ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Từ năm 1986 trở đi, Thanh Hóa - Hủa Phăn đẩy mạnh quan hệ hợp tác trên tất cả các lĩnh vực, thu được nhiều thành quả, góp phần củng cố quan hệ giữa hai tỉnh. Thanh Hóa đã đầu tư không hoàn lại giúp Hủa Phăn xây dựng hàng chục công trình kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh và nhận thầu giúp Hủa Phăn xây dựng nhiều công trình khác; đào tạo, bồi dưỡng giúp Hủa Phăn hàng ngàn cán bộ trên tất cả các lĩnh vực; các lực lượng vũ trang của hai tỉnh hợp tác chặt chẽ với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các địa phương giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trên khu vực biên giới [108].

Từ sự so sánh trên cho thấy, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La về cơ bản giống với các các cặp quan hệ địa phương Lào - Việt khác. Đây là một thuận lợi, để các địa phương có thể trao đổi, rút kinh nghiệm lẫn nhau trong quá trình hợp tác. Tuy nhiên, mỗi địa phương có những điều kiện, hoàn cảnh riêng, điều quan trọng là phải biết phát huy thế mạnh của địa phương mình, lấy thế mạnh ấy làm đòn bẩy thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác khác. Thế mạnh của cặp quan hệ Hủa Phăn - Thanh Hóa là hợp tác kinh tế, vì Thanh Hóa có tiềm lực kinh tế vững. Đối với cặp quan hệ Hủa Phăn - Sơn La, thế mạnh tự nhiên chính là vị trí địa - chiến lược "phên dậu" của nhau, là sự gắn kết về tộc người và cội nguồn văn hóa. Có thể nói, yếu tố đồng tộc của cư dân sống chủ đạo ở Hủa Phăn và Sơn La tạo nên sự khác biệt của

cặp quan hệ này so với các cặp quan hệ địa phương khác của hai nước Lào, Việt Nam. Bằng trải nghiệm của bản thân khi sống ở Sơn La và đặt chân đến Hủa Phăn qua nhiều chuyến điền dã, tôi cảm nhận được sức mạnh của những yếu tố này: cảnh quan giống nhau, không có rào cản về ngôn ngữ (cùng nói tiếng Thái Đen), món ăn giống nhau, rất dễ hòa nhập vì con người thân thiện. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La đã và đang phát triển trên nền tảng vững chắc ấy.

Tiểu kết chương 5

Xuất phát từ sự quan tâm của hai đảng, hai nhà nước; truyền thống lịch sử; sự gần gũi về vị trí địa lý, sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, ngôn ngữ; sự phát triển kinh tế - xã hội của hai tỉnh; lợi ích thiết thực trong quá trình hợp tác… quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, do tiềm lực kinh tế hai tỉnh còn nhỏ bé, trình độ phát triển, kết cấu hạ tầng còn ở mức thấp; sự cạnh tranh từ các đối tác khác nhất là Trung Quốc và Thái Lan; Hủa Phăn, Sơn La đều nằm trong khu vực nhạy cảm về an ninh quốc phòng nên quan hệ Hủa Phăn - Sơn La vẫn còn một số hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác giữa hai tỉnh.

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 phát triển qua hai giai đoạn: 1975 - 1986, 1986 - 2012. Qua so sánh hai giai đoạn trên các lĩnh vực hợp tác cho thấy: tất cả các lĩnh vực hợp tác giữa hai tỉnh đều có bước phát triển nhất định. Từ chủ trương đến phương thức cũng như thành tựu, hạn chế của quan hệ Hủa Phăn - Sơn La cho thấy mối quan hệ này là một biểu hiện sinh động của quan hệ "đặc biệt", "toàn diện" Lào - Việt Nam: biểu hiện sâu đậm ở tính lịch sử; tính liên tục; tính toàn diện; không vì mục đích kinh tế, lợi nhuận, dù hai tỉnh còn nhiều khó khăn nhưng vẫn dành cho nhau những khoản viện trợ ở mức cao nhất có thể.

Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có nhiều điểm tương đồng với quan hệ giữa các địa phương Lào - Việt Nam có chung đường biên giới từ mục tiêu, nội dung, phương thức cho đến lộ trình hợp tác. Bên cạnh đó, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La (1975 - 2012) là quan hệ giữa hai tỉnh có vị trí địa - chiến lược, mọi sự biến động của mỗi tỉnh có ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh chính trị của hai nước Lào - Việt Nam. Vì vậy, chính trị, quốc phòng, an ninh và công tác biên giới là những lĩnh vực hợp tác nổi bật trong quan hệ toàn diện Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012, là nhân tố thúc đẩy các lĩnh vực quan hệ khác.

KẾT LUẬN

1. Quan hệ Hủa Phăn (Lào) - Sơn La (Việt Nam) (1975 - 2012) được hình thành từ những nền tảng quan trọng: sự gần gũi về vị trí địa lý, nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, ngôn ngữ và truyền thống lịch sử. Cơ sở này đảm bảo nền móng vững chắc cho một mối quan hệ được gọi tên "*Truyền thống đoàn kết đặc biệt, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện*" trong lịch sử quan hệ giữa hai tỉnh có chung 210 km đường biên giới này. Vốn đã gắn kết bởi quan hệ láng giềng thân thiết "bản anh - mường em", quan hệ Hủa Phăn - Sơn La càng được hun đúc, bồi đắp bởi yêu cầu khách quan bức thiết có ý nghĩa sống còn trong công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Do nằm ở vị trí địa - chiến lược của hai nước Lào, Việt Nam, Hủa Phăn, Sơn La đã luôn sát cánh cùng nhau vượt qua mọi khó khăn thử thách: là liên minh chiến đấu trong chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ; là đối tác tin cậy của nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vùng biên của tổ quốc. Trong quá trình phát triển, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La còn chịu tác động bởi những nhân tố như: bối cảnh thế giới, khu vực, tình hình hai nước Lào - Việt Nam. Những yếu tố này chỉ mang tính định hướng, thay đổi hình thức hợp tác cho phù hợp với tình hình mới, còn bước tiến từ "đoàn kết đặc biệt", "liên minh chiến đấu" lên "quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện" được quyết định bởi nhu cầu phát triển của hai quốc gia nói chung, hai tỉnh nói riêng.

2. Quan hệ Hủa Phăn, Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 thể hiện sự tương tác sâu sắc với quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam. Có lẽ hiếm quan hệ song phương giữa hai quốc gia trên thế giới lại có sự nở rộ của phương thức hợp tác giữa các địa phương như Lào và Việt Nam. 10 tỉnh Lào và 10 tỉnh của Việt Nam có chung đường biên giới, nhưng tổng số các tỉnh có quan hệ hợp tác với nhau lớn hơn nhiều con số đó. Riêng Sơn La có quan hệ với 8 tỉnh Bắc Lào (Hủa Phăn, Luông Pha Băng, Bó Kẹo, Xay Nha Bu Ly, Xiêng Khoảng, U Đôm Xay, Luông Nậm Thà, Phông Sa Lỳ), còn Hủa Phăn có quan hệ với 5 tỉnh của Việt Nam (Sơn La, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh). Vì vậy, hợp tác giữa các địa phương cũng là thành tựu nổi trội trong quan hệ hai nước Lào - Việt Nam, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La là một bộ phận cấu thành nên sự thành công trong quan hệ giữa các địa phương Lào - Việt. Hơn thế, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La còn là biểu hiện sinh động của quan hệ đặc biệt, toàn diện Lào - Việt Nam, vượt lên

trên thông lệ quốc tế, vượt lên khỏi những lợi ích kinh tế thông thường, hết lòng giúp đỡ nhau, vô tư, chí tình, chí nghĩa. Quan hệ này vượt qua gian nan thử thách của thời gian, không bị rạn nứt, lung lay trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Từng bước phát triển của quan hệ Hủa Phăn - Sơn La đều gắn với bước phát triển của quan hệ Lào - Việt Nam. Những thành tựu cũng như tồn tại, hạn chế trong các lĩnh vực quan hệ chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế giữa hai tỉnh phản ánh khá đầy đủ thực trạng quan hệ hai nước. Do đó, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La có vị trí quan trọng trong quan hệ Lào - Việt, góp phần thúc đẩy quan hệ hai nước ngày một vững chắc và phát triển.

3. Quan hệ Hủa Phăn - Sơn La từ năm 1975 đến năm 2012 vận động, tiến triển qua hai giai đoạn, có sự thay đổi về phương thức hợp tác do đặc điểm khác nhau của bối cảnh lịch sử.

Giai đoạn 1975 - 1986: quan hệ giữa Hủa Phăn và Sơn La mang tinh thần hợp tác giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau theo khả năng nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng chính quyền, giải quyết các nhu cầu tài chính cấp bách, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, hai bên đã dành cho nhau sự quan tâm giúp đỡ đặc biệt trên mọi lĩnh vực bằng tinh thần của hai tỉnh kết nghĩa và sự hỗ trợ của hai Chính phủ Lào, Việt Nam. Vì vậy, hợp tác giữa hai tỉnh cơ bản đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ lúc bấy giờ. Sự phối hợp của lực lượng an ninh hai bên đã kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, đảm bảo trật tự an ninh khu vực biên giới và giữ vững chính quyền sau cách mạng. Cùng nhau hoạch định, khảo sát và hoàn thành thắng lợi hệ thống cột mốc quốc giới trên địa bàn hai tỉnh. Sơn La đã sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Chính phủ Việt Nam giao cho giúp Hủa Phăn khôi phục, phát triển sản xuất, ổn định đời sống xã hội, xây dựng và phát triển nền văn hóa, giáo dục, y tế mới.

Giai đoạn 1986 - 2012: quan hệ Hủa Phăn - Sơn La phát triển trên mọi lĩnh vực, không ngừng mở rộng cả về quy mô lẫn hình thức, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới của hai quốc gia, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Từ hợp tác trong khuôn khổ bao cấp, thông qua con đường Nhà nước, quan hệ Hủa Phăn - Sơn La chuyển sang giảm dần viện trợ, cho vay, đẩy mạnh hợp tác theo chương trình, kế hoạch hàng năm hoặc 5 năm trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, dành sự ưu tiên, ưu

đãi cho nhau bằng nguồn ngân sách của hai tỉnh. Phương thức này phù hợp với quy luật của cơ chế thị trường nhưng vẫn đảm bảo duy trì quan hệ đặc biệt giữa hai tỉnh, đồng thời phát huy được nội lực và tiềm năng, thế mạnh mỗi tỉnh vào quá trình hợp tác. Tình hình chính trị hai bên tiếp tục ổn định, an ninh biên giới đảm bảo, quan hệ kết nghĩa giữa các huyện giáp biên giới được tăng cường. Các tuyến đường kết nối Hủa Phăn - Sơn La được đầu tư xây dựng, hợp tác kinh tế được đẩy mạnh và đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thương mại, xây dựng cơ bản. Sơn La đã đào tạo hàng trăm cán bộ, sinh viên tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Hủa Phăn. Từ những kết quả đạt được, hai tỉnh đều nhận thức được tầm quan trọng của mối quan hệ hợp tác song phương này, luôn coi là nhiệm vụ và mối quan tâm hàng đầu trong công tác đối ngoại của mỗi bên, dành cho nhau những tình cảm tốt đẹp và chân thành nhất.

4. Những thành tựu đạt được góp phần củng cố, phát triển quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La, đồng thời thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa hai bên vẫn còn tồn tại hạn chế cần phải được khắc phục. Tình hình khu vực biên giới vẫn còn tiềm ẩn một số yếu tố có thể gây mất ổn định như: di cư tự do, xâm canh xâm cư, vượt biên trái phép, buôn bán ma tuý. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào. Kinh tế cửa khẩu phát triển chậm, chủ yếu là trao đổi hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu cuộc sống hằng ngày, chưa có nhiều dự án đầu tư của các doanh nghiệp Sơn La và Hủa Phăn trên địa bàn hai bên. Thị trường Hủa Phăn bị ảnh hưởng mạnh của hàng hóa Thái Lan, Trung Quốc; hàng hóa của Việt Nam chưa có tính cạnh tranh cao, nên còn mờ nhạt trên thị trường Lào. Sức sản xuất hàng hóa của Hủa Phăn còn thấp, tiềm năng phát triển hàng hóa chưa được khơi dậy. Hợp tác văn hóa, giáo dục - đào tạo và y tế tuy có nhiều đổi mới nhưng vẫn nặng tính bao cấp, chưa tạo ra được sự đột phá cần thiết để chuyển sang quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi. Nguyên nhân cơ bản của những tồn tại này là do điều kiện kinh tế- xã hội của hai tỉnh còn khó khăn. Hạn chế về vốn và trình độ công nghệ đã đưa đến mâu thuẫn giữa nhu cầu hợp tác thì lớn mà khả năng lại hạn chế. Vì vậy, hợp tác kinh tế chưa tương xứng với hợp tác chính trị, chưa phát huy hết tiềm năng của mỗi bên.

5. Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa, hội nhập và mở cửa hiện nay đã và đang mạng lại cơ hội cũng như khó khăn, thách thức cho quan hệ hai nước Lào - Việt Nam nói chung, quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La nói riêng. Cơ hội cho mỗi bên thực hiện chính sách đối ngoại đa phương rộng mở, tranh thủ nguồn lực từ các hợp tác khác để phát triển kinh tế, xã hội, nhưng nếu không có kế hoạch cụ thể cũng như tầm nhìn chiến lược thì quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La có thể vấp phải rào cản từ chính quá trình này. Trong những thách thức, đáng chú ý nhất là sự gia tăng ảnh hưởng của Thái Lan và Trung Quốc tại Hủa Phăn trong khi điều kiện của Sơn La còn hạn chế, nhất là năng lực cạnh tranh thương mại còn yếu, sẽ là khó khăn lớn trong quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Do đó, quan hệ hợp tác Hủa Phăn - Sơn La trong thời gian tiếp theo cần phải tiếp tục được vận động đổi mới, phù hợp với xu thế khách quan, nhưng cần phát huy mối quan hệ truyền thống đặc biệt, ưu tiên, ưu đãi cho nhau. Thế mạnh trong hợp tác chính trị, an ninh quốc phòng tiếp tục là cơ sở thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác khác. Đặc biệt, nâng hợp tác kinh tế vốn là điểm yếu của mối quan hệ này phát triển tương xứng với hợp tác về chính trị.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Đặng Thị Hồng Liên (2013), *Nét tương đồng về điều kiện tự nhiên - cơ sở quan trọng gắn kết mối quan hệ Hủa Phăn (Lào) và Sơn La (Việt Nam)*,Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, số 58, (2/2013), ISSN 0868 - 3719, tr.107 - 113.
2. Đặng Thị Hồng Liên (2016), *Hợp tác Giáo dục - Đào tạo giữa tỉnh Sơn La (Việt Nam) với các tỉnh Bắc Lào qua Trường Đại học Tây Bắc (2001 - 2015)*, Tạp chí Ấn Độ và Châu Á, Số 6 (43) 2016, ISSN 0866- 7314, tr71 - 77.
3. Đặng Thị Hồng Liên (2017), *Quan hệ "đặc biệt", "toàn diện" Lào - Việt Nam qua trường hợp quan hệ hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La (1975 - 2012)*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, *Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18.7.1977 - 18.7.2017*, NXB Đại học Huế, tr58 - 68.
4. Lường Hoài Thanh, Đặng Thị Hồng Liên (2017), *Căn cứ Lao Khô - Biểu tượng cao đẹp của tình hữu nghị Việt Lào*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, *Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18.7.1977 - 18.7.2017*, NXB Đại học Huế, tr302 - 313.
5. Đặng Thị Hồng Liên (2017), *Hợp tác kinh tế giữa Sơn La (Việt Nam) với Hủa Phăn (Lào) giai đoạn 1994 - 2016*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6 (207) 2017, ISSN 0868 - 2739, tr 71 - 81.
6. Đặng Thị Hồng Liên (2017), *Xây dựng đường biên giới Sơn La (Việt Nam) và Hủa Phăn (Lào) ổn định, hòa bình, hữu nghị (1976 - 2012)*, Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, số 62 (7/2017), ISSN 2354 - 1067, tr134 - 143.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Ban Biên giới tỉnh Sơn La, số 162 (Ngày 9 tháng 4 năm 1978), *Kế hoạch thí điểm phân vạch đường biên giới Việt - Lào ở một đoạn thuộc huyện Sông Mã tỉnh Sơn La*, Cặp số 8, Hồ sơ số 50, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ Tỉnh Sơn La.
2. Ban Biên giới tỉnh Sơn La, số 05 BC/BG (1994), *Báo kết quả làm việc giữa Ban Biên giới tỉnh Sơn La với Ban Biên giới tỉnh Hủa Phăn (Lào)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sông Mã (2000), *Lịch sử Đảng bộ huyện Sông Mã (1945 - 1995)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2002), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La tập 1 (1939 - 1954),* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La tập 3 (1976 - 2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (1995), *Sơn La - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2004), *Sơn La - Lịch sử kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
9. Ban chỉ đạo nghiên cứu biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007) và Ban chỉ đạo nghiên cứu biên tập lịch sử quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam (1930 - 2007) (2010), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007)*, Hà Nội.
10. Ban chỉ đạo cắm mốc biên giới quốc gia Việt Nam - Lào tỉnh Sơn La (2013), *Kỷ yếu Công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Công ty TNHH Thương mại Tùng Long.
11. Ban chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Đảng nhân dân cách mạng Lào (2005), *Lịch sử Đảng nhân dân cách mạng Lào*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

12. Ban Dân tộc Khu tự trị Tây Bắc (Biên soạn: Bùi Tịnh, Cầm Trọng) (1972), *Nhân dân các dân tộc Tây Bắc chống thực dân Pháp (1888 - 1930)*, tập 1, Nxb Ban Dân tộc Khu tự trị Tây Bắc.
13. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào (Tài liệu tuyên truyền)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Bài phát biểu của Phó thủ tướng Việt Nam - Nguyễn Xuân Phúc và Phó Chủ tịch Quốc hội Lào - Som Phanh Pheng Kha My tại Hội nghị Quốc hội Việt Nam - Lào (Sơn La, 23/4/2012), Tài liệu Phòng Tổng hợp, Tỉnh ủy Sơn La.
15. Nguyễn Văn Bao (Chủ nhiệm đề tài cấp tỉnh) (2015), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào trong các trường chuyên nghiệp tỉnh Sơn La".*
16. Bài tham luận của ông Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó chủ tịch phân ban hợp tác Việt Nam - Lào tại Hội nghị Quốc hội Việt Nam - Lào (Sơn La, 23/4/2012), *Kết quả và triển vọng hợp tác Việt Nam - Lào.* Tài liệu phòng Tổng hợp, Tỉnh Ủy Sơn La.
17. *Bài tham luận của tỉnh Hủa Phăn tại Hội nghị quan hệ hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào, đoàn kết, hữu nghị , Sơn La (Việt Nam)* ngày 22 - 26/4/2012. Tài liệu Phòng Tổng hợp, Tỉnh Ủy Sơn La.
18. Phan Gia Bền - Đặng Bích Hà - Phạm Nguyên Long - Huỳnh Lứa - Lê Duy Lương - Nguyễn Hữu Thùy (1978), *Lược sử nước Lào,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. *Biên bản Hội đàm đánh giá tình hình thực hiện nội dung ký kết hợp tác kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng giai đoạn 1998 - 1999 và kế hoạch hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng giai đoạn 2000 - 2001, giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
20. *Biên bản ghi nhớ cuộc gặp gỡ giữa đoàn đại biểu tỉnh Hủa Phăn và đoàn đại biểu tỉnh Sơn La từ ngày 3/11/1998 - 6/11/1998*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
21. *Biên bản nghiệm thu liên ngành hệ thống thu phát truyền hình 500w kép tại thị xã Sầm Nưa - tỉnh Hủa Phăn, Nước CHDCND Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

22. *Biên bản hội đàm giữa đoàn đại biểu quân sự tỉnh Hủa phăn - nước CHDCND Lào với đoàn đại biểu Bộ CHQS tỉnh Sơn La*, (ngày 28/7/2000), Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La.
23. Đỗ Thanh Bình - Văn Ngọc Thành (2012), *Quan hệ quốc tế thời hiện đại những vấn đề mới đặt ra*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Bộ Quốc phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hủa Phăn - Quân khu 2, Bộ CHQS tỉnh Sơn La (7/11/2011), *Văn bản ghi nhớ Kết quả giao ban giữa đoàn đại biểu Bộ CHQS tỉnh Sơn La nước CHXHCN Việt Nam với đoàn đại biểu Bộ CHQS tỉnh Hủa Phăn nước CHDCND Lào,* Tài liệu Bộ CHQS tỉnh Sơn La.
25. Bộ Quốc phòng, Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh Thanh Hóa, *Báo cáo danh sách công ty Trung Quốc, công ty Trung Quốc liên doanh đầu tư trên địa bàn Tỉnh Hủa Phăn – Lào 2014,* Tài liệu Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Thanh Hóa.
26. Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 2169/BGĐT - HTQT (12/4/2012), *Báo cáo hợp tác với Lào phục vụ Hội nghị Quan hệ hợp tác Quốc hội Việt Nam - Lào,* Tư liệu phòng Tổng hợp, Tỉnh ủy Sơn La.
27. Bộ Ngoại thương, số 86/ BNgT - KH (Ngày 8 - 1- 1976), *Tờ trình về việc đề nghị Thủ tướng Chính phủ duyệt kế hoạch trao đổi hàng hóa xuất nhập khẩu mậu dịch trung ương Việt - Lào năm 1976*, Hồ sơ số 9992, TTLTQGIII.
28. Bộ Quốc phòng (2002), *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào (1945 - 1954)*, Nxb QĐND.
29. BTL Biên phòng BCH BĐBP Sơn La, số 669/BC (Ngày 28 tháng 9 năm 1996), *Báo cáo V/v kiểm điểm thực hiện các thỏa thuận về lãnh sự với Lào 2 năm 1994 - 1995*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
30. BTL - Bộ đội biên phòng, BCH Biên phòng Sơn La, số 727/BC, (Sơn La ngày 29 tháng 11 năm 2000), *Công văn về việc tổng hợp số liệu phục vụ tuyên truyền nhân kỉ niệm lần thứ 25 Quốc khánh nước CHDCND Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
31. Nguyễn Sông Cầu (2015), Ai Lao đất nước và tài nguyên, Nxb Hồng Đức.
32. Chính phủ, số 188/2001/QĐ - TTg Hà Nội ngày11/12/2001, *Quyết định của Thủ tướng chính phủ về việc cho phép cửa khẩu Loóng Sập và cửa khẩu Chiềng Khương, tỉnh Sơn La được áp dụng chính sách Khu kinh tế cửa khẩu biên giới*, Hồ sơ số 1034, TTLTQGIII.

33. Công an tỉnh Sơn La, số 23/ PA 15 (Ngày 01 tháng 10 năm 1996), *Báo cáo thực hiện các thỏa thuận về lãnh sự giữa Việt Nam - Lào 1995 - 1996*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
34. Công an tỉnh Sơn La (2009 - 2016), *Hồ sơ Hội nghị triển khai, sơ kết đánh giá công tác phối hợp phòng chống tội phạm, trọng điểm là tội phạm ma túy qua biên giới giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Hủa Phăn, Luông Pha Băng (CHDCND Lào)*, Tài liệu phòng Tổng hợp, Công an tỉnh Sơn La.
35. Công an tỉnh Sơn La, *Báo cáo tình hình công tác phòng chống tội phạm ma túy tuyến biên giới Việt - Lào*, Phòng Tổng hợp, Công an tỉnh Sơn La.
36. Công an tỉnh Sơn La, Phòng P A16, số 73 (Sơn La ngày 27 tháng 9 năm 1994), *Báo cáo sơ kết thực hiện các thỏa thuận về lãnh sự với Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
37. Công an Tỉnh Sơn La, Công an huyện Sông Mã, số 31/BC AN (Sông Mã ngày 01 tháng 4 năm 1999), *Báo cáo kết quả làm việc giữa trợ lý của hai đoàn đại biểu hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn và hai huyện Sông Mã - Viêng Thong tại Mương Pơ - Huyện Viêng Thong từ ngày 26 - 27/3/1999*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
38. Chương trình *Lễ đón nhận Huân chương Hữu nghị và Huân chương Ít xạ la (Tự do) tại Bản Lao Khô, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La* (19/3/2010), Phòng Lưu trữ, UBND tỉnh Sơn La.
39. Cục Thống kê tỉnh Sơn La (2012), *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La 2012*, Công ty cổ phần In Sơn La.
40. Diễn văn phát biểu của ông Đỗ Văn Ân, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy Sơn La tại buổi chiêu đãi đoàn đại biểu tỉnh Hủa Phăn tối 19/5/1995, Tài liệu Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
41. Đảng bộ tỉnh Sơn La, Thị ủy Sơn La, số 233 - QĐ/TU (Sơn La ngày 3 tháng 4 năm 1999), *Quyết định về việc thành lập đoàn đại biểu Đảng, chính quyền của Thị xã Sơn La hội đàm với đoàn đại biểu huyện Sầm Nưa nước CHDCND Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
42. Đảng bộ tỉnh Sơn La, Thị ủy Sơn La, số 68 - BC/TU (Sơn La ngày 14 tháng 04 năm 1999), *Báo cáo kết quả chuyến thăm và làm việc của Đoàn đại biểu cấp cao huyện Sầm Nưa tỉnh Hủa phăn tại thị xã Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

43. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, Bài viết của lãnh đạo Đảng, Nhà nước (I), Nxb Chính trị Quốc gia.
44. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, Hồi ký (I), Nxb Chính trị Quốc gia.
45. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, Văn kiện (II) 1946 - 1955, Nxb Chính trị Quốc gia.
46. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, Văn kiện (III) 1956 - 1975, Nxb Chính trị Quốc gia.
47. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, Văn kiện (IV) 1976 - 1985, Nxb Chính trị Quốc gia.
48. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930 - 2007*, Văn kiện (V) 1986 - 2007, Nxb Chính trị Quốc gia.
49. Đảng Ủy - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Sơn La (2004), *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Sơn La tập 1 (1959 - 2000)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
50. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La (2010), *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Sơn La (1945 - 2010)*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
51. Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La (2001), *Đề cương phim tài liệu "có một tình hữu nghị như thế"*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
52. D.G.E.Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Trần Bá Đệ (2001), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
54. Bùi Văn Hào, Luận án tiến sĩ (2007), *Quan hệ giữa các tỉnh Hủa phăn, Xiêng Khoảng, Bôlykhămxay, Khăm muộn của Lào với Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam từ năm 1976 đến năm 2007*, Hà Nội.
55. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nguyễn Văn Hòa, *Quam Tô Mương* (Truyện kể biên niên sử của người Thái Đen ở vùng Tây Bắc), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

56. Doãn Hùng - Đoàn Minh Huấn - Nguyễn Ngọc Hà - Nguyễn Thị Thanh Huyền (2014), *Đảng Cộng sản Việt Nam những tìm tòi và đổi mới trên con đường lên Chủ nghĩa xã hội (1986 - 2011)*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, Hà Nội.
57. Dương Hà Hiếu (2017), *Công tác quản lý biên giới quốc gia giữa hai tỉnh Sơn La (Việt Nam) và Hủa Phăn (Lào) giai đoạn 1977 - 2005*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia *Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18.7.1977 - 18.7.2017*, NXB Đại học Huế, tr 348 - 360.
58. Lại Trang Huyền, Đào Văn Trưởng (2017), *Những vấn đề đặt ra với mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia *Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18.7.1977 - 18.7.2017*, NXB Đại học Huế, tr 31 - 40.
59. Nguyễn Thị Ngọc Lan, *Quan hệ kinh tế giữa Lào và Trung Quốc trong những năm gần đây*, thuvien.ued.udn.vn.
60. Chu Viết Luân (Chủ biên) (2008), *Sơn La thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
61. Lê Quang Mạnh (2017), Luận án Tiến sĩ, *Quá trình hợp tác lào - Việt Nam trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ an ninh của Lào từ năm 1962 đến 2012*, Học Viện Chính trị Công an Nhân dân.
62. Hồ Chí Minh toàn tập (2002), tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
63. Nguyễn Thị Phương Nam (2007), *Quan hệ Việt Nam - Lào từ 1975 đến 2005*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội
64. Lương Ninh (chủ biên) (1991), *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á tập 2 - Lịch sử Lào*, Nhà xuất bản Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, Hà Nội.
65. Lương Ninh (chủ biên), Đỗ Thanh Bình - Trần Thị Vinh (2005), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
66. Nhiều tác giả (2001), *Giữ gìn và phát huy di sản của các dân tộc Tây Bắc*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Tạp chí Văn hóa Nghệ Thuật.
67. Nhotkhammani Souphanouvong, luận án tiến sĩ (2016), *Những nhân tố chi phối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam từ năm 1986 - 2011*, Học viện Ngoại giao Việt Nam
68. Phát biểu của ông Đỗ Văn Ân, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư tỉnh ủy Sơn La tại buổi hội đàm với đoàn đại biểu tỉnh Hủa

Phăn (nhân chuyến thăm và làm việc của đoàn đại biểu Hủa phăn từ 16 đến 20 tháng 5 năm 1995), Cặp số 11, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

69. Nguyễn Hùng Phi - TS Buasi Chalơnsúc (2006), *Lịch sử Lào hiện đại tập 2*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Ngô Thị Lan Phương (2014), *Quan hệ Việt - Trung giai đoạn 1986 - 2010 qua trường hợp quan hệ hai tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường ĐHKHXH và Nhân văn.
71. Quân đội Nhân dân Lào, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hủa Phăn, số 53 (Sầm Nưa ngày 11 tháng 9 năm 2000), *Thông báo mời v/v cử đoàn chuyên ngành sang chuẩn bị diện tích trồng cây ăn quả và bàn bạc một số việc tại thị xã Sầm Nưa*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
72. Quân khu II, Bộ CHQS tỉnh Sơn La, số 596/BCH (Sơn La ngày 01 tháng 6 năm 2000), *Kế hoạch mời đại biểu Bộ CHQS tỉnh Hủa Phăn nước CHDCND Lào sang thăm và làm việc với Bộ CHQS tỉnh Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
73. Vũ Công Quý (2002), *Di tích khảo cổ tiền sử và sơ sử ở Lào*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1.
74. Nguyễn Bình Sơn (Hồi kí) (2003), *Những ngày ở cánh đồng Chum*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
75. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La (2012), *Báo cáo sơ kết chương trình phối hợp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, kiểm soát ngăn chặn những hành vi buôn bán, vận chuyển gỗ, lâm sản và các loại động vật hoang dã trái phép khu vực biên giới giữa tỉnh Sơn La - Việt Nam và tỉnh Hủa Phăn - Lào*, Tài liệu Tri cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.
76. Sở kế hoạch và Đầu tư Sơn La, *Tổng hợp giá trị tài trợ của tỉnh Sơn La dành cho Hủa Phăn và nguồn tài trợ của Chính phủ Việt Nam giao cho tỉnh Sơn La thực hiện (giai đoạn từ năm 2001 - 2012),* Tài liệu Phòng Kinh tế đối ngoại, Sở kế hoạch Đầu tư.
77. Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La, số 114/BC - SNV (Ngày 10 tháng 10 năm 2012), *Báo cảo tổng hợp, đánh giá hiệu quả trong quan hệ hợp tác giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào*, Phòng Quan hệ quốc tế - Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La.

78. Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La, *Kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp tác với các tỉnh Bắc Lào qua các thời kỳ*, Phòng Quan hệ quốc tế - Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La.
79. Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La, *Báo cáo kết quả hợp tác với các tỉnh Bắc Lào từ 1969 đến 2012*, Phòng Quan hệ quốc tế - Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La.
80. Phạm Đức Thành (chủ biên) (2008), *Cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
81. Nguyễn Duy Thiệu (1996), *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
82. Thiếu tướng Phan Hữu Tuấn (2010), *Mối quan hệ giữa an ninh Lào - Việt Nam và giải pháp góp phần đảm bảo an ninh quốc gia Việt Nam trong tình hình mới*, Nxb Công An Nhân dân.
83. Tỉnh Hủa phăn, Văn phòng, số 377/VP (Sầm Nưa ngày 30 tháng 12 năm 1998), *Công văn cử đoàn đại biểu chương trình hợp tác Lào - Việt phát triển nông thôn tại hai huyện Mường Ét và Xiềng Khọ sang tham quan học tập kinh nghiệm tại tỉnh Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
84. Tỉnh Hủa Phăn, số 09/TT (Sầm Nưa ngày 25 tháng 9 năm 1998), *Quyết định cử đoàn đại biểu chính quyền và kinh tế của tỉnh cùng một số huyện sang thăm quan trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế hộ gia đình tại tỉnh Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
85. Tỉnh Hủa Phăn, Thường trực Tỉnh ủy, số 07 (Sầm Nưa, Ngày 26 tháng 3 năm 2001), *Thông báo cử đoàn đại biểu Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các cơ quan đoàn thể quần chúng tỉnh Hủa phăn sang học tập kinh nghiệm tại tỉnh Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
86. Tỉnh Hủa Phăn, Văn phòng Đối ngoại, số 20/QHĐN (Sầm Nưa ngày 14 tháng 3 năm 2001), *Thư đề nghị Trưởng ban đối ngoại tỉnh Sơn La cho phép các cơ quan, đoàn thể quần chúng đi tham quan học tập kinh nghiệm tại Tỉnh Sơn La, nước CHXHCN Việt Nam*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
87. Tỉnh Hủa Phăn, Ty Giáo dục, số 125/2001 (Sầm Nưa ngày 3 tháng 4 năm 2001), *Thư mời đoàn đại biểu Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La nước CHXHCN Việt Nam sang thăm và làm việc tại tỉnh Hủa Phăn*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

88. Tỉnh ủy Sơn La, *Báo cáo tổng kết 10 năm chống mĩ cứu nước*, tài liệu lưu tại phòng Lưu trữ Tỉnh ủy Sơn La.

89. Tỉnh ủy Sơn La, số 334 - TB/TU (Sơn La ngày 28 tháng 1 năm 2000), *Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về giao nhiệm vụ chuẩn bị chương trình đón, làm việc và phục vụ Đoàn cán bộ cao cấp tỉnh Hủa phăn (Nước CHDCND Lào) đến thăm và làm việc tại Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

90. Tỉnh uỷ tỉnh Sơn La, *Thông báo số 97Tb/TU về kết quả hội đàm giữa hai đoàn an ninh - kinh tế Sơn La và Hủa Phăn và ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh uỷ về việc thực hiện văn bản hai đoàn đã ký*, Trung tâm Lưu trữ Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

91. Tỉnh ủy Sơn La, số 29 - TB/TU (Sơn La ngày 30 tháng 3 năm 2011), *Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về giao nhiệm vụ chuẩn bị chương trình đón, làm việc và phục vụ Đoàn cán bộ các đoàn thể tỉnh Hủa Phăn (nước CHDCND Lào) sang thăm và làm việc tại Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

92. Tỉnh ủy Sơn La, số 224 - QĐ/TU (ngày 01 tháng 11 năm 2011), *Quyết định ban hành quy chế thống nhất các hoạt động đối ngoại tỉnh Sơn La*, Tư liệu Phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

93. Tỉnh ủy Sơn La, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, số 240 - CV/BCSĐ, (Ngày 23 tháng 7 năm 2013), *Báo cáo bổ sung nội dung ký kết của các huyện, thành phố và các ngành của tỉnh với các huyện, ngành của các tỉnh, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Tư liệu Phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

94. Tỉnh ủy Sơn La, số 201 - BC/TU (ngày 10 tháng 12 năm 2007), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 19 -CT/TW của Ban Bí thư về công tác phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Tư liệu phòng Tổng Hợp - Tỉnh Ủy Sơn La.

95. Tỉnh Ủy Sơn La, số 192 - BC/TU (Ngày 27 tháng 11 năm 2012), *Báo cáo kết quả công tác đối ngoại năm 2012, Chương trình hoạt động năm 2013*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

96. Tỉnh Ủy Sơn La, số 187 - BC/TU (Ngày 07 tháng 11 năm 2012), *Báo cáo đánh giá về tình hình quan hệ hợp tác của tỉnh với Lào trong năm 2012, phương hướng hợp tác năm 2013*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

97. Tỉnh Ủy Sơn La, số 290 - BC/TU (Ngày 19 tháng 11 năm 2013), *Báo cáo tổng kết công tác thông tin đối ngoại; tuyên truyền biển, đảo và phân giới cắm mốc*

tỉnh Sơn La năm 2013; nhiệm vụ trọng tâm năm 2014, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

98. Tỉnh ủy Sơn La - Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, số 137 - BC/BCSĐ (ngày 18 tháng 6 năm 2013), *Báo cáo tổng hợp biên bản ghi nhớ, biên bản làm việc của các ngành, các huyện, thành phố ký kết với các ngành, các huyện các tỉnh Bắc Lào và các tổ chức nước ngoài*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
99. Tỉnh Ủy Sơn La, số 281 - BC/TU (Ngày 27 tháng 10 năm 2013), *Báo cáo đánh giá tình hình và quan hệ hợp tác giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào năm 2013; phương hướng quan hệ hợp tác năm 2014*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
100. Tỉnh Ủy Sơn La, số 90 - BC/TU (Ngày 11 tháng 8 năm 2016), *Báo cáo tình hình kinh phí viện trợ các tỉnh Bắc Lào, nước CHDCND Lào giai đoạn 2011-2015*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
101. Tỉnh Ủy Sơn La, số 264 - BC/TU (Ngày 11 tháng 08 năm 2013), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chỉ thị số 19 - CT/TW của Ban Bí thư về công tác phi Chính phủ nước ngoài*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
102. Tỉnh Ủy Sơn La, số 283 - BC/TU (Ngày 27 tháng 10 năm 2013), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết số 36 - NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
103. Tỉnh Ủy Sơn La, số 368 - BC/TU (Ngày 02 tháng 12 năm 2014), *Báo cáo công tác đối ngoại năm 2014, phương hướng nhiệm vụ năm 2015*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
104. Tỉnh Ủy Sơn La, số 364 - BC/TU (Ngày 17 tháng 11 năm 2014), *Báo cáo tình hình của các khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
105. Tỉnh Ủy Sơn La, số 365 - BC/TU (Ngày 24 tháng 11 năm 2014), *Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 14/2005/CT-TTg ngày 14.4.2005 của Thủ tướng Chính phủ năm 2014*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.
106. Tỉnh Ủy Sơn La, số 349 - BC/TU (Ngày 20 tháng 08 năm 2014), *Báo cáo tình hình thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và công tác đối ngoại của tỉnh (Tài liệu phục vụ làm việc với Đoàn công tác Ban Đối ngoại Trung ương)*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

107. Tỉnh Ủy Sơn La, số 318 BC - TU (24/4/2014), *Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện nghị quyết số 30 - NQ/TU ngày 17/6/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hợp tác xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào ổn định và phát triển toàn diện*, Tư liệu phòng Tổng hợp - Tỉnh ủy Sơn La.

108. Tỉnh Ủy Thanh Hóa (2012), *Thanh Hóa với cách mạng Lào và tỉnh Hủa Phăn (1930 - 2010)*, Nxb Thanh Hóa.

109. Trường Đại học Tây Bắc, Kỷ yếu Hội thảo *"Nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo lưu học sinh Lào tại Trường Đại học Tây Bắc" (tháng 11 năm 2012).*

110. Trường Đại học tây Bắc, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia (2017) "Kỷ niệm 40 năm ngày ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18.7.1977 - 18.7.2017", NXB Đại học Huế.

111. Nguyễn Trọng Tứ (2013), *Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lãnh đạo phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh Bôlykhămxay và Khăm Muộn (nước CHDCND Lào) từ năm 1991 đến năm 2010*, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

112. Ty Kế hoạch và Hợp tác, số 30/HT(Sầm Nưa ngày 1 tháng 9 năm 1998), *Công văn đề nghị xin đưa một đoàn cán bộ chuyên viên sang thăm quan học tập kinh nghiệm ở tỉnh Sơn La*, Cặp số, Hồ sơ số, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

113. Ủy ban Biên giới Quốc gia - Bộ Ngoại giao, *Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, www.biengioilanhtho.gov.vn.

114. Ủy ban Biên giới Quốc gia - Bộ Ngoại giao, *Hiệp ước bổ sung hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977*, www.biengioilanhtho.gov.vn.

115. Ủy ban Biên giới Quốc gia - Bộ Ngoại giao, *Nghị định thư sửa đổi và bổ sung hiệp định về quy chế biên giới quốc gia Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 1 tháng 3 năm 1990*, www.biengioilanhtho.gov.vn

116. Ủy ban Hành chính Tỉnh Sơn La, số 149 UB/MT (Ngày 20 tháng 3 năm 1976), *Công văn gửi Các ông Trưởng Ban Miền Tây tỉnh Sơn La, Ty Giao thông, ty lương thực, Ty Thương nghiệp về việc thực hiện văn bản kí kết giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa phăn (Lào)*, cặp số 6, Hồ sơ số 47, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

117. Ủy ban Hành chính Tỉnh Sơn La, số 238/UB/ MT (Ngày 16 tháng 8 năm 1975), *Tờ trình nhiệm vụ xây dựng và quản lý trạm đón tiếp bạn (Lào) 60 giường tại huyện lỵ Mộc Châu*, Cặp số 6, Hồ sơ số 43, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ Tỉnh Sơn La.

118. Ủy ban Nhân dân huyện Sốp Cộp, số 58/UB, (Sốp Cộp ngày 9 tháng 3 năm 2004), *Thống kê số nhân khẩu người Lào tại hai xã Mường Và, Mường Lạn,* Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

119. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 186/QĐ - UB (Ngày 20 tháng 4 năm 1978) *Quyết định về việc viện vận chuyển hàng hóa viện trợ cho Lào năm 1977 - 1978*, Cặp số 8, Hồ sơ số 55, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

120. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 254 KH/MT (Ngày 10 tháng 7 năm 1979), *Điều chính kế hoạch viện trợ Lào của tỉnh Sơn La năm 1979*, Cặp số 10, Hồ sơ số 68, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

121. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 40, (ngày 5/3/1979), *Quyết định cử cán bộ công nhân viên thuộc Xí nghiệp khảo sát thiết kế thuộc Ty Thủy lợi sang tỉnh Hủa Phăn làm nhiệm vụ khảo sát thiết kế công trình thủy lợi Nậm Ngao thuộc huyện Viêng Thong tỉnh Hủa Phăn*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

122. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 14/QĐ - UB (Ngày 16 tháng 1 năm 1979), *Quyết định về việc tiếp nhận đoàn văn công và công nhân ngành in tỉnh Hủa phăn, Nước CHDCND Lào*, Cặp số 09, Hồ sơ số 61, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

123. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 70/ UB - QĐ (Ngày 21 tháng 3 năm 1979), *Quyết định về việc học sinh của tỉnh Hủa phăn (Lào) đến học chế biến màu tại Sơn La*, Cặp số 09 , Hồ sơ số 62, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

124. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 166/QĐ - NN (Ngày 23 tháng 6 năm 1979), *Quyết định về việc thiết kế và xây dựng nhà chế biến hoa màu tại tỉnh Hủa phăn (Lào)*, Cặp số 09, Hồ sơ số 63, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

125. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 165/QĐ - NN (Ngày 23 tháng 6 năm 1979), *Quyết định về xây dựng bến phà Mường Ét, huyện Xiềng Khọ, tỉnh Hủa phăn (Lào),* Cặp số 9, Hồ sơ số 63, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

126. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 206/ QĐ - UB (Ngày 23 tháng 7 năm 1979), *Quyết định về tiếp nhận học sinh của tỉnh Hủa phăn (Lào) đến học tập may đo quần áo*, Cặp số 9, Hồ sơ số 63, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

127. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sơn La, số 427 KH/C (Ngày 3 tháng 11 năm 1980), *Kế hoạch đổi tiền Kíp giải phóng Lào năm 1981*, Cặp số 11, Hồ sơ số 73, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

128. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 83 KH/ C (Ngày 1 tháng 10 năm 1980), *Dự kiến kế hoạch công tác C năm 1981*, Cặp số 11, Hồ sơ số 73, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

129. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, Số 14 CT- UB (Ngày 18 tháng 6 năm 1980), *Chỉ thị V/v giúp tỉnh Hủa Phăn về công tác quân sự*, Cặp số 11, Hồ sơ số 72, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

130. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 06/QĐ - UB (Ngày 29 tháng 4 năm 1980), *Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về xây dựng công trình phục vụ trường Quân chính tại thị xã Sầm Nưa, tỉnh Hủa phăn (Lào)*, Cặp số 11, Hồ sơ số 73, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

131. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 49-/ UB - BC (Ngày 28 tháng 1 năm 1981), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1980, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1981*, Cặp số 11, Hồ sơ số 72, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

132. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 75/QĐ (Ngày 23 tháng 5 năm 1981), *Quyết định cho 27 nam nữ học sinh Lào đang học tại trường Trung cấp kinh tế Sơn La được nghỉ hè về tỉnh Hủa Phăn*, Cặp số 11, Hồ sơ số 74, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

133. UBND Tỉnh Sơn La số 218 QĐ - UB ngày 27/11/1981, *Quyết định của UBND tỉnh Sơn La về việc trao tặng nhân dân tỉnh Hủa Phăn nước CHDCND Lào 2 con bò giống lai F1*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

134. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 98 QĐ/UB (Ngày 2 tháng 7 năm 1982), *Quyết định duyệt quyết toán xưởng chế biến màu mì, ta viện trợ và xây dựng giúp Bạn tỉnh Hủa Phăn tại thị xã Sầm Nưa*, Cặp số 12, Hồ sơ số 79, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

135. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 58/ QĐ - UB (Ngày 30 tháng 4 năm 1982), *Quyết định về việc cử đoàn cán bộ y tế sang công tác tại huyện Xiềng Khọ - Hủa phăn (Lào)*, Cặp số 12, Hồ sơ số 78, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

136. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 56/QĐ (Ngày 29 tháng 4 năm 1982), *Quyết định thành lập đoàn chuyên gia sang giúp bạn mở lớp tập huấn chăn nuôi thú y cấp xã cho hai huyện Xiềng Khọ và Viêng Thoong tỉnh Hủa phăn*, Cặp số 12, Hồ sơ số 78, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

137. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 343 BC/UB (ngày 26 tháng 9 năm 1984), *Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện quy chế ban đầu ở biên giới Việt - Lào 1978 - 1984*, cặp số 15, Hồ sơ số 95, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

138. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 89/UB - QĐ (Ngày 25 tháng 4 năm 1985), *Quyết định về việc thành lập Ban biên giới tỉnh*, Cặp số 16, Hồ sơ số 99, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

139. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 01/ UB - BC (ngày 25 tháng 01 năm 1986), *Báo cáo tổng kết công tác phân giới trên thực địa và cắm mốc của tỉnh Sơn La từ năm 1976 - 1985*, Cặp số 18, Hồ sơ số 114, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

140. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 398/ QĐ - UB (Ngày 1 tháng 9 năm 1986), *Quyết định về chế độ ăn, tiền thuốc, hàng hóa cho bệnh nhân Lào điều trị, điều dưỡng ở bệnh viện tỉnh Sơn La*, Cặp số 17, Hồ sơ số 108, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

141. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 348 QĐ/UB (Ngày 20 tháng 9 năm 1986), *Quyết định về tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm, hàng hóa phục vụ lưu học sinh Lào tỉnh Hủa phăn và Bó Kẹo đang học tại tỉnh ta*, Cặp số 17, Hồ sơ số 108, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

142. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 26/BC-UB (Sơn La ngày 29 tháng 6 năm 1994), *Báo cáo kết quả chuyến thăm và làm việc của đoàn đại biểu Tỉnh Sơn La tại tỉnh Hủa Phăn (nước CHDCND Lào)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

143. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 593/CV- UB (Ngày 11 tháng 11 năm 1995), *Công văn về việc cuộc họp lần thứ năm giữa đoàn đại biểu biên giới chính phủ Việt Nam - Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

144. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 714/QĐ - UB (Ngày 22 tháng 4 năm 1996), *Quyết định của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Đoàn đại biểu biên giới tỉnh Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

145. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 56/BC - UB (Ngày 31 tháng 10 năm 1996), *Báo cáo tình hình thực hiện các thỏa thuận về lãnh sự giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh bạn Lào (1994 - 1996),*Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

146. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Biên giới, số 04/BC - BG (Ngày 20 tháng 10 năm 1994), *Báo cáo công tác biên giới năm 1994 - Kế hoạch công tác năm 1995*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

147. UBND tỉnh Sơn La, số 07/ BC - KH, *V/v B/c tình quan hệ hợp tác với Lào thời kỳ 1992 - 1995 phương hướng 1996- 2000*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

148. UBND tỉnh Sơn La, Sở Lâm Nông Thủy, số 82/BC (28/11/1995), *Báo cáo tình hình thực hiện đón tiếp đoàn cán bộ NLN 7 tỉnh Bắc Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

149. UBND tỉnh Sơn La, số 45/UB - BC (ngày 24/11/1994), *Báo cáo về việc hợp tác với Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

150. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 65/BC-UB (Ngày 25 tháng 12 năm 1996), *Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại năm 1996 phương hướng nhiệm vụ năm 1997*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

151. UBND tỉnh Sơn La (1997), *Báo cáo tình hình hợp tác Kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng với các tỉnh của nước CHDCND Lào năm 1997, Kế hoạch hợp tác năm 1998*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

152. UBND tỉnh Sơn La, Sở Y tế (26/12/1997), *Kế hoạch hợp tác về y tế giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn thời gian 1998 - 2000*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

153. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 34/BC-UB (Ngày 3 tháng 7 năm 1997), *Báo cáo về viêc báo cáo tình hình thực hiện hợp tác với Lào*, Hồ sơ số, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

154. Ủy ban Nhân dân Huyện Sông Mã, số 231/1998/CV - UB (Sông Mã ngày 15 tháng 12 năm 1998), *Công văn về việc xin phép mời đoàn cán bộ cấp cao Huyện Mường Ét và huyện Viêng Thoong - Tỉnh Hủa phăn Lào sang thăm và làm việc tại Huyện Sông Mã - Sơn La,* Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

155. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 09/BC-UB (Ngày 17 tháng 11 năm 1998), *Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại ba năm từ 1995 đến 1997*, Trung tâm Lưu trữ Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

156. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Sơn La, Sở Lao động Thương binh xã hội, số 92/LĐTBXH (Sơn La ngày 9 tháng 4 năm 1999), *Báo cáo về việc tiếp và làm việc với đoàn đại biểu ngành Lao động thương binh xã hội tỉnh Hủa phăn nước CHDCND Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

157. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 104/BC-UB (Ngày 14 tháng 12 năm 1999), *Báo cáo kết quả chuyến thăm và làm việc của đoàn đại biểu cấp cao tỉnh Sơn La tại tỉnh Hủa Phăn (Nước CHDCND Lào)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

158. UBND tỉnh Sơn La, số 364 CV - UB (7/6/1999), *V/v chỉ đạo các ngành, các doanh nghiệp, làm nhiệm vụ hợp tác với Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

159. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 91/BC (Ngày 22 tháng 10 năm 1999), *Báo cáo tổng kết thực hiện quy chế khu vực biên giới Việt - Lào (1990 - 1999)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

160. UBND tỉnh Sơn La, số 1520/TT - UB (ngày 2/10/2000), *Tờ trình về chính sách xin được áp dụng tại các khu vực cửa khẩu Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

161. UBND tỉnh Sơn La số 431/QĐ - UB (19/3/2000), *Quyết định của UBND tỉnh Sơn La v/v Triển khai và chọn đơn vị thi công lắp đặt trạm thu, phát lại truyền hình tại thị xã Sầm Nưa - tỉnh Hủa Phăn - Nước CHDCND Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

162. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 40/BC -UB (Sơn La ngày 13 tháng 6 năm 2000), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hợp tác với Lào 6 tháng đầu năm 2000, phương hướng, kế hoạch hợp tác với Lào năm 2000, giai đoạn 2001 - 2005*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

163. Uỷ ban Nhân dân tỉnh Sơn La, Sở Giáo dục - Đào tạo, số 03/TTr (Sơn La ngày 7 tháng 4 năm 2001), *Tờ trình về việc xin cử đoàn đại biểu ngành Giáo dục - Đào tạo Sơn La sang thăm và làm việc tại tỉnh Hủa Phăn (Nước CHDCND Lào)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

164. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 83/BC-UB (Sơn Lsa ngày 20 tháng 11 năm 2002), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hợp tác với Lào năm 2002*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
165. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 51/BC-UB (Ngày 8 tháng 8 năm 2002), *Báo cáo tình hình thực hiện Hiệp định về quy chế biên giới và biên bản cuộc họp lần thứ XI giữa hai đoàn đại biểu biên giới Chính phủ Việt Nam - Lào,* Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
166. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 115/BC-UB (Sơn La ngày 24 tháng 9 năm 2003), *Báo cáo kết quả dự hội nghị hợp tác Việt - Lào về công tác tôn giáo tại tỉnh Hủa phăn - Cộng hòa DCND Lào (từ 16 - 20/9/2003)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
167. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số số 108 BC - UB (17/9/2003), *Báo cáo tình hình an ninh biên giới của tỉnh Sơn La trong thời gian gần đây*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
168. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 91/BC-UB (Sơn La ngày 13 tháng 8 năm 2003*), Báo cáo tình hình thực hiện hiệp định về quy chế biên giới và biên bản cuộc họp lần thứ XII giữa hai đoàn đại biểu biên giới Chính phủ hai nước Việt Nam - Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
169. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 136/BC - UB (Sơn La ngày 3 tháng 12 năm 2004), *Báo cáo kết quả công tác biên giới và ngoại vụ năm 2004, phương hướng nhiệm vụ công tác biên giới và ngoại vụ năm 2005*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
170. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 118/BC (Sơn La ngày 18 tháng 10 năm 2004), *Báo cáo bổ sung tình hình công tác biên giới lãnh thổ (từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2004)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
171. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 90/BC-UB (Sơn La ngày 6 tháng 8 năm 2004), *Báo cáo tình hình các xã biên giới - đến năm 2003 trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.
172. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 50/BC-UB (Sơn La ngày 13 tháng 5 năm 2004), *Báo cáo về việc tổ chức thực hiện nội dung biên bản cuộc họp lần thứ XIII giữa hai đoàn đại biểu biên giới Việt Nam - Lào*, Trung tâm Lưu trữ Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

173. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 38/BC-UB (Sơn La ngày 22 tháng 4 năm 2004), *Báo cáo tình hình thực hiện Hiệp định, Quy chế biên giới Việt Nam - Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

174. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 23/BC - UB (Sơn La ngày 18 tháng 3 năm 2004), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại hợp tác với các tỉnh Bắc Lào*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

175. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 01/BC-UB (Ngày 27 tháng 1 năm 2005), *Báo cáo tình hình an ninh khu vực biên giới quốc gia; việc thực hiện phân giới cắm mốc biên giới (Tài liệu báo cáo đoàn Ủy ban Quốc phòng và An ninh Quốc hội lên thăm và làm việc tại Sơn La)*, Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

176. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 04/BC -UB (Ngày 7 tháng 1 năm 2005), *Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2004; Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng năm 2005* (Tài liệu báo cáo đồng chí Nguyễn Phúc Thanh - Ủy viên Ban chấp hành TW Đảng, Phó chủ tịch Quốc hội, chủ nhiệm Ủy ban QPAN của Quốc hội và đoàn công tác của Quốc hội đến thăm và làm việc tại Sơn La từ ngày 5/01 đến ngày 08/01/2005), Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

177. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 35/BC-UB (Ngày 1 tháng 4 năm 2005), *Báo cáo tình hình di dịch cư tự do, vượt biên trái phép, kết hôn qua biên giới Việt Nam - Lào*, Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

178. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 51/BC-UB (Ngày 02 tháng 3 năm 2005), *Báo cáo về đánh giá tình hình hợp tác giai đoạn 2002 - 2004, phương hướng hợp tác giai đoạn 2005 - 2006 giữa hai tỉnh Sơn La, nước CHXHCN Việt Nam - Hủa Phăn, nước CHDCND Lào*, Phòng Lưu trữ Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

179. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 58/BC-UB (Ngày 12 tháng 5 năm 2005), *Báo cáo tình hình thực hiện nội dung hợp tác giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc lào 6 tháng đầu năm 2005*, Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

180. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 77/BC-UBND (Ngày 29 tháng 06 năm 2005), *Báo cáo tổng hợp điều tra sơ bộ hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào trên địa bàn tỉnh Sơn La quản lý (Phục vụ xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án tôn tạo, tăng dày hệ thống mốc quốc giới)*, Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

181. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 91/BC-UBND (Ngày 25 tháng 07 năm 2005), *Báo cáo tình hình thực hiện nội dung hợp tác giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào*, Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
182. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 166/BC-UBND (Ngày 08 tháng 12 năm 2005), *Báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại 2005, nội dung, chương trình hoạt động cuối năm 2006*, Phòng Lưu trữ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
183. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 87/BC-UBND (Ngày 7 tháng 6 năm 2006), *Báo cáo công tác đối ngoại giai đoạn 2001 - 2005*, Cặp số 1203, ĐVBQ: 10750 - 10753 Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
184. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 157/BC-UBND (Ngày 11 tháng 10 năm 2006), *Báo cáo kết quả quan hệ hợp tác giữa tỉnh Sơn La với tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Luông Pha Băng, nước CHDCND Lào (Từ tháng 01/2005 đến tháng 9/2006)*, Cặp số 1203, ĐVBQ: 10750 - 10753 Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
185. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 172/BC-UBND (Ngày 01 tháng 11 năm 2006), *Báo cáo tổ chức thực hiện nội dung biên bản cuộc họp lần thứ XV giữa hai đoàn đại biểu biên giới Việt Nam - Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
186. UBND tỉnh Sơn La (20/12/2006), *Báo cáo tổng kết tình hình hợp tác giữa Sơn La với các tỉnh Bắc Lào năm 2006*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
187. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 200/BC-UBND (Ngày 26 tháng 12 năm 2006), *Báo cáo tổng kết tình hình hợp tác giữa Sơn La và các tỉnh Bắc Lào năm 2006*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
188. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 210/BC-UBND (Ngày 27 tháng 12 năm 2006), *Báo cáo tình hình hoạt động tại các khu kinh tế cửa khẩu*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
189. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 31/BC-UBND (Ngày 9 tháng 2 năm 2007), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện chỉ thị số 257/CT về việc tiếp nhận người Việt Nam tự tiện di cư và vượt biên trái phép sang Lào*, Cặp số 1289, ĐVBQ:12035 - 12038, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
190. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 58/BC-UBND (Ngày 23 tháng 03 năm 2007), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng biên giới Việt*

- *Lào tỉnh Sơn La - đến năm 2006*, Cặp số 1290, ĐVBQ:12039 - 12042, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

191. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 90/BC-UBND (Ngày 07 tháng 05 năm 2007), *Báo cáo kiểm điểm tình hình hợp tác giữa Sơn La và các tỉnh Bắc Lào từ năm 2006 đến quý I năm 2007*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
192. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 127/BC-UBND (Ngày 16 tháng 07 năm 2007), *Báo cáo tình hình phát triển khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
193. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 09/2007/BC-UBND (Ngày 19 tháng 3 năm 2007), *Quyết định về việc phê duyệt Đề án phát triển thương mại cửa khẩu và buôn bán qua biên giới giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào giai đoạn 2006 - 2015*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
194. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 248/BC-UBND (Ngày 07 tháng 12 năm 2007), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ hợp tác giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào năm 2007*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
195. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 13/BC-UBND (Ngày 04 tháng 02 năm 2008), *Báo cáo tình hình quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào giai đoạn 2001 - 2007*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
196. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 04/BC-UBND (Ngày 11 tháng 01 năm 2008), *Báo cáo tổng kết 20 năm hoạt động đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
197. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 231/BC-UBND (Ngày 23 tháng 10 năm 2008), *Báo cáo về việc thực hiện nội dung biên bản cuộc họp lần thứ XVII giữa hai đoàn đại biểu biên giới Việt Nam - Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
198. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 282/BC-UBND (Ngày 30 tháng 12 năm 2008), *Báo cáo về việc giải quyết tình trạng di cư tự do, vượt biên trái phép và nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn ở hai khu vực biên giới Việt Nam - Lào, địa bàn tỉnh Sơn La*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.
199. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 17/KH-UBND (Ngày 12 tháng 03 năm 2008), *Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác biên giới năm 2008*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

200. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 26/KH-UBND (Ngày 24 tháng 03 năm 2008), *Kế hoạch tiếp tục triển khai tập huấn, tập huấn lại các văn bản pháp luật quy định những vấn đề liên quan đến khu vực biên giới Việt Nam - Lào đã và đang có hiệu lực thi hành*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

201. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 56/KH-UBND (Ngày 22 tháng 07 năm 2008), *Kế hoạch tổ chức tiếp nhận dân di cư tự do nước bạn Lào trao trả tại cửa khẩu Cầu Treo - Hà Tĩnh*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

202. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 44/KH-UBND (Ngày 21 tháng 09 năm 2009), *Kế hoạch tổ chức Hội nghị giao ban thường niên hợp tác phòng chống ma túy qua biên giới 6 tỉnh (Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hủa Phăn, Luông Pha Băng) lần thứ IX, năm 2009*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

203. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 58/KH-UBND (Ngày 05 tháng 11 năm 2009), *Kế hoạch đào tạo cho các tỉnh Bắc Lào (năm học 2009 - 2010)*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

204. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 133/TB-UBND (Ngày 30 tháng 09 năm 2009), *Thông báo chương trình đón tiếp và làm việc Hội nghị giao ban hợp tác phòng chống ma túy biên giới giữa 6 tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An (CHXHCN Việt Nam) và Hủa Phăn, Luông Pha Băng (CHDCND Lào) tổ chức tại tỉnh Sơn La năm 2009*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

205. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 135/BC-UBND (Ngày 29 tháng 07 năm 2009), *Báo cáo tình hình hợp tác lao động giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

206. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 161/BC-UBND (Ngày 16 tháng 09 năm 2009), *Báo cáo tình hình phát triển khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

207. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 186/BC-UBND (Ngày 20 tháng 10 năm 2009), *Báo cáo về việc tổ chức thực hiện nội dung biên bản cuộc họp lần thứ XVIII giữa hai đoàn đại biểu biên giới Việt Nam - Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

208. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 231/BC-UBND (Ngày 02 tháng 12 năm 2009), *Báo cáo kết quả công tác đối ngoại của tỉnh Sơn La đến năm 2009, kế hoạch chương trình hoạt động đối ngoại năm 2010*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

209. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 99/BC-UBND (Ngày 03 tháng 06 năm 2011), *Báo cáo tổng kết kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh về giải quyết công tác hộ tịch có yếu tố nước ngoài, công tác quốc tịch ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Cặp số 1873, ĐVBQ:18562 - 18563, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

210. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 115/BC-UBND (Ngày 28 tháng 06 năm 2011), *Báo cáo kết quả triển khai công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Trường trung học phổ thông tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

211. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 239/BC-UBND (Ngày 09 tháng 11 năm 2011), *Báo cáo về việc giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành đối vơi dự án Trường trung học phổ thông thị xã Sầm Nưa, tỉnh Hủa Phăn (Lào)*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.(203)

212. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 242/BC-UBND (Ngày 11 tháng 11 năm 2011), *Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nội dung biên bản cuộc họp lần thứ XX giữa hai đoàn đại biểu biên giới Việt Nam - Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

213. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 300/BC-UBND (Ngày 21 tháng 12 năm 2011), *Báo cáo tình hình thực hiện các dự án hợp tác với Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

214. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 155/BC-UBND (Ngày 26 tháng 06 năm 2012), *Báo cáo sơ kết thực hiện bố trí, ổn định dân cư các xã biên giới Việt Nam - Lào tỉnh Sơn La giai đoạn 2008 - 2012*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

215. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, *Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015)*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

216. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 163/BC-UBND (Ngày 29 tháng 06 năm 2012), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ hợp tác giữa tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào sáu tháng đầu năm 2012*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

217. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 212/BC-UBND (Ngày 20 tháng 08 năm 2012), *Báo cáo kết quả hợp tác phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Lào (Báo cáo phục vụ Hội nghị lần thứ VIII)*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

218. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 215/BC-UBND (Ngày 21 tháng 08 năm 2012), *Báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

219. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 216/BC-UBND (Ngày 24 tháng 08 năm 2012), *Báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án Trường trung học phổ thông thị xã Sầm Nưa, tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

220. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 235/BC-UBND (Ngày 19 tháng 09 năm 2012), *Báo cáo tình hình di cư tự do trên tuyến biên giới tỉnh Sơn La*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

221. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 304/BC-UBND (Ngày 21 tháng 11 năm 2012), *Báo cáo kết quả tình hình hợp tác với Lào năm 2012, phương hướng hợp tác năm 2013*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

222. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La, số 357/BC-UBND (Ngày 26 tháng 12 năm 2012), *Báo cáo kết quả công tác đối ngoại năm 2012; chương trình hoạt động đối ngoại năm 2013*, Phòng Lưu trữ - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La.

223. Đặng Nghiêm Vạn (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb KHXH, Hà Nội.

224. Văn phòng HĐND - UBND Huyện Sông Mã (Sông Mã ngày 08 tháng 4 năm 1999), *Dự trù kinh phí đón dân di cư của Việt Nam sang Lào từ Pha Thoong - Mường Tợ, Viêng Thoong - Hủa Phăn (Lào) về Pá Đông - Nậm Lạnh - Sông Mã - Sơn La (Việt Nam)*, Trung tâm Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

225. Văn Khăm Pheng Thíp Mun Taly, *Tổ chức xã hội truyền thống của người Phu Thay ở tỉnh Hủa Phăn*, Luận án Tiến sĩ dân tộc học, Đại học KHXH và NV.

226. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện khoa học xã hội Quốc gia Lào (2007), *Hội thảo khoa học quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
227. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khoa học xã hội Quốc gia Lào (2012), Đặc san, *Việt Nam - Lào 50 năm hợp tác và phát triển (1962 - 2012)*.
228. Viện Lịch sử quân sự (2002), *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào (1945 - 1954)*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
229. *Việt Nam 20 năm đổi mới* (2006), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
230. Trần Thị Vinh (chủ biên) - Lê Văn Anh (2008), *Lịch sử thế giới hiện đại* quyển 2, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
231. Thiếu tướng Vi Say Chăn Thạ Mạt (2009), *Cánh đồng chum Xiêng Khoảng - Vị trí chiến lược quân sự quan trọng, Liên minh chiến đấu Lào - Việt Nam trên chiến trường cánh đồng chum - Xiêng Khoảng*, Nxb KHXH, Hà Nội.
232. Đức Vượng (2008), *Cayxỏn Phômvihản tiểu sử và sự nghiệp*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
233. Viêngxay Thammasmith (2016), *Bảo vệ độc lập dân tộc của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên lĩnh vực Chính trị - an ninh từ năm 1986 đến năm 2012*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

TIẾNG ANH

234. David W.P. Elliott (1981), *The third Indochina Conflict*, Westview Press/Boulder, Colorado, USA.
235. *Indochine the people will win* (1970), H. Foreign Languages Publishing House.
236. Jane hamilton - Merritt (1994), *Tragic Mountains The Hmong, the Americans, and the Secret Wars of Laos*, 1942 - 1992, Indiana University Press.
237. Kristina Jonsson and Catarina Kinnvall (2002), *Globalization and Democratization in Asia: The Construction of Identity*, Routtedge Teylor and Francis group, London and New York.
238. Martin Stuart - Fox (1998), *A history of Laos*, Cambridge university press.
239. Martin Stuart - Fox (1980), *Laos: the Vietnamese conection*, Southeast Asian Affairs (pp 191 - 209).

240. Marvin and Susan Gettleman and Lawrence and Carol Kaplan, Random House (1970), *Conflict in Indo- China Areader on the Widening War in Laos and Cambodia*, New York.

241. Paul F. Langer and, Joseph J. Zasloff (1970), *North Vietnam and the Pathet Lao: Partners in the Struggle for Laos* (Rand Corporation Research Studies) Hardcover.

242. Ronald Bruce St John (2006), *Revolution, reform and regionalism in southeat Asia (Cambodia, Laos and Vietnam*), Routtedge Teylor and Francis group, London and New York.

TIẾNG LÀO

243. ບົດລາຍງານໂດຍຫຍໍ້ກ່ຽວກັບສະພາບການພັດທະນາດ້ານເສດຖະກິດ - ສັງຄົມຂອງແຂວງຫົວພັ 2013 - 2014, ເອກະສານຂອງພະແນກການພິວພັດຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Báo cáo tóm tắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hủa Phăn 2013 - 2014, Tư liệu Sở Ngoại vụ Tỉnh Hủa Phăn.

244. ບົດບັນທຶກຊ່ວຍຈຳການຕີລາຄາສະພາບການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ປ້ອງກັ ຄວາມສະຫງົບໄລຍະເວລາປີ 2008 - 2009, ແຜ່ການຮ່ວມມືໄລຍະເວລາປີ 2008 - 2009 ລະຫວ່າງແຂວງເຊີ້ລາ ສສ ຫວຽດນາມ - ແຂວງຫົວພັ ສປປ ລາວ (25/11/2008), ເອກະສານຈາກພະແ ນກພິວພັດຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Biên bản ghi nhớ đánh giá tình hình hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Quốc phòng, An ninh năm 2007 - 2008 và kế hoạch hợp tác năm 2008 - 2009 giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn (25/11/2008), Tư liệu Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn.

245. ບົດບັນທຶກຊ່ວຍຈຳການຕີລາຄາສະພາບການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ປ້ອງກັ ຄວາມສະຫງົບໄລຍະເວລາປີ 2006 - 2010, ເນື້ອໃນການຮ່ວມມືໄລຍະເວລາປີ 2010 - 2011 ແລະ 2010 - 2015 ລະຫວ່າງແຂວງເຊີ້ລາ ສສ ຫວຽດນາມ - ແຂວງຫົວພັ ສປປ ລາວ (02/10/2010), ເອກະສານຈາກພະແນກພິວພັດຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Biên bản ghi nhớ đánh giá tình hình hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Quốc phòng - An ninh giai đoạn 2006 - 2010, nội dung hợp tác giai đoạn 2010 - 2011 và 2010 - 2015 giữa hai tỉnh Sơn La CHXHCN Việt Nam - Hủa Phăn CHDCND Lào (02/10/2010), Tư liệu Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn.

246. ບົດບັນທຶກຊ່ວຍຈຳການຕີລາຄາສະພາບການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ປ້ອງກັຄວາມສະຫງົບໄລຍະ

ເວລາປີ 2010 - 2012, ແຜ່ນການຮ່ວມມືໄລຍະເວລາປີ 2013 - 2015 ລະຫວ່າງແຂວງເຊີລາ ສສ ຫວຽດ ນາມ - ແຂວງຫົວພັ ສປປ ລາວ (11/6/2013), ເອກະສານຈາກພະແນກພົວພັນຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Biên bản ghi nhớ đánh giá tình hình hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Quốc phòng, An ninh giai đoạn 2010 - 2012 và phương hướng hợp tác giai đoạn 2013 - 2015 giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn (11/6/2013), Tư liệu Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn.

247. ບົດບັນທຶກກອງປະຊຸມຮ່ວມມືວຽກງານການຕ່າງປະເທດລະຫວ່າງພະແນກການຕ່າງປະເທດ 08 ແຂວງພາກເໜືອລາວ ກັບ ຫ້ອງການພົວພັນຕ່າງປະເທດກົ່ງແຂວງສິບສອງພັນ, ນະຄອນພູເອີ ຄັ້ງທີ VI(2016), ເອກະສານຈາກພະແນກພົວພັນຕ່າງ ປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Biên bản ghi nhớ hội nghị hợp tác công tác đối ngoại giữa Cơ quan hợp tác đối ngoại 8 tỉnh Bắc Lào và Cơ quan hợp tác đối ngoại Châu tự trị Síp Song Phăn na, thành phố Phu Ơ lần thứ VI (2016), Tài liệu Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn.

248. ກະຊວງປອງກັນປະເທດ, ກົມວິທະຍາສາດປະຫວັດສາດ - ກອງທັບ (2008): ປະຫວັດການກັບລ່າເມືອງຂຶ້ ຝຣັ່ງ ແລະ ຈັກກະພັດເອເມລິການຸກຮານຂອງກຳລັງອາວຸດ ແລະ ປະຊາຊົນບັດການແຂວງພາກເໜືອລາວ (1945 - 1975), ວຽງຈັ

Bộ Quốc phòng, Cục Khoa học Lịch sử - Quân sự Lào (2007), *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược của lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh Thượng Lào (1945 - 1975)*, Viêng Chăn.

249. ກະຊວງປອງກັນປະເທດ, ກົມວິທະຍາສາດປະຫວັດສາດ - ກອງທັບ (2011) ປະຫວັດສາດຄວາມສຳພັນ ຕີພິເສດລະຫວ່າງກອງທັບປະຊາຊົນລາວ ແລະ ກອງທັບປະຊາຊົນຫວຽດນາມ(1945 - 1975), ວຽງຈັ.2011".

Bộ quốc phòng, Cục khoa học Lịch sử - Quân sự Lào (2010), *Lịch sử liên minh đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa quân đội nhân dân Lào và quân đội nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Viêng Chăn.

250. ປະທານໄກສອ ພົມວິຫານ (1978), ຜູ້ສ້າງຕັ້ງລາວເປັນເອກະພາບ, ເອກະລາດ ແລະ ປະຊາທິປະໄຕ, ໂຮງພິມຮ່ານ້ຳ

Cay Xỏn Phômvihản (1978), *Xây dựng một nước Lào hòa bình, độc lập và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.

251. ພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວແຂວງຫົວພັ (ຄ.ສ 1999), ປະຫວັດສາດ - ມູເຊື້ອການຕໍ່ຕ້ານການປະຕິວັດຂອງ ແຂວງຫົວພັ, ເຫຼັ້ມ 1.

Đảng bộ tỉnh Hủa Phăn (1999), *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng tỉnh Hủa Phăn Tập I,* Sầm Nưa.

252. ພະແກກາພົສພັຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ, ສະບັບ 102/ ພຕປ (22/3/2017), ບົດລາຍງາຂອງທ່າຫົວໜ້າ ສະຖາກົງສູໃຫຍ່ ແຫ່ງ ສປ ຈີປະຈຳແຂວງຫຼວງພະບາງ ກ່ຽວກັບສະພາບການຈັດຕັ້ງຂອງແຂວງຫົວພັ, ເອກະສາຈາກພະແກກາພົວພັຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn, số102/ SNV (22/3/2017), Báo cáo Ngài lãnh sự quán Cộng hòa nhân dân Trung Quốc tại tỉnh Luông Pha Bang về một số tình hình của tỉnh Hủa Phăn, Tài liệu Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn.

253. ຄະະກຳມະການປະຊາຊົແຂວງຫົວພັ, ບົດສັງລວມແຜ່ການພັດທະາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມ 5 ປີ ຄັ້ງທີ (2011 2015) ແລະ ແຜ່ການພັດທະາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມ 5 ປີ ຄັ້ງທີ VIII (2016 -2020) ຂອງແຂວງຫົວພັ, ເອກະສາຈາກພະແກກາພົວພັຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hủa Phăn, *Tổng kết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VII (2011 -2015) và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VIII (2016 -2020) của tỉnh Hủa Phăn*, Tài liệu Sở Ngoại vụ Tỉnh Hủa Phăn.

254. ພະແກແຜກາ ແລະ ລົງທຶແຂວງຫົວພັ (2006). ແຜກາພັດທະາດ້າເສດທະກິດ - ສັງຄົມ 5ປີ 2006 - 2010, ເອກະສາຈາກພະແກພົວພັຕ່າງປະເທດແຂວງຫົວພັ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hủa Phăn (2006), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Tài liệu Sở Ngoại vụ tỉnh Hủa Phăn.

255. ໂຄສະາອົບຮົມສູກາງພັກ, ຫ້ອງກາຄົ້ຄ້ວາທິດສະດີ ແລະ ພຶດຕິກຳ (2005), ຊີວິດ ແລະ ພາລະກິດອັ ຍິ່ງໃຫຍ່ຂອງປະທາ ໄກສອ ພົມວິຫາວິລະບູຮຸດຂອງຊາດລາວ.

Tuyên giáo Trung ương Đảng (Ban chỉ đạo Nghiên cứu lý luận và Thực tiễn) (2005), *Cuộc đời và hoạt động của Chủ tịch Kay Sỏn Phôm Vi Hản.*

INTERNET

256. www.biengioilanhtho.gov.vn.
257. thuvien.ued.udn.vn
258. http://www.yn.xinhuanet.com/live/200710/09/content_11351102.htm
259. http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/tin-tuc-thoi-su/thu-nhap-nguoi-viet-sap-thap-hon-ca-lao-campuchia-3105077/
260. http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=2179&idcm=189

PHỤ LỤC

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bài ca dao Thái ca ngợi mối quan hệ giữa người dân hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La.

Phụ lục 2. Bảng 1: Thống kê tình hình xâm canh xâm cư của nhân dân biên giới Hủa Phăn - Sơn La từ 1994 đến 2006

Phụ lục 3. Bảng 2: Tình hình di dịch cư tự do, vượt biên trái phép kết hôn qua biên giới Hủa Phăn - Sơn La

Phụ lục 4. Bảng 4: Giá trị tài trợ của tỉnh Sơn La dành cho Hủa Phăn bằng nguồn tài trợ của Chính phủ Việt Nam

Phụ lục 5. Bảng 5: Kim ngạch xuất nhập khẩu Hủa Phăn - Sơn La (1996 - 2013) (Đơn vị tính USD)

Phụ lục 6. Bảng 6: Danh sách công ty Trung Quốc, công ty Trung Quốc liên doanh đầu tư trên địa bàn Tỉnh Hủa Phăn – Lào 2014

Phụ lục 7: Bảng số lượng đoàn đại biểu các cấp công tác của hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La (1994 - 2012)

Phụ lục 8 :Bảng Số lượng bệnh nhân khám, chữa bệnh tại Sơn La, Hủa Phăn (1994 - 2012)

Phụ lục 9: Nội dung phỏng vấn ông Nguyễn Văn Tân nguyên Trưởng Ban công tác Miền Tây tỉnh Sơn La giai đoạn 1969 - 1994

Phụ lục 10: Phỏng vấn ông Cầm Xuân Ế nguyên Tỉnh đội trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La giai đoạn 2001- 2005, Chủ tịch Hội cựu chiến binh tỉnh Sơn La.

Phụ lục 11: Nội dung phỏng vấn lãnh đạo tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La của Truyền hình Quốc hội Việt Nam tại Chương trình "*Giao lưu hữu nghị biên giới Việt Nam-Lào lần thứ nhất*" tổ chức tại Mộc Châu - Sơn La ngày 22/7/2017.

Phụ lục 12: Nội dung phỏng vấn lưu học sinh Lào học tập tại Trường Đại học Tây Bắc

Phụ lục 13: Một số hình ảnh điền dã của tác giả.

Phụ lục 14: Bản đồ

Phụ lục 15: Biên bản hội đàm đánh giá tình hình thực hiện nội dung ký kết hợp tác kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng giai đoạn 1998 - 1999 và kế hoạch

hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2001, giữa hai tỉnh Sơn La - Hủa Phăn.

Phụ lục 16: Biên bản ghi nhớ đánh giá tình hình hợp tác kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2006 - 2010, nội dung hợp tác giai đoạn 2010 - 2011 và 2010 - 2015 giữa hai tỉnh Sơn La CHXHCN Việt Nam - Hủa Phăn CHDCND Lào.

PHỤ LỤC 1

Bài ca dao Thái ca ngợi mối quan hệ giữa người dân hai tỉnh Hủa Phăn, Sơn La:

Sơn La - Hủa Phăn là,
Hua mướng cái, tại mướng inh,
Đen đin Khẳn lắm lày, ngua, quái kin khuáy,
Pết, cáy kin diến.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Bản ải, mướng noọng, bản lúng mướng ta,
Bản nhính, mướng sao, dệt hay huôm pá,
Dệt ná huôm tôồng, pá thôông huốm láu.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Áp nặm huôm lay, kếp cáy huôm hát,
Túc pa huôm pé, xé moóng huôm phắng.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Pay kin pa, má kin khẩu,
Tảu noón xứa hốm phá,
Kin cuổi huôm vi, kin pi huôm khiêng,
Kin "lạp" họ pán.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Pay mí cu, dú mí pứng,
Phay mảy chòi căn lấp, Sấc sắp choi căn khả.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Co săng điêu báu pên pú, ngà củ điêu báu pên đông,
Lai mạy chắng pên pú, lai hú chắng pên bó.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Kin hua pít cang, kin hang pít thoóng,
Mạy căm cuổi, cuổi cặm may.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Dọn quái múa ná, dọn phá múa nao,
Ải noọng tắt nặm lín báu khát,
Tốc cảu lạt báu xia tẹ ná!

Lược dịch:

Sơn La - Hủa Phăn là,
Đầu mường gối, cuối mường liền,
Đường biên cách chỉ cây lay,
Trâu, bò chung bãi, vịt gà chung sân.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Bản anh, mường em, bản chú, mường bác,
Bản nhà gái, mường nhà trai,
Làm nương chung núi, làm ruộng chung đồng,
Đi săn chung rừng.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Tắm nước chung dòng, nhặt rêu chung thác,
Đánh cá chung bè, thả lưới chung nơi.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Đi ăn cơm về ăn cá,
Đến nhà thì nằm đệm đắp chăn,
Ăn chuối chung nải, ăn hoa chung gốc,
Ăn "lạp" chung mâm.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Đi có bạn, ở có phường,
Lửa cháy giúp nhau dập, giặc đến giúp nhau đánh.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Một cây tre không thành núi,
Một cành sấu chẳng thành rừng,
Nhiều cây mới thành núi,
Nhiều nước mới thành suối, thành sông.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Ăn đầu bẻ nửa, ăn đuôi bẻ đôi,
Cây tựa chuối, chuối tựa cây.
Sơn La - Hủa Phăn là,
Mượn trâu mùa ruộng, mượn chăn mùa rét,
Anh em như chém dòng nước máng không bao giờ đứt,
Đến chín chợ muôn nơi chẳng phai mờ.

PHỤ LỤC 2

Bảng 1: Thống kê tình hình xâm canh xâm cư của nhân dân biên giới Hủa Phăn - Sơn La từ 1994 đến 2006

Năm	Phía Sơn La xâm canh sang đất Hủa Phăn	Phía Hủa Phăn xâm canh sang đất Sơn La
1994 - 1996	14 ha	
1999- 2000	1 điểm với 28.560m^2	1 điểm 39.000m^2
2001	5 điểm với 55.013m^2	4 điểm với 81.870m^2
2002	1 điểm với 16.477m^2	1 điểm với 1.050m^2
10/2002 - 7/2003	2 điểm	1 điểm với 5.500m^2
2004	1 điểm với 1.300m^2	
2006		3 điểm với 2.630m^2

Nguồn: Thống kê từ các Báo cáo của UBND tỉnh Sơn La về tình hình thực hiện công tác biên giới qua các năm

PHỤ LỤC 3

Bảng 2: Tình hình di dịch cư tự do, vượt biên trái phép kết hôn qua biên giới Hủa Phăn - Sơn La

Năm	Số hộ	Số lượng	Dân tộc	Nơi đi	Nơi đến	Nghề nghiệp	Lý do sang	Hiện nay
1994								
1995	31	188	Mông, Thái	Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Mường La	Các huyện Sốp Bau, Sầm Nưa -tỉnh Hủa Phăn	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả về 4 hộ= 21 khẩu
1996	02	22	Mông	Mai Sơn, Sông Mã	Sốp Bau, Sầm Nưa, Mường Ét	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
1997	15	103	Mông, Thái Kinh	Mai Sơn, Sông Mã, Mường La	Sốp Bau, Sầm Nưa, Mường Ét, Viêng Thoong, Xiềng Khọ, Viêng Khăm	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
1998	14	89	Mông, Thái	Thuận Châu, Sông Mã	Sốp Bâu, Mường Ét, Viêng Thoong, Viêng Khăm	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
1999	06	38	Mông, Thái	Mộc Châu, Sông Mã	Sốp Bâu, Sầm Nưa, Mường Ét, Xiềng Khọ	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
2000	11	90	Mông, Thái	Yên Châu, Sông Mã, Mộc Châu	Sốp Bâu, Mường Ét, Viêng Thoong	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
2001	22	108	Mông Thái	Thuận Châu, Sông Mã, Mường La	Sốp Bâu, Mường Ét, Xiềng Khọ	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
2002	09	109	Mông Thái	Sông Mã, Mai Sơn	Sốp Bâu, Mường Ét, Viêng Thoong, Viêng Khăm	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
2003	29	192	Mông Thái	Thuận Châu, Sông Mã, Sốp Cộp	Sốp Bâu, Sầm Nưa, Mường Ét, Viêng Thoong, Xiềng Khọ, Viêng Khăm	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả
2004	10	68	Mông Thái	Yên Châu, Sông Mã, Thuận Châu	Sốp Bâu, Sầm Nưa, Mường Ét, Viêng Thoong	Nông dân	Sản xuất	Lào đã trả

Nguồn: UBND tỉnh Sơn La (2005), Báo cáo tình hình di dịch cư tự do, vượt biên trái phép kết hôn qua biên giới Việt Nam - Lào

PHỤ LỤC 4

Bảng 4: Giá trị tài trợ của tỉnh Sơn La dành cho Hủa Phăn bằng nguồn tài trợ của Chính phủ Việt Nam

	TỈNH HỦA PHĂN	Số tiền hỗ trợ	Năm thực hiện
1	XD 6 phòng học tại trường cấp III Phăn La	1.100.000.000	2004 - 2006
2	Hỗ trợ 5.000 tấm lợp prô xi măng	105.000.000	2005
3	Hỗ trợ gạo 120 tấn	540.000.000	2005
4	Sửa phà và bến phà Mường Ét	2.664.000.000	2006
5	Hỗ trợ mua thiết bị VP	100.000.000	2008
6	Hỗ trợ mua thiết bị VP	100.000.000	2009
7	Hỗ trợ khánh thành Tháp Ngọc	50.000.000	2009
8	Hỗ trợ XD và mua thiết bị của nhà VH thanh niên tỉnh	199.000.000	2007 (do Tỉnh đoàn Sơn La vận động)
9	Mua thiết bị hỗ trợ công đoàn	4.000.000	Nguồn liên đoàn LĐ tỉnh năm 2006
10	Hỗ trợ XD trường tiểu học bản Mi Xúc, Sầm Nưa	300.000.000	2005
11	XD nhà VH: mô hình trình diễn lúa nước và chuyển giao công nghệ tại cụm Bản Đán	360.000.000	2007 - 2008
12	XD trạm thu phát truyền hình Sầm Nưa	700.000.000	2007 - 2008
13	Hỗ trợ XD lưới điện khu vực Phiêng Sa	300.000.000	2007 - 2008
14	Hỗ trợ XD cụm bản Pa Háng, Huổi Hiềng	998.000.000	2007 - 2008
15	XD chợ trung tâm tỉnh Hủa Phăn	3.500.000.000	2008 - 2009
16	XD nhà VH tỉnh Hủa Phăn	7.500.000.000	2009 - 2010
17	Hỗ trợ XD nhà lớp học cho huyện Hua Mường	5.000.000.000	2012
18	Hỗ trợ XD Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Hủa Phăn	2.300.000.000	2012
19	Hỗ trợ chức mít tinh kỷ niệm năm hữu nghị VN - Lào 2012	100.000.000	2012
20	Trường PTDT Nội trú tỉnh Hủa Phăn	60.000.000.000	2012
21	Trường THPT thị xã Sầm Nưa	56.000.000.000	2012
	TỔNG CỘNG	**141.920.000.000**	Không tính chi phí đào tạo

Nguồn: 77;Tổng hợp giá trị tài trợ của tỉnh Sơn La dành cho Hủa Phăn và nguồn tài trợ của Chính phủ Việt Nam giao cho tỉnh Sơn La thực hiện (giai đoạn từ năm 2001 - 2012) [Sở kế hoạch và Đầu tư Sơn La].

PHỤ LỤC 5

Bảng 5: Kim ngạch xuất nhập khẩu Hủa Phăn - Sơn La (1994 - 2013)
(Đơn vị tính USD)

Năm	Tỉnh Hủa Phăn xuất	Tỉnh Sơn La xuất	Tổng cộng
1994 - 1995	270.000.000 VNĐ (23.069 USD)	954.000.000 VNĐ (81.608 USD)	1.224.000.000 VNĐ (104.704 USD)
1996 - 1997			2.600.000.000 VND (222.421 USD)
1998 - 1999	292.970	550.070	842.970
2001 - 2002	407.000	617.000	1.024.000
2002 - 2004	2.114.986	2.923.188	5.038.174
2006 - 2007	1.174.800	894.600	2.669.400
2008 - 2009	603.350,7	45.304,43	648.655,13
2009 - 2010	573.076,16	32.469,04	605.545,2
2010 - 2013	7.380.000	6.170.000	13.550.000

Nguồn: [153], [155],[159], [19], [191], [244], [245], [246]

PHỤ LỤC 6

Bảng 6: Danh sách công ty Trung Quốc, công ty Trung Quốc liên doanh đầu tư trên địa bàn Tỉnh Hủa Phăn – Lào 2014

STT	TÊN CÔNG TY	TỔNG SỐ CÔNG NHÂN	SỐ GPĐT	THỜI HẠN ĐẦU TƯ	ĐỊA BÀN ĐẦU TƯ	ĐỊA BÀN ĐỨNG CHÂN	DIỆN TÍCH	VỐN ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ
1	Hông Sơn	47 (người Trung Quốc)	025/Bộ KH&ĐT ký ngày 06/8/2007	50 năm (từ 08/2007 đến 08/2057)	Huyện Sầm Nưa tỉnh Hủa Phăn	Bản Phôn Xay-Sầm Nưa-Hủa Phăn	01 ha	1.090.466 USD (100% vốn nước ngoài)	Chợ thương mại trung tâm Hủa Phăn
2	Zu Xi	55(Lào: 48; Trung Quốc: 07)	KHĐT tỉnh ký ngày 10/11/2004	10 năm từ 11/2004 đến 11/2014	toàn tỉnh Hủa Phăn	Bản Na Xa Cang-Sầm Nưa-Hủa Phăn		500.000 USD; (100% vốn nước ngoài)	Xây dựng cơ sở hạ tầng và sử chữa nâng cấp đường bộ
3	Tu Quang Tả	31(Lào: 19; Trung Quốc: 12)	030/Sở KHĐT tỉnh ký ngày 28/11/2005	15 năm từ 11/2005 đến 11/2020	toàn tỉnh Hủa Phăn	Na Thoong-Sầm Nưa-Hủa Phăn		120.000 ÚSD (100% vốn nước ngoài)	Cung cấp thiết bị truyền hình
4	Di Shao	45(Lào: 32; Trung Quốc: 13)	049/Bộ KH&ĐT ký ngày 15/12/2006	10 năm từ 12/2006 đến 12/2016	toàn tỉnh Hủa Phăn	Na lưu-Sầm Nưa-Hủa Phăn		100.000 ÚSD (100% vốn nước ngoài)	Sản xuất đá xây dựng và bê tông
5	Sản xuất bánh kẹo và nước ngọt	36(Lào: 25; Trung Quốc: 11)	016/Bộ KH&ĐT ký ngày 28/06/2007	20 năm từ 06/2007 đến 06/2027	toàn tỉnh Hủa Phăn và các tỉnh lân cận	Mường Ngà-Sầm Nưa-Hủa Phăn		100.000 ÚSD (100% vốn nước ngoài)	Sản xuất bánh kẹo và nước ngọt
6	Zuôn Zuôn	52(Lào: 40; Trung Quốc: 12	021/Bộ KH&ĐT ký ngày 2/12/2006	15 năm từ 7/2007 đến 7/2022	Sầm Nưa-Hủa Phăn	Xay-Sầm Nưa-Hủa Phăn		100.000 ÚSD (100% vốn nước ngoài)	Sản xuất và chế biến chè
7	Hua Long	07 (Khi khai thác thuê công nhân địa phương)	011/Bộ KH&ĐT ký ngày 25/7/2009	05 năm từ 2009 đến 2014	Bản Xiềng Luông-Viêng Xay-Hủa Phăn	Bản Xiềng Luông-Viêng Xay-Hủa Phăn	2.400 ha	3.000.000 USD (100% vốn nước ngoài)	Khảo sát tìm kiếm quặng sắt
8	THHH Xan Ze	40(Lào: 32; Trung Quốc: 08)	015/Bộ KH&ĐT ký ngày 28/6/2007	04 năm từ 6/2006 đến 2010. Đã gia hạn tiếp tục đầu tư 05 năm	Huyện Viêng Thoong-Hủa Phăn	Huyện Viêng Thoong-Hủa Phăn		625.000 ÚSD (100% vốn nước ngoài)	Trồng và sản xuất nhựa cao su
10	A Xay	04 người Trung Quốc	12 tỉnh Hủa Phăn cấp ngày 12/11/2007	10 năm từ 2007 đến 2017	Bản Mường Liệt-Viêng Xay-Hủa Phăn	Bản Na Cay-Viêng Xay-Hủa Phăn	200 ha	268.315 ÚSD (100% vốn nước ngoài)	Sản xuất thức ăn gia súc
11	Chế biến nhựa thông	20 (Lào: 7; Trung Quốc: 13)	007/Bộ KH&ĐT ký ngày 11/6/2003	15 năm từ 6/2003 đến 6/2018	Huyện Hủa Mường-Hủa Phăn	Huyện Hủa Mường-Hủa Phăn	250 ha	300.000 ÚSD (Trung Quốc 60%; Lào 40%)	Kinh doanh chế biến nhựa thông xuất khẩu
12	Lao Phu Dinh	34(Lào: 14; Trung Quốc: 20	117/Bộ NL Lào ký ngày 20/11/2006	05 năm từ 2006 đến 2011 Đã gia hạn 05 năm	Bản Phiêng Nhăm-Xiềng Khọ-Hủa Phăn	Bản Phiêng Nhăm-Xiềng Khọ-Hủa Phăn	49.650 ha	10.000.000 USD (Trung Quốc 70%; Lào 30%)	Khai thác quặng
13	Vân Châu	17(Lào: 06; Trung Quốc: 11)	027/Bộ KH&ĐT ký ngày 04/9/2007	15 năm từ 9/2007 đến 8/2022	Huyện Xiềng Khọ, Mường Ét/Hủa Phăn	Mường Ét-Hủa Phăn		1.00.000 ÚSD (Trung Quốc 50%; Lào 50%)	Sản xuất giấy vở học sinh

Nguồn: [24];*trích Báo cáo danh sách công ty Trung Quốc, công ty Trung Quốc liên doanh đầu tư trên địa bàn Tỉnh Hủa Phăn – Lào 2014, Bộ Chỉ huy Biên phòng Tỉnh Thanh Hóa.*

PHỤ LỤC 7

Bảng số lượng đoàn đại biểu các cấp công tác của hai tỉnh Hủa Phăn - Sơn La (1994 - 2012)

Năm	Số lượng đoàn đại biểu Hủa Phăn sang Sơn La	Số lượng đoàn đại biểu Sơn La sang Hủa Phăn
1994 - 1995	1	1
1996 - 1997	11	9
1997 -1998	1	3
1999 -2000	1	1
2001- 2005	41	39
2006 - 2010	37	50
2010 - 2012	60	42

Nguồn: 142; 151; 153; 162; 178; 184; 244; 245

PHỤ LỤC 8

Bảng: Số lượng bệnh nhân khám, chữa bệnh tại Sơn La, Hủa Phăn (1994 - 2012)

Năm	Số bệnh nhân Hủa Phăn khám, chữa bệnh tại Sơn La (ĐV: người)	Số bệnh nhân Sơn La, khám chữa bệnh tại Hủa Phăn (ĐV: người)
1994	10	
1998 - 1999	24	
2001 - 2006	584	
2006 - 2010	1.135	250
2010 - 2012	611	

Nguồn: 140; 150; 178; 244; 245

PHỤ LỤC 9
NỘI DUNG PHỎNG VẤN ÔNG NGUYỄN VĂN TÂN, NGUYÊN TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MIỀN TÂY TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1969 - 1994

1. Tóm tắt lý lịch

Sinh ngày: 9/10/1930

Quê quán: Đại Nghĩa - Đoan Hùng - Phú Thọ

Trú quán: Tổ 6, Phường Chiềng Lề, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Số điện thoại: 01652431377

Chức vụ: Trưởng Ban Công tác Miền Tây tỉnh Sơn La từ năm 1969 đến năm 1994

2. Nội dung phỏng vấn

Sau khi được hỏi về quan hệ giữa Sơn La và Hủa Phăn trước năm 1975; giai đoạn 1975 - 1986, ông Nguyễn Văn Tân cho biết:

2.1. Trước năm 1975

Năm 1967, Ban Miền Tây Sơn La được thành lập do ông Lê Ninh Chủ tịch tỉnh làm Trưởng ban, ông Hoàng Luông phó Chủ tịch làm phó ban. Cuối năm 1967 hai tỉnh Sơn La, Hủa Phăn bắt đầu ký kết hợp tác. Năm 1968, hai bên triển khai nội dung ký kết, Sơn La nhận con em của các vị lãnh đạo chủ chốt (68 cháu), có đứa mới lên 9 - 10 tuổi. Sơn La cử cán bộ sang thống nhất với bạn, giúp trực tiếp cho 2 huyện điểm là Xiềng Khọ và Mường Son. Ban Miền Tây Sơn La làm kế hoạch tài chính, vật tư, xe cộ, thiết bị kĩ thuật trình Ban miền Tây Trung ương duyệt. Sơn La giúp tỉnh bạn, nhưng thực tế, tất cả các mặt về kinh tế, ngân sách, vật tư, kĩ thuật hoàn toàn do Trung ương hỗ trợ, tỉnh chỉ có con người. Sơn La cử cán bộ sang giúp Hủa Phăn, đều là những người nhiệt tình, không phải là Đảng viên thì cũng là đoàn viên ưu tú, biết tiếng Lào (hầu hết là bộ đội). Hủa Phăn chủ yếu là người Thái, cán bộ Sơn La sang công tác chỉ 1 tuần là biết chữ. Sau 2 đến 3 năm Sơn La giúp bạn xây dựng được chi bộ ở xã, 4 - 5 năm có Đảng ủy xã, xây dựng chính quyền ổn định.

2.2. Giai đoạn 1975- 1986

Về chính trị: sau năm 1975, Sơn La rất khó khăn, 80 - 90% là Trung ương viện trợ, nhưng tiếp tục giúp đỡ 4 xã điểm ở hai huyện Xiềng Khọ, Mường Son (Hủa Phăn) xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng (Sơn La giúp đào tạo trên 1200 cán bộ chủ yếu bằng hình thức tại chỗ, ngoài ra đưa sang Sơn La học, học tốt tiếp tục gửi xuống Hà Nội). Hủa Phăn rút kinh nghiệm từ xây dựng chính quyền cấp xã lên cấp huyện. Năm 1975 các tỉnh Bắc Lào mới giành chính quyền hoàn toàn, thiếu năng lực quản lý, lực lượng cán bộ Sơn La đào tạo tại chỗ giúp Hủa Phăn dần trưởng thành, luân chuyển sang các tỉnh làm công tác ổn định chính quyền. Hủa Phăn trở thành nôi đào tạo cán bộ cho các tỉnh Bắc Lào.

An ninh - quốc phòng: Sơn La đưa lực lượng của mình sang tập huấn cho bạn về sử dụng vũ khí thông thường.

Về kinh tế:

- Công nghiệp: Sơn La đưa kĩ sư sang giúp Hủa Phăn quản lý về công nghiệp (hai kĩ sư là Bùi Hải, Bùi Sơn), giúp một số cơ sở công nghiệp chế biến gỗ.

- Nông nghiệp: Sơn La giúp bạn phòng chống dịch bệnh cho gia súc, nghiên cứu giống cây trồng, cung cấp giống cây, con (trong phạm vi 2 xã điểm), giúp về kĩ thuật canh tác, xây dựng công trình thủy lợi... Kết quả là: giống lúa phù hợp, từ một vụ, Hủa Phăn đã sản xuất được 2 vụ/năm.

Về y tế: Sơn La giúp bạn tổ chức y tế bản, xã; nhận một số cán bộ y tế của bệnh viện tỉnh Hủa Phăn sang Sơn La tập huấn lớp 3 tháng hoặc 7 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Đồng thời, Sơn La đưa một số bác sĩ ngoại khoa (Bác sĩ Tùng. Bác sĩ Tấn), bác sĩ răng

hàm mặt (Lò Phóng) sang giúp Hủa Phăn 3 năm, nhằm kèm cặp tại chỗ lực lượng y bác sĩ của tỉnh bạn.

Giáo dục: Sơn La giúp đào tạo giáo viên cho Hủa Phăn, khoảng 15 - 16 người tại Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc; cử đoàn may mặc sang giúp Hủa Phăn thành lập xưởng may mặc.

Sự giúp đỡ của Sơn La đối với Hủa Phăn là rất lớn, đến năm 1984, Hủa Phăn về cơ bản đã ổn định. Do Sơn La có kinh nghiệm giúp bạn, nhất là xây dựng cơ sở, nên Trung ương tiếp tục giao cho Sơn La giúp tỉnh Bó Kẹo (cực Tây Bắc của Lào) mới được thành lập.

.

Sơn La, ngày 30 tháng 9 năm 2016

Xác nhận của người được phỏng vấn

Đã ký

PHỤ LỤC 10

PHỎNG VẤN ÔNG CẦM XUÂN Ế, NGUYÊN CHỈ HUY TRƯỞNG BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2001 - 2005, CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH SƠN LA

1. Tóm tắt lý lịch

Sinh ngày: 2/9/1949

Quê quán: Tường Tiến - Phù Yên - Sơn La

Trú quán: Tổ 8, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La

Số điện thoại: 0974912966

Chức vụ: Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La giai đoạn 2001 - 2005
Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Sơn La

Công tác tại Hủa Phăn: 1968 - 1980

2. Nội dung phỏng vấn:

- *Câu hỏi: Được biết ông là người trực tiếp tham gia công tác giúp tỉnh Hủa Phăn sau năm 1975, xin ông cho biết tình hình Hủa Phăn sau giải phóng?*

-Trả lời: Hủa Phăn là căn cứ chính của Lào trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Mĩ thiết lập căn cứ Pa Thí tại tỉnh Hủa Phăn, đồng thời, hệ thống ra đa quan sát làm nhiệm vụ chủ yếu khống chế chi viện của ta cho Lào trên tuyến đường: Hà Nội - Hòa Bình - Đường 6 - Điện Biên. Quân khu II đóng ở Sơn La vừa bảo vệ Sơn La, vừa giúp bạn Lào. Sơn La có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh, chiến lược phát triển kinh tế và đối ngoại, là lá chắn bảo vệ vững chắc cho Hà Nội. Vì thế, nhiệm vụ, trọng trách của Đảng bộ nhân dân các dân tộc Sơn La rất lớn và quan trọng.

Từ 1976 đến 1978 các Tiểu đoàn 428, Trung đoàn 148 lần lượt rút lực lượng về Việt Nam. Tuy nhiên, nội bộ Hủa Phăn, lực lượng phỉ còn hoạt động mạnh, phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn, chủ yếu xin nguồn viện trợ của Liên Xô, Việt Nam và các nước XHCN khác. Cuộc sống của người dân chủ yếu là tự cấp, tự túc, các cơ quan Đảng, Chính quyền gặp nhiều khó khăn. Đời sống của bộ đội địa phương thiếu thốn, phải phân tán lực lượng. Một bộ phận thay nhau trực đơn vị, số còn lại về làm kinh tế. Đường giao thông chủ yếu là đường cấp phối, nên đi lại khó khăn, các công ty, xưởng máy móc cũng chưa có, lại bị tàn phá của bom đạn, vết thương chiến tranh còn lớn. Sản xuất mang tính chất truyền thống, còn manh mún

- *Câu hỏi: Trong thời gian ông công tác tại tỉnh Hủa Phăn, ông cảm nhận như thế nào về tình cảm của nhân dân Hủa Phăn đối với sự giúp đỡ của Sơn La?*

- Trả lời: Nhân dân Hủa Phăn rất thân thiện và tốt bụng. Nhiều huyện bị Phỉ càn quét đều chạy sang Sơn La nương nhờ, khi tình hình ổn định họ mới trở về. Ví dụ: Ông Bua Xiềng, người Thái hoạt động cách mạng ở Lào về sơ tán ở Sốp Cộp (Mường Lạn), con cháu ông đều được đào tạo ở Việt Nam, rất thân thiết với Việt Nam. Họ coi bộ đội Việt Nam như người nhà, tạo mọi điều kiện tốt nhất để bộ đội Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ.

Sơn La, ngày 23 tháng 9 năm 2016

Xác nhận của người được phỏng vấn

Đã ký

PHỤ LỤC 11

NỘI DUNG PHỎNG VẤN LÃNH ĐẠO TỈNH HỦA PHĂN VÀ TỈNH SƠN LA CỦA TRUYỀN HÌNH QUỐC HỘI VIỆT NAM TẠI CHƯƠNG TRÌNH "*GIAO LƯU HỮU NGHỊ BIÊN GIỚI VIỆT NAM- LÀO LẦN THỨ NHẤT*" TỔ CHỨC TẠI MỘC CHÂU - SƠN LA NGÀY 22/7/2017.

I- Tham gia phỏng vấn gồm:

1. Ông Văn Xay Veng Xu Ma, Bí thư, Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn
2. Ông Cầm Ngọc Minh, Chủ tịch tỉnh Sơn La

II- Nôi dung phỏng vấn:

1) ***Phỏng vấn, trao đổi với ôngVăn Xay Veng Xu Ma, Bí thư, Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn***

- **Phóng viên truyền hình (PVTH)**: Thưa đồng chí, trong suốt một thế kỷ tình đoàn kết Việt Nam - Lào đã được dày công vun đắp, đã trở thành truyền thống tốt đẹp của hai dân tộc và ngày càng phát triển lên tầm cao mới. Năm 2012, cùng với tỉnh Xiêng Khoảng, tỉnh Hủa Phăn được chọn làm điểm về chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào đến năm 2020 giữa chính phủ hai nước. Đây là một trong nhưng cơ sở quan trọng để thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước cũng như tiền đề để Hủa Phăn phát triển mạnh mẽ. Đồng chí có thể cho biết rõ hơn về vấn đề này?

- **Ông Văn Xay Veng Xu Ma**: Trước khi trả lời câu hỏi của đồng chí, tôi xin khẳng định thêm về tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai đảng, hai nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam, Lào. Mối quan hệ đó đã được hai đảng, hai nước và nhân dân hai nước dày công vu đắp. Trải qua các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ, giải phóng hoàn toàn đất nước tiến tới xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay. Đối với tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Xiêng Khoảng chúng tôi, thực hiện theo đường lối, chủ trương của Đảng, Chính phủ Lào, từ năm 2012, tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Hủa Phăn đã được chọn là điểm chiến lược về xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội. Trong đó, tập trung xây

dựng cơ sở hạ tầng, nhằm đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo đời sống cho nhân dân hai tỉnh ngày càng phát triển bền vững như các tỉnh khác.

- **PVTH:** Được biết mối quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La luôn là một điểm sáng trong mối quan hệ đoàn kết hữu nghị giữa hai nước. Vậy, cá nhân đồng chí đánh giá như thế nào về vấn đề này?

- **Ông Văn Xay Veng Xu Ma:** Mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La là một điểm sáng trong quan hệ đoàn kết hữu nghị của hai nước Lào - Việt Nam. Tôi khẳng định điều này. Bởi vì, tỉnh Sơn La và tỉnh Hủa Phăn có biên giới liền kề, có mối tình cảm động, đoàn kết hữu nghị lâu đời. Tỉnh Sơn La luôn kề vai sát cánh cùng tỉnh Hủa Phăn chúng tôi, giúp tỉnh Hủa Phăn xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực… Hủa Phăn, Sơn La thường xuyên tiến hành trao đổi công tác đoàn, trong đó tập trung vào nội dung: kinh nghiệm xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh, đảm bảo giữ vững khu vực biên giới hai tỉnh an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai tỉnh được thăm hỏi lẫn nhau. Nhân dịp này, tôi xin thay mặt cho Chính quyền, nhân dân tỉnh Hủa Phăn chân thành cảm ơn lãnh đạo, nhân dân tỉnh Sơn La đã luôn ủng hộ và giúp đỡ nhân dân tỉnh Hủa Phăn chúng tôi.

2) ***Phỏng vấn, trao đổi với ông Cầm Ngọc Minh, Chủ tịch tỉnh Sơn La***

- **PVTH:** Thưa đồng chí Cầm Ngọc Minh, những năm qua, thực hiện đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, tỉnh Sơn La đã đạt được nhiều thành tựu. Vậy, xin đồng chí cho biết, Tỉnh ủy, UBND, các ngành chức năng của tỉnh Sơn La, nhân dân tỉnh Sơn La đã làm gì để có được những thành tựu đó?

- **Ông Cầm Ngọc Minh**: Vâng! Kính thưa các vị đại biểu, thưa các đồng chí và các bạn. Tỉnh Sơn La tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết hữu nghị Việt Nam, Lào và đặc biệt lãnh đạo các thế hệ hàng năm đều xây dựng kế hoạch chi tiết trong việc tổ chức các đoàn cấp cao để trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm lẫn nhau, giúp nhau phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo Quốc phòng an ninh. Từng việc cụ thể đều gắn với biên bản ghi nhớ, để ngày càng vun đắp thêm tình đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào.

Vấn đề thứ hai, tỉnh Sơn La quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Bắc Lào.

Có thể nói đây là việc làm hết sức có ý nghĩa. Ngoài việc mỗi năm, tỉnh Sơn La giúp mỗi tỉnh 20 xuất học bổng, chúng tôi còn cung cấp các loại hình đào tạo khác nhau để thu hút lưu học sinh Lào vào học tại Trường Đại học Tây Bắc và các trường cang đẳng tại Sơn La. Hiện nay ở Sơn La có trên 1.100 lưu học sinh Lào đang học tại tỉnh. Thông qua thực tiễn, tỉnh Sơn La quyết định mở một lớp đào tạo tiếng Việt cho 113 đồng chí cán bộ quân sự Công an Biên phòng, đào tạo 9 tháng, bước đầu đạt kết quả khá tốt.

Vấn đề thứ ba, tỉnh Sơn La quan tâm phối hợp trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân hai bên biên giới thực hiện thật tốt Hiệp định về quy chế biên giới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới được đi lại thuận lợi, giúp nhau phát triển kinh tế xã hội và đặc biệt công tác phối hợp phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm ma túy và công tác phòng chống ma túy thẩm lậu qua biên giới.

- **PVTH:** Vâng, Đồng chí Cầm Ngọc Minh vừa chia sẻ hoạt động đối ngoại của tỉnh Sơn La, trong đó có tỉnh Hủa Phăn. Như đồng chí vừa chia sẻ, trong thành tựu đối ngoại của toàn tỉnh, hoạt động đối ngoại biên giới, đối ngoại Biên phòng rất quan trọng. Đồng chí có thể nói rõ thêm về vấn đề này được không?

- **Ông Cầm Ngọc Minh:** Vâng, trước khi trả lời câu hỏi. Tôi thay mặt cho lãnh đạo tỉnh Sơn La, xin được trân trọng cảm ơn đồng chí Bí thư, Tỉnh trưởng tỉnh Hủa Phăn đã có những nhận xét rất anh em, rất đồng chí, những việc làm giữa hai tỉnh Hủa Phăn và Sơn La thực sự ấn tượng, thực sự anh em, gắn kết bền chặt trong nhiều năm.

Trong việc đánh giá về hoạt động của Bộ đội biên phòng tỉnh Sơn La trong nhiều năm qua đối với công tác đối ngoại, thì lực lượng này đã tích cực chủ động tham mưu giúp cho cấp ủy, chính quyền của tỉnh phối hợp chặt chẽ với lực lượng biên phòng của tỉnh Hủa Phăn, tỉnh Luông Pha Băng; tham mưu giúp cho việc tập huấn nghiệp vụ, bảo vệ biên giới của hai tỉnh giáp ranh; tổ chức thông tin tuyên truyền thông qua các cuộc hội đàm, tuần tra song phương; tạo ấn tượng, tình cảm tốt đẹp giữa bộ đội Biên phòng với nhân dân hai bên biên giới; tạo được động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển… Đây là những việc làm có ý nghĩa thiết thực, góp phần vun đắp tình đoàn kết, hữu nghị Việt Nam - Lào nói chung, Sơn La - Các tỉnh Bắc Lào, các tỉnh giáp ranh Luông Pha Băng, Hủa Phăn nói riêng.

Nguồn:https://www.youtube.com/watch?v=XU6Txwto5kk&t=2139s

PHỤ LỤC 12

NỘI DUNG PHỎNG VẤN LƯU HỌC SINH LÀO HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

I. Tham gia phỏng vấn gồm:

1. Si Vụi Bun Bua Phăn, Sinh viên K57 B Khoa Lý luận Chính trị
2. Chít La Con Sụn Vạn Na, Sinh viên K57 A Khoa Lý luận Chính trị
3. Nuôn Si Khăm Păn Nha, sinh viên K57 Khoa Toán - Lý - Tin

II. Nội dung phỏng vấn

1) Phỏng vấn lưu học sinh: Si Vụi Bun Bua Phăn

1.1. Tóm Tắt lý lịch:

Sinh ngày: 29/6/1986

Quê quán: Sầm Nưa - Hủa Phăn

Đơn vị công tác: Công tác tại Hội chữ thập đỏ Tỉnh Hủa Phăn

Chức vụ: Sinh viên K57B Đại học Giáo dục Chính trị, Khoa Lý Luận Chính trị, Trường Đại học Tây Bắc

Trưởng Ban Đại diện Lưu học sinh Lào Trường Đại học Tây Bắc

Diện học: Hệ ngân sách

1.2. Nội dung phỏng vấn

Câu hỏi: Bạn thuộc diện cán bộ cử đi học, tỉnh Hủa Phăn đã có những chính sách như thế nào đối với diện học này?

Trả lời: Tỉnh Hủa Phăn luôn quan tâm đến vấn đề nâng cao trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ. Bản thân em, công tác tại Hội chữ thập đỏ sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh. Cùng với quy trình sắp xếp, luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực, đúng chuyên môn, em được Ban tổ chức cán bộ ra quyết định cử đi học nâng cao trình độ. Em lựa chọn chuyên ngành Đại học Giáo dục Chính trị tại Trường Đại học Tây Bắc nằm trên địa bàn tỉnh Sơn La, nơi gần với địa phương em sinh sống. Sau khi học xong, theo quyết định, em tiếp tục công tác tại Hội chữ thập đỏ tỉnh và chịu sự sắp xếp của tỉnh khi có yêu cầu. Tỉnh Hủa Phăn tạo điều kiện giữ nguyên mức lương hàng tháng đối với diện học chính sách đã có gia đình như em khi học ở Việt Nam.

Câu hỏi: Tỉnh Sơn La có chính sách như thế nào đối với diện học như bạn?

Trả lời: Học ở Đại học Tây Bắc, chúng em nhận được sự quan tâm rất lớn của tỉnh Sơn La cả vật chất lẫn tinh thần. Tỉnh Sơn La đã hỗ trợ học bổng cho diện học chính sách là 2.600.000/1 tháng, từ 1 tháng 9/2017 mức học bổng tăng lên là 3.160.000/1 tháng. Tỉnh Sơn La tạo nhiều điều kiện cho sinh viên Lào sang học tập thông qua cơ chế mở của Sở Giáo dục. Ngoài ra, ngày lễ tết Bun Pi may của dân tộc Lào vào tháng 4 chúng em cũng được tỉnh Sơn La, trực tiếp là Sở Ngoại vụ quan tâm động viên cùng với nhà trường tổ chức vui tết rất ý nghĩa.

Câu hỏi: Bạn công tác ở Hội chữ thập đỏ tỉnh Hủa Phăn. Bạn có thể cho biết những biểu hiện hợp tác giữa tỉnh Hủa Phăn và tỉnh Sơn La trên lĩnh vực này được không?

Trả lời: Hội chữ thập đỏ Hủa Phăn và Sơn La thường xuyên trao đổi, hội đàm, ký kết biên bản ghi nhớ thực hiện công tác cứu trợ nhân đạo nhất là khi có thiên tai xảy ra. Hai bên cũng thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, giao lưu nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Những con số cụ thể thì em không nắm rõ, do em đi học hai năm nay rồi.

2) Phỏng vấn lưu học sinh: Chít La Con Sụn Vạn Na, Nuôn Si Khăm Păn Nha

2.1. Tóm Tắt lý lịch:

Chít La Con Sụn Vạn Na sinh ngày: 28/11/1995

Quê quán: Sầm Nưa - Hủa Phăn

Chức vụ: Sinh viên K57A Đại học Giáo dục Chính trị, Khoa Lý Luận Chính trị,

Trường Đại học Tây Bắc

Diện học: Hệ tự túc

Nuôn Si Khăm Păn Nha sinh ngày 3/1/1997

Quê quán: Sốp Bâu - Hủa Phăn

Chức vụ: Sinh viên K57 Đại học Công nghệ Thông tin, Khoa Toán - Lý - Tin, Trường Đại học Tây Bắc.

Diện học: Hệ tự túc

2.2. Nội dung phỏng vấn

Câu hỏi: Tại sao các bạn lại chọn Đại học Tây Bắc ở Sơn La là điểm đến cho khóa du học Đại học của mình?

Trả lời: Vì Sơn La rất gần với Hủa Phăn, địa phương chúng em sinh sống, hơn nữa, chúng em được biết, Trường Đại học Tây Bắc là một trường đại học lớn trong vùng, có nhiều thầy cô giáo có trình độ chuyên môn tốt, điều kiện cơ sở vật chất khang trang, nên chúng em quyết định sang đây theo học.

Câu hỏi: Đối với diện học tự túc như các bạn, Tỉnh Hủa Phăn cũng như tỉnh Sơn La có chính sách hỗ trợ gì không?

Trả lời: Chúng em phải tự túc hoàn toàn, một năm đóng học phí với mức 12 triệu/ năm. Tuy nhiên, chúng em cũng vẫn nhận được sự tạo điều kiện về thủ tục hành chính thuận lợi, nhanh gọn khi sang học của chính quyền hai tỉnh. Ngoài ra, về phía tỉnh Sơn La, cũng như Trường Đại học Tây Bắc cũng có chính sách khuyến khích học tập nếu lưu học sinh diện tự túc đạt học sinh xuất sắc sẽ được thưởng 13 triệu đồng/ năm. Đó là động lực lớn giúp chúng em nỗ lực phấn đấu học tập.

Câu hỏi: Khó khăn lớn nhất các bạn gặp phải khi theo học ở Trường Đại học Tây Bắc Là gì?

Trả lời: Khó khăn của chúng em là trình độ tiếng Việt vẫn còn yếu, nên hạn chế về mặt tiếp thu bài giảng của giảng viên. Mặc dù đã được thầy cô và bạn bè giúp đỡ rất nhiều nhưng chúng em vẫn chưa theo kịp được sinh viên Việt Nam. Hơn nữa chương trình học ở Lào so với Việt Nam rất khác nhau, ở Việt Nam học khó hơn. Vì vậy, chúng em còn phải cố gắng rất nhiều.

Câu hỏi: Khi học ở Việt Nam về, cơ hội xin việc làm của các bạn có dễ dàng không?

Trả lời: Chúng em khi đi học về cũng tự đi xin việc. Những năm gần đây, lưu học sinh Lào học ở Việt Nam cũng nhiều, nên xin việc làm cũng có cạnh tranh chứ không dễ dàng như trước. Tuy nhiên, du học ở nước ngoài về, cơ hội xin việc rộng mở hơn.

Đại học Tây Bắc, Sơn La, ngày 1/10/2017

Xác nhận của người được phỏng vấn

Đã ký

PHỤ LỤC 13

MỘT SỐ HÌNH ẢNH ĐIỀN DÃ CỦA TÁC GIẢ

Tác giả và ông Nguyễn Văn Tân - Nguyên Trưởng Ban Công tác Miền Tây giai đoạn 1969 - 1994 (Ảnh chụp tại nhà riêng ông Nguyễn Văn Tân tháng 5/2017)

Si Vụi Bun Bua Phăn

Nuôn Si Khăm Păn Nha

Chít La Con Sụn Vạn Na

Tác giả và lưu học sinh Lào tại Trường Đại học Tây Bắc (Ảnh chụp tháng 10/2017)

Biên giới Yên Châu - Xiềng Khọ

Biên giới Sông Mã - Mường Ét

Biên giới Yên Châu - Xiềng Khọ

Biên giới Mộc Châu - Sốp Bâu

Ảnh chụp tác giả đi điền dã tháng 2 và tháng 5/ 2017

Cặp cửa khẩu Lóng Sập - Pa Háng (Ảnh tác giả chụp tháng 5/2017)

Cặp cửa khẩu Chiềng Khương - Bản Đán (Ảnh tác giả chụp tháng 2/2017

Đài tưởng niệm Chủ tịch Cay Sỏn Phôm Vi Hản (Ảnh chụp 2/2017)

Di tích lịch sử cách mạng Việt Nam - Lào (Lao Khô - Phiêng Khoài - Yên Châu) (Ảnh chụp tháng 2/2017)

Trường Cấp III Phăn La (Sầm Nưa) (Ảnh chụp tháng 5/ 2017)

Trường Phổ thông trung học dân tộc nội trú Viêng Xay - Sầm Nưa (Ảnh tác giả chụp tháng 5/2017)

Văn phòng Chính quyền tỉnh Hủa Phăn

Tháp Ngọc (Ảnh chụp tháng 5/2017)

Chợ Trung tâm Sầm Nưa (Ảnh chụp tháng 5/2017)

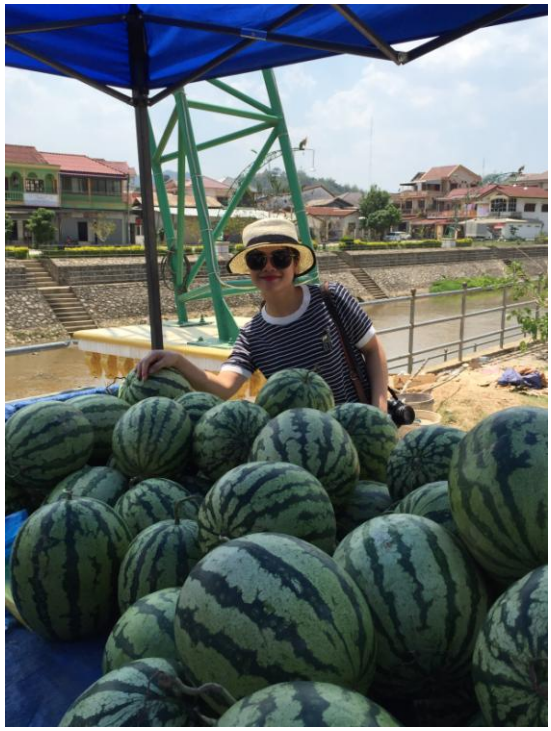

Một số hình ảnh hàng hóa tại chợ Trung tâm Hủa Phăn (Ảnh chụp tháng 5/2017)

Cánh đồng Huyện Sốp Bâu - Hủa Phăn (Ảnh chụp tháng 5/2017)

Ruộng lúa nước Bản Đán - Mường Ét - Hủa Phăn (Ảnh chụp tháng 2/2017)

Sinh viên Lào đang học tập tại Trường Đại học Tây Bắc - Thành phố Sơn La

Tổ chức tết cổ truyền Bun Pimay cho lưu học sinh Lào tại Trường Đại học Tây Bắc

PHỤ LỤC 14. BẢN ĐỒ

ẢNH CHỤP VỆ TINH RANH GIỚI HỦA PHĂN – SƠN LA

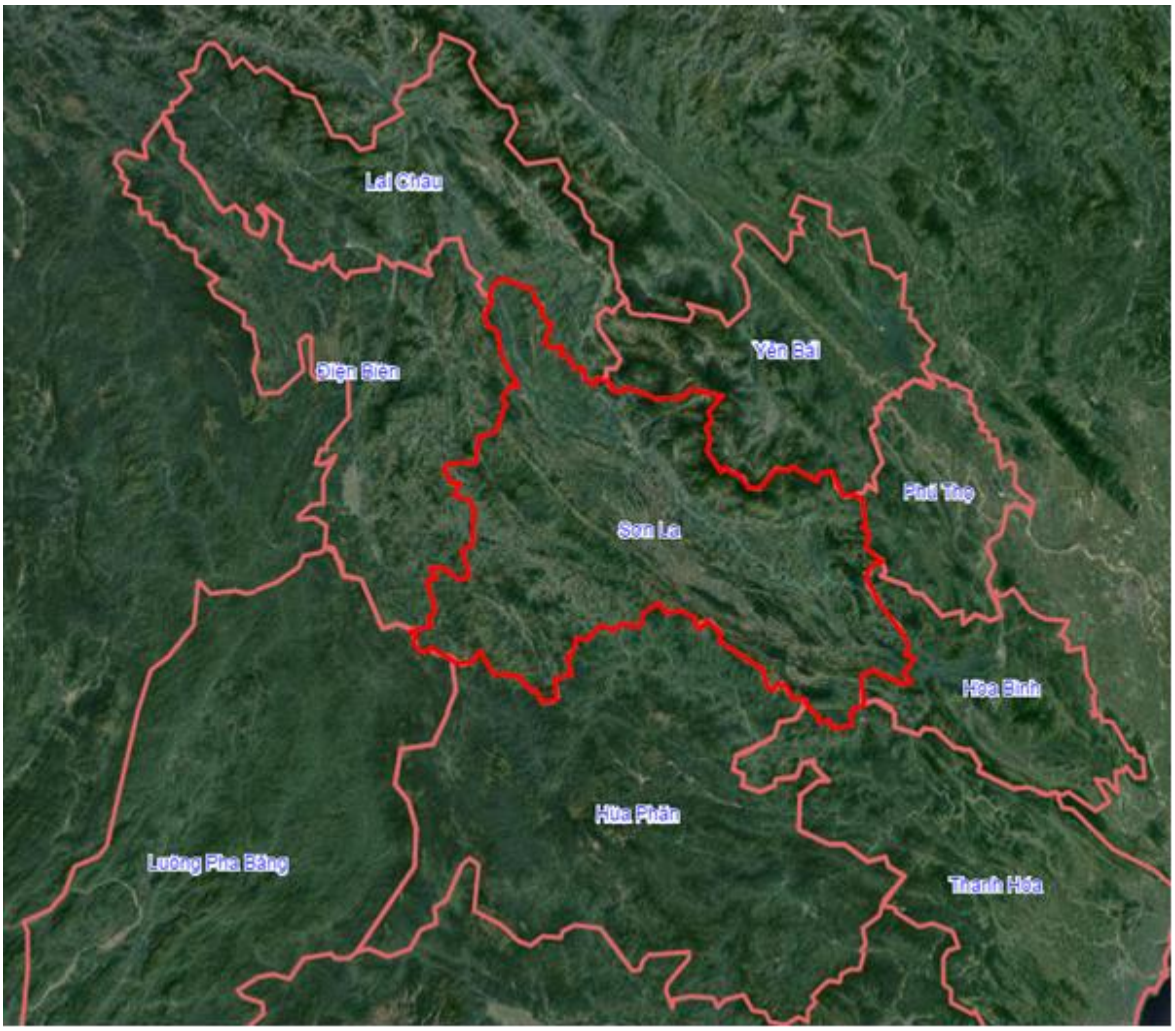

Nguồn: Ảnh chụp vệ tinh và biên tập của tác giả

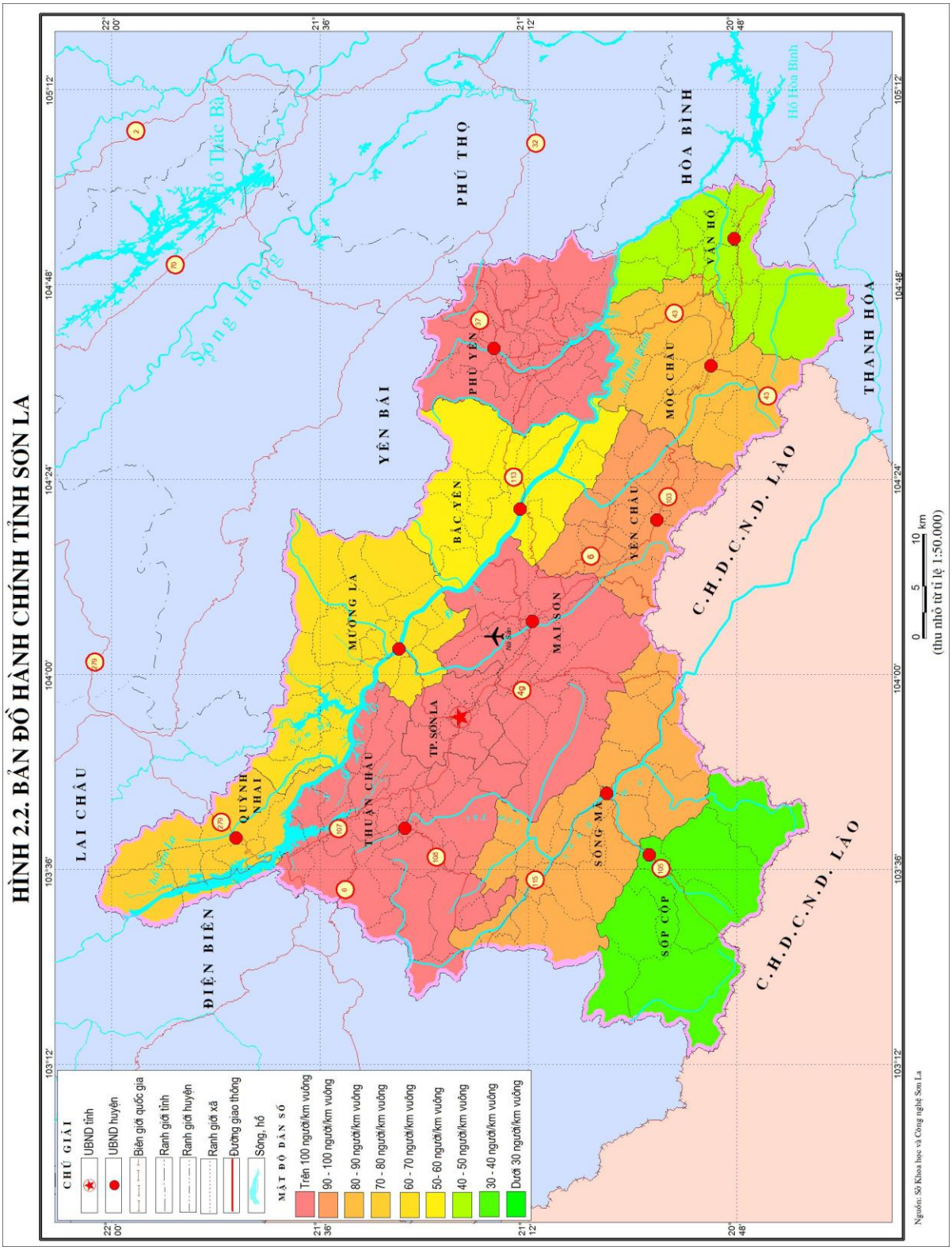
HÌNH 2.2. BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH SƠN LA
CHÚ GIẢI
UBND tỉnh
UBND huyện
Biên giới quốc gia
Ranh giới tỉnh
Ranh giới huyện
Ranh giới xã
Đường giao thông
Sông, hồ
MẬT ĐỘ DÂN SỐ
Trên 100 người/km vuông
90 - 100 người/km vuông
80 - 90 người/km vuông
70 - 80 người/km vuông
60 - 70 người/km vuông
50- 60 người/km vuông
40 - 50 người/km vuông
30 - 40 người/km vuông
Dưới 30 người/km vuông
LAI CHÂU
ĐIỆN BIÊN
QUỲNH NHAI
THUẬN CHÂU
MƯỜNG LA
TP. SƠN LA
BẮC YÊN
YÊN BÁI
PHÙ YÊN
PHÚ THỌ
MAI SƠN
SÔNG MÃ
SỐP CỘP
YÊN CHÂU
MỘC CHÂU
VÂN HỒ
HÒA BÌNH
THANH HÓA
C.H.D.C.N.D. LÀO
Sông Hồng
Hồ Thác Bà
Hồ Hòa Bình
0 5 10 km
(thu nhỏ từ tỉ lệ 1:50.000)
Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Sơn La
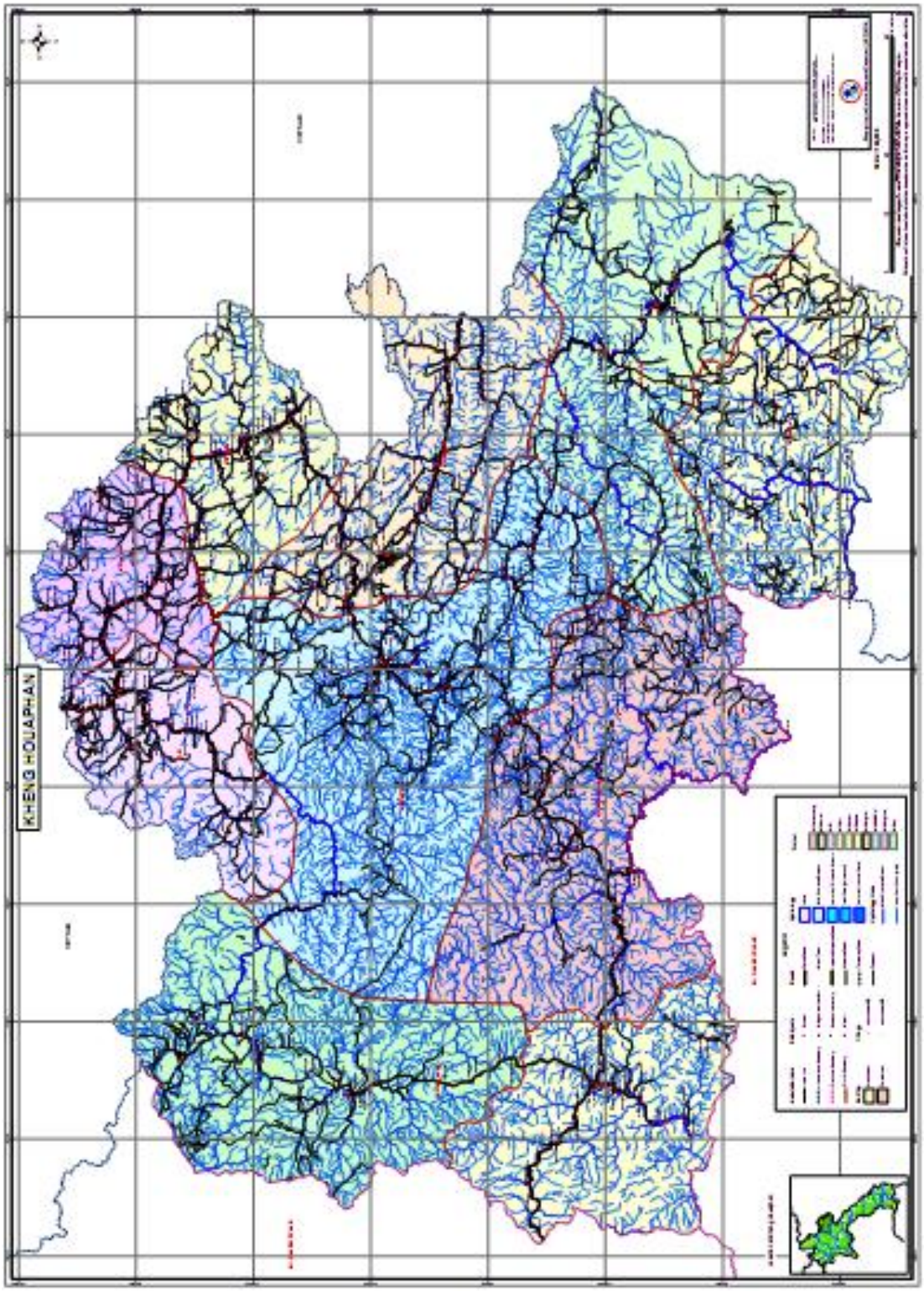
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HỦA PHĂN